

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH HÀ NỘI

## THUYẾT MINH

# QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2045 TỶ LỆ 1/10.000



*Tháng 5 năm 2024*

# MỤC LỤC

<b>I. MỞ ĐẦU .....</b>	<b>4</b>
1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch .....	4
1.2. Vị trí, ranh giới, quy mô lập quy hoạch .....	6
<b>II. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>8</b>
2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật.....	8
2.2. Các văn bản chỉ đạo, tài liệu có liên quan .....	9
2.3. Cơ sở Quy chuẩn, tiêu chuẩn.....	12
2.4. Cơ sở tài liệu, số liệu, bản đồ .....	12
<b>III. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH .....</b>	<b>12</b>
<b>IV. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG .....</b>	<b>13</b>
4.1. Đặc điểm địa hình tự nhiên .....	13
4.2. Hiện trạng dân số, lao động.....	15
4.3. Hiện trạng sử dụng đất.....	16
4.4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	19
4.5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật .....	37
4.6. Hiện trạng môi trường .....	57
4.7. Hiện trạng đầu tư phát triển.....	64
4.8. Hiện trạng quản lý đô thị .....	64
4.9. Đánh giá đô thị Hiệp Hòa theo tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2024.....	64
4.10. Đánh giá tổng quan hiện trạng.....	71
4.11. Đánh giá thực hiện quy hoạch chung 2018 .....	74
4.12. Đánh giá sự phù hợp các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết với quy hoạch chung lập cho giai đoạn đến năm 2045 .....	79
4.13. Khái quát những vấn đề tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị Hiệp Hòa.....	79
4.14. Những vấn đề cần giải quyết trong đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa giai đoạn đến năm 2045.....	80
<b>V. TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CÁC DỰ BÁO .....</b>	<b>81</b>
5.1. Mối quan hệ vùng và tiền đề phát triển đô thị Hiệp Hòa .....	81
5.2. Động lực phát triển Đô thị Hiệp Hòa .....	86
5.3. Các dự báo phát triển.....	89
<b>VI. QUAN ĐIỂM VÀ TÍNH CHẤT .....</b>	<b>93</b>
6.1. Nguyên tắc và quan điểm lập quy hoạch.....	93
6.2. Tính chất, chức năng của đô thị.....	94
<b>VII. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO ĐỊNH HƯỚNG XANH - THÔNG MINH.....</b>	<b>94</b>
7.1. Chiến lược phát triển đô thị .....	94
7.2. Phát triển Đô thị xanh và thông minh.....	96
<b>VIII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ.....</b>	<b>99</b>
8.1. Mô hình và cơ cấu tổ chức không gian đô thị .....	99

8.2. Định hướng phát triển không gian đô thị .....	101
8.3. Xác định khu vực nội thị và ngoại thị .....	107
8.4. Định hướng phát triển các khu chức năng đô thị .....	109
8.5. Định hướng phát triển khu vực dân cư nông thôn.....	118
8.6. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm, công viên và không gian mở .....	123
8.7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội:.....	129
8.8. Vùng cần bảo vệ, vùng hạn chế xây dựng, vùng cấm xây dựng: .....	136
<b>IX. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>137</b>
9.1. Quan điểm quy hoạch.....	137
9.2. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	137
9.3. Quy hoạch sử dụng đất toàn đô thị.....	138
<b>XI. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ.....</b>	<b>142</b>
10.1. Nguyên tắc Thiết kế đô thị .....	142
10.2. Xác định các vùng kiến trúc cảnh quan.....	144
10.3. Xác định mật độ xây dựng và tầng cao .....	148
10.4. Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường và điểm nhấn đô thị.....	151
10.5. Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước.....	154
<b>XI. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT .....</b>	<b>155</b>
11.1. Định hướng quy hoạch giao thông .....	155
11.2. Định hướng quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt.....	166
11.3. Định hướng quy hoạch cấp nước.....	170
11.4. Định hướng phát triển hạ tầng hệ thống điện, cung cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị.....	176
11.5. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc.....	184
11.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang .....	188
<b>XII. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>195</b>
12.1. Xác định các mục tiêu bảo vệ môi trường, các vấn đề môi trường chính cần quan tâm liên quan đến quy hoạch .....	195
12.2. Phân tích diễn biến môi trường trong quá trình triển khai, thực hiện quy hoạch .....	196
12.3. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường .....	201
12.4. Đề xuất, kiến nghị bảo vệ môi trường.....	206
<b>XIII. DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>207</b>
<b>13.1. Nguyên tắc xác định các quy hoạch, dự án ưu tiên đầu tư: .....</b>	<b>207</b>
13.2. Nguồn lực thực hiện: .....	214
<b>XIV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>215</b>
14.1. Kết luận.....	215
14.2. Kiến nghị .....	216

# THUYẾT MINH

## QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ HIỆP HÒA,

### TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2045

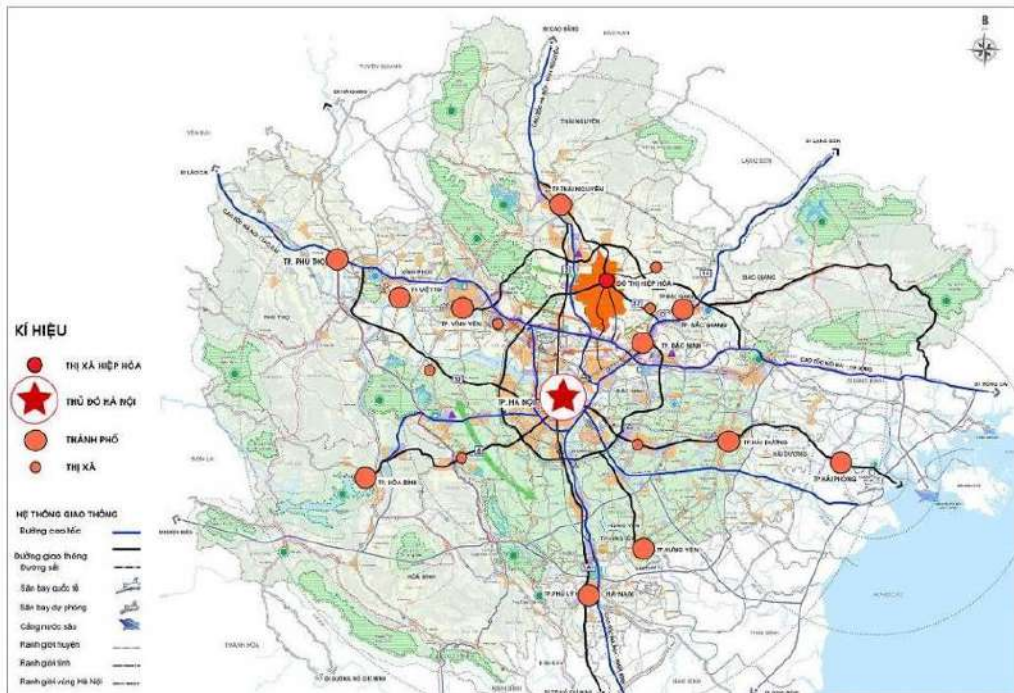
#### TỶ LỆ 1/10.000

## I. MỞ ĐẦU

### 1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Huyện Hiệp Hòa là cửa ngõ phía Tây của tỉnh Bắc Giang, có vị trí địa lý thuận lợi để giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, do nằm cách thành Phố Bắc Giang 30km, tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh; cách sân bay quốc tế Nội Bài khoảng 28km. Trên địa bàn huyện hiện có 05 tuyến đường chính: Quốc lộ 37 (đoạn chạy qua huyện Hiệp Hòa dài khoảng 14km), ĐT 295 nối từ thị trấn Thắng đến cầu Mai Đình - Đông Xuyên sang tỉnh Bắc Ninh (dài khoảng 17Km), ĐT 296 nối từ thị trấn Thắng qua cầu Vát đi Sóc Sơn, Hà Nội (dài khoảng 9km), ĐT 288 nối từ Quốc lộ 37 sang tỉnh Bắc Ninh (dài khoảng 18 km) và ĐT 398. Đây là điều kiện thuận lợi để Hiệp Hòa phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy lợi thế về vị trí so với các địa phương khác trong tỉnh Bắc Giang.

Huyện Hiệp Hòa có tổng diện tích tự nhiên gần 206km<sup>2</sup>, với 25 đơn vị hành chính trong đó có 23 xã và 2 thị trấn. Tổng dân số toàn huyện năm 2023 là 264.092 người. Thị trấn Thắng là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá, xã hội của Huyện.



Vị trí Đô thị Hiệp Hòa trong vùng Thủ Đô

Thực hiện các chủ trương Nghị quyết của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh Bắc Giang, trong những năm qua, hệ thống cơ sở hạ tầng và các khu chức năng đô thị của Huyện đã được quan tâm đầu tư, làm cơ sở để thị trấn Thắng được mở rộng không gian phát triển đô thị là đô thị loại IV và thành lập mới thị trấn Bắc Lý là đô thị loại V. Huyện đã có nhiều thành công trong việc xây dựng, thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp hiện nay như các hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và phát triển đô thị.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018 đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại quyết định số 846/QĐ-UBND (sau đây gọi là Quy hoạch chung 2018), quy hoạch chung 2018 được xem là cơ sở để xây dựng huyện Hiệp Hòa đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 và trở thành thị xã vào năm 2030. Thời gian thực hiện theo quy hoạch này tới nay đã 04 năm, việc triển khai thực hiện đầu tư xây dựng và quản lý đô thị cơ bản tuân thủ quy hoạch chung đã được phê duyệt.

Tuy nhiên thực tế phát triển đã nhận thấy có nhiều định hướng đặt ra trong quy hoạch cần được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển mới như: không gian dành cho phát triển công nghiệp còn hạn chế so với tiềm năng lợi thế và khả năng thu hút đầu tư, cũng như vai trò sẽ là trung tâm phát triển công nghiệp mới của tỉnh; Thiếu quỹ đất dành cho phát triển đô thị nhất là các xã dự kiến xây dựng trở thành phường của thị xã Hiệp Hòa trong tương lai; thiếu quỹ đất xây dựng công trình công cộng (như chợ, dịch vụ thương mại, cơ sở y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, bảo trợ xã hội); Chưa khai thác tốt tiềm năng lợi thế của hệ thống giao thông thủy kết hợp giao thông bộ và tính kết nối liên vùng để bố trí các khu chức năng mới như Khu dịch vụ tổng hợp, logistics, cảng ICD; Hệ thống giao thông đối ngoại, đối nội (các tuyến đường khu vực, đường trục xã, liên xã) được quy hoạch chung 2018 xác định có mặt cắt đường còn nhỏ, cần điều chỉnh mở rộng lộ giới để đáp ứng nhu cầu phát triển; cần xác định vị trí thích hợp để bổ sung quy hoạch cảng hành khách phục vụ phát triển du lịch...Hệ thống các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật như cấp nước, cấp điện cần rà soát bổ sung và điều chỉnh quy mô, công suất để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trong thời gian tới.

Ngoài ra, Quy hoạch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ - TTg ngày 17/2/2022 có những thay đổi có tác động lớn tới quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2018 như xác định: Công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng, đô thị Hiệp Hòa sẽ trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp mới của tỉnh, theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế (công nghiệp sản xuất linh kiện điện tử; cơ khí chế tạo, may mặc...) có giá trị gia tăng cao, tạo tăng trưởng và đề chuyên dịch cơ cấu kinh tế; lĩnh vực dịch vụ phát triển đa dạng, phát huy lợi thế để đẩy mạnh phát triển dịch vụ thương mại; Phát triển du lịch theo hướng du lịch sử văn hóa, tâm linh gắn với không gian lịch sử ATK, du lịch sinh thái nông nghiệp, làng nghề; Nông nghiệp phát triển theo hướng an toàn, chất lượng, tạo sự ổn định. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đầu tư đồng bộ, hiện đại; lĩnh

vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện; phát triển đô thị, dịch vụ là động lực quan trọng của Hiệp Hòa trong thời gian tới. Ưu tiên bố trí Công nghiệp dịch vụ trên tuyến ĐT398 và QL37, ĐT296, kết nối không gian trực phát triển với tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh và TP. Hà Nội; Phát triển theo nông thôn mới gắn với các đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới. Có thể thấy những định hướng lớn từ Quy hoạch tỉnh đã đặt ra yêu cầu cần điều chỉnh quy hoạch chung 2018 để lồng ghép và cụ thể hóa những chiến lược trên vào định hướng phát triển không gian toàn huyện.

Ngoài ra một số chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước đã được xây dựng như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là định hướng lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Hiệp Hòa khóa XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 là những định hướng quan trọng cho sự phát triển của huyện Hiệp Hòa, cùng với đó là một số văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch đô thị đã thay đổi như: Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Những tác động của bối cảnh trong nước, quốc tế, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và thực tiễn phát triển của Tỉnh Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa trong những năm qua và gần đây là sự quan tâm của các nhà đầu tư vào các lĩnh vực phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ đã đặt ra yêu cầu cần lập Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2045, để khai thác tối đa lợi thế về vị trí địa lý nhằm thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, phát triển đô thị, dịch vụ, thương mại, logistic, nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển khu vực dân cư nông thôn, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, giá trị văn hóa - lịch sử, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh... phù hợp với thế và lực của huyện, đồng thời tạo ra những động lực mới cho sự phát triển ở các giai đoạn tiếp theo.

## **1.2. Vị trí, ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

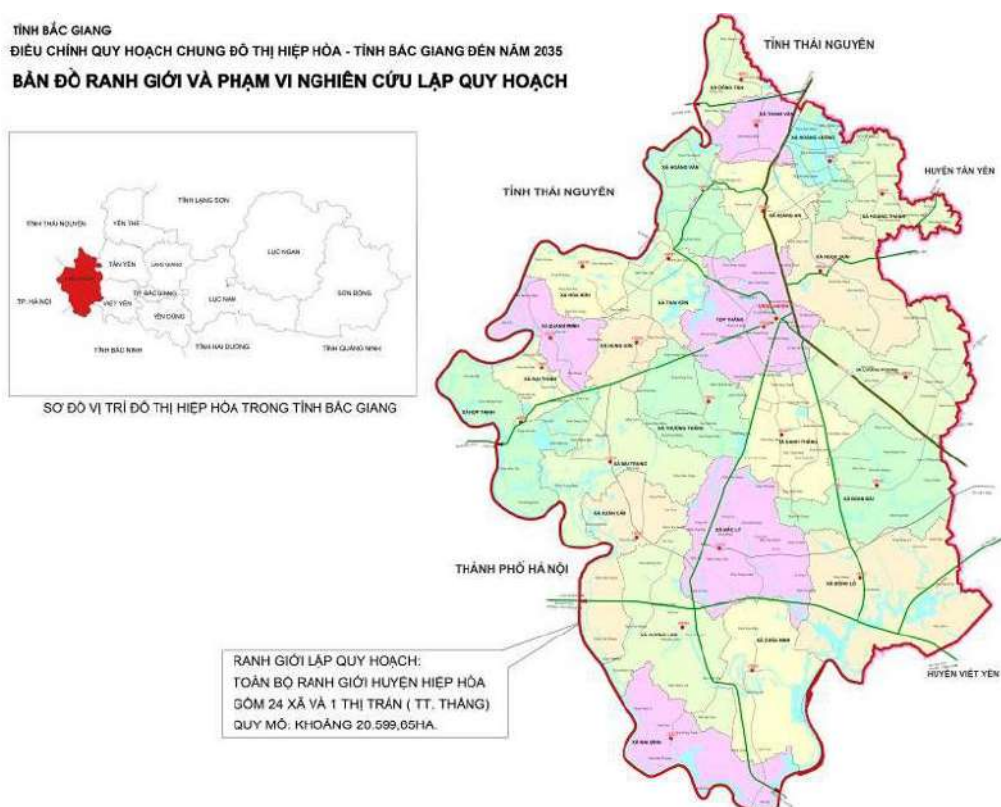
*a/. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:*

Ngày 26 tháng 12 năm 2018 đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại quyết định số 846/QĐ-UBND, với quy mô diện gần 206km<sup>2</sup> bao gồm toàn bộ ranh giới

hành chính huyện Hiệp Hòa. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2045 giữ nguyên theo ranh giới Quy hoạch chung năm 2018.

Ranh giới lập quy hoạch được cụ thể như sau:

- + Phía Bắc: giáp huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên;
- + Phía Đông: giáp huyện Tân Yên và Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- + Phía Nam: giáp huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh;
- + Phía Tây: giáp thị xã Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên và huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.



*Ranh giới và phạm vi lập quy hoạch*

*b./ Quy mô:*

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 20.599,65 ha (gần 206km<sup>2</sup>), bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của Huyện Hiệp Hòa

- Quy mô dân số hiện trạng năm 2023 là 264.092 người

*c./ Thời hạn lập quy hoạch*

- Thực hiện theo khoản 3 Điều 28 của Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 thì xác định thời hạn quy hoạch đối với quy hoạch chung đô thị mới từ 20 đến 25 năm. Vì vậy đô thị Hiệp Hòa có các giai đoạn quy hoạch cụ thể như sau:

- + Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030.
- + Quy hoạch dài hạn đến năm 2045.

## II. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

### 2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật

- Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa;
- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi bổ sung một điều của Luật điện lực;
- Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều; Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2016 phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình”
- Luật du lịch số 09/2017/QH 14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Luật di sản Văn hóa số 28/2001/QH10 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002 và
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về



“Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính” và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 sửa đổi một số điều Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 năm 5 tháng 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 39/2010/ NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi và Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng Vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ xây dựng hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan

## **2.2. Các văn bản chỉ đạo, tài liệu có liên quan**

- Nghị quyết số: 81/2023/QH15, ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;

- Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

- Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số: 1454/QĐ-TTg, ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ Quốc Gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quyết định số 241/QĐ- TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 219/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 17/02/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06/02/2023 Phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 5230/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cầu – sông Thương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 603/QĐ-BNN-TCTL ngày 28/02/2020 phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cầu - sông Thương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3032/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/7/2016 quy định mực nước, lưu lượng lũ thiết kế cho các tuyến đê thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình;

- Văn bản số 661/QĐ-TTg ngày 23/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chung 05 đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang “về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; Kết luận số 103-KL/TU ngày 09/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang “về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030”; Kết luận số 55-KL/TU ngày 07/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 05/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 51- KH/TU ngày 05/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị Quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Bắc Giang “về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 473/KH-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Bắc Giang “về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

- Quyết định số 846/QĐ-UBND, ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035;

- Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 8/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025 và định hướng đến năm 2035

- Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định hành lang bảo vệ đối với đô cấp IV, cấp V và công tác quản lý, bảo vệ hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

- Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả “Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

- Quyết định số 976/QĐ-TTg, ngày 21/08/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ/10.000;

- Văn bản số 3876/UBND-KTN ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch chung các đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

### **2.3. Cơ sở Quy chuẩn, tiêu chuẩn**

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng: QCVN: 01/2021/BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: QCVN 07/2016/BXD ngày 26/07/2015 của Bộ Xây dựng;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành của Việt Nam và những tài liệu khác có liên quan.

### **2.4. Cơ sở tài liệu, số liệu, bản đồ**

- Các quy hoạch chuyên ngành về giao thông, công nghiệp, du lịch, thương mại, văn hóa - thể thao, giáo dục đào tạo, điện lực vv... có liên quan;

- Các đồ án quy hoạch xây dựng trong đô thị Hiệp Hòa như công nghiệp, du lịch, thương mại, đô thị,... có liên quan;

- Bản đồ đo đạc địa hình tỷ lệ 1/10.000 theo tọa độ VN2000 do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Hiệp Hòa.

- Các văn bản pháp lý, các định hướng phát triển của tỉnh, các tài liệu, số liệu, các quy hoạch, dự án có liên quan.

## **III. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH**

- Cụ thể hóa những định hướng chiến lược phát triển của Quốc gia, Vùng Thủ đô Hà Nội, Vùng Trung du miền núi Bắc bộ, Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ -TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022

- Xây dựng huyện Hiệp Hòa đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025 và trở thành thị xã thuộc tỉnh trước năm 2030 theo hướng đô thị xanh, có những bước đột phá nhằm đưa nền kinh tế của huyện phát triển bền vững; Đến năm

2045 trở thành thành phố loại III. Mang đặc trưng nổi bật về sự gắn kết hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, có hình ảnh đặc trưng hấp dẫn gắn với thương hiệu xanh - sinh thái - bản sắc - bảo tồn môi trường cảnh quan”;

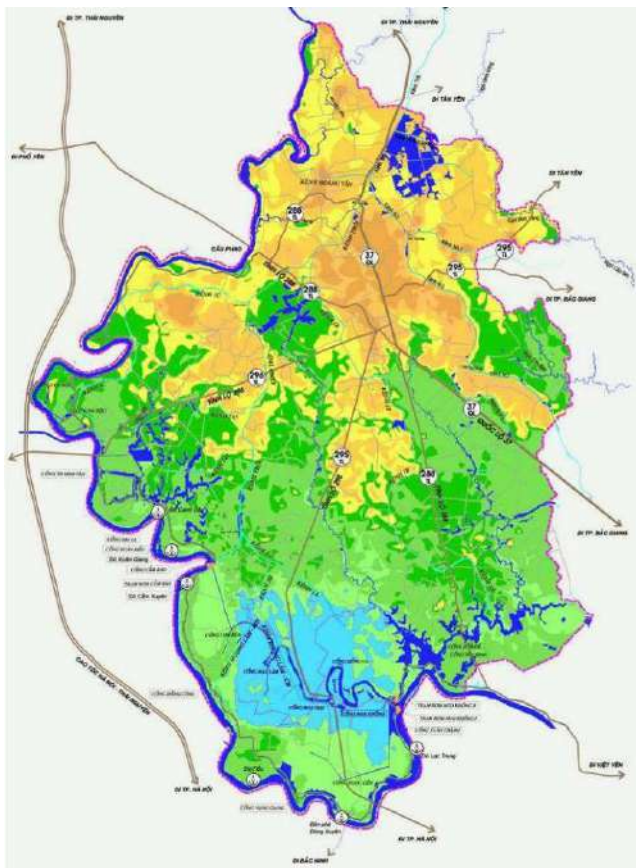
- Từng bước xây dựng Đô thị Hiệp Hòa trở thành một trong những trung tâm phát triển Công nghiệp mới của tỉnh Bắc Giang, động lực phát triển kinh tế xã hội cho khu vực phía Tây tỉnh Bắc Giang;

- Làm cơ sở pháp lý cho các công tác quản lý, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trong huyện; lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư, xây dựng kế hoạch thực hiện, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

#### IV. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG

##### 4.1. Đặc điểm địa hình tự nhiên

a/. Địa hình:



STT	BẮT ĐẦU(M)	KẾT THÚC(M)	DIỆN TÍCH(M <sup>2</sup> )	MÀU
1	0,00	2,90	16034447	Blue
2	2,90	5,00	23479432	Light Green
3	5,00	7,50	54696927	Green
4	7,50	10,00	42928373	Dark Green
5	10,00	12,50	33438484	Yellow-Green
6	12,50	15,00	24954548	Yellow
7	15,00	17,50	8245401	Orange
8	17,50	20,00	4342040	Light Orange
9	20,00	108,00	7156384	Dark Orange

##### Hiện trạng cao độ nền hiện trạng

Huyện Hiệp Hòa có địa hình dạng đồng bằng và trung du, thấp dần từ Bắc xuống Nam và dốc ra sông Cầu. Địa hình đồi thấp có cao độ từ +8,5 ÷ +36,6m, nằm rải rác trong toàn huyện; Cao độ nền cao nhất +107,5m (ngọn núi phía Tây Bắc huyện); Cao độ nền thấp nhất +0,7m; Khu vực dân cư hiện trạng có địa hình tự nhiên từ +2,6m ÷ 32,1m.

Khu vực có cao độ < 2,9m bị ngập úng khi mưa lớn.

Quốc lộ 37 có cao độ từ 7,3m ÷ 18,8m.

Đường giao thông có cao độ từ 3,9m ÷ 23,6m

Hệ thống kênh tưới trong khu vực có cao độ từ +3,5m ÷ +15,93m

Ruộng lúa và rau màu có cao độ từ 1,4m ÷ 17,1m

Cao độ nền cao nhất +107,5m (ngọn núi phía Tây Bắc huyện)

Cao độ nền thấp nhất +0,7m (giáp ngòi tiêu Ngọ Không).

*b/. Khí hậu*

Huyện Hiệp Hòa nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa của vùng Bắc Bộ. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, khí hậu lạnh, khô hanh và ít mưa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, nóng và mưa nhiều; Nhiệt độ trung bình: từ 23°C đến 25°C; Nhiệt độ cao nhất trong năm: 39,1°C; Nhiệt độ thấp nhất trong năm: 2,8 °C .

*c/. Lượng mưa:*

Lượng mưa phân bố không đều và được chia thành 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa, lượng mưa chiếm khoảng (80 ÷ 85)% tổng lượng mưa cả năm, riêng tháng 7 và 8 lượng mưa chiếm tới (55 ÷ 70)%; Mùa khô lượng mưa chiếm khoảng (15 ÷ 20)% tổng lượng mưa cả năm. Trong mùa khô thường có mưa phùn, lượng mưa nhỏ, tháng có lượng mưa nhỏ nhất thường là tháng (1 ÷ 2).

+ Lượng mưa trung bình năm: 1.440mm.

+ Lượng mưa năm thấp nhất: 923mm.

+ Lượng mưa năm cao nhất: 2.238,8mm.

\* *Gió:* Hướng gió chủ đạo: gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam.

+ Gió mùa Tây Nam từ tháng 4 đến tháng 8.

+ Gió mùa Đông Bắc từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau.

*d/. Độ ẩm:* Độ ẩm không khí trung bình năm: 82%.

*(Nguồn: Trang thông tin điện tử Huyện Hiệp Hòa)*

*e/. Đặc điểm địa chất, thủy văn*

+ Nguồn nước mặt: Chảy qua địa bàn huyện Hiệp Hòa có Sông Cầu. Sông mang tính chất sông vùng đồng bằng và trung du miền núi, có độ dốc mặt nước lớn, nên lũ lên nhanh. Tổng chiều dài sông 290km, đoạn chảy qua tỉnh Bắc Giang dài 110km, với diện tích lưu vực khoảng 6.000 km<sup>2</sup>. Sông Cầu còn có rất nhiều phụ lưu sông nhánh và suối nhỏ đã tạo nên mạng lưới sông suối dày đặc. Sông Cầu không chỉ là nơi nhận nước tiêu mà còn là nguồn cung cấp nước tưới, nước sinh hoạt, sản xuất quan trọng của các tỉnh trong vùng lưu vực sông Cầu như: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh. Mực nước lũ lớn nhất tại trạm bơm Cẩm Bào (xã Xuân Cẩm) theo các cấp báo động: Báo động cấp I: là 6,25 m; Báo động cấp II: là 7,25 m; Báo động cấp III: là 8,25 m.

+ Nguồn nước ngầm: Trên địa bàn Huyện Hiệp Hòa chưa có tài liệu khảo sát nước ngầm, tuy nhiên qua điều tra thực tế sử dụng nguồn nước ngầm mạch

nông thường xuất hiện ở độ sâu: >10m, nước ngầm thường chứa nhiều sắt nên cần xử lý trước khi sử dụng.

(Nguồn: Sở Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Giang, Báo cáo quy hoạch phòng chống lũ Bắc Giang)

#### 4.2. Hiện trạng dân số, lao động

Dân số trung bình huyện Hiệp Hòa đến năm 2023 là 264.092 người; trong đó, dân số đô thị 35.765 người (chiếm 13,54%), dân số nông thôn 228.327 người (chiếm 86,46%). (Ngoài ra trên địa bàn huyện Hiệp Hòa còn có Khu vực Bách Nhân bao gồm xã Hùng Sơn và xã Thái Sơn có quy mô dân số 11.340 người đã được UBND tỉnh Bắc Giang công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V năm 2020).

Tỷ lệ tăng dân số cơ học có xu hướng tăng, đặc biệt trong những năm gần đây khi các KCN trên địa bàn đi vào hoạt động đã thu hút một số lượng lớn lao động tới làm việc và cư trú.

Mật độ dân số trung bình toàn huyện năm 2023 là 1.282 người/km<sup>2</sup>, cao hơn nhiều so với mật độ dân số trung bình của toàn tỉnh Bắc Giang (481 người/km<sup>2</sup>). Mật độ dân số cao nhất là thị trấn Thắng 1.843 người/km<sup>2</sup>; xã Mai Trung 1.5711 người/km<sup>2</sup>, mật độ thưa nhất ở xã Hoàng Vân 957 người/km<sup>2</sup>.

Tổng số lao động trong độ tuổi của huyện là 155.384 người chiếm 59,8% tổng dân số (Lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 46,72%; ngành thương mại - dịch vụ chiếm 24,6%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 28,68,5%).

Hiện nay huyện Hiệp Hòa đang là khu vực thu hút mạnh các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chủ yếu ở các ngành nghề gia công lắp ráp linh kiện điện tử; cơ khí chế tạo; năng lượng mặt trời, may mặc.. là những loại hình sản xuất sử dụng nhiều lao động; Lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, xây dựng cũng ngày càng phát triển. Theo số liệu thống kê năm 2023 hiện nay tổng số lao động làm việc trong các doanh nghiệp là 23.336 người, trong đó đông nhất là lao động trong lĩnh vực chế biến, cơ khí, lắp ráp là 18.102 người. Khôi tư nhân và đầu tư nước ngoài chiếm 22.985 người.

**Bảng 1 : Thống kê hiện trạng dân số và diện tích tự nhiên các xã và thị trấn năm 2023**

STT	Danh mục	Hiện trạng năm 2023		
		Diện tích (Km2)	Dân số (người)	Mật độ (người/km2)
	<b>Toàn huyện</b>	<b>205,99</b>	<b>264.092</b>	<b>1.282</b>
1	Thị trấn Thắng	11,34	20.909	1.843
2	Thị Trấn Bắc Lý	12,90	14.856	1.152
3	Xã Hùng Sơn	4,39	5.097	1.161
4	Xã Thái Sơn	4,56	6.243	1.370

5	Xã Lương Phong	12,74	17.656	1.385
6	Xã Đoan Bái	11,63	15.362	1.321
7	Xã Thường Thắng	7,81	10.591	1.355
8	Xã Danh Thắng	9,27	9.827	1.060
9	Xã Hương Lâm	12,76	15.015	1.177
10	Xã Châu Minh	11,05	11.701	1.059
11	Xã Mai Đình	9,01	14.474	1.607
12	Xã Xuân Cẩm	8,60	11.155	1.297
13	Xã Đông Lỗ	17,20	17.255	1.003
14	Xã Mai Trung	10,08	15.839	1.571
15	Xã Đồng Tân	3,74	3.865	1.033
16	Xã hanh Vân	4,18	5.998	1.435
17	Xã Hoàng Thanh	5,14	6.095	1.186
18	Xã Hoàng Lương	4,37	6.786	1.552
19	Xã Hòa Sơn	4,95	6.897	1.392
20	Xã Quang Minh	5,07	5.296	1.045
21	Xã Đại Thành	3,00	4.688	1.560
22	Xã Hợp Thịnh	9,40	12.686	1.349
23	Hoàng An	5,91	7.760	1.313
24	Xã Hoàng Vân	6,68	6.395	957
25	Xã Ngọc Sơn	10,21	11.652	1.141

(Nguồn: Chi cục thống kê Hiệp Hòa năm 2023 và tổng hợp của ĐVTV)

### 4.3. Hiện trạng sử dụng đất

Hiệp Hòa có tổng diện tích đất tự nhiên 20.599,65 ha trong đó phần lớn là đất sản xuất nông nghiệp, chiếm 69,63%, bao gồm các loại đất: trồng cây hàng năm, đất lúa, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp có rừng, đất nuôi trồng thủy sản...Nhóm đất phi nông nghiệp là 6.204,104 ha, chiếm 30,117% diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất như đất ở, đất khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, đất cơ quan hành chính, đất hạ tầng xã hội, đất quốc phòng, an ninh, đất tôn giáo, tín ngưỡng, đất nghĩa trang, nghĩa địa, sông suối và mặt nước chuyên dùng ... Phần diện tích đất chưa sử dụng là 52,872 ha chiếm 0,26%. Có thể thấy quỹ đất dành cho phát triển các khu chức năng đô thị còn nhiều dư địa

**Bảng 2 : Hiện trạng sử dụng các loại đất năm 2022**

TT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Khu vực dự kiến phát triển nội thị		
				DT đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu



TT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Khu vực dự kiến phát triển nội thị		
				DT đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính</b>		20.599,65	11.606,02		
	<b>Đất tự nhiên</b>		20.599,65			
	+ Đất xây dựng		5.764,54		27,98%	
	+ Đất nông nghiệp và các chức năng khác		14.835,11		72,02%	
	<b>Dân số hiện trạng</b>			150.064,00		
	<b>Đất xd</b>		5.764,54	2.509,08		
<b>I</b>	<b>Khu dân dụng</b>		3.903,00	2.286,60		
<b>1.1</b>	<b>Đơn vị ở</b>		2.781,30	1.606,69	41,17%	107,07
<b>1.1.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OTC</b>	2.324,89	1.340,82	34,35%	89,35
1.1.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.976,12	992,05	25,42%	66,11
1.1.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	348,78	348,78	8,94%	23,24
<b>1.1.2</b>	<b>Công trình công cộng đơn vị ở</b>		169,59	96,80	2,48%	6,45
1.1.2.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa đơn vị ở	DVH	29,27	15,44	0,40%	1,03
1.1.2.2	Đất xây dựng cơ sở y tế đơn vị ở	DYT	3,79	2,19	0,06%	0,15
1.1.2.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đơn vị ở	DGD	78,26	45,52	1,17%	3,03
1.1.2.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đơn vị ở	DTT	37,83	21,64	0,55%	1,44
1.1.2.5	Đất sinh hoạt cộng đồng đơn vị ở	DSH	-	-	0,00%	-
1.1.2.6	Đất chợ đơn vị ở	DCH	5,76	2,99	0,08%	0,20
1.1.2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan đơn vị ở	TSC	14,68	9,02	0,23%	0,60
<b>1.1.3</b>	<b>Cây xanh đơn vị ở</b>		8,69	8,40	0,22%	0,56
	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng đơn vị ở	DKV	8,69	8,40	0,22%	0,56
<b>1.1.4</b>	<b>Giao thông nội bộ</b>		278,13	160,67	4,12%	10,71
<b>1.2</b>	<b>Dịch vụ công cộng</b>		14,49	12,08	0,31%	0,80
1.2.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,84	0,84	0,02%	0,06
1.2.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,43	2,43	0,06%	0,16
1.2.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	9,17	6,75	0,17%	0,45
1.2.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	1,50	1,50	0,04%	0,10
1.2.5	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	0,00%	-
1.2.6	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	0,00%	-
1.2.7	Đất chợ	DCH	0,56	0,56	0,01%	0,04
<b>1.3</b>	<b>Cơ quan, trụ sở cấp đô thị</b>		8,96	-	0,00%	-
1.3.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,75	1,75	0,04%	0,12

TT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Khu vực dự kiến phát triển nội thị		
				DT đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu
1.3.2	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	7,21	-	0,00%	-
1.3.2.1	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,03	0,84	0,02%	0,06
1.3.2.2	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	0,00%	-
1.3.2.3	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	4,90	4,90	0,13%	0,33
1.3.2.4	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	0,00%	-
1.3.2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,28	0,28	0,01%	0,02
<b>1.4</b>	<b>Cây xanh công cộng đô thị</b>		1,32	1,32	0,03%	0,09
<b>1.5</b>	<b>Giao thông đô thị</b>		1.096,92	666,51	17,08%	44,42
<b>1.6</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật đô thị</b>		-	-	0,00%	-
<b>II</b>	<b>Khu ngoài dân dụng</b>		1.861,54	222,48		
<b>2.1</b>	<b>Sản xuất công nghiệp</b>		634,82	407,91	21,91%	
2.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	214,10	214,10	11,50%	
2.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	258,62	127,14	6,83%	
2.1.3	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	0,00%	
2.1.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,93	2,01	0,11%	
2.1.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	99,27	33,14	1,78%	
2.1.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	58,90	31,52	1,69%	
<b>2.2</b>	<b>Trung tâm đào tạo, nghiên cứu</b>		-	-	0,00%	
<b>2.3</b>	<b>Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị</b>		-	-	0,00%	
<b>2.4</b>	<b>Trung tâm y tế</b>		-	-	0,00%	
<b>2.5</b>	<b>Trung tâm văn hóa, TDTT</b>		-	-	0,00%	
<b>2.6</b>	<b>Thương mại, dịch vụ du lịch</b>		13,42	-	0,00%	
2.6.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	13,42	6,82	0,37%	
2.6.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-	-	0,00%	
<b>2.7</b>	<b>Cây xanh sử dụng hạn chế</b>		-	-	0,00%	
<b>2.8</b>	<b>Cây xanh chuyên dụng</b>		-	-	0,00%	
<b>2.9</b>	<b>Di tích tôn giáo</b>		63,18	-	0,00%	
2.9.1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6,04	3,55	0,19%	
2.9.2	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	0,00%	
2.9.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	28,17	17,91	0,96%	
2.9.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	28,97	16,83	0,90%	
<b>2.10</b>	<b>Điểm dân cư nông thôn</b>		-	-	0,00%	
<b>2.11</b>	<b>Đất quốc phòng</b>	CQP	138,15	77,86	4,18%	

TT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Khu vực dự kiến phát triển nội thị		
				DT đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu
2.12	<i>Đất an ninh</i>	CAN	3,03	3,03	0,16%	
2.13	<i>Giao thông đối ngoại</i>		233,00	141,58	7,61%	
2.14	<i>Hạ tầng kỹ thuật khác</i>		775,75	-	0,00%	
2.14.1	Đất thủy lợi	DTL	575,75	315,89	16,97%	
2.14.2	Đất công trình năng lượng	DNL	25,21	3,72	0,20%	
2.14.3	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,51	1,28	0,07%	
2.14.4	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	9,74	2,50	0,13%	
2.14.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	163,55	87,81	4,72%	
2.15	<i>Đất phi nông nghiệp khác</i>	PNK	0,17	-	0,00%	
<b>III</b>	<b>Khu nông nghiệp và chức năng khác</b>		14.835,11	8.224,98		
3.1	<i>Đất sản xuất nông nghiệp</i>	SXN	13.064,62	7.466,84		
3.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	10.809,33	6.131,52		
3.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.501,36	5.560,77		
3.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.307,97	570,75		
3.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.255,29	1.335,32		
3.2	<i>Đất lâm nghiệp</i>	LNP	44,60	-		
3.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	44,60	-		
3.3	<i>Đất nuôi trồng thủy sản</i>	NTS	1.017,52	466,77		
3.4	<i>Đất bằng chưa sử dụng</i>	BCS	52,86	23,83		
3.5	<i>Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối</i>	SON	512,62	200,71		
3.6	<i>Đất có mặt nước chuyên dùng</i>	MNC	73,03	27,24		
3.7	<i>Đất nông nghiệp khác</i>	NKH	69,88	39,60		

(Nguồn: Kế kiểm đất đai Hiệp Hòa năm 2022 và thống kê của đơn vị tư vấn)

#### 4.4. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

##### 4.4.1. Hiện trạng hạ tầng kinh tế

Giai đoạn 2010 - 2020, phát triển kinh tế huyện Hiệp Hòa đã đạt được những kết quả khả quan. Giai đoạn 2010 - 2020 tốc độ tăng trưởng (VA) đạt khá 6,5%/năm. Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân (theo giá 2010) giai đoạn 2010-2020 đạt 10,60%/năm (trong đó: công nghiệp - xây dựng đạt 18,86%; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,47%; thương mại dịch vụ đạt 5,98%); giai đoạn 2015-2020 đạt 8,71%/năm (trong đó: công nghiệp - xây dựng đạt 12,05%; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,85%; thương mại dịch vụ đạt 5,92%). Năm 2020 quy mô giá trị sản xuất đạt 11.291,34 tỷ đồng, gấp 2,7 lần năm 2010, đứng thứ 4/10 huyện, thành phố của tỉnh Bắc Giang.

Bình quân thu nhập đầu người ước đạt 57,1 triệu đồng/năm.

Năm 2023 kinh tế của huyện phục hồi mạnh mẽ, giá trị sản xuất toàn huyện (theo giá cố định năm 2010) 15.435 tỷ đồng, tăng 32,0% so với năm 2021. Tốc độ tăng trung bình 3 năm (2021-2023) là 10,6%/năm. Trong đó Công nghiệp - xây dựng 10.638 tỷ đồng, tăng 23,4% so với cùng kỳ; dịch vụ 2.247 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ; Nông Lâm nghiệp - thủy sản 2.550 tỷ đồng, tăng 2,4% so với cùng kỳ. Cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng tích cực, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn (66%) ngày càng giữ vai trò dẫn dắt, đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng chung; thương mại dịch vụ chiếm 16,9%, nông lâm nghiệp - thủy sản 17,1%.

*a/. Hiện trạng phát triển công nghiệp:*

Toàn huyện hiện có 01 Khu công nghiệp Hòa Phú đến nay cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng giai đoạn 1, quy mô diện tích giải phóng mặt bằng 207ha, đang tiếp tục triển khai GPMB mở rộng Khu công nghiệp với diện tích 85ha, hiện đã thu hút được 38 doanh nghiệp vào đầu tư, với tổng số vốn đầu tư 523 triệu USD và 4.128 tỷ đồng, sử dụng 3.250 lao động (trong đó: 29 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất; 01 dự án đang xây dựng; các dự án còn lại đang thực hiện các thủ tục và chuẩn bị xây dựng); Ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN chủ yếu là: Gia công lắp ráp linh kiện điện tử; cơ khí chế tạo; năng lượng mặt trời, may mặc...

Trên địa bàn huyện hiện có 10 cụm công nghiệp (CCN) được thành lập, tổng diện tích là 601,9 ha, trong đó có 03 CCN đã cơ bản được lấp đầy với tỷ lệ trên 70% (CCN Đức Thắng, CCN Đoàn Bái, CCN Hợp Thịnh); 07 CCN đang trong quá trình triển khai các thủ tục đầu tư, GPMB, quy hoạch xây dựng (CCN Hà Thịnh, CCN Việt Nhật, CCN Thanh Vân, CCN Đoàn Bái - Lương Phong 1, CCN Đoàn Bái - Lương Phong 2, Cụm công nghiệp Jutech và CNN Danh Thắng - Đoàn Bái).

Trong năm 2023 các KCN, CCN đã thu hút được 13 dự án đầu tư mới với tổng vốn đăng ký là 1.859,3 tỷ đồng, nâng tổng số dự án đã đăng ký và hoạt động kinh doanh trong các KCN, CCN lên 76 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký trên 16.527,3 tỷ đồng, số lượng lao động làm việc trong năm tăng thêm khoảng 1.300 lao động.

Đã hoàn thành phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu của 04 khu công nghiệp với tổng diện tích 851,2 ha ;



<i>Cụm công nghiệp Doan Bái</i>	<i>Cụm công nghiệp Việt Nhật</i>
	
<i>Khu công nghiệp Hòa Phú</i>	<i>Cụm công nghiệp Thanh Vân</i>

Bên cạnh việc thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, phát triển tiểu thủ công nghiệp thì ngành nghề nông thôn cũng đã được chú trọng phát triển làng nghề. Năm 2023 sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi và phát triển, các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động ổn định góp phần tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn đã tạo được uy tín đối với người tiêu dùng. Toàn huyện hiện có trên 1.600 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia với tổng số vốn đăng ký khoảng 600 tỷ đồng, thu hút trên 12.000 lao động. Sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là cơ khí, đồ gỗ gia dụng, may mặc... Hiện nay các cơ sở đang tích cực đầu tư, nâng cấp các loại máy móc hiện đại gắn với kỹ thuật số, điều khiển tự động, mở rộng quy mô sản xuất.

*b/. Hiện trạng phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản:*

Ngành sản xuất nông nghiệp đã góp phần quan trọng để ổn định thị trường, đời sống người dân và đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện, tỉnh và các vùng lân cận. Sản xuất nông nghiệp của Hiệp Hòa trong những năm qua đóng vai trò là ngành kinh tế hỗ trợ hiệu quả, bệ đỡ cho phát triển các ngành kinh tế khác. Bên cạnh cung cấp lương thực, thực phẩm còn đáp ứng một phần đáng kể nguyên liệu tại chỗ cung cấp cho công nghiệp chế biến như sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm (xay xát, chế biến, thịt, rau quả,...).

Năm 2023 giá trị sản xuất trên 01ha đất nông nghiệp đạt 141,5 triệu đồng/ha/năm. Tổng diện tích gieo trồng 23.597/23.820 ha, đạt 99,1% kế hoạch giao, tổng sản lượng lương thực có hạt 98.611 tấn đạt 100,8% kế hoạch. Tổng diện tích cây lúa 15.780 ha/15.800 ha bằng 99,87% so kế hoạch, sản lượng đạt 98.611 tấn. Diện tích một số cây trồng khác cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Huyện đã quan tâm hỗ trợ các mô hình đem lại hiệu quả kinh tế cao, như: hỗ trợ mô hình trồng cà chua ghép trên thân cây cà tím (tại xã Xuân Cẩm, Hợp Thịnh với quy mô 1,7 ha); mô hình chăn nuôi và chế biến lợn thương phẩm theo tiêu chuẩn hữu cơ tại xã Hoàng An, quy mô 100 con; mô hình giống lúa chất lượng cao tại 19 xã với tổng diện tích trón 1.900 ha.

Triển khai kế hoạch đánh giá, phân loại sản phẩm OCOP năm 2023: huyện có thêm 10 sản phẩm đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP nâng tổng số sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên là 31 sản phẩm.



*HTX Nông nghiệp Đồng Tâm- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyên giao công nghệ cao*



*Rau cần Hoàng Lương*



*Mô hình chăn nuôi vịt*



*Dưa lê Hàn Quốc*

Đến nay, toàn huyện có khoảng 224 trang trại chăn nuôi. Tổng đàn trâu ước 2.050 con, đạt 77,7% kế hoạch; tổng đàn bò ước 24.560 con, đạt 74,7% kế hoạch; tổng đàn lợn ước 176.258 con, đạt 126% kế hoạch, trong đó lợn có tỷ lệ nạc chiếm hơn 50%; tổng đàn gia cầm 2,4 triệu con, đạt 107% kế hoạch. Tổng diện tích thủy sản 935 ha, sản lượng ước 6.134 tấn. Diện tích nuôi cá thâm canh, bán thâm canh khoảng 855 ha, trong đó: nuôi theo phương pháp thâm canh gần 450 ha cho sản lượng 1.350 tấn thu lợi trên 50 triệu đồng/ha/năm, diện tích nuôi bán thâm canh gần 405 ha, trong đó có 90% sản lượng thủy sản là hàng hóa.

Hoàn thành kế hoạch thực hiện trồng 01 tỷ cây xanh năm 2023, đến nay trên địa bàn toàn huyện trồng được khoảng 42.660/360.000 cây phân tán, đạt 120,2% kế hoạch.

#### *c/.Hiện trạng phát triển ngành dịch vụ:*

Cơ cấu nội bộ ngành dịch vụ của huyện thời gian qua cơ bản ổn định, không có nhiều biến động lớn, huyện chưa hình thành và phát triển được ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng chi phối lớn. Trong cơ cấu nội bộ ngành, ngành bán buôn, bán lẻ và sửa chữa ô tô, ngành vận tải kho bãi, dịch vụ lưu trú và ăn uống, hoạt động kinh doanh bất động sản đang có xu thế tăng lên trong cơ cấu ngành dịch vụ; các ngành dịch vụ khác cơ bản ổn định.

Huyện đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 17/04/2023 về thu hút đầu tư, đấu giá các khu đất thương mại dịch vụ, giáo dục trên địa bàn huyện năm 2023 và triển khai các kế hoạch xúc tiến thương mại.

Dịch vụ ngân hàng tiếp tục mở rộng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trên các lĩnh vực. Hiện nay huyện Hiệp Hòa có khá nhiều điểm giao dịch, chi nhánh của hầu hết ngân hàng lớn: Agribank, Vietcombank, Vietinbank, Vpbank, Dongabank, ... cơ bản đáp ứng nhu cầu giao dịch của người dân, thuận lợi cho các giao dịch kinh tế.

Phát triển mạng lưới viễn thông, hệ thống cấp điện trên địa bàn. Hệ thống cơ sở hạ tầng đã và đang phát triển là một động lực rất lớn để đẩy mạnh các dịch vụ thương mại phát triển.

### *c.1. Hiện trạng phát triển ngành thương mại - dịch vụ*

Hiện nay trên địa bàn huyện Hiệp Hòa có 15 chợ, trong đó có 01 chợ hạng II và 14 chợ hạng III .

Hệ thống thương mại – dịch vụ trên địa bàn huyện bao gồm Chợ trung tâm huyện và các chợ truyền thống, các công trình dịch vụ - thương mại có quy mô tương đối lớn như: chợ Nứa, chợ Lữ, chợ Thắng, chợ Dật, chợ Chè, chợ Hoàng Thanh,... Ngoài ra còn có các trung tâm điện máy, các cửa hàng kinh doanh và nhiều cơ sở dịch vụ khác rải rác trên địa bàn cơ bản phục vụ nhu cầu sinh hoạt, mua sắm của người dân.

Hoạt động kinh doanh, dịch vụ phát triển ở tất cả các thành phần kinh tế, thị trường mở rộng, lưu thông hàng hoá thông suốt, đa dạng, phong phú; chất lượng dịch vụ, hàng hoá ngày một cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của nhân dân trong và ngoài đô thị. Hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn diễn ra khá sôi nổi, đáp ứng nhu cầu đông đảo của người dân địa bàn cũng như vùng lân; Chợ trung tâm huyện được đầu tư xây mới tại Thị trấn Thắng với diện tích 5.600m<sup>2</sup>, đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2; các cửa hàng tiện ích và tạp hóa phân bố ở trung tâm huyện và trong các khu dân cư. Hiện nay, trên địa bàn huyện, đặc biệt là tại trung tâm Thị trấn Thắng có nhiều cửa hàng chuyên doanh lớn (như siêu thị Điện máy Xanh, siêu thị Thế giới di động, siêu thị Media art, siêu thị FPT Shop, Siêu thị Viettel Store, siêu thị Văn Chiến, Siêu thị Hiền Quý...) được mở mới với mặt bằng rộng rãi, hàng hóa phong phú, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân trên toàn huyện. Các kênh phân phối hàng hóa đa dạng, bên cạnh những phương thức kinh doanh truyền thống, các kênh bán hàng mới như bán hàng trực tuyến (thương mại điện tử) cũng đang phát triển. Nhờ đó, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu đã được phân phối rộng khắp, đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn Huyện.

**Bảng 3: thống kê các chợ trên địa bàn huyện Hiệp Hòa**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Phân loại (hạng)</b>	<b>Chất lượng</b>
1	Chợ Ngã Tư	1.100	xã Đại Thành	3	Bán kiên cố
2	Chợ Nứa	4.764	xã Đoan Bái	3	Bán kiên cố
3	Chợ Lữ	4.991	xã Đông Lỗ	3	Kiên cố
4	Chợ Đài	1.416	xã Mai Đình	3	Kiên cố
5	Chợ Thắng	7.889	Thị trấn Thắng	3	Bán kiên cố

TT	Nội dung	Diện tích	Địa điểm	Phân loại (hạng)	Chất lượng
6	Chợ Vân	5.494	xã Hoàng An	3	Bán kiên cố
7	Chợ Gió	3.504	xã Lương Phong	3	Bán kiên cố
8	Chợ Ngọ	3.218	xã Châu Minh	3	Bán kiên cố
9	Chợ Bàu	1.457	xã Cẩm Bào	3	Bán kiên cố
10	Chợ Dật	5.031	xã Hợp Thịnh	3	kiên cố
11	Chợ Vát	727	xã Hợp Thịnh	3	chợ tạm
12	Chợ Chèo	2.968	xã Thái sơn	3	Bán kiên cố
13	Chợ Hoàng Thanh	4.780	Xã Hoàng Thanh	3	Bán kiên cố
14	Chợ Phó Hoa	3.304	Xã Bắc Lý	3	Bán kiên cố
15	Chợ Trung tâm huyện	5.600	Thị trấn Thắng	2	Kiên cố



*Siêu thị Thế giới di động*



*Chợ trung tâm huyện*



*Chợ Hiệp Hòa*



*Các tuyến phố thương mại*

Hiện nay, trên địa bàn huyện có tổng 1.886 cơ sở kinh doanh, sản xuất, chế biến thực phẩm; kinh doanh dịch vụ ăn uống. Trong đó, cấp huyện quản lý: 346 cơ sở; cấp xã quản lý: 1.540 cơ sở.

### *c.2. Hiện trạng phát triển dịch vụ bưu chính, viễn thông, vận tải:*

Tiếp tục phát triển nhanh; chất lượng hoạt động được nâng lên đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu lưu thông hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm và đi lại của người dân trong huyện; phương tiện vận tải tăng bình quân khoảng 11%/năm; phủ sóng điện thoại di động và Internet tới tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn.



Công tác chuyển đổi số được quan tâm đầu tư: Huyện đã chỉ đạo thực hiện các nội dung về phát triển chính quyền số, kết quả hoàn thành vượt chỉ tiêu tỉnh giao. Tổ chức thí điểm mô hình chuyển đổi số cấp xã tại 02 xã Hợp Thịnh và Hoàng Vân. Lắp đặt đài truyền thanh IP xã Xuân Cẩm và hệ thống camera theo dõi, giám sát bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã, có kết nối thông tin đến phòng làm việc các đồng chí lãnh đạo huyện, xã và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh với tổng mức đầu tư 850 triệu đồng. Công an huyện tiếp tục triển khai giai đoạn 3 của Đề án 257 lắp đặt 36 camera tại 27 vị trí.

Trên địa bàn huyện có 100% các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể áp dụng hóa đơn điện tử; các doanh nghiệp đã thực hiện nộp thuế điện tử. Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt ở mọi lĩnh vực.

Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 82%. Tỷ lệ phủ sóng di động tới 100% thôn/tổ dân phố; Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 81%; người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%; Tỷ lệ người dân ứng dụng định danh điện tử đạt trên 65%.

### *c.3. Hiện trạng phát triển dịch vụ du lịch:*

Huyện chưa có cơ sở du lịch, việc phát triển nhà hàng, nhà nghỉ mới chỉ theo hướng tự phát. Cơ sở hạ tầng còn hạn chế nên những lợi thế về du lịch văn hóa - lịch sử chưa thể phát huy được hết tiềm năng. Những năm gần đây, hoạt động du lịch có chuyển biến bước đầu, cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di tích trên địa bàn được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm và đạt được kết quả tích cực; nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về việc bảo vệ, gìn giữ và trùng tu, tôn tạo di tích được nâng lên. Năm 2023, có 04 di tích được tu bổ, tôn tạo. Hoàn thành xây mới Nhà bia tại di tích Quốc gia đặc biệt ATKII Hiệp Hòa nhà cụ Ngô Văn Thấu (cụ Đồ Ba), thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân.

Ban hành, từng bước triển khai Đề án phát triển các tour du lịch trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, giai đoạn 2023-2030. Tổ chức thành công Hội thi giới thiệu du lịch huyện Hiệp Hòa năm 2023, Cuộc thi “Sáng tác mẫu biểu trưng Logo về huyện Hiệp Hòa” và Cuộc thi sáng tác ca khúc về Hiệp Hòa. Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức Ngày hội: Về Hiệp Hòa - thăm ATKII, trải hội Bánh Chung Vân. Đón và hướng dẫn được 9.030 lượt khách đến thăm quan tại Nhà truyền thống ATKII và các di tích trên địa bàn huyện.

### *c.4. Hiện trạng phát triển dịch vụ giao thông vận tải, kho bãi:*

Hiện nay, trên địa bàn huyện có bến xe khách phía Nam đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách loại III; khoảng 550 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; 01 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; 03 tuyến xe buýt kết nối trong và ngoài tỉnh (Hiệp Hòa -

Bắc Giang, Hiệp Hòa- Mỹ Đình và Hiệp Hòa - Gia Lâm); 02 điểm đưa đón công nhân; 17 bến vận tải, bốc xếp hàng hóa, buôn bán vật liệu xây dựng cát, sỏi dọc tuyến sông Cầu.

#### **4.4.2. Hiện trạng hạ tầng xã hội**

##### *a/. Hiện trạng nhà ở*

Tại khu vực thị trấn Thăng: nhà ở chủ yếu là dạng nhà phố, cao tầng, đa số nhà dân kết hợp ở và kinh doanh dịch vụ. Đối với khu vực tiếp giáp thị trấn hiện nay, nhà ở chủ yếu là thấp tầng, dạng nhà vườn, xây dựng kiên cố.

Dọc hai bên ĐT 295 đoạn đi qua thị trấn Bắc Lý, ĐT296 đoạn qua khu vực Bách Nhân: Nhà ở chủ yếu dạng nhà phố, tầng cao phổ biến 2-4 tầng. Các hộ gia đình kết hợp ở với kinh doanh dịch vụ. Khu vực thôn xóm hiện trạng chủ yếu là nhà vườn, nhà xây dựng kiến cố 2-3 tầng.

Đến nay, huyện Hiệp Hòa đã không còn nhà tạm, nhà dột nát, nhà ở các hộ dân đều đạt tiêu chuẩn của bộ Xây dựng. Tỷ lệ nhà kiên cố, nhà bán kiên cố trong khu vực dự kiến phát triển thành nội thị đạt 100%.



*Một số hình ảnh phát triển nhà ở tại huyện Hiệp Hòa*

##### *b/. Hiện trạng công trình cơ quan hành chính*

Trụ sở UBND huyện Hiệp Hòa có vị trí nằm tại trung tâm thị trấn Thăng, trên đường Quang Trung. Khuôn viên đất tương đối rộng, đã được cải tạo và xây dựng mới Khu trụ sở liên cơ quan của huyện tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ nhân dân.

Đầu tư xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn. Xây dựng mới trụ sở công an các xã, về cơ bản trụ sở, cơ quan hành chính đều được

đầu tư xây dựng khang trang, hiện đại, phù hợp với mặt bằng phát triển chung và thuận lợi cho công tác tổ chức tiếp đón nhân dân.



*Một số cơ quan, trụ sở trên địa bàn huyện*

### *c/. Hiện trạng giáo dục và đào tạo*

- Toàn huyện hiện có 87 trường từ cấp học MN đến THCS (Trong đó: 24 trường THCS, 32 trường TH, 31 trường MN); Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) tiếp tục được đầu tư theo hướng kiên cố, chuẩn hoá, đồng bộ và hiện đại. CNTT được ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả trong quản lý, điều hành và các hoạt động giáo dục; hạ tầng CNTT được tăng cường, 100% các trường có đường truyền Internet tốc độ cao, các thiết bị tin học (máy chiếu, máy tính, máy in, bảng tương tác thông minh...) được đầu tư theo hướng chuẩn, hiện đại và đồng bộ; 100% các trường có trang thông tin điện tử đảm bảo các yêu cầu của ngành; đến nay 100% các trường TH, THCS trên địa bàn đã có đủ phòng máy, máy tính đảm bảo yêu cầu để học sinh học tập.

- Huyện Hiệp Hòa hiện có 06 trường PTTH được bố trí đều khắp trên địa bàn huyện, trong đó các trường THPT Hiệp Hòa số 1, THPT Hiệp Hòa số 5 nằm trên địa bàn thị trấn Thắng; THPT Hiệp Hòa số 2 nằm trên địa bàn thị trấn Bắc Lý, THPT Hiệp Hòa số 6 nằm trên địa bàn xã Hương Lâm; THPT Hiệp Hòa số 3 nằm trên địa bàn xã Hùng Sơn; THPT Hiệp Hòa số 4) nằm trên địa bàn xã Hoàng An.

**Bảng 4: Thông kê trường THPT tại huyện Hiệp Hòa**

TT	Tên trường	Vị trí	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )
1	Trường THPT Hiệp Hòa số 1	TT Thắng	15.225,0
2	Trường THPT Hiệp Hòa số 2	Xã Bắc Lý	20.849,0
3	Trường THPT Hiệp Hòa số 3	Xã Hùng Sơn	19.270,0
4	Trường THPT Hiệp Hòa số 4	Xã Hoàng An	24.158,0
5	Trường THPT Hiệp Hòa số 5	TT Thắng	2.150,0
6	Trường THPT Hiệp Hòa số 6	Xã Hương Lâm	10.000,0

+ *Giáo dục nghề nghiệp*: Đến năm 2023, trên địa bàn huyện có 03 cơ sở GDNN, gồm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hiệp Hòa; Trường Trung cấp Kỹ thuật Phòng không - Không quân; Công ty CP Cơ khí xây dựng CPT Việt Nam.

Cơ cấu ngành, nghề và nội dung đào tạo từng bước đổi mới phù hợp với sự thay đổi của kỹ thuật và công nghệ sản xuất.



*Một số trường học trên địa bàn thị trấn Thắng*

### *đ/. Hiện trạng công trình Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Hiện trên địa bàn huyện có 03 cơ sở y tế cấp đô thị là Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà (350 giường bệnh, 435 viên chức, người lao động); bệnh viện Đa khoa Sơn Uyên (140 giường bệnh) và bệnh viện Đa khoa Hùng Cường (62 giường bệnh). Ngoài ra, còn 02 phòng khám đa khoa tư nhân là phòng khám đa khoa Công Vĩnh và phòng khám đa khoa Bắc Lý.

Trên địa bàn các xã, thị trấn hiện nay có đầy đủ 25/25 trạm y tế với trang thiết bị đầy đủ, phục vụ tốt công tác triển khai hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân. Trên địa bàn huyện có nhiều cơ sở khám chữa bệnh tư nhân và quầy thuốc đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Đạt tỷ lệ 19,5 giường bệnh/10.000 dân (không bao gồm giường bệnh tại các trạm y tế xã, thị trấn).

Ngoài ra còn có khoảng 249 cơ sở hành nghề y, kinh doanh dược. Trong đó, có khoảng 64 phòng khám chuyên khoa, phòng chuẩn trị y học cổ truyền, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân.



*Một số công trình y tế trên địa bàn huyện*

### *e/. Hiện trạng công trình Văn hóa, thể thao*

Công trình văn hoá cấp đô thị bao gồm: 01 thư viện Huyện tại Tổ dân phố số 2 - thị trấn Thắng và 01 nhà văn hóa Huyện. Tại một số xã cũng đã được xây dựng thư viện ở trung tâm xã như: Hợp Thịnh, Quang Minh, Mai Đình, Đoàn Bái, Ngọc Sơn, Thanh Vân...; 23 xã, 2 thị trấn có nhà văn hóa; 181 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.

Công trình thể dục thể thao bao gồm: 01 sân vận động tại trung tâm huyện (diện tích 12.000m<sup>2</sup>); 181 khu thể thao tại các thôn; 125 sân vận động tại các thôn, các xã.

Toàn huyện có 781 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao thường xuyên duy trì hoạt động.

Nhìn chung, các công trình văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn Huyện hiện nay đã đáp ứng được phần nào nhu cầu sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao của người dân địa phương. Các nhà văn hóa hầu hết đều ở trong tình trạng tốt.



Một số công trình văn hóa, thể thao cấp đô thị trên địa bàn huyện Hiệp Hòa

#### **4.4.3. Hiện trạng phát triển đô thị**

Đến thời điểm 30/12/2023, toàn huyện có 02 thị trấn là thị trấn Thắng, thị trấn Bắc Lý. Thị trấn Thắng được công nhận là đô thị loại IV, xã Bắc Lý được công nhận là thị trấn (đô thị loại V), ngoài ra trên địa bàn huyện có khu vực Bách Nhân (bao gồm xã Hùng Sơn và xã Thái Sơn) được UBND tỉnh Bắc Giang công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V.

- *Thị trấn Thắng*: Thị trấn Thắng được thành lập năm 1957, tháng 11/2019, thị trấn Thắng được mở rộng do sáp nhập với toàn bộ xã Đức Thắng; sau khi mở rộng thị trấn Thắng có diện tích 11,35 km<sup>2</sup>, là đô thị loại IV (được Bộ Xây dựng công nhận tại Quyết định số 63/QĐ-BXD ngày 18/01/2012). Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, thương mại dịch vụ của huyện Hiệp Hòa nơi tập trung các cơ quan hành chính, công trình văn hóa thể thao cấp huyện, công trình dịch vụ thương mại đầu mối của huyện. Những năm qua thị trấn Thắng đã được tập trung nguồn lực cải tạo chỉnh trang, phát triển cơ sở hạ tầng xã hội, không gian công cộng, dự án khu dân cư, hệ thống hạ tầng kỹ thuật... vì vậy bộ mặt đô thị ngày càng khang trang sạch đẹp, đặc biệt là sau khi khu tượng đài, công viên hồ

Thống Nhất và khu trung tâm hành chính huyện hoàn thành đầu tư cải tạo, nâng cấp đã tạo nên một điểm nhấn trong không gian kiến trúc cảnh quan đô thị.



*Một số hình ảnh thị trấn Thăng*

- *Thị trấn Bắc Lý*: Thị trấn Thăng được thành lập năm 2022 trên cơ sở toàn bộ xã Bắc Lý hiện trạng, có diện tích 12,9 km<sup>2</sup>, là đô thị loại V (được UBND tỉnh Bắc Giang công nhận tại Quyết định số 18/QĐ-BXD ngày 07/01/2020). Là trung tâm kinh tế, thương mại dịch vụ khu vực phía Nam của huyện Hiệp Hòa. Những năm qua thị trấn Bắc Lý đã được tập trung nguồn lực cải tạo chỉnh trang, phát triển cơ sở hạ tầng xã hội, không gian công cộng, dự án khu dân cư, hệ thống hạ tầng kỹ thuật... vì vậy bộ mặt đô thị ngày càng khang trang sạch đẹp, đặc biệt là sau khi khu trung tâm hành chính tại khu vực Phố Hoa được đầu tư xây dựng đã tạo nên một điểm nhấn trong không gian kiến trúc cảnh quan đô thị.

Các khu phố tập trung dân cư cũ chủ yếu là phố thương mại, cấu trúc nhà ở dạng nhà ở lô phố tầng cao phổ biến là 2-5 tầng, có cửa hàng buôn bán nhỏ, các hoạt động mua bán khá sầm uất dọc hai bên các tuyến đường chính đô thị hội tụ về khu vực quảng trường - công viên hồ Thống Nhất. Khu vực này chủ yếu là nhà ở đô thị kết hợp làm thương mại, dịch vụ. Các khu đô thị mới, khu dân cư mới chủ yếu là nhà chia lô 3-5 tầng được xây dựng dọc theo các trục đường tỉnh ĐT295, ĐT296, ĐT288 và Quốc lộ 37.

#### ***4.4.4. Hiện trạng phát triển dân cư khu vực nông thôn***

Đến thời điểm ngày 31/12/2023 Hiệp Hòa có 23 xã. Dân cư khu vực nông thôn chủ yếu là làng xóm cũ đã tồn tại lâu đời và sinh sống ổn định cho đến nay.

Khu vực dân cư xung quanh thị trấn Thăng tập trung mật độ tương đối cao, cảnh quan đặc trưng là nhà kết hợp với vườn và các quỹ đất nông nghiệp quy

mô nhỏ, gồm các xã: Ngọc Sơn, Lương Phong, Thường Thắng, Danh Thắng, Bắc Lý, Hùng Sơn, Thái Sơn, Đoàn Bái.

Các xã còn lại trong huyện, phần lớn dân cư phân bố rải rác thành cụm quy mô nhỏ, nằm đan xen với các khu đất canh tác nông nghiệp.

+ *Hiện trạng xây dựng nông thôn mới*

Huyện Hiệp Hòa đã hoàn thành toàn bộ tiêu chí và được Thủ tướng Chính phủ công nhận Huyện nông thôn mới ngay trước thềm năm 2022. Để tiếp tục xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021- 2020, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 10/02/2022, chỉ đạo cơ quan chuyên môn phân bổ kịp thời kinh phí hỗ trợ xây dựng NTM để các xã sớm hoàn thiện tiêu chí xây dựng các xã NTM nâng cao, thôn NTM kiểu mẫu. Đến nay, xã Thanh Vân, Mai Trung đạt 18/19 tiêu chí, xã Đông Lễ đạt 16/19 tiêu chí NTM nâng cao; 13 thôn đăng ký thôn NTM cơ bản đã đạt 13/16 tiêu chí, đang tập trung chỉ đạo hoàn thiện các tiêu chí: Văn hóa, Cơ sở vật chất văn hóa và môi trường; 17 thôn đăng ký thôn NTM kiểu mẫu, có 03 thôn cơ bản xong các tiêu chí (Thôn Thanh Lay, Thanh Phác xã Thanh Vân; thôn Cẩm Xuyên xã Xuân Cẩm), các thôn còn lại đều hoàn thành 5/7 tiêu chí (còn 02 tiêu chí: Tiêu chí Văn hóa và Giao thông).



*Hình ảnh nông thôn mới huyện Hiệp Hòa*

#### **4.4.5. Di tích lịch sử văn hóa:**

Huyện Hiệp Hòa có hệ thống các công trình, di tích lịch sử văn hóa đa dạng, phong phú bao gồm 120 di tích được xếp hạng (đình, chùa, lăng mộ và nghề), trong đó có 01 di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt; 12 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và 107 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Hiệp Hòa là huyện có số lượng di tích được Nhà nước xếp hạng nhiều nhất tỉnh, các di tích đều có giá trị lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cao.

Những di tích tiêu biểu có trên địa bàn huyện hiện nay như:



- Di tích Lưu niệm Bác Hồ về thăm thôn Cẩm Xuyên (có vị trí nằm trên khu soi bãi phù sa phía ngoài đê sông Cầu, chạy dài gần 1 km với vườn vải cổ thụ gần 100 năm nằm sát mép nước). Huyện Hiệp Hòa vinh dự và tự hào được đón Bác Hồ về thăm tại thôn Cẩm Xuyên, xã Trung Nghĩa (nay là xã Xuân Cẩm) vào ngày 8/2/1955. Ngày nay, địa điểm này đã trở thành di tích lịch sử, nơi giáo dục truyền thống cho các thế hệ huyện Hiệp Hòa và tỉnh Bắc Giang.



*Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với Nhân dân thôn Cẩm Xuyên, xã Trung Nghĩa (nay là xã Xuân Cẩm), huyện Hiệp Hòa, ngày 08/02/1955.*

- Cụm di tích lịch sử văn hóa cách mạng ATKII (xã Hoàng An, xã Hoàng Vân, xã Xuân Cẩm...(Đầu năm 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã tiến hành xây dựng ATK II của Trung ương Đảng trên vùng đất Hiệp Hoà (tỉnh Bắc Giang), giáp ranh với các huyện: Phú Bình, Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên), là khu đệm mang tính chiến lược nối liền khu giải phóng với vùng trung du và đồng bằng, cửa ngõ quan trọng của căn cứ địa Việt Bắc với các cơ sở và phong trào cách mạng ở miền xuôi. Nơi đây còn là một địa bàn chiến lược về quân sự với một thế trận lòng dân vô cùng vững chắc. Nơi đây đã diễn ra rất nhiều sự kiện lịch sử quan trọng gắn liền với tên tuổi các đồng chí lãnh đạo Đảng, Trung ương, Xứ ủy Bắc Kỳ, gắn với mỗi gia đình, người dân và trong di tích ATK II Hiệp Hòa);



*Đình Vân Xuyên là nơi phát động giành chính quyền huyện Hiệp Hòa.*



*Đền Y Sơn (xã Hòa Sơn)*



*Đình Xuân Biều, nơi giành chính quyền sớm nhất trên toàn quốc - năm 1945.*



*Đình chợ Vân (thôn Hoàng Liên, xã Hoàng An (Hiệp Hòa))*

- Quần thể di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Y Sơn (xã Hòa Sơn) nơi diễn ra cuộc diễn thuyết tuyên truyền cách mạng ngày 22/2/1940; Lễ hội Y Sơn còn gọi là lễ hội Phu Nhân Thánh Mẫu, trong đó có nhiều phong tục độc đáo. Ngày 5/2/2024 (tức ngày 15 tháng Giêng năm Quý Mão), Lễ hội truyền thống Y Sơn đã được tổ chức nâng cấp thành quy mô Lễ hội cấp huyện (chu kỳ 5 năm một lần); Lễ hội là dịp để tôn vinh những giá trị lịch sử văn hóa tiêu biểu, độc đáo của quần thể di tích Y Sơn; khơi dậy, phát huy lòng tự hào về quê hương, đất nước. Đồng thời tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá những giá trị văn hóa tiêu biểu, độc đáo của di tích lịch sử - văn hóa Đền, chùa Y Sơn nói riêng và văn hóa truyền thống của huyện Hiệp Hòa nói chung.

Hệ thống các di tích lịch sử gồm: Đình chợ Vân, Đình Vân Xuyên, Đền Soi, nhà cụ Ngô Văn Thấu, cụ Ngô Văn Ché, cụ Nguyễn Văn Đông, tại 2 xã Hoàng An và Hoàng Vân; Hệ thống các lăng đá như Lăng Bầu, lăng Dinh Hương, lăng họ Ngô, lăng họ Trần, lăng Vân Cẩm tại các xã Xuân Cẩm, Đức Thắng, Thái Sơn, Lương Phong, Đông Lỗ; Đình Lỗ Hạnh - di tích văn hóa nghệ thuật cấp quốc gia được mệnh danh “đệ nhất Kinh Bắc”.



*Lăng Dinh Hương*



*Lăng Đá Bầu*



*Lăng đá họ Ngô*

Ngoài ra, Hiệp Hòa còn có hệ thống di sản văn hóa phi vật thể với hơn 80 lễ hội từ thôn đến xã, đến huyện. Có thể coi đây là những tiềm năng để Hiệp Hòa phát triển du lịch văn hóa tâm linh. Bên cạnh đó, Hiệp Hòa còn có các làng nghề truyền thống đang được duy trì, bảo tồn tốt. Hệ thống di tích văn hóa vật thể và phi vật thể nói trên là cơ hội tốt để Hiệp Hòa phát triển thêm các sản phẩm du lịch gắn liền với tuyên tham quan, và các hoạt động trải nghiệm.

Công tác tu bổ, trùng tu các di tích lịch sử đã được Huyện quan tâm thực hiện, từng bước xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với các công trình văn hóa, lịch sử của địa phương như các địa danh ATKII, trống đồng Bắc Lý, nhà trưng bày truyền thống ATKII, đình Vân Xuyên, và khu di tích Đền Soi...

Trong những năm gần đây, Huyện đã tập trung phát triển du lịch thông qua việc quảng bá các sản phẩm du lịch đặc thù vật thể và phi vật thể đó là các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các loại hình nghệ thuật đặc sắc như ca trù, các món ăn nổi tiếng như bánh trưng Hoàng An, Hoàng Vân, trám đen Hoàng Vân, gỏi cá ở một số xã ven sông Cầu, các phong tục tập quán đẹp như: tục kết Chạ - phong tục lâu đời của các làng cổ ở Bắc Giang, cụ thể giữa các làng: làng Phúc Linh – Hương Lâm, làng Trâu Lỗ (xã Châu Minh) – làng Kim Thượng (Sóc Sơn – Hà Nội)...; thờ Thành Hoàng làng, một số lễ hội truyền thống như lễ hội Y Sơn (xã Hòa Sơn), lễ hội tung hoa làng Tiêu Mai (xã Mai Đình), lễ hội bơi chải làng Mai - xã Mai Đình... Xây dựng các kế hoạch trùng tu, tôn tạo, bảo tồn các khu di tích văn hóa, lịch sử như: Khu di tích ATKII, Đình Lỗ Hạnh, hệ thống Lăng đá cổ,...; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, các doanh nghiệp lữ hành để hình thành các tour, tuyến du lịch của huyện với các địa phương khác.

#### 4.4.6. Hiện trạng cảnh quan

Hiệp Hòa là vùng đất cổ có dân cư sinh sống lâu đời, có sông Cầu chảy qua phía Tây huyện. Địa hình tự nhiên dốc từ Bắc xuống Nam, đồng bằng xen lẫn gò đồi với độ dốc tương đối thoải mang nét đặc trưng riêng biệt. Làng xóm có mật độ xây dựng khá cao tạo thành quần cư sinh sống khá đông đúc. Xen lẫn khu vực làng xóm là không gian sản xuất nông nghiệp với đồng ruộng, mặt nước nuôi trồng thủy sản tạo môi trường thoáng đãng, yên bình.

Nhưng cảnh quan đặc trưng đó được thể hiện theo từng vùng như sau:

- Vùng dân cư tập trung đan xen các quỹ đất nông nghiệp quy mô nhỏ phân bố chủ yếu tại khu vực thị trấn Thắng và các xã lân cận như Danh Thắng, Hùng Sơn, Thái Sơn. Các khu vực này tương đối thuận lợi để đô thị hóa và phát triển đô thị.



*Khu dân cư thị trấn Thắng*



*Khu dân mới thị trấn Thắng*

- Vùng đất có cảnh quan sinh thái nông nghiệp gắn với các khu vực có mặt nước khá lớn của đầm, hồ, thuận lợi để phát triển các khu vui chơi giải trí, du

lịch sinh thái có giá trị cảnh quan như khu vực phía Tây nam xã Đông Lễ và phía Đông xã Châu Minh;

- Vùng dân cư tập trung đan xen các quỹ đất nông nghiệp quy mô khá lớn phân bố ở phía Nam huyện như Thị trấn Bắc Lý, xã Xuân Cẩm, Đông Lễ, Châu Minh, Đoàn Bái. Các khu vực này thuận lợi để phát triển các dự án cần có quỹ đất lớn và tương đối lớn như khu và cụm công nghiệp, khu đô thị tập trung, nông nghiệp.

- Các khu vực sản xuất nông nghiệp có quy mô khá lớn đã được xác định và có thể bổ sung để thực hiện theo mô hình các cánh đồng mẫu lớn, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao phân bố khá đều trên địa bàn các xã;

- Vùng thủy canh kết hợp nuôi trồng thủy sản (ruộng trũng trồng rau cần kết hợp nuôi cá giống cho năng suất cao ở xã Hoàng Lương;



*Vùng Cần – cá xã Hoàng Lương*



*Xã nông thôn mới huyện Hiệp Hòa*

- Vùng ruộng trũng đồng thời được xác định là vùng dự phòng xả lũ, cần hạn chế xây dựng nằm phía Nam thuộc xã Hương Lâm;

- Vùng cảnh quan Sông Cầu nằm phía Tây và Bắc huyện. Vùng này bị chia cắt của đê ngăn lũ, nên việc khai thác cảnh quan đóng góp vẻ đẹp cho các khu dân cư lân cận và huyện gặp nhiều hạn chế. Riêng khu vực gò đồi cao phía Bắc và các quỹ đất nằm ngoài đê là có điều kiện tiếp cận trực tiếp với cảnh quan mặt nước sông.



*Vùng cảnh quan sông Cầu*

- Cảnh quan khu dân cư tập trung đan xen đất nông nghiệp quy mô nhỏ đó là: Khu vực dân cư tập trung mật độ cao tại thị trấn Thắng với các tuyến phố thương mại sầm uất nằm dọc hai bên QL 37, ĐT 296, ĐT 288, ĐT 295, đường chính đô thị hội tụ về khu vực quảng trường - hồ Thống Nhất. Khu vực này chủ yếu là dân cư đô thị kết hợp kinh doanh buôn bán, các loại dịch vụ khác, phổ

biển là nhà ở kết hợp cửa hàng. Các công trình hầu hết xây dựng kiên cố, có quy mô vừa phải.

- Cảnh quan khu vực dân cư tập trung mật độ trung bình và tương đối cao quanh thị trấn Thắng. Đặc trưng của khu vực này là nhà kết hợp với vườn và các quỹ đất nông nghiệp quy mô nhỏ, gồm các xã: Ngọc Sơn, Thường Thắng, Danh Thắng, thị trấn Bắc Lý. Trong đó có trồng các loại cây có tiếng như lạc giống tại xã Danh Thắng, các vườn bưởi diển tại xã Lương Phong, còn lại các xã chủ yếu là trồng rau màu và lúa.



*Vùng cảnh quan nông thôn*

Cảnh quan khu dân cư tập trung đan xen đất sản xuất nông nghiệp gồm: Khu vực dân cư phân bố rải rác thành cụm quy mô nhỏ, nằm đan xen với các khu đất canh tác nông nghiệp. Hiện nay, các khu vực dân cư hiện hữu này đang có xu hướng phát triển dọc theo các tuyến đường chính đô thị, đường liên xã, đường chính của xã tạo thành các dải dân cư, nhà ở được xây dựng theo lối sống đô thị, khó có thể hình thành các quần cư tốt, khó khăn trong đầu tư hạ tầng, cũng như kiểm soát sự phát triển tràn trãi của đô thị.

Cảnh quan nông nghiệp thủy canh kết hợp với nuôi trồng thủy sản gồm: Hệ thống mặt nước, sông ngòi và các kênh tưới tiêu thủy lợi. Các hệ thống mặt nước này khá thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Các khu vực có cảnh quan mặt nước kết hợp với nuôi trồng thủy sản như: Khu vực trồng cần kết hợp nuôi cá giống xã Hoàng Lương, Khu vực lúa đặc sản nếp cái hoa vàng xã Thái Sơn – Đức Thắng, khu vực vườn cò xã Bắc Lý, khu vực mặt nước nuôi trồng thủy sản xã Đông Lỗ. Đây là những khu vực có tiềm năng khai thác giá trị cảnh quan sinh thái nông nghiệp để kết hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch.

Cảnh quan ven sông Cầu, vùng nông nghiệp – dự phòng xã lũ: Là cảnh quan đặc trưng ven sông nước, làng xóm phân bố dọc theo sông tại các bên đò, cầu. Làng xóm ven sông đã được hình thành từ lâu đời, cổ kính.

## **4.5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật**

### **4.5.1. Hiện trạng giao thông**

Huyện Hiệp Hòa nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang, có vị trí địa lý tương đối thuận lợi. Hệ thống giao thông bao gồm đường thủy và đường bộ, nhưng mạng lưới giao thông vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu lưu thông và phát triển kinh tế - xã hội của Huyện.

Hiệp Hòa có tiềm năng để kết nối rất thuận tiện với các công trình giao thông quốc gia, như Sân bay Nội Bài, các tuyến đường cao tốc bao gồm:

Cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên chạy sát khu vực về phía Tây, kết nối với Hiệp Hòa qua 2 tuyến đường, cụ thể:

+ Đường tỉnh ĐT296C từ Quốc lộ 37 đi Phở Yên;

+ Cao tốc Hà Nội - Hạ Long nằm phía nam khu vực, kết nối với Hiệp Hòa qua tỉnh lộ ĐT295.

Cao tốc Hà Nội - Hạ Long nằm phía Nam khu vực, kết nối với Hiệp Hòa qua đường tỉnh 295, khoảng cách từ đường cao tốc đến trung tâm Hiệp Hòa khoảng 20km;

Cao tốc Hà Nội-Lạng Sơn nằm ở phía Đông Nam khu vực, kết nối với Hiệp Hòa qua quốc lộ 37 và đường tỉnh 398; khoảng cách từ đường cao tốc đến trung tâm Hiệp Hòa khoảng 18km;

Tuyến đường Vành đai 5 vùng Hà Nội (đã có quy hoạch) nằm ở phía Bắc của khu vực, kết nối với Hiệp Hòa thông qua Quốc lộ 37, đường tỉnh 295 và 297.

#### *a/. Giao thông đối ngoại*

##### *a.1. Đường bộ*

Trên địa bàn huyện hiện có tuyến đường Quốc lộ 37 với chiều dài khoảng 15km, mặt đường bê tông nhựa, đạt tiêu chuẩn đường cấp III và đường đô thị (đoạn qua thị trấn Thắng), chất lượng tương đối tốt.

Đường tỉnh ĐT398 với quy mô lộ giới 60m (hiện tại mặt đường rộng khoảng 12m), mặt đường bê tông, chất lượng tốt.

Đường tỉnh 296C: từ Quốc lộ 37 đi Phở Yên, đoạn qua khu vực nghiên cứu khoảng 11km, quy mô lộ giới 50m (hiện tại đường rộng khoảng 20m), mặt đường trải nhựa, chất lượng tốt.

Đường tỉnh 295: Tuyến đường chính nối Hiệp Hòa với các khu vực tỉnh Bắc Ninh, thủ đô Hà Nội... mặt đường bê tông dải nhựa, đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, chất lượng tương đối tốt.

Đường tỉnh 296: Tuyến đường chính nối Hiệp Hòa với các khu vực huyện Sóc Sơn, thị xã Phở Yên... mặt đường bê tông dải nhựa, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, chất lượng tương đối tốt.

Đường tỉnh 288: Kết nối Hiệp Hòa với huyện Việt Yên. Đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, mặt đường bê tông, chất lượng tương đối tốt.

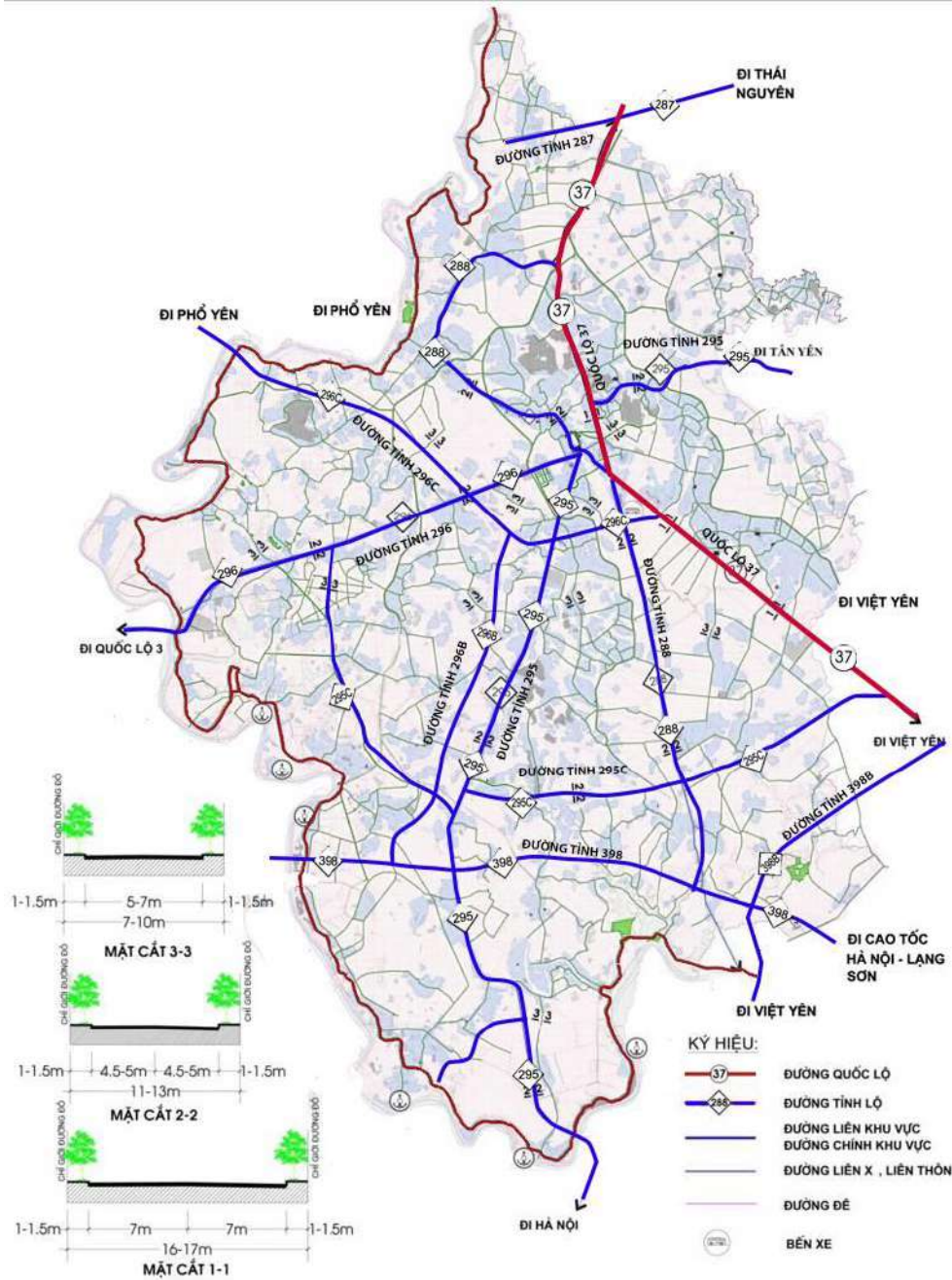
Đường tỉnh 398: Kết nối Hiệp Hòa với cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên và cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn. Đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, mặt đường bê tông, chất lượng tương đối tốt.

##### *a.2. Đường thủy:*

Huyện Hiệp Hòa có tuyến sông Cầu chảy dài khoảng 53km, lòng sông tương đối bằng, mùa mưa có mực nước cao nhất trung bình là 3,5m, chiều rộng

lòng sông từ 95m đến 100m, có thể sử dụng cho loại tàu, sà lan 100T. Về mùa khô, lòng sông cạn, tàu, sà lan không hoạt động được.

Cảng, bến thủy nội địa: Trên địa bàn huyện Hiệp Hòa chưa có các cảng chuyên dùng, hiện có 17 bến vận tải, bốc xếp hàng hóa, buôn bán vật liệu xây dựng cát, sỏi dọc tuyến sông Cầu và 13 bến khách ngang sông đang hoạt động. Bến khách ngang sông đã có từ lâu, hạ tầng bến bãi hạn chế.



Sơ đồ hiện trạng hệ thống giao thông huyện Hiệp Hòa

**b/. Giao thông công cộng:**

Hệ thống giao thông công cộng trên địa bàn huyện chỉ có phương tiện xe buýt, gồm 03 tuyến:

+Tuyến Hiệp Hòa - Bắc Giang: Cự ly khoảng 35km, tần suất 30 phút/chuyến.

+Tuyến Hiệp Hòa – Gia Lâm: Cự ly khoảng 40km, tần suất 30 phút/chuyến.

+Tuyến Hiệp Hòa – Từ Sơn: Cự ly khoảng 30km, tần suất 30 phút/chuyến.

Các công trình phục vụ giao thông:

+ Bến xe khách: Có bến xe phía Nam thị trấn Thắng nằm trên địa bàn xã Lương Phong, diện tích khoảng 2,4ha, đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 3; Hệ thống giao thông công cộng trên địa bàn huyện hiện chỉ có phương tiện xe buýt, Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 6,7%

+ Bãi đỗ xe: Có 02 bãi đỗ xe phục vụ đưa đón công nhân đang hoạt động, bao gồm: 01 điểm trên ĐT296 (xã Đại Thành) và 01 điểm trên ĐT295 (xã Danh Thắng).

*c/. Đánh giá chung:*

Mạng lưới đường đôi ngoại đồng thời là đường chính trong khu vực hội tụ về trung tâm thị trấn Thắng với cấu trúc giao thông hướng tâm. mặt cắt các tuyến đường nhỏ – chưa đáp ứng cho nhu cầu phát triển, đặc biệt là phát triển công nghiệp và sản xuất hàng hóa

Việc lưu thông giữa các khu vực dân cư hầu như phải đi qua thị trấn → gây bất lợi trong lưu thông và tăng áp lực giao thông lên khu vực trung tâm thị trấn.

Mạng lưới giao thông hiện còn thiếu các tuyến đường kết nối theo hướng Đông - Tây và Bắc - Nam, vì vậy chưa nhiều thuận lợi cho hoạt động của đô thị.

Hệ thống giao thông nông thôn đã được cứng hóa đầu nối với hệ thống đường chính, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế nông thôn.

→ Cần tăng cường các kết nối ngang, các kết nối liên vùng không qua trung tâm thị trấn.

#### **4.5.2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật:**

*a/. Hiện trạng các công trình thủy lợi:* Huyện Hiệp Hòa nằm trong vùng thủy lợi hệ thống sông Cầu. Phía Tây huyện được bao bởi hệ thống đê

*\* Hiện trạng đê:*

Huyện Hiệp Hòa có 39,6 km đê Tả Cầu (đê cấp 3), bắt đầu từ K0 thuộc thôn Giang Tân, xã Thái Sơn đến K39+600 thuộc thôn Yên Ninh, xã Đông Lễ. Đê tả Cầu đoạn qua Hiệp Hòa đã được cứng hóa toàn tuyến và đủ cao trình chống lũ.

- Đoạn K0 - K10: Đoạn đê này đi qua 4 xã Thái Sơn, Hòa Sơn, Quang Minh và Đại Thành, cao độ đê từ 12m đến 13,56m. Địa chất nền đê khu vực này khá tốt, tầng phủ dày, chân đê cao không có thâm trùng hồ ao, ít xảy ra sự cố do biến đổi nền gây ra.

- Đoạn K10 - K28+500: Đoạn đê này đi qua các xã Hợp Thịnh, Mai Trung, Xuân Cẩm, Hương Lâm và một phần xã Mai Đình, cao độ đê từ 10,44m đến 12m.



+ Từ K10 - K13+500: Địa chất nền đê khu vực này khá tốt, tầng phủ dày, lớp phủ là đất sét trắng pha sỏi khả năng chịu nén tốt. Khu vực này ít gặp sự cố do biến đổi nền gây ra, chân đê cao không có đùn sủi.

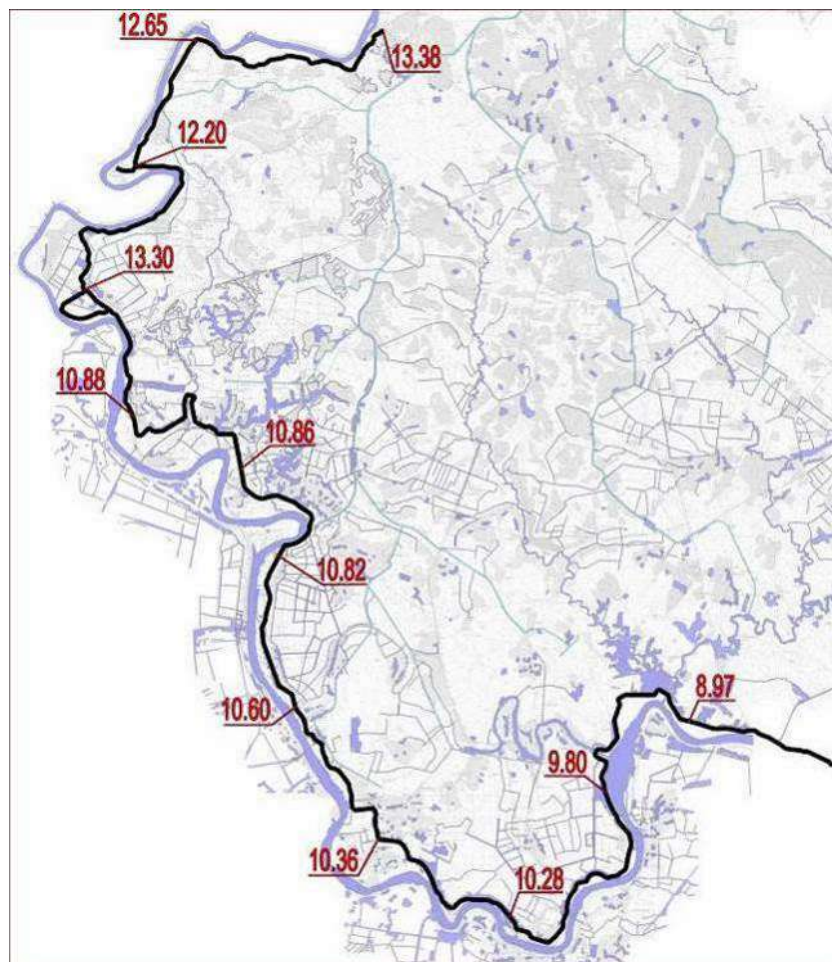
+ Từ K13+500 - K16: tầng phủ nền mỏng, có lớp á sét, phân bố ở tầng trên, đã từng có đùn sủi khi có lũ cao trong khu vực.

+ Từ K16 - K22: Địa chất nền yếu, biến đổi phức tạp.

+ Từ K22 - K28: Địa chất nền đê khu vực này khá tốt và ổn định.

- Đoạn K28+500 - K39+600: Đoạn đê này nằm ở vùng hạ huyện đi qua các xã Mai Đình, Châu Minh và Đông Lỗ được đánh giá là đoạn xung yếu nhất trong toàn huyện, cao độ đê từ 9,35m đến 10,44m. Đoạn này có nền đê yếu, tầng phủ mỏng, nền đê bị thấm thấu nhiều đoạn.

(Nguồn: UBND huyện Hiệp Hòa. Báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ 2024 (Đề tài Cầu huyện Hiệp Hòa)



Hình: Hiện trạng đê và cao độ đê

Ngoài tuyến đê trung ương, Huyện Hiệp Hòa còn có 19,5 km đê địa phương:

- Đê Lũ - Yên Ninh (đê cấp 4):

+ Bờ tả: Chiều dài 2,0 km, có điểm đầu tiếp giáp với đường tỉnh 295 (cây đa cống lũ), điểm cuối tiếp giáp với cống Yên Ninh (thuộc đê trung ương).

+ Bờ hữu: Chiều dài 2,4'km, có điểm đầu tiếp giáp với đường tỉnh 295, điểm cuối tiếp giáp với điểm canh đê K38+500 (thuộc đê trung ương).

- Tuyến Vụ Nông - Đầm đê và tuyến Áp Cò - Đầm Đê (đê bao)

+ Tuyến đê Vụ Nông - Đầm Đê có chiều dài L=2,0km.

+ Tuyến đê Áp Cò - Đầm Đê có chiều dài L=2,0km.

- Tuyến đê Ngà ếch (đê bao): Tuyến có chiều dài 3,5km, điểm đầu thuộc Ngõ Phúc xã Châu Minh, điểm cuối tiếp với K37+750 (đê trung ương)

- Tuyến đê Xuân Giang (đê bao): Tuyến có chiều dài 1km là tuyến có điểm đầu thuộc Xuân Giang xã Mai Trung, điểm cuối tiếp với K19 (đê trung ương).

- Tuyến đê bồi Đa Hội (đê cấp 5): chiều dài 2,4km là tuyến đê nằm ngoài đê trung ương có điểm đầu tại K10+200 (đê trung ương), điểm cuối tiếp với K11+600 (đê trung ương). Khả năng đảm bảo an toàn ở mức báo động III

- Tuyến đê bồi Hương Ninh (đê cấp 5): dài 1,5km là tuyến đê nằm ngoài đê trung ương có điểm đầu tại K11+450 (đê trung ương), điểm cuối tiếp với K11+950 (đê trung ương). Khả năng đảm bảo an toàn ở mức báo động III

- Tuyến đê bồi Đồng Đạo (đê cấp 5): dài 2,6 km, nằm ngoài đê trung ương có điểm đầu tại K14+500 (đê trung ương), điểm cuối tiếp với K15+600 (đê trung ương). Khả năng đảm bảo an toàn ở mức báo động III.

*(Nguồn: UBND huyện Hiệp Hòa. Báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ 2024 (Đề tài Cầu huyện Hiệp Hòa)*

\* *Hiện trạng kè:*

Hiệp Hòa do đặc thù về địa hình là huyện vùng trung du, dòng sông có nhiều đoạn chảy cong, nên có rất nhiều kè. Khu vực có 8 tuyến kè: kè Hương Thịnh, kè Phú Cốc, kè Đại Mão I ,Đại Mão II , kè Vát, kè Ninh Tào, kè Bầu, kè Ngõ Không I và kè ngõ Không II

- Kè Hương Thịnh (Xã Quang Minh) dài 203m, cao trình đỉnh kè: +(6,5 đến 10,55)m, được xây dựng năm 2011, sửa chữa lớn năm 2012 và năm 2013. Phần đỉnh kè và mái kè ổn định, phần chân kè xuất hiện vết nứt dọc dài 12m tại vị trí Km5+788-K5+800 cần xử lý.

- Kè Phú Cốc (Xã Quang Minh) dài 500m, cao trình đỉnh kè: +5m được xây dựng năm 2019. Phần đỉnh kè và chân kè ổn định, mái kè đá bị bong xô vùi lấp đất từ lâu. Kè không ổn định cần xây dựng kè mới.

- Kè Đại Mão (Xã Đại Thành) được xây dựng từ thời Pháp; dài 634m, cao trình đỉnh kè: +(7,1 đến 7,5)m. Đoạn từ Km8+900 đến Km9+270 sửa chữa lớn năm 2001 và năm 2003; Đoạn từ Km9+270 đến Km10+200 được xây dựng năm 2011 đến năm 2014; Đoạn Km10 đến Km10+065 và Km10+107 đến Km10+159 được xây dựng năm 2020 đến nay cơ bản ổn định. Riêng đoạn thân kè từ Km8+900 đến Km9+270 đá bị bong xô ít.

- Kè Vát (Xã Hợp Thịnh) được xây dựng từ thời Pháp dài 1.417m, cao trình đỉnh kè: +(6,2 và 9,5)m. Đoạn từ K13 đến K13+090 xây dựng năm 2011; Đoạn

từ K12+361,4 đến K12+826 và đoạn từ K13+082,7 đến K13+162,5 được xây dựng mới năm 2021 và năm 2022 đến nay cơ bản ổn định. Riêng đoạn từ K12+826,12 đến K13+0.00 mới có cơ đá hộ chân kè, chưa lát mái nên cần xây kè tiếp.

- Kè Ninh Tào (Xã Hợp Thịnh) dài 40m, được xây dựng từ năm 2003 phần chân kè ổn định, tường đỉnh kè phía hạ lưu bị nứt, mái kè một số vị trí đá bị bong xô, có nhiều cây dại mọc ở mái kè, cần sửa chữa.

- Kè Đồng Đạo (Xã Hợp Thịnh) dài 70,8m, được xây dựng năm 2016, cao trình đỉnh kè: +(4,5; 6,5 và 10,6)m đến nay cơ bản ổn định.

- Kè Bầu (Xã Xuân Cẩm) dài 400m, cao trình đỉnh kè: +(5 đến 6,5)m được xây dựng năm 2000. Sửa chữa lớn năm 2010, xây dựng mới 2020 đến nay cơ bản ổn định.

- Kè Ngõ Không (Xã Châu Minh) dài 447m, cao trình đỉnh kè: +(4 đến 6,2)m được xây dựng năm 1993 và 2019 đến nay cơ bản ổn định.

(Nguồn: UBND huyện Hiệp Hòa. Báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ 2024 (Đề tài Cầu huyện Hiệp Hòa)

\* Hiện trạng công qua đê:



Vị trí công qua đê sông Cầu

Hiệp Hòa có 19 công dưới đê, gồm các công tưới, tiêu, một số công do thủy nông khai thác quản lý: công Xuân Biều, công tiêu Ngõ Không, công xả trạm bơm như: Xả Cẩm Bào; Xả Ngõ I, Xả Ngõ II; công lấy nước Trạm bơm Cẩm Bào; công Đại La, Xuân Thành, Yên Ninh. Công do các huyện và xã quản

lý: Hoà Sơn, Đại Mão, Đa Hội I, Đa hội II, Hương Ninh, Vọng Giang, Ninh Tào.... với mật độ bình quân 2 km có một cống qua đê, phần lớn các cống đều bảo đảm ổn định. Phần xây đúc, phần cánh cống đối với tất cả các cống trên tuyến đều có cấu tạo bằng sắt, qua thời gian sử dụng lâu nhiều cống đã cũ, cần theo dõi trong mùa mưa lũ. Trong đó, có 5 cống lớn tự tiêu:

- Cống Yên Ninh thuộc xã Đông Lễ: cống ổn định gồm 5 cửa, 2 tầng cánh, kích thước 1 cửa 2,2x2,2m dài 37,5m. Cống xây dựng năm 2021 và hoàn thành năm 2022. Đây là cống tiêu lớn và sâu theo yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên cần được nạo vét bùn đất trước mùa lũ.

- Cống tiêu Ngộ Không thuộc xã Châu Minh xây dựng năm 1996 (thay thế cống cũ Pháp xây) gồm 2 cửa, kích thước cửa 2x2,5m dài 45m. Cánh ty van thay năm 2016, cánh tự động được thay năm 2019 đến nay sơn đã phai nhạt, han rỉ cần được sơn lại, bảo dưỡng máy đóng mở. Bệ đỡ tấm đan bị bục vỡ, móc treo pa lăng xích bị hư hỏng cần được sửa chữa thay thế. Cống có văng tuy nhiên một số đã gãy và mất, cần bổ sung đề phòng khi có sự cố về cánh cống

- Cống Xuân Thành thuộc xã Châu Minh được xây dựng năm 2021 và hoàn thành năm 2022 gồm 1 cửa kích thước 2,4x3m dài 41,3m. Cống sâu, kênh dẫn phía sông hẹp bùn đất lắng đọng nhiều, cần chú ý công tác nạo vét bùn đất. Cần sửa chữa các hư hỏng trước mùa mưa lũ.

- Cống Xuân Biều thuộc xã Xuân Cẩm xây mới năm 1998 gồm 1 cửa kích thước 2x2,5m dài 48m. Phần cánh đã được thay thế mới tháng 9 năm 2012 đến nay đã bị ô xi hóa, sơn phai nhạt. kênh bên đồng bị hư hỏng nặng cần được sửa chữa.

- Cống Đại La thuộc xã Mai Trung. Cống I được xây dựng năm 2021 và hoàn thành năm 2022 gồm 2 cửa, kích thước cửa 2x3,5m dài 40,5m. Cột thủy trí phía sông bị gãy, kênh dẫn bằng đất phía thượng lưu bị sạt lở cần sửa chữa. Cống II là cống cũ xây dựng từ thời Pháp năm 1938 gồm 2 cửa, kích thước cửa 2x3,5m dài 17m có kết cấu gạch xây. Cống ngăn so với đê, đã xuống cấp cần phá bỏ.

(Nguồn: UBND huyện Hiệp Hòa. Báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ 2024 (Đê tả Cầu huyện Hiệp Hòa)

\* *Hiện trạng trạm bơm:*

Hiệp Hòa có 3 trạm bơm chính: trạm bơm Cẩm Bào, Ngộ Không I, Ngộ Không II, đây là các trạm bơm tiêu đã xây dựng khá lâu, đến nay về cơ bản hoạt động tốt. Phần bể hút các trạm bơm trong các năm trước đã xuất hiện mạch sùi, cơ bản xử lý bảo đảm tốt. Qua quá trình quản lý theo dõi, trong những năm gần đây, các trạm bơm không có sủi xuất hiện, xong cần lưu ý trong quá trình vận hành không được bơm tiêu khi lũ sông ở mức trên báo động số 3.

- Trạm bơm tưới tiêu kết hợp  
Cẩm Bào:

22 máy 980m<sup>3</sup>/h

Ftưới = 3.275ha

Ftiêu = 910ha

- Trạm bơm tiêu Ngô Không I:

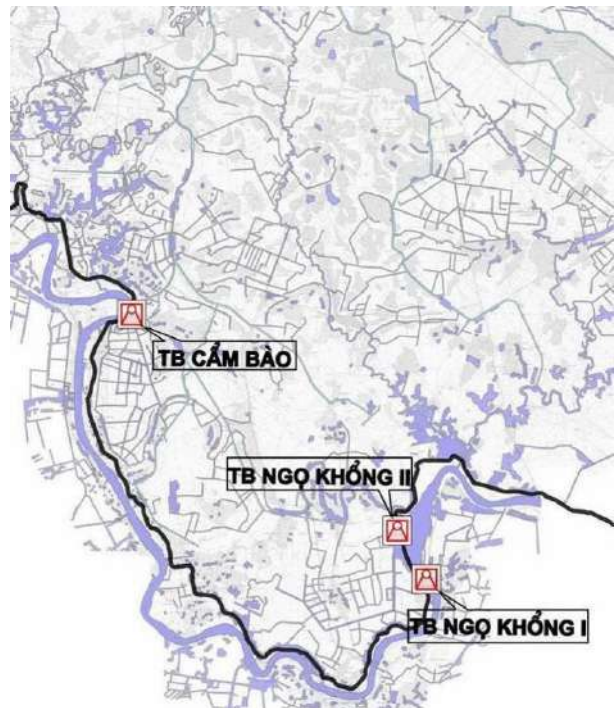
24 máy 980m<sup>3</sup>/h

Ftiêu = 1.190ha

- Trạm bơm tiêu Ngô Không II:

40 máy 800m<sup>3</sup>/h

Ftiêu = 1.550ha



(Nguồn: UBND huyện Hiệp Hòa. Bảng tổng hợp danh mục các công trình thủy lợi do công ty TNHH MTV KTCTTL sông Cầu quản lý)

\* Hiện trạng kênh:

▪ Hệ thống kênh tưới:

Hiệp Hòa có tổng số hơn 618km kênh mương. Hiện nay đã kiên cố hóa được 253km -đạt 40,9% tổng chiều dài kênh mương.

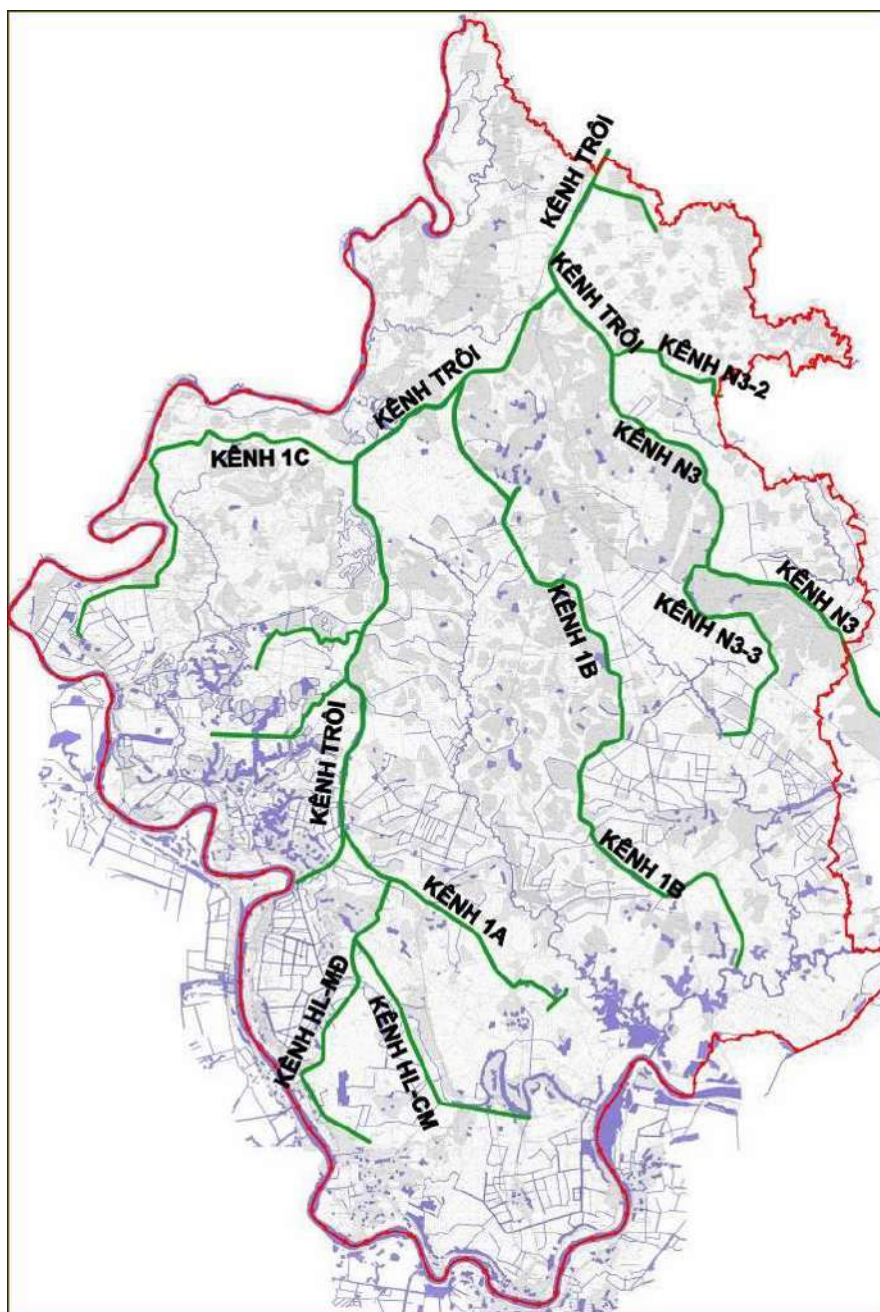
- Kênh Trôi (đoạn qua Hiệp Hòa từ K5+047 đến K20+950) B=3,5-5m, mực nước thiết kế H = 8,54 – 15,33.

- Kênh N3 (đoạn qua Hiệp Hòa từ K0 đến K9+780) B=4-4,5m, mực nước thiết kế H = 12,5 – 13,51.

- Kênh 1A (đoạn qua Hiệp Hòa từ K0 đến K4+400) B=1,5-2,37m, mực nước thiết kế H = 5,40 – 8,02.

- Kênh 1B (đoạn qua Hiệp Hòa từ K0 đến K15+087) B=1,32-2,34m, mực nước thiết kế H = 9,74m – 12,7m, ngầm hóa bằng cống hộp 2x(2x1,5)m, chiều dài 159m - đoạn phía Tây đường tỉnh 295.

- Ngoài ra, còn có các kênh Hoàng Lương, Hoàng Vân, 1C, 1D, kênh Hương Lâm – Mai Đình, kênh Hương Lâm – Châu Minh, kênh T45, T47, kênh N3/2, N3/3.



*Hiện trạng kênh tưới*

*(Nguồn: UBND huyện Hiệp Hòa. Bảng tổng hợp danh mục các công trình thủy lợi do công ty TNHH MTV KTCTTL sông Cầu quản lý)*

▪ Hệ thống kênh tiêu:

Hiệp Hòa có 7 tuyến ngòi tiêu chính với tổng chiều dài 57,7km. Trong đó:

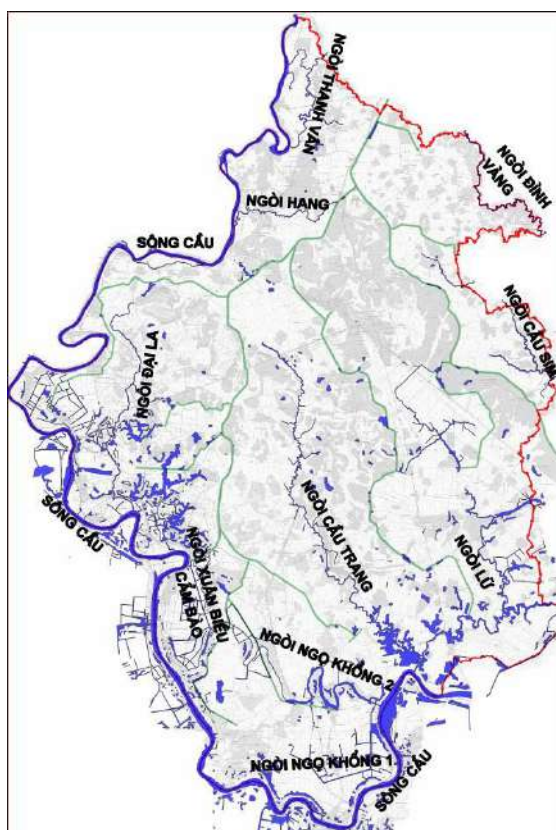
- Ngòi tiêu Đại La có chiều dài 9,5km tiêu cho các xã Hòa Sơn, Quang Minh, Đại Thành, Hợp Thịnh, Mai Trung và Xuân Cẩm.
- Ngòi tiêu Xuân Biều có chiều dài 1,2km tiêu cho xã Xuân Cẩm.
- Ngòi tiêu Cầu Đầm Trang có chiều dài 14,8km tiêu cho các xã Thái Sơn, Hùng Sơn, thị trấn Bắc Lý, Danh Thắng, Châu Minh và Đông Lỗ.

- Ngòi tiêu Cầu Chi có chiều dài 14,7km, tiêu cho các xã Hoàng Thanh, Ngọc Sơn, Lương Phong, Đoan Bái, Danh Thắng và Đông Lỗ.

- Ngòi tiêu Cẩm Bào có chiều dài 2,5km, tiêu cho xã Xuân Cẩm và Hương Lâm.

- Ngòi tiêu trạm bơm Ngọ Không 1 có chiều dài 5km, tiêu cho xã Châu Minh và Mai Đình.

- Ngòi tiêu trạm bơm Ngọ Không 2 có chiều dài 10km, tiêu cho xã Châu Minh, Hương Lâm, Mai Đình và thị trấn Bắc Lý.



*Hiện trạng kênh tiêu*

*(Nguồn: UBND huyện Hiệp Hòa. Bảng tổng hợp danh mục các công trình thủy lợi do công ty TNHH MTV KTCTTL sông Cầu quản lý)*

#### *b/. Hiện trạng cao nền địa hình*

Đô thị Hiệp Hòa có địa hình dạng đồng bằng và trung du, thấp dần từ Bắc xuống Nam và dốc ra sông Cầu; Địa hình đôi thấp có cao độ từ +8,5 ÷ +36,6m nằm rải rác trên địa bàn huyện;

- Khu vực dân cư hiện trạng có địa hình tự nhiên khá cao +2,6 ÷ +32,1m. Khu vực có cao độ < 2,9m thường bị ngập úng khi mưa lớn.

- Quốc lộ 37 có cao độ từ 7,3 ÷ 18,8m.

- Đường giao thông có cao độ từ 3,9 ÷ 23,6m.

- Hệ thống kênh tưới trên địa bàn huyện có cao độ từ +3,5 ÷ +15,93m.

- Ruộng lúa và rau màu có cao độ từ 1,4 ÷ 17,1m.

- Cao độ nền cao nhất +107,5m (ngọn núi phía Tây Bắc huyện).

- Cao độ nền thấp nhất +0,7m (giáp ngòi tiêu Ngọ Không).

#### *c/. Hiện trạng thoát nước mưa:*

Hiệp Hòa hiện đang sử dụng hệ thống thoát nước chung nhưng chưa hoàn chỉnh hiện tại chỉ có khu vực trung tâm thị trấn Thắng và mương nắp đan trên quốc lộ 37 và các đường tỉnh, kích thước B600-D800. Cống thoát nước xây dựng những năm gần đây có chất lượng và khả năng thoát nước tốt.

Các khu vực khác nước mưa theo địa hình tự nhiên tập trung về các kênh tiêu và thoát ra sông Cầu theo các cống qua đê và các trạm bơm.

Hiện tại trên địa bàn huyện Hiệp Hòa đã có các giải pháp để giảm thiểu tình trạng ngập úng cho đô thị như: Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ngõ Không II; Xây dựng kênh tiêu thoát nước phía sau KĐT mới phía Nam thị trấn Thắng; Xây dựng kênh tiêu thoát nước KĐT mới phía Tây thị trấn Thắng. Hiện tại trên địa bàn không có hiện tượng ngập úng.

#### **4.5.3. Hiện trạng cấp điện**

##### *a/. Nguồn điện:*

Hiệp Hoà nằm ở khu vực có nhiều nguồn điện lớn của Hệ thống điện miền Bắc nên luôn được đảm bảo cung cấp đủ điện năng, đáp ứng nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sinh hoạt toàn huyện, nhận điện từ các trạm biến áp nguồn sau:

- Trạm 500kV/220kV Hiệp Hòa: công suất 2x900MVA, nằm trên địa bàn xã Đại Thành.
- Trạm 220kV Hiệp Hòa (Nổi cấp): công suất 2x250MVA
- Trạm 110/35/22kV Sông Cầu: công suất 40+63MVA, nằm trên địa bàn xã Châu Minh
- Trạm 110/35/22 Đức Thắng: công suất 2x40MVA, nằm trên địa bàn xã Danh Thắng
- Trạm 110/22kV Hợp Thịnh: công suất 1x63MVA, nằm trên địa bàn xã Đại Thành.

##### *b/. Lưới điện truyền tải*

###### *\* Đường dây 500KV:*

- Đường dây mạch kép 500KV NMNĐ Sơn La – Hiệp Hòa, sử dụng phân pha ACSR-4x330, chiều dài trong ranh giới thiết kế khoảng 2,3km.
- Đường dây mạch kép 500KV NMNĐ Quảng Ninh – Hiệp Hòa, sử dụng phân pha ACSR-4x330, chiều dài trong ranh giới thiết kế khoảng 18km.
- Tuyến Đường dây 4 mạch: bao gồm mạch kép 500kV và mạch kép 220kV Hiệp Hòa - Bắc Ninh, chiều dài đi trong ranh giới khoảng 4km;

###### *\* Đường dây 220KV:*

- Đường dây Hiệp Hòa-Phú Bình (Thái Nguyên), dây dẫn ACSR2x330;
- Đường dây Hiệp Hòa-Sóc Sơn, dây dẫn 2xACSR520;
- Đường dây 220kV NMNĐ Phả Lại – Bắc Ninh – Hiệp Hòa, dây dẫn ACSR-520.
- Đường dây 220kV NMNĐ Phả Lại – Hiệp Hòa, dây dẫn ACSR-520.

###### *\* Đường dây 110KV:*



- Đường dây Hiệp Hòa - Đức Thắng dây dẫn AC400; chiều dài đi trong ranh giới khoảng 15km;

- Đường dây Hiệp Hòa – Sông Cầu dây dẫn AC400; đoạn đầu đi chung cột với tuyến Hiệp Hòa - Đức Thắng, đến khu vực phía bắc xã Hương Lâm thì tách về trạm Sông Cầu, chiều dài đi trong ranh giới khoảng 9km;

- Đường dây mạch kép Hiệp Hòa-Sóc Sơn, dây AC-240, dài 5km.

- Đường dây Hiệp Hòa - Tân Yên, tiết diện dây dẫn ACSR-240mm<sup>2</sup>. Chiều dài tuyến đi trong khu vực nghiên cứu khoảng 18km.

#### *c/. Lưới điện phân phối*

- Hiện tại, lưới điện trung áp đã phủ kín trên toàn bộ địa bàn đô thị Hiệp Hòa và 100% số hộ của huyện Hiệp Hòa đã được nhận điện từ lưới điện quốc gia. Lưới điện trung áp của Hiệp Hòa chủ yếu là lưới điện 22kV.

- Lưới điện trung thế cấp điện cho các khu dân cư trên địa bàn chủ yếu là đường dây nổi có kết cấu hình tia, có nhiều chủng loại dây khác nhau, nhiều đường trục trung áp có tiết diện còn nhỏ nên khả năng tải ở mức độ trung bình.

- Trạm biến áp 35/22/0,4kV: Có khoảng 400 trạm biến áp hạ thế với tổng công suất khoảng 115MVA. Chủ yếu là trạm treo

- Lưới điện hạ thế: được xây dựng chủ yếu với kết cấu trục chính là 3 pha 4 dây, các nhánh rẽ với kết cấu đa dạng gồm 3 pha 4 dây và 1 pha 2 dây. Lưới điện nổi dùng cáp vặn xoắn ABC, với tiết diện đường trục: 95, 70, 50, 35. Bán kính cấp điện lưới hạ thế trong khu vực trung tâm đô thị là 500 - 700m, ở khu vực khác là 800-1000m.

#### *d/. Lưới điện chiếu sáng:*

Chiếu sáng công cộng: Hiện nay, các tuyến đường trục chính đô thị cơ bản đã được lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng, các khu đô thị và khu dân cư tập trung đang được đầu tư theo hướng đồng bộ. Ngoài ra, hệ thống tín hiệu đèn giao thông, đèn chiếu sáng công cộng và đèn trang trí đường phố cũng được đầu tư, cải tạo, nâng cấp từng bước, tạo điểm nhấn cho các tuyến phố, tiến tới xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị.

Các tuyến đường trong khu vực trung tâm thị trấn Thắng phần lớn đã được bố trí đèn chiếu sáng, sử dụng cáp ngầm. Một số đường nội bộ trong xóm, ngõ vẫn chưa được bố trí đèn đường chiếu sáng công cộng.

#### *e/. Đánh giá các chỉ tiêu cấp điện theo tiêu chuẩn đô thị loại IV:*

\* Đối với khu vực nội thị dự kiến :

Sản lượng điện bình quân đầu người năm 2023 trên địa bàn huyện đạt khoảng 863 kWh/người/năm (Trong đó: Sản lượng điện tiêu thụ khoảng 133,6 triệu kWh, dân số bao gồm cả dân số quy đổi khoảng 154.815 người), đáp ứng tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt của đô thị loại 4.

Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng: 91,8% - đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại 4

Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng: 81,43 - đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại 4.

Đối với khu vực ngoại thị dự kiến: Các tiêu chuẩn về điện như Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu của ngành điện và tỷ lệ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đều đáp ứng theo tiêu chuẩn khu vực ngoại thị của đô thị loại 4.

#### *g/. Đánh giá hiện trạng hệ thống điện*

Lưới điện cao thế trên địa bàn Hiệp Hòa có số lượng tương đối lớn, vì vậy cần đảm bảo hành lang an toàn, khoảng cách ly cho các tuyến đường dây này.

Mức mang tải của các trạm biến áp 110kV hiện có trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu phụ tải của huyện. Tuy nhiên hệ thống lưới 110kV chưa được liên kết mạch vòng.

Nhìn chung công tác phát triển nguồn và lưới điện trong giai đoạn 2017 - 2022 chưa đạt so với khối lượng và tiến độ đề ra trong quy hoạch chung Hiệp Hòa đã được phê duyệt, nhưng nhìn chung, lưới điện hiện trạng cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu cấp điện cho toàn huyện.

#### **4.5.4. Hiện trạng thông tin liên lạc**

Trong thời gian qua, hoạt động bưu chính - viễn thông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nói chung, huyện Hiệp Hòa nói riêng phát triển nhanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của huyện và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Lĩnh vực bưu chính, viễn thông không chỉ phục vụ, đảm bảo tốt thông tin liên lạc mà còn đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước trên địa bàn.

#### *a/. Bưu chính*

Hiện tại toàn huyện Hiệp Hòa có mạng lưới bưu cục và điểm bưu điện văn hoá xã tương đối đầy đủ bao gồm:

- Các bưu cục của Bưu điện Việt Nam: Bưu cục cấp 2 Hiệp Hòa – TT Thắng; Bưu cục cấp 3 Phố Hoa – TT Bắc Lý; Bưu cục khai thác cấp 2 KT Hiệp Hòa - TT Thắng;

- 24 các điểm BĐVHX tại các xã trong huyện.

- Bưu cục HUB Hiệp Hòa và Bưu điện CHTT Hiệp Hòa của ViettelPost;

Dịch vụ tem, thư, chuyển phát nhanh, EMS, Internet... nhìn chung đáp ứng được nhu cầu thông tin cho người dân.

#### *b/. Viễn thông*

Những năm gần đây, hệ thống thông tin liên lạc tỉnh Bắc Giang nói chung, khu vực huyện Hiệp Hòa nói riêng, phát triển và đồng bộ. Rất nhiều thành phần kinh tế khai thác và kinh doanh trong lĩnh vực này. Trong số đó hạ tầng do VNPT và Viettel xây dựng và quản lý là chủ yếu.

\* *Chuyển mạch:*

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 2 doanh nghiệp xây dựng điểm chuyển mạch cung cấp dịch vụ điện thoại và Internet là Viettel Bắc Giang và Viễn thông Bắc Giang.

Mạng chuyển mạch tại khu vực hầu hết sử dụng hệ thống tổng đài chuyển mạch kênh (TDM) làm nhiệm vụ chuyển mạch cho lưu lượng thoại nội hạt. Công nghệ chuyển mạch hiện tại vẫn đáp ứng tốt cho các dịch vụ thoại nhưng hạn chế cho việc cung cấp dịch vụ mới, chi phí tăng dung lượng mở rộng tốn kém.

#### *\* Mạng truyền dẫn*

Chủ yếu do Viễn thông Bắc Giang, Chi nhánh Viettel Bắc Giang đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng, các doanh nghiệp khác thuê lại đường truyền hoặc trao đổi hạ tầng mạng.

Chủ yếu sử dụng phương thức truyền dẫn quang xây dựng các tuyến cáp quang chính dọc quốc lộ 37 và các tuyến đường nội tỉnh; trên cơ sở các tuyến cáp quang chính tổ chức thành các RING nội tỉnh.

Các doanh nghiệp xây dựng và phát triển mạng truyền dẫn nội tỉnh chủ yếu sử dụng cáp quang; các tuyến truyền dẫn được tổ chức độc lập với nhau dọc theo các tuyến quốc lộ, đường nội tỉnh và các tuyến đường liên huyện, liên xã.

Mạng truyền dẫn nội tỉnh hiện tại đã phát triển đến cấp xã, chủ yếu sử dụng các điểm rẽ trên RING nội tỉnh và các tuyến quang nhánh. Các tuyến cáp quang đến xã sử dụng các công nghệ SDH và PDH với tốc độ truyền dẫn từ 4Mbps đến 34Mbps. Hiện trên địa bàn tỉnh mạng cáp quang đã được xây dựng đến hầu hết các xã, đảm bảo nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân.

Mạng truyền dẫn trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã phát triển tương đối rộng khắp. Tuy nhiên vấn đề tốc độ truyền dẫn còn thấp không theo kịp tốc độ phát triển thuê bao, nhu cầu cần đáp ứng, gây ra nghẽn mạch vào những thời gian cao điểm. Dù số lượng thuê bao cáp quang gia tăng đáng kể nhưng tốc độ truy cập mạng trung bình chỉ là 8 Mbps, chưa theo kịp tốc độ phát triển nội dung, chưa đáp ứng đúng và đủ cho nhu cầu sử dụng Internet kết hợp các dịch vụ kèm theo như IPTV, VOD, Video Conference, IP Camera... Các nhà mạng thời gian tới cần xây dựng cơ sở hạ tầng mạng băng rộng tốc độ cao phát triển tới thuê bao, cụm thuê bao và chú trọng hơn đến tốc độ phát triển ứng dụng nội dung.

#### *\* Mạng di động*

Hiện trạng phát triển thông tin di động phủ sóng đến hầu hết các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Đa số các trạm phát sóng di động của các doanh nghiệp đều là trạm không người trực. Các trạm lắp đặt riêng, thuê địa điểm phần lớn chưa thực hiện đủ các điều kiện và phương án kỹ thuật trong công tác quản lý, giám sát trạm, một số trạm chưa trang bị đủ điều kiện để thiết bị hoạt động như máy phát, thiết bị

phòng chống cháy nổ..., điều này đã làm gián đoạn thông tin tại khu vực khi có sự cố.

Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 85%; tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 85%; tỷ lệ phủ sóng di động tới 100% thôn/tổ dân phố;

#### *c/. Công nghệ thông tin*

Hạ tầng công nghệ thông tin không ngừng được đầu tư, nâng cấp; các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện, các xã, thị trấn có mạng nội bộ (LAN) kết nối internet tốc độ cao; hệ thống họp trực tuyến từ huyện đến xã, hệ thống quản lý, văn bản chỉ đạo điều hành hoạt động ổn định. tỷ lệ cơ quan nhà nước (CQNN) cấp huyện, cấp xã kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các CQNN đạt 100%; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông duy trì, quản trị và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, 25/25 xã, thị trấn khai thác sử dụng cho các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh.

#### *d/. Nhận xét:*

Mạng lưới bưu chính - viễn thông trong khu vực nghiên cứu đã được đầu tư hiện đại hoá, thông tin liên lạc thông suốt, đảm bảo yêu cầu.

Hệ thống mạng cáp viễn thông chủ yếu dùng cột thông tin hoặc cột hạ thế của điện lực, đã đáp ứng kịp thời nhu cầu lắp đặt thuê bao mới cho người dân trên khu vực. Tuy nhiên hệ thống chủ yếu là cáp treo, ảnh hưởng lớn đến mỹ quan đô thị.

Với sự phát triển mạnh của dịch vụ thông tin di động trong những năm vừa qua, dịch vụ viễn thông cố định đã phát triển chững lại, thậm chí tăng trưởng âm tại một số khu vực. Do vậy, hạ tầng cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm trong những năm vừa qua không được chú trọng đầu tư phát triển, cải tạo dẫn đến hạ tầng xuống cấp, ảnh hưởng tới mỹ quan đô thị.

Thiếu thống nhất và đồng bộ trong quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:

Mỗi doanh nghiệp xây dựng một hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động riêng, dẫn đến sự chòng chẹo, gây lãng phí nguồn vốn đầu tư và ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị.

Doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động chủ yếu đáp ứng nhu cầu trước mắt dẫn đến sự bất cập về phát triển hạ tầng mạng.

Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động chưa đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị...

Hệ thống điểm bưu điện văn hóa xã hoạt động không hiệu quả. Các đơn vị cung cấp dịch vụ chưa phối hợp với nhau. Số lượng cáp treo, cáp tạm còn rất lớn. Tín hiệu Internet chưa nhiều hạn chế.

#### **4.5.5. Hiện trạng cấp nước**

Trên địa bàn huyện Hiệp Hòa hiện có các công trình cấp nước sạch như sau

*a/. Công trình cấp nước huyện Hiệp Hòa*

Địa chỉ: Xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa

Đơn vị quản lý: Công ty CP cấp nước Hiệp Hòa.

Công suất thiết kế: 9.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Công suất thực tế 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ, cấp nước thường xuyên cho khoảng 6.200 hộ.

Địa bàn cấp nước: Thị trấn Thắng, thôn Chóp xã Lương Phong, Danh Thắng, Ngọc Sơn, Hùng Sơn, Thái Sơn, Hoàng Vân, Thanh Vân, Hòa Sơn, Hoàng An.

Nguồn nước: Sử dụng nước mặt sông Cầu.

*b/. Công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa*

Địa chỉ: Xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa.

Đơn vị quản lý: Công ty TNHH Nước sạch Hiệp Phát.

Công suất thiết kế: 900 m<sup>3</sup>/ngđ; Công suất thực tế 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ; cấp nước cho khoảng 1.440 hộ và cụm Công nghiệp Việt Nhật.

Địa bàn cấp nước: Xã Xuân Cẩm.

Nguồn nước: Sử dụng nước mặt sông Cầu.

*c/. Nhà máy nước sạch Hiệp Hòa*

Địa chỉ: Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa.

Đơn vị quản lý: Công ty Cổ phần xây dựng và Công nghệ môi trường Việt Nam.

Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Công suất thực tế 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Cấp nước cho khoảng 19.695 hộ dân trên địa bàn cấp nước; Cấp nước thường xuyên khoảng 3.276 hộ.

Địa bàn cấp nước: Các xã Đông Lỗ, Đoan Bái, Lương Phong (trừ thôn Chóp), Hoàng Lương, Hoàng Thanh, Đồng Tân. Công trình đang cấp nước ổn định, đã dẫn ống đến xã Hoàng Thanh, còn 2 xã Hoàng Lương và Đồng Tân chưa xây dựng đường ống (chủ trương đầu tư đến tháng 5/2024).

Nguồn nước: Sử dụng nước mặt sông Cầu.

*c/. Công trình cấp nước SHTT xã Quang Minh - Hiệp Hoà*

Địa chỉ: Xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa.

Đơn vị quản lý: UBND xã Quang Minh.

Công suất thiết kế: 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Công suất thực tế 500 m<sup>3</sup>/ngđ; Cấp nước cho hộ dân trên địa bàn xã Quang Minh.

Địa bàn cấp nước: Xã Quang Minh.

Nguồn nước: Sử dụng nước ngầm.

*d/. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa*

Địa chỉ: Thôn Mai Trung, Xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa.

Đơn vị quản lý: Công ty CP Thương mại và Xây dựng Nam Sơn. Địa bàn cấp nước: Xã Mai Đình.

Tình trạng hoạt động: Công trình không hoạt động. Hệ thống đường ống đang đầu nước từ Công trình Hệ thống cấp nước liên xã huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

*e/. Công trình Hệ thống cấp nước liên xã huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang*

Địa chỉ: Thôn Mai Hạ, Xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa.

Đơn vị quản lý: Công ty CP Thương mại và Xây dựng Nam Sơn.

Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Công suất thực tế 230 m<sup>3</sup>/ngđ; Cấp nước cho hộ dân trên địa bàn xã Châu Minh, Hương Lâm, Thường Thắng, Mai Trung và thị trấn Bắc Lý. Cấp nước cho 521 hộ dân trên địa bàn xã Châu Minh, Hương Lâm.

Địa bàn cấp nước: Xã Châu Minh, Hương Lâm, Thường Thắng, Mai Trung, thị trấn Bắc Lý và bán sang hệ thống đường ống của công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa mỗi tháng khoảng 1500 m<sup>3</sup>.

Nguồn nước: Sử dụng nước mặt sông Cầu.

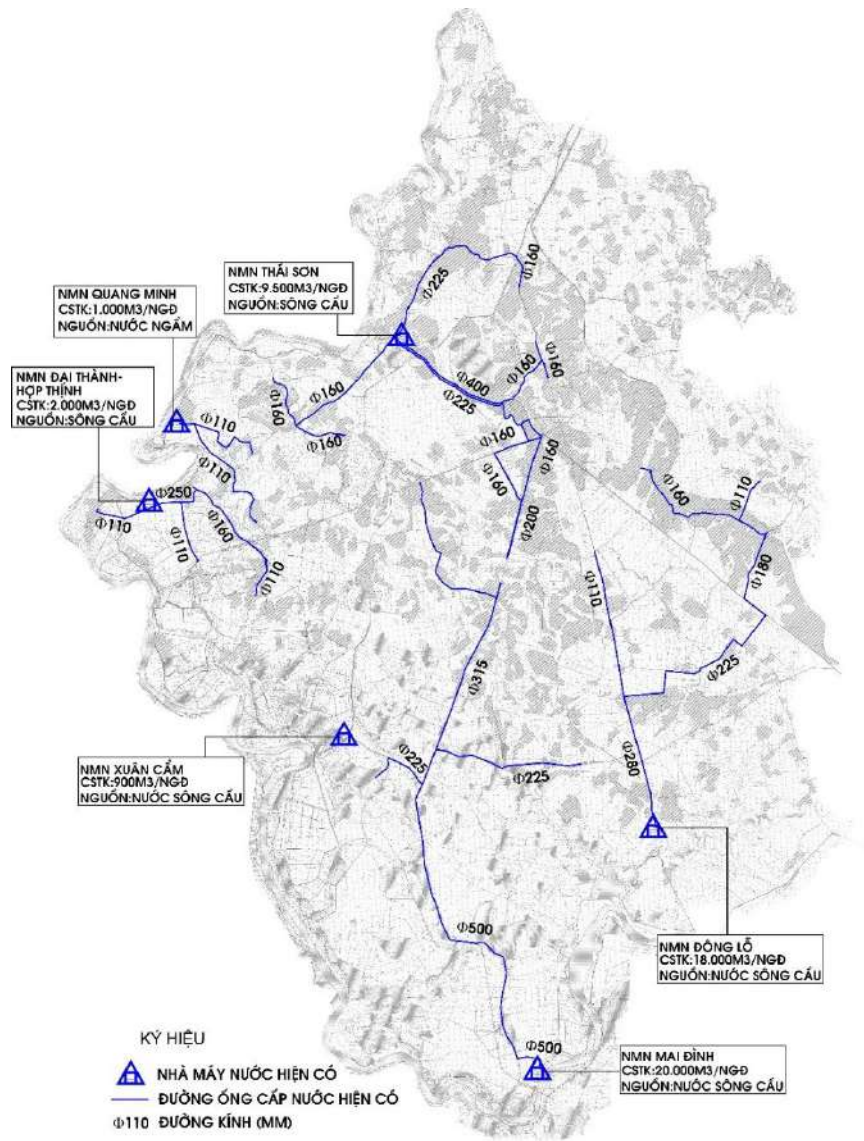
*g/. Công trình Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Đại Thành và Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa*

Địa chỉ: Xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa.

Đơn vị quản lý: Công ty TNHH một thành viên XD & TM Duy Anh.

Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Công suất thực tế 650 m<sup>3</sup>/ngđ; Cấp nước cho 2.250 hộ dân trên địa bàn xã Đại Thành và Hợp Thịnh và cấp 600 hộ vùng lân cận (Mai Trung 500 hộ, Hùng Sơn 100 hộ).

Địa bàn cấp nước: Xã Đại Thành, xã Hợp Thịnh.



Sơ đồ hiện trạng cấp nước

#### 4.5.6. Hiện trạng xử lý nước thải

a/. Hệ thống thoát nước thải:

\* Nước thải sinh hoạt:

Khu vực thị trấn Thắng đang sử dụng hệ thống công chung cho thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt. Nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trong các hộ dân cư, cơ quan và công trình công cộng. Hệ thống công thoát nước chủ yếu là mương xây, cống tròn và rãnh xây hở.

Trên địa bàn huyện có 03 khu dân cư mới tại thị trấn Thắng đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (Khu dân cư số 3, khu đô thị phía Nam thị trấn Thắng, khu đô thị phía Tây thị trấn Thắng); các khu dân cư cũ chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hiện tại chỉ có Khu dân cư số 3 thị trấn Thắng có trạm xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đã đi vào hoạt động.

Khu vực nông thôn: Nước thải từ các hộ gia đình chảy tự do ra các rãnh, kênh mương ra các khu vực trũng theo độ dốc địa hình.

*\* Nước thải công nghiệp:*

Hiện tại có Khu công nghiệp Hòa Phú và Cụm công nghiệp Hợp Thịnh đã có trạm xử lý nước thải tập trung. Các cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài các khu, cụm công nghiệp đã thực hiện xây dựng trạm xử lý nước thải riêng trong từng nhà máy.

*\* Nước thải y tế:*

Nước thải của các cơ sở y tế có qua xử lý bằng bể tự hoại, nhưng chất lượng nước xả ra môi trường bên ngoài không đạt tiêu chuẩn vệ sinh.

*b/. Thu gom chất thải rắn (CTR):*

*\* CTR sinh hoạt:*

- Khối lượng phát sinh: Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hằng ngày được thu gom trên địa bàn Huyện khoảng 122,6 tấn/ngày (Theo Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường năm 2023 huyện Hiệp Hòa), phần lớn là rác thải nông thôn. Khối lượng rác thải được các tổ, HTX vệ sinh môi trường thu gom khoảng 118,8 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 96,9%. Khối lượng rác thải thu gom được xử lý khoảng 116 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 97,6%.

- Công tác thu gom CTR: Trung tâm quản lý đô thị và môi trường thu gom CTR khu vực thị trấn Thắng, 5 hợp tác xã vệ sinh môi trường cấp xã (Bắc Lý, Châu Minh, Danh Thắng, Đoàn Bái và Mai Trung) và 19 tổ vệ sinh môi trường chuyên trách của các xã còn lại. 100% các thôn (165 thôn) đều có tổ, HTX VSMT thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

- Phương tiện thu gom: Phục vụ cho hoạt động thu gom, huyện có 2 xe cuốn ép rác, 5 ô tô vận chuyển, 253 xe gom rác kéo tay.

- Điểm tập kết và xử lý CTR: Đến nay, toàn huyện có 147 điểm tập kết, trung chuyển rác thải của thôn; 11 điểm tập kết rác thải của xã, 09 khu xử lý rác thải tập trung (08 khu của các xã và 01 khu xử lý rác thải của huyện).

- Công tác xử lý CTR: Rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện được xử lý bằng các phương pháp: lò đốt công nghệ 55,1 tấn đạt 47,5%), chôn lấp hợp vệ sinh (36 tấn đạt 31%) và đốt lộ thiên (25 tấn đạt 21,5%). Toàn huyện có 24 lò đốt rác. Hiện 3 lò đốt rác tại khu xử lý tập trung của thị trấn Thắng hoạt động 24/24 giờ; 6 lò đốt rác công nghệ cấp xã vận hành tối thiểu 4 lần/tuần, 16 lò đốt ở các thôn duy trì hoạt động 2-3 lần/tuần. Các thôn, xã được trang bị lò đốt rác đã quan tâm thu gom, phân loại, phơi rác, hoàn thiện mặt bằng bãi chứa. Việc xử lý đốt rác của các lò cơ bản bảo đảm, không để tồn lưu nhiều.

*\* CTR công nghiệp:*

Tổng khối lượng CTRCNTT phát sinh trên địa bàn khoảng 15.600 tấn/năm được các cơ sở sản xuất, kinh doanh thu gom tái chế, tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất khoảng 5.400 tấn, phần còn lại khoảng 10.200 tấn được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Toàn huyện phát sinh 62 tấn/năm, đối với chất thải nguy hại từ hoạt động y



té 27 tấn/năm, được trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở sản xuất kinh doanh khoảng 32 tấn được các cơ sở ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý; đối với lượng vỏ bao bì thuốc BVTV và chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân, phát sinh khoảng 3 tấn/năm được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo hợp đồng ký kết với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.



*Bãi chôn lấp CTR thị trấn Thắng*

*\* CTR y tế:*

Hiện tại trên địa bàn huyện Hiệp Hòa chưa có khu xử lý CTR y tế, các bệnh viện ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại với các cơ sở xử lý CTR y tế bên ngoài tỉnh.

*\* Chất thải nông nghiệp:*

Tổng lượng phế phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 760 tấn/năm, đã được các hộ gia đình thu gom tận dụng làm chất đốt (125 tấn, chiếm 16,4%), thức ăn gia súc (295 tấn, chiếm 38,8%), phần còn lại làm phân hữu cơ và vận chuyển về các bãi rác tập trung của xã để xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

*c/. Nghĩa trang nhân dân:*

Tổng diện tích đất nghĩa trang của huyện Hiệp Hòa là 96,3 ha; trong đó có 195 nghĩa trang tập trung (tổng diện tích 74,08 ha) và nhiều điểm chôn cất nhỏ lẻ khác.

Thị trấn Thắng có 01 nghĩa trang tập trung và nhiều nghĩa trang nghĩa địa nằm trong các thôn, xóm.

Nghĩa trang nhân dân khu vực nông thôn tại các xã đã hình thành tự phát từ lâu đời và chưa có quy hoạch, nên chiếm dụng nhiều diện tích, ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu vực.

Hình thức táng sử dụng là chôn hung táng, cát táng và hỏa táng.

## **4.6. Hiện trạng môi trường**

### **4.6.1. Môi trường xã hội**

Hiện nay, toàn huyện có 25 đơn vị hành chính cấp xã với 181 thôn, khu phố. Tính đến năm 2023 dân số trên địa bàn huyện đạt 264.092 người, trong đó dân số thành thị khoảng 35.795 người (chiếm 14,06% dân số huyện); tốc độ tăng trưởng dân số bình quân hàng năm (từ 2018-2023) khoảng 1,9%/năm (cao hơn tăng trưởng bình quân tỉnh).

Về kinh tế, với sự chỉ đạo của Đảng và chính quyền, kinh tế trên địa bàn huyện đang từng bước phát triển, khắc phục và vượt qua giai đoạn khó khăn.

Cùng với tốc độ phát triển kinh tế và dân cư, Hiệp Hòa cũng đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ gây ô nhiễm đến từ các nguồn phát thải từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất dân cư, nước thải, chất thải rắn, khí thải công nghiệp, giao thông, hoạt động xây dựng...

#### **4.6.2. Môi trường tự nhiên:**

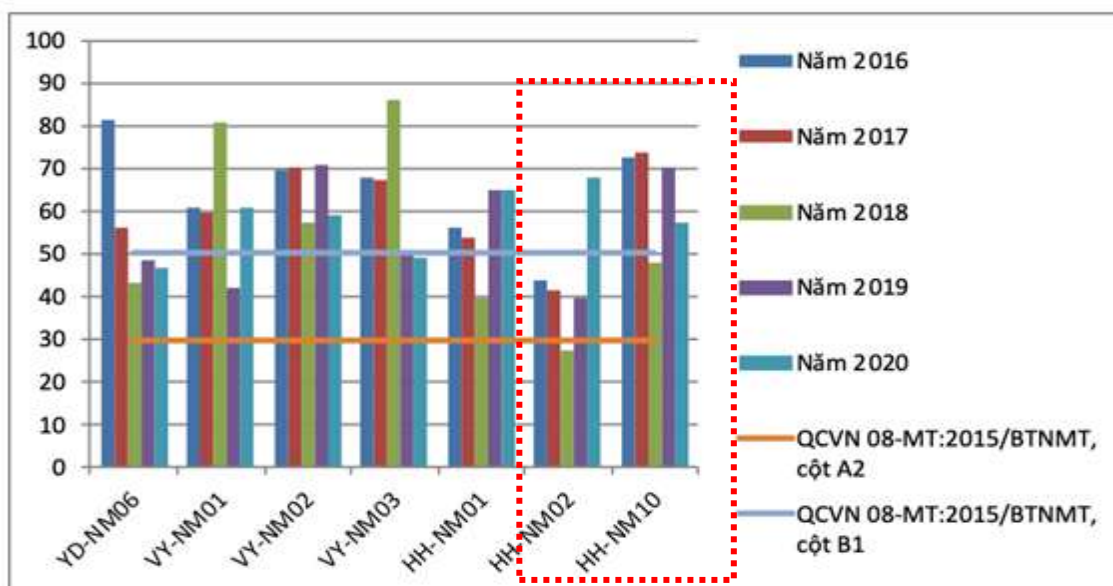
##### *a/. Môi trường đất:*

- Hiện trạng chất lượng môi trường đất: Hiện nay việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất cùng các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội như: hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, khai thác khoáng sản và các khu xử lý chất thải... đã gây tác động nhiều đến môi trường đất. Tuy nhiên qua kết quả quan trắc cho thấy chất lượng môi trường đất trên địa bàn còn khá tốt, không có sự biến động lớn giữa các năm. Hàm lượng các kim loại nặng (KLN), dư lượng thuốc bảo vệ thực vật có phát hiện ở một số vị trí quan trắc với hàm lượng tương đối thấp và dưới ngưỡng của quy chuẩn cho phép.

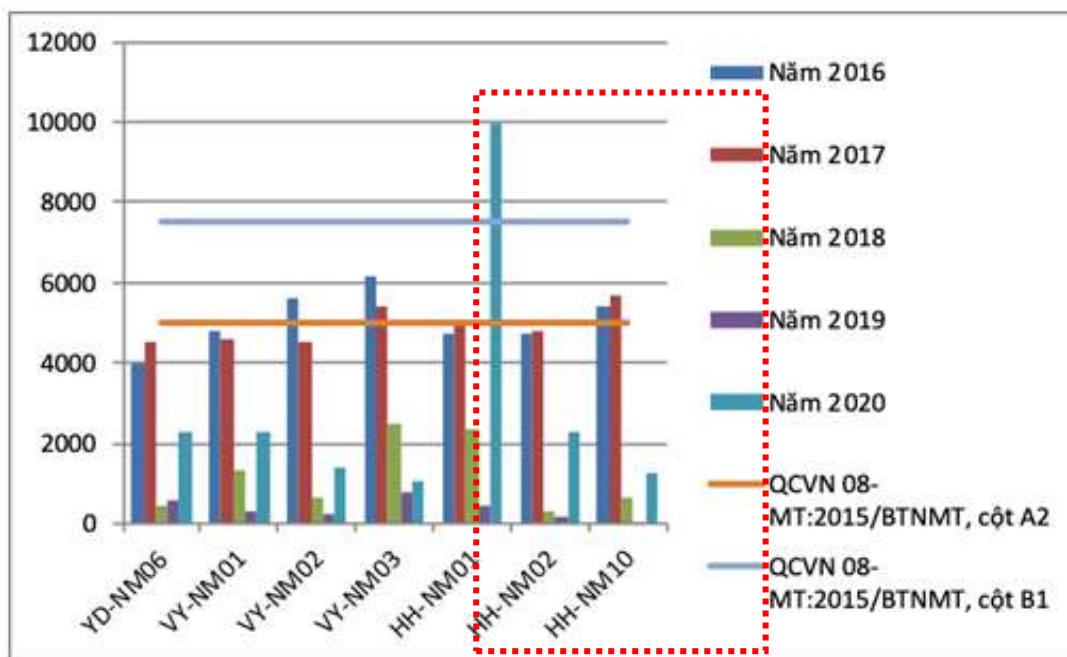
##### *b/. Hiện trạng chất lượng môi trường nước:*

Trên địa bàn huyện Hiệp Hòa có sông Cầu chảy qua, đây là dòng sông chính, có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của người dân không chỉ của Phục Hòa mà cả tỉnh Bắc Giang và những vùng dòng sông này đi qua. Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020, chất lượng môi trường sông Cầu đã có những chuyển biến tích cực, tại nhiều vị trí quan trắc trên địa bàn tỉnh, cho thấy hàm lượng BOD, COD, Coliform, đã có dấu hiệu giảm. Tuy nhiên, sông Cầu đoạn chảy qua tỉnh Bắc Giang vẫn đang đối mặt với ô nhiễm kéo dài bởi chất hữu cơ và vi sinh vật, đặc biệt là các đoạn chảy qua huyện Việt Yên và Yên Dũng do hoạt động xả nước thải từ sông Ngũ Huyện Khê tỉnh Bắc Ninh.

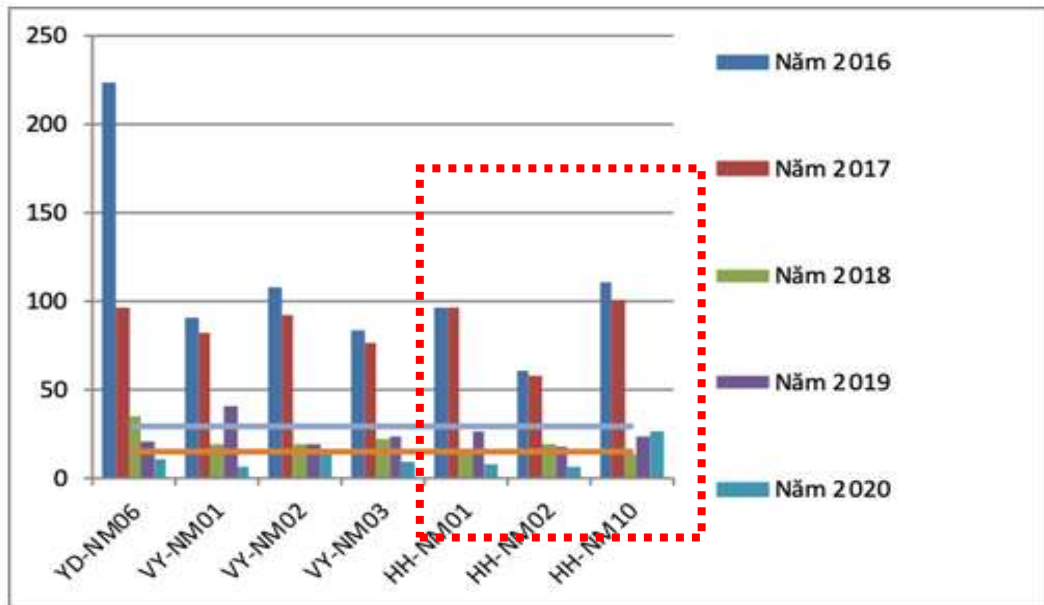
Môi trường nước mặt huyện Hiệp Hòa cũng đang chịu nhiều áp lực từ các nguồn: công nghiệp, nông nghiệp, y tế và sinh hoạt của các khu dân cư với lượng nước thải ngày càng gia tăng cả về lưu lượng thải và phức tạp về thành phần chất thải. Nước mặt sông Cầu đoạn chảy qua địa phận huyện Hiệp Hòa, trong những năm qua đã có những chuyển biến tích cực tuy nhiên vẫn ô nhiễm cục bộ tại một số thời điểm ở một số khu vực.



Biểu đồ diễn biến TSS (mg/l) trên Sông Cầu giai đoạn 2016-2020 (nguồn Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020)

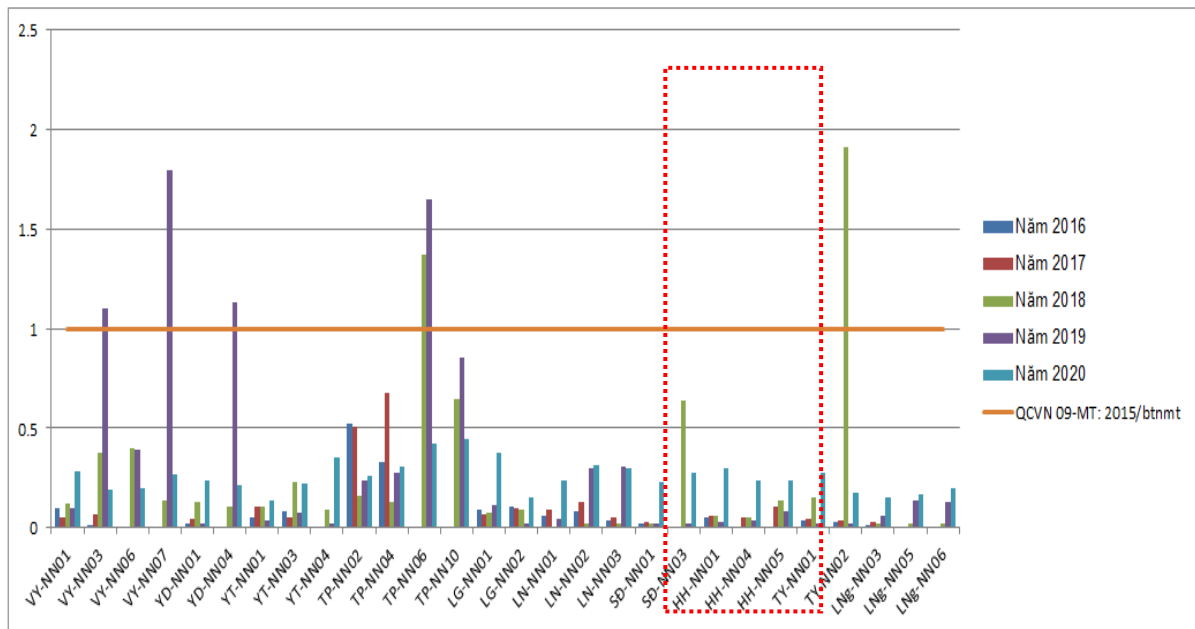


Biểu đồ: Diễn biến Coliform (MPN/100ml) trên sông Cầu giai đoạn 2016 – 2020 (nguồn Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020)

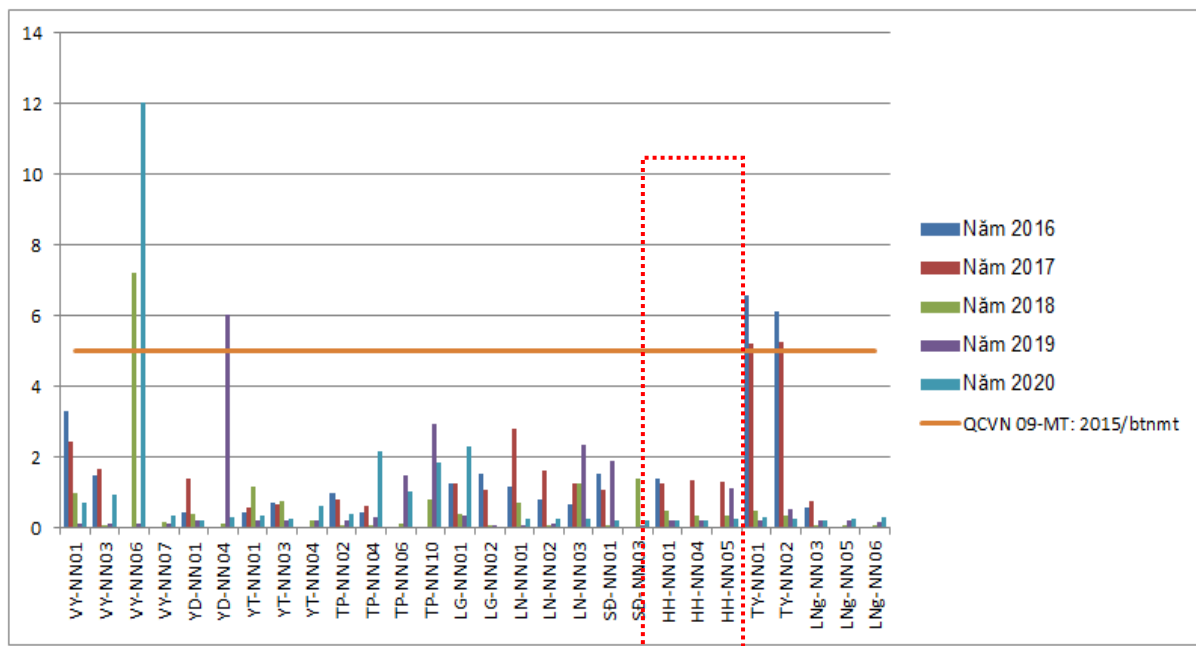


Biểu đồ diễn biến BOD5 (mg/l) trên Sông Cầu giai đoạn 2016-2020  
(nguồn Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020)

- Đối với chất lượng nguồn nước ngầm: Hầu hết các tầng chứa nước có chất lượng khá tốt, nước trong không màu mùi. Chất lượng môi trường nước dưới đất được đánh giá là chưa bị ô nhiễm bởi các kim loại nặng, các hợp chất hữu cơ. Tuy nhiên, với tốc độ phát triển kinh tế, đô thị trong khi hệ thống hạ tầng chưa hoàn chỉnh đồng bộ, chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải; cùng với đó là việc khai thác nước ngầm tự phát đang khiến chất lượng và trữ lượng nước ngầm bị suy giảm, nguy cơ bị ô nhiễm cao.



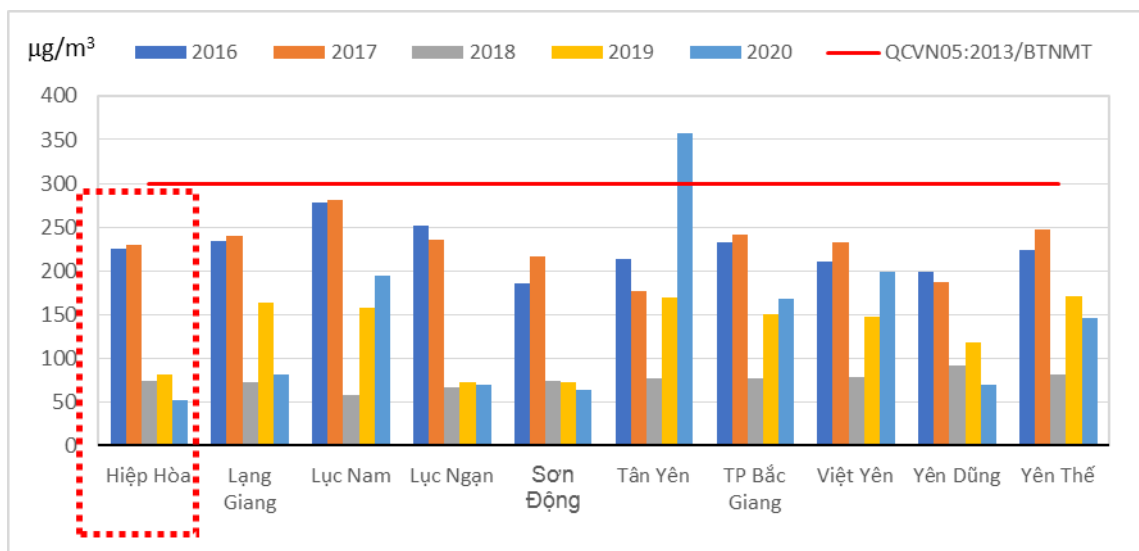
Diễn biến hàm lượng Amoni (mg/l) trong nước ngầm giai đoạn 2016 – 2020  
(nguồn Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020)



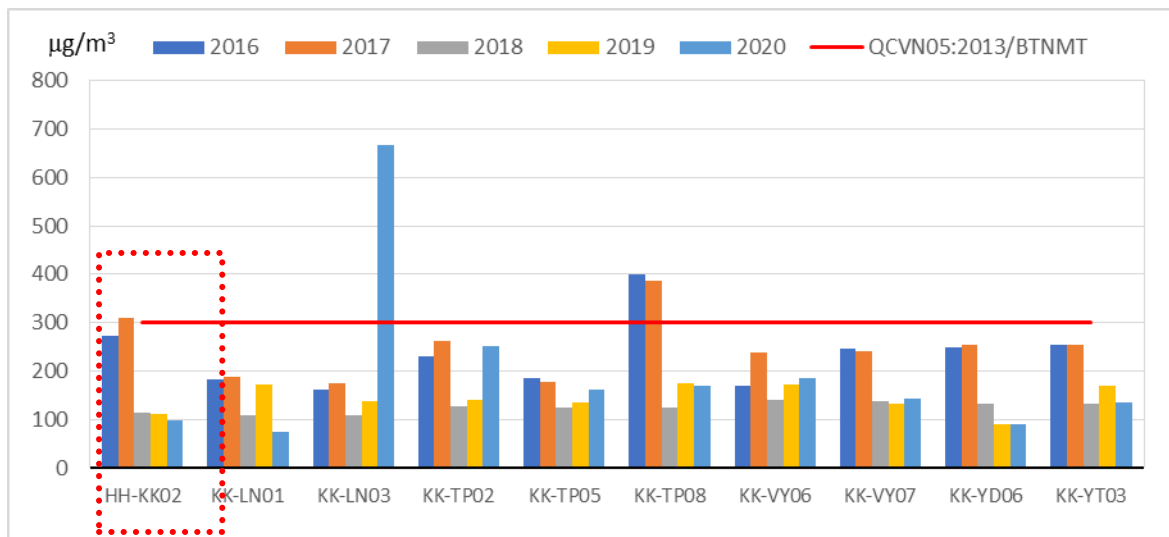
Diễn biến hàm lượng Fe(mg/l) trong nước ngầm giai đoạn 2016 – 2020 (nguồn Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020)

c/. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí:

Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn cơ bản được đảm bảo. Tuy nhiên do hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp diễn ra mạnh mẽ, các hoạt động xây dựng trong những năm gần đây phát triển mạnh nên về mùa đông, mùa hè thời tiết khô hanh còn chịu tác động của bụi của các phương tiện tham gia giao thông.



Diễn biến nồng độ TSP trung bình năm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 – 2020 (nguồn Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020)



Biểu đồ: Nồng độ TSP xung quanh các KCN, CCN giai đoạn 2016 – 2020  
nguồn Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020)

#### 4.6.2. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Bắc Giang nói chung và huyện Hiệp Hòa nói riêng có hệ thống văn hóa di tích phong phú, đa dạng; trong đó phải kể đến di tích ATK. Huyện Hiệp Hòa có Di tích ATK II Hiệp Hòa bao gồm 8 điểm di tích: địa điểm nhà ông Ngô Văn Thấu (cụ Đò Ba), địa điểm nhà ông Nguyễn Văn Ché, địa điểm nhà ông Ngô Văn Đông (Lý Đông), Soi Đền, đình Vân Xuyên, xã Hoàng Vân; đình Chợ Vân, xã Hoàng An; đình Xuân Biều, xã Xuân Cẩm; chùa Y Sơn, xã Hoà Sơn; trong đó, đình Xuân Biều, xã Xuân Cẩm được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt.

- Hiện trạng đa dạng sinh học: Trên địa bàn huyện có 1 vườn cò tại thị trấn Bắc Lý, tuy nhiên hiện nay số lượng cò đã suy giảm rất nhiều chỉ còn lác đác một số con; có hai cây Đa (cây Đa Nghè và cây Đa Cầu) trong quần thể di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia Đình - Đền Trâu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa đã được Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam cấp Bằng Công nhận Cây Di sản Việt Nam từ năm 2015.

#### 4.6.3. Tình hình và kết quả thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

a/. Nguồn nhân lực và tài chính:

- Nguồn nhân lực:

+ Cấp huyện: Phòng Tài nguyên & Môi trường là cơ quan tham mưu UBND huyện quản lý Nhà nước về lĩnh vực môi trường (01 Phó Trưởng phòng, 01 chuyên viên phụ trách công tác bảo vệ môi trường). Trung tâm Quản lý trật tự, giao thông, xây dựng, môi trường: 01 Phó Giám đốc và 01 cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện. 100% cán bộ cấp huyện có trình độ đại học và sau đại học.

+ Cấp xã: 25/25 xã, thị trấn có cán bộ, công chức kiêm nhiệm phụ trách công tác bảo vệ môi trường.

- Nguồn tài chính: Trong năm 2023, nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường chi cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện khoảng 8,515 tỷ

đồng; trong đó, kinh phí hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải theo Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh cho UBND các xã, thị trấn với số tiền 3,71 tỷ đồng.

*b/. Công tác quản lý và các kết quả đạt được:*

- Trong những năm qua, UBND huyện đã chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn vi phạm về đất đai, môi trường, khoáng sản, đê điều; Tổ chức, kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện chỉ thị 17-CT/TU và các Kết luận, Kế hoạch của tỉnh, huyện về xử lý triệt để rác thải ra môi trường. UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn rà soát, sửa đổi Hương ước, Quy ước có gắn nội dung bảo vệ môi trường. Đến nay, toàn huyện có 181/181 thôn, tổ dân phố đã có bản Hương ước, Quy ước có gắn nội dung về vệ sinh môi trường khu dân cư và được niêm yết tại nhà văn hóa các thôn, khu phố.

- Trong năm 2023, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an huyện, Trung tâm Quản lý trật tự, giao thông và xây dựng môi trường huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện. Xử phạt vi phạm hành chính 04 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền phạt 173 triệu đồng. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải, ứng phó biến đổi khí hậu cũng được cấp ủy, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện, cập nhật thông tin, dự liệu, có sự tham gia phối hợp giữa các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội và các nhà trường trong việc tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

*c/. Các hạn chế, và tồn tại trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường:*

- Các vấn đề tồn tại, hạn chế:

+ Tại bãi rác thải tập trung của thị trấn Bắc Lý tồn lưu nhiều rác thải do lò đốt rác công suất nhỏ chưa xử lý hiệu quả; một số điểm tập kết rác thải tại các thôn, xã còn tồn lưu rác thải do chưa có lò đốt rác; một số lò đốt rác thôn đã xuống cấp, thường xuyên bị hỏng phải sửa chữa.

+ Công tác bảo vệ môi trường tại một số doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, nhiều đơn vị chưa chấp hành tốt pháp luật về bảo vệ môi trường, dẫn đến còn tình trạng người dân ý kiến, kiến nghị, bị kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính.

+ Nước thải sinh hoạt đô thị và khu dân cư tập trung chưa được xử lý, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Nguyên nhân:

+ Cán bộ làm công tác môi trường cấp xã còn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên chưa đáp ứng hết yêu cầu nhiệm vụ của công việc được giao.

+ Ý thức chấp hành pháp luật về công tác bảo vệ môi trường nói chung, xử lý rác thải nói riêng của một bộ phận dân cư còn hạn chế, tình trạng vứt rác thải bừa bãi ra hành lang giao thông, kênh, mương, ao, hồ rất khó kiểm soát,

chưa khắc phục được triệt để; một số doanh nghiệp thiếu quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường.

+ Kinh phí cho công tác quản lý bảo vệ môi trường còn thấp. Còn thiếu nguồn lực triển khai xây dựng các công trình hạ tầng quản lý và bảo vệ môi trường

#### 4.7. Hiện trạng đầu tư phát triển

Công tác thu hút vốn đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại cơ bản đã đáp ứng yêu cầu phát triển của Huyện; thực hiện phân kỳ đầu tư, ưu tiên những dự án quan trọng, tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường quản lý, khai thác, bảo trì tốt hệ thống hạ tầng, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa đô thị và nông thôn.

Đã đầu tư đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực: giáo dục, trụ sở cơ quan, văn hóa, di tích lịch sử, công viên cây xanh chỉnh trang tạo cảnh quan đô thị, công trình thủy lợi...; Tập trung xây dựng công trình tạo điểm nhấn kiến trúc đã mang lại sự chuyển biến cho bộ mặt đô thị như: trung tâm hành chính huyện, quảng trường huyện, công viên hồ Thống Nhất, chợ trung tâm huyện, bến xe khách phía Nam, hệ thống chiếu sáng, đèn trang trí đô thị, sân vận động, lát vỉa hè, sắp xếp quản lý lại trật tự vỉa hè, lòng đường...

#### 4.8. Hiện trạng quản lý đô thị

Huyện đã chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch; hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất toàn huyện đến 2020, quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến 2035, các quy hoạch chi tiết khu đô thị, khu dân cư để cụ thể hóa quy hoạch chung;

Đã có 25/25 xã, thị trấn được phủ kín quy hoạch chung. Các quy hoạch sau khi được duyệt đều được công bố, công khai để các tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận và khai thác sử dụng. Đối với những khu vực chưa có quy hoạch chi tiết được duyệt, nếu chấp thuận đầu tư, đều được xem xét thận trọng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đáp ứng yêu cầu trước mắt và phát triển lâu dài.

#### 4.9. Đánh giá đô thị Hiệp Hòa theo tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2024

**Bảng 5: Tổng hợp đánh giá các tiêu chí đô thị loại IV**

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức quy định		Đánh giá	
		Tiêu chuẩn	Thang điểm	Hiện trạng	Điểm
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		18-13,5		13,88
1	Tiêu chuẩn vị trí, chức năng vai trò	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò	5,00	Là động lực phát triển phía Tây của tỉnh Bắc Giang. Là trung tâm công nghiệp,	3,75



TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức quy định		Đánh giá	
		Tiêu chuẩn	Thang điểm	Hiện trạng	Điểm
		thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện.		nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao và dịch vụ thương mại	
		Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện hoặc vùng liên huyện.	3,75		
<b>2</b>	<b><i>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</i></b>		<b>13-9,75</b>		<b>10,13</b>
2.1	Cân đối thu chi ngân sách	Dư	2,0	Thiếu	0,0
		Đủ	1,5		
2.2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	$\geq 1,05$	2,0	0,96	1,87
		0,7	1,5		
2.3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,0	Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5
		Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5		
2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	$\geq 8,0$	2,0	10,00	2,00
		7,0	1,5		
2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước (lần)	$\geq 1,5$	2,0	3,03	2,00
		1,15	1,5		
2.6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (%)	$< 4,0$	2,0	1,61	2,0
		5,0	1,5		
2.7	Tỷ lệ tăng dân số (%)	$\geq 1,4$	1,0	1,68	1,00
		1,0	0,75		
<b>II</b>	<b>Quy mô dân số</b>		<b>8-6</b>		<b>8,00</b>
1	Dân số đô thị (1.000 người)	$\geq 100$	2,0	287,37	2,00
		50,0	1,5		

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức quy định		Đánh giá	
		Tiêu chuẩn	Thang điểm	Hiện trạng	Điểm
2	Dân số khu vực nội thành, nội thị (1.000 người)	≥ 50	6,0	154,82	6,00
		20,0	4,5		
<b>III</b>	<b>Mật độ dân số</b>		<b>8-6</b>		<b>8,00</b>
1	Mật độ dân số trung bình toàn đô thị* (người/km2)	≥ 1.400	2,0	1.493,11	2,00
		1.200	1,5		
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn** (người/km2)	≥ 6.000	6,0	6.650,10	6,00
		4.000	4,5		
<b>IV</b>	<b>Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp</b>		<b>6-4,5</b>		<b>5,34</b>
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đô thị (%)	≥ 65	1,5	71,32	1,50
		55,0	1,0		
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị %	≥ 80	4,5	73,43	3,84
		70,0	3,5		
<b>V</b>	<b>Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị</b>		<b>60-45</b>		<b>49,53</b>
<b>A</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thành</b>		<b>48-36</b>		<b>39,53</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm tiêu chuẩn về hệ thống công trình hạ tầng xã hội</b>				<b>9,88</b>
1.1	Nhóm tiêu chuẩn về nhà ở*		2-1,5		2,00
1.1.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân (m2 sàn/người)	≥ 32	1,0	33,80	1,00
		28,0	0,75		
1.1.2	Tỷ lệ nhà kiên cố (%)	≥ 90	1,0	99,63	1,00
		85,0	0,75		
1.2	Công trình công cộng*				7,88
1.2.1	Đất dân dụng bình quân đầu người(m2/người)	80,0	1,0	114,17	1,00
		50,0	0,75		
1.2.2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người (m2/người)	≥ 4	1,0	4,87	1,00
		3,0	0,75		
1.2.3	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở (m2/người)	≥ 1,5	1,0	3,48	1,00
		1,0	0,75		
1.2.4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân (giường/10.000 dân)	≥ 30	1,0	35,66	1,00
		25,0	0,75		
1.2.5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	≥ 5	1,0	6,00	1,00
		2,0	0,75		
1.2.6	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	≥ 4	1,0	3,00	0,88
		2,0	0,75		
1.2.7	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị (công trình)	≥ 3	1,0	3,00	1,00
		2,0	0,75		
1.2.8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô	≥ 4	1,0	7,00	1,00

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức quy định		Đánh giá	
		Tiêu chuẩn	Thang điểm	Hiện trạng	Điểm
	thị (công trình)	2,0	0,75		
<b>2</b>	<b>Nhóm tiêu chuẩn về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu</b>				<b>12,67</b>
2.1	Nhóm tiêu chuẩn về giao thông*				5,62
2.1.1	Công trình đầu mối giao thông (cấp)	Vùng tỉnh	1,0	Vùng tỉnh	1,00
		Vùng liên huyện	0,75		
2.1.2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%)	≥ 17	1,0	14,35	0,87
		12,0	0,75		
2.1.3	Mật độ đường giao thông đô thị (km/km <sup>2</sup> )	≥ 6	2,0	5,50	1,75
		5,0	1,50		
2.1.4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người (m <sup>2</sup> /người)	≥ 9	1,0	21,58	1,00
		7,0	0,75		
2.1.5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	≥ 5	1,0	9,00	1,00
		3,0	0,75		
2.2	Nhóm tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng*				2,78
2.2.1	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người(kwh/người/năm)	≥ 1.000	1,0	863,26	0,94
		400,0	0,75		
2.2.2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng (%)	≥ 95	1,0	91,81	0,84
		90,0	0,75		
2.2.3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng (%)	≥ 70	1,0	81,43	1,00
		50,0	0,75		
2.3	Nhóm tiêu chuẩn về cấp nước				1,80
2.3.1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	≥ 120	1,0	138,65	1,00
		100,0	0,75		
2.3.2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	≥ 95	1,0	91,08	0,80
		90,0	0,75		
2.4	Nhóm tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin*				2,47
2.4.1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân (Số thuê bao /100 dân)	100,0	1,0	78,90	0,79
		75,0	0,75		
2.4.2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	100,0	1,0	82,06	0,87
		65,0	0,75		
2.4.3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	≥ 60	1,0	33,45	0,81
		25,0	0,75		
<b>3</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường đô thị</b>				<b>10,23</b>
3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng*				3,00
3.1.1	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km <sup>2</sup> )	≥ 3,5	2,0	5,51	2,00
		3,0	1,50		
3.1.2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp	≥ 20	1,0	100,00	1,00

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức quy định		Đánh giá	
		Tiêu chuẩn	Thang điểm	Hiện trạng	Điểm
	phòng chống, khắc phục (%)	10,0	0,75		
3.2	Nhóm tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải				4,73
3.2.1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 30 15,0	2,0 1,50	21,81	1,73
3.2.2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	≥ 85 70,0	1,0 0,75	90,55	1,00
3.2.3	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom (%)	≥ 90 80,0	1,0 0,75	97,04	1,00
3.2.4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	≥ 70 65,0	1,0 0,75	94,92	1,00
3.3	Nhóm tiêu chuẩn về nhà tang lễ và hỏa táng*				1,00
3.3.1	Nhà tang lễ (cơ sở)	≥ 2 1,0	1,0 0,75	-	0,00
3.3.2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	≥ 10 5,0	1,0 0,75	45,87	1,00
3.4	Nhóm tiêu chuẩn về cây xanh đô thị*				1,50
3.4.1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m <sup>2</sup> /người)	≥ 8 6,0	2,0 1,50	6,02	1,50
3.4.2	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	≥ 5 4,0	2,0 1,50	2,40	0,00
4	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị</b>		<b>10-7,5</b>		<b>6,75</b>
4.1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (quy chế)	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế 75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	2,0 1,50	Chưa có quy chế	0,00
4.2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	≥ 40 30,0	2,0 1,50	30,00	1,50
4.3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện (Dự án)	≥ 2 1,0	2,0 1,50	19,00	2,00
4.4	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	≥ 4 2,0	2,0 1,50	3,00	1,75
4.5	Công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)	Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia đặc biệt	2,0	Có 08 công trình là di tích	1,50

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức quy định		Đánh giá	
		Tiêu chuẩn	Thang điểm	Hiện trạng	Điểm
		Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận	1,50	cấp Quốc Gia	
4.6	Công trình xanh (công trình)	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	1,0	Chưa có	0,00
		Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	0,75		
4.7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	≥ 2	1,0	Chưa có	0,00
		1,0	0,75		
<b>B</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị</b>		<b>10-0</b>		<b>10,00</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội</b>				<b>5,00</b>
1.1	Trường học (%)	≥ 80	1,00	100,00	1,00
		50,0	0,75		
1.2	Cơ sở vật chất văn hóa (%)	≥ 80	1,00	100,00	2,00
		50,0	0,75		
1.3	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (%)	≥ 80	1,00	100,00	1,00
		50,0	0,75		
1.4	Nhà ở dân cư (%)	100,0	1,00	100,00	1,00
		80,0	0,75		
<b>2</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật</b>				<b>4,00</b>
2.1	Giao thông(%)	≥ 70	2,00	100,00	2,00
		40,0	1,50		
2.2	Điện(%)	≥ 80	1,00	100,00	1,00
		60,0	0,75		
2.3	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥ 70	1,00	72,61	1,00
		40,0	0,75		
<b>3</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</b>				<b>1,00</b>
3.1	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung (%)	≥ 80	1,00	100,00	1,00
		60,0	0,75		
<b>4</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan</b>				<b>1,00</b>
4.1	Quỹ đất nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ	≥ 60	1,00	83,78	1,00
		50,0	0,75		

TT	Các tiêu chí đánh giá	Mức quy định		Đánh giá	
		Tiêu chuẩn	Thang điểm	Hiện trạng	Điểm
VII	Tổng cộng theo bảng điểm				84,75

(Nguồn: Đề án đề nghị công nhận Huyện Hiệp hòa đạt tiêu chí đô thị loại IV)

**Bảng 6: Đánh giá tiêu chuẩn đô thị đối với các xã dự kiến thành phường**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chuẩn phường thuộc thị xã		Hùng Sơn - Thái Sơn	Lương Phong	Đoan Bái	Thường Thắng
I	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	≥ 5,5km <sup>2</sup>		8,9	12,7	11,6	7,8
				Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
II	Quy mô dân số (người)	≥	5.000 người	11.340	17.656	15.362	10.591
				Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chuẩn phường thuộc thị xã		Danh Thắng	Hương Lâm	Châu Minh	Mai Đình
I	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	≥ 5,5km <sup>2</sup>		9,3	12,8	11,0	9,0
				Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
II	Quy mô dân số (người)	≥	5.000 người	9.827	15.015	11.701	14.474
				Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Tiêu chuẩn phường thuộc thị xã		Xuân Cẩm	Đông Lễ	Mai Trung
I	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	≥ 5,5km <sup>2</sup>		8,6	17,2	10,1
				Đạt	Đạt	Đạt
II	Quy mô dân số (người)	≥	5.000 người	11.155	17.255	15.839
				Đạt	Đạt	Đạt

Căn cứ theo tiêu chí của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị đến nay Huyện Hiệp Hòa đã cơ bản đạt tiêu chí của đô thị loại IV trực thuộc tỉnh, với tổng số điểm là 84,75 điểm. Các dịch vụ nền tảng như: chăm sóc sức khỏe, giáo dục, vui chơi

giải trí, thể dục thể thao, nhà ở và các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu đảm bảo nhu cầu sử dụng của người dân địa phương.

## **4.10. Đánh giá tổng quan hiện trạng**

### **4.10.1. Điểm mạnh**

Hiệp Hòa có vị trí nằm kề vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc, tiếp giáp Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, các trung tâm kinh tế lớn, vùng phát triển năng động, được tăng cường đầu tư về cơ sở hạ tầng, du lịch, đô thị và các công trình công cộng cũng như đầu tư các công trình cấp quốc gia và quốc tế nên được hưởng lợi nhờ tác động lan tỏa của những khu vực này.

Các đô thị trong vùng có vai trò tương hỗ, hỗ trợ lợi thế cho nhau để phát triển do đó rất thuận lợi để đô thị, công nghiệp và thương mại trên địa bàn Huyện Hiệp Hòa phát triển .

Quy hoạch hệ thống giao thông vùng Thủ đô Hà Nội đã hình thành các vành đai liên kết các đô thị vệ tinh xung quanh Hà Nội, trong đó có đường vành đai V tuyến đường này chạy qua địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tương lai Hiệp Hòa có thể kết nối thuận lợi với đường vành đai V thông qua QL37 và ĐT 295B. Ngoài ra trên địa bàn huyện những năm vừa qua tỉnh Bắc Giang đã đầu tư ĐT 398 chạy phía Nam nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên với cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, đồng thời vừa hoàn thành cầu Xuân Cẩm nối ĐT 398 với cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên từ đó tạo thuận lợi cho việc giao lưu phát triển và thu hút đầu tư.

Là huyện có quỹ đất dồi dào, được thiên nhiên ưu đãi, điều kiện thổ nhưỡng tốt, khí hậu ôn hòa...rất thuận lợi thế để Hiệp Hòa phát triển kinh tế nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm đặc thù có giá trị kinh tế cao, có sức cạnh tranh trên thị trường như vùng trồng cần kết hợp nuôi cá giống Hoàng Lương, vùng trồng nếp cái hoa vàng Thái Sơn...

Địa hình có sự kết hợp giữa vùng đồng bằng và trung du nên tạo nét đặc trưng riêng hấp dẫn. Có cảnh quan thiên nhiên núi Y Sơn gắn với đền, chùa Y Sơn, Di tích lịch sử An toàn khu (ATK) II, hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật phong phú như các lăng đá, đình chùa, các loại hình nghệ thuật đặc sắc như ca trù, là điều kiện thuận lợi để khai thác, phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái, nghỉ dưỡng.

Đi qua địa bàn huyện có nhiều tuyến đường đối ngoại quan trọng như QL37, ĐT398, 398B, 296, 296B, 295, 288, vận tải đường thủy trên sông Cầu nên thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển kinh tế toàn diện, đảm bảo kết nối thuận lợi đến các cửa khẩu, cảng biển, sân bay, mở ra cơ hội cho Hiệp Hòa phát huy những lợi thế về quỹ đất, hạ tầng, phát triển các ngành dịch vụ đô thị, công nghiệp hỗ trợ, cung cấp lao động có tay nghề cao, dịch vụ trung chuyển hàng hóa, du lịch ...

Có dân số đông nhất tỉnh Bắc Giang (264.092 người); có lực lượng lao động trẻ dồi dào (155.384 người chiếm 59,8% tổng dân số).

Với vị trí địa kinh tế và những tiềm năng lợi thế, Hiệp Hòa được xác định là trung tâm kinh tế - đô thị động lực phía Tây của Tỉnh. Đóng vai trò quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Giang.

Là huyện có chính sách phát triển và cơ chế quản lý năng động, có khả năng thu hút được nhiều nguồn đầu tư phát triển và quan tâm đúng mức đến vấn đề quy hoạch xây dựng.

#### **4.10.2. Điểm yếu**

Hệ thống hạ tầng giao thông chưa đồng bộ; sự kết nối liên hoàn giữa đường bộ với các bên thủy, cảng thủy còn hạn chế nên chưa thúc đẩy được sự phát triển của đường thủy trong vận tải hàng hóa.

Hệ thống giao thông đô thị chưa được đầu tư hoàn thiện. Mạng lưới đường đối ngoại đồng thời là đường chính đô thị hội tụ về trung tâm thị trấn Thắng với cấu trúc giao thông hướng tâm tạo thành những điểm nút giao thông phức tạp (ĐT 296, 295, 288, QL37). Mặt cắt các tuyến đường nhỏ, chưa đáp ứng cho nhu cầu phát triển, đặc biệt là phát triển công nghiệp và sản xuất hàng hóa. Thời gian tới cần đẩy nhanh đầu tư các tuyến đường vành đai, đường kết nối theo hướng đông - tây để phân tán luồng giao thông, giảm tải cho khu vực trung tâm đô thị.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa có điều kiện đầu tư tương xứng với nhu cầu phát triển đô thị. Hệ thống thoát nước không đảm bảo, tỷ lệ nước thải được thu gom và xử lý còn thấp, rác thải chưa được xử lý triệt để...; Một số chỉ tiêu so với tiêu chuẩn đô thị loại IV chưa đạt yêu cầu như: Mật độ đường giao thông chính (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy  $\geq 7,5m$ ) ( $km/km^2$ ) đạt 5,5điểm /tối thiểu 6 điểm; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng 91,81%/tối thiểu 95%. Thu nhập bình quân đầu người năm còn thấp so với cả nước 0,96 lần/điểm tối thiểu là 1,05lần

+ Đô thị phát triển còn dàn trải, thiếu bản sắc, chất lượng cơ sở hạ tầng chưa cao; thiếu các không gian công cộng, vườn hoa công viên phục vụ người dân. Chưa có những công trình kiến trúc đẹp tạo điểm nhấn về hình ảnh kiến trúc đô thị

+ Năng lực cạnh tranh, nguồn lực tài chính cho phát triển hạ tầng kỹ thuật nhất là giao thông còn hạn chế

+ Chất lượng nguồn nhân lực thấp, thiếu nhân lực trình độ cao nên sẽ khó đáp ứng yêu cầu phát triển.

+ Chưa khai thác tốt các tài nguyên thiên nhiên, văn hóa - lịch sử để thúc đẩy phát triển KTXH, đặc biệt là lĩnh vực du lịch, dịch vụ

#### **4.10.3. Cơ hội**

Có vị trí địa lý thuận lợi do nằm trong vành đai kinh tế phía Bắc của Thủ đô Hà Nội, giữa vùng tập trung các trung tâm công nghiệp lớn như: Hà Nội, Thái



Nguyên, Bắc Ninh, Hải Dương..., nơi có nhiều dự án xây dựng hạ tầng liên vùng lớn vì vậy có cơ hội phát triển các Khu, cụm công nghiệp và các loại hình dịch vụ, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Đồng thời Hiệp Hòa nằm trong vùng thủ đô Hà Nội, với lợi thế về diện tích nông nghiệp lớn lại tiếp giáp với các tỉnh có mật độ dân số cao, nếu Hiệp Hòa xây dựng được một cơ cấu kinh tế hợp lý sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển và gia tăng các lợi thế cạnh tranh.

Là vùng được tỉnh Bắc Giang xác định tập trung phát triển công nghiệp để trở thành trung tâm công nghiệp mới của tỉnh, từ đó tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội huyện;

Đang được tập trung đầu tư hệ thống giao thông kết nối huyện với các tỉnh trong vùng Thủ Đô tạo cơ hội thu hút các nhà đầu tư đặc biệt trong lĩnh vực phát triển công nghiệp

Có cơ hội đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, nhờ vào cuộc cạnh mạng công nghiệp lần thứ 4 (sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho Hiệp Hòa trong việc nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm); sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021- 2030 và định hướng chính sách “chuyển đổi xanh và chuyển đổi số” của quốc gia;

Các phương thức kinh doanh mới như: Thương mại điện tử, truyền thông online, du lịch trực tuyến, dịch vụ vận tải...sẽ tạo ra sự tăng trưởng đột biến là cơ hội tốt cho huyện Hiệp Hòa phát triển trong thời gian tới; Sự phát triển nhanh của công nghệ thông tin và truyền thông sẽ tạo điều kiện cho Hiệp Hòa nhanh chóng tiếp cận với những tiến bộ mới của khoa học và công nghệ thế giới, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển. Đặc biệt, Hiệp Hòa có cơ hội phát triển mạnh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo mới, các ngành nông nghiệp công nghệ cao, vận tải, logistics, du lịch và các ngành dịch vụ cao cấp khác.

Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO và tham gia vào nhiều Hiệp định song phương và đa phương khác. Hội nhập quốc tế sẽ giúp Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Giang cũng như huyện Hiệp Hòa nói riêng mở ra những cơ hội lớn đó là được tiếp cận thị trường hàng hoá và dịch vụ với tất cả các nước thành viên của WTO

Như vậy, để nắm bắt và đón đầu được xu thế này, Huyện Hiệp Hòa cần tích cực hoàn thiện hệ thống chính trị và đào tạo nguồn nhân để bắt kịp nhịp độ phát triển cũng như cơ hội này.

#### **4.10.4. Thách thức**

Nằm giữa các vùng kinh tế lớn nên mức độ cạnh tranh cao, cần tạo được vị thế trong chuỗi phát triển kinh tế bằng uy tín và thương hiệu cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu đầu tư.

Cần nguồn lực đầu tư lớn; phát triển phải đảm bảo hài hòa với yếu tố bản sắc dân tộc, sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư, khả năng hoàn vốn, sự tác động

bởi yếu tố cạnh tranh vùng và khu vực...là những thách thức lớn trong quá trình phát triển

Lực lượng lao động đông song tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp nên năng suất lao động không cao; bên cạnh đó, việc đẩy mạnh thu hút đầu tư sẽ dẫn đến thiếu hụt lao động.

Huyện Hiệp Hòa sẽ phải đối mặt với những tác động tiêu cực như dư thừa lao động trình độ thấp ảnh hưởng tới tình hình kinh tế xã hội; mất an toàn an ninh thông tin, thiếu hụt nguồn nhân lực trình độ cao; Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, môi trường bị ô nhiễm, gia tăng rác thải công nghiệp, cạn kiệt nguồn tài nguyên...

#### **4.11. Đánh giá thực hiện quy hoạch chung 2018 (Theo Quyết định số 846/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035)**

##### **4.11.1. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch:**

Sau khi Quy hoạch chung năm 2018 được phê duyệt, huyện Hiệp Hòa đã rà soát các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được lập trước thời điểm Quy hoạch chung 2018 được phê duyệt, tiến hành lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Cho đến nay việc triển khai thực hiện các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư, công tác quản lý xây dựng đô thị cơ bản tuân thủ đúng quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đã được phê duyệt năm 2018.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện để phù hợp với thực tiễn phát triển và một số chủ trương mới, UBND huyện Hiệp Hòa đã đề nghị và được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch 04 lần (*Cụ thể tại các Quyết định: số 804/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; số 465/QĐ-UBND ngày 08/5/2021; số 837/QĐ-UBND ngày 12/8/2022; số 46/QĐ-UBND ngày 10/01/2023*).

Để cụ thể hóa quy hoạch chung năm 2018 và các điều chỉnh cục bộ đã được phê duyệt UBND huyện đã chỉ đạo lập và phê duyệt nhiều quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cụ thể:

\* Đối với quy hoạch phân khu hiện đã và đang thực hiện 06 quy hoạch gồm:

+ Quy hoạch phân khu thị trấn Thắng, Phạm vi ranh giới bao gồm toàn bộ thị trấn Thắng với quy mô diện tích khoảng 1.134ha.

+ Quy hoạch phân khu Danh Thắng: Phạm vi ranh giới bao gồm toàn bộ xã Danh Thắng với quy mô diện tích khoảng 926ha.

+ Quy hoạch phân khu Lương Phong: Phạm vi ranh giới bao gồm toàn bộ xã Lương Phong với quy mô diện tích khoảng 820ha.

+ Quy hoạch phân khu Đoàn Bái: Phạm vi ranh giới bao gồm toàn bộ xã Đoàn Bái với quy mô diện tích khoảng 520ha.

+ Quy hoạch phân khu Bách Nhãn: Phạm vi ranh giới bao gồm toàn bộ xã Bách Nhãn với quy mô diện tích khoảng 894,85ha.

+ Quy hoạch phân khu Bắc Lý: Phạm vi ranh giới bao gồm toàn bộ xã Bắc Lý với quy mô diện tích khoảng 1.289,68ha

\* Đối với quy hoạch chi tiết:

+ Đã hoàn thành lập và phê duyệt 55 đồ án quy hoạch xây dựng khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu chức năng khác (Bao gồm: Khu đô thị mới Châu Minh - Mai Đình; Khu đô thị mới đường vành đai thị trấn Thắng; Khu đô thị mới mở rộng phía Tây thị trấn Thắng; Khu đô thị Phố Hoa; KDC mới xã Hùng Sơn; KDC Mai Hạ; Khu đô thị Sa Long; KDC Đông Lỗ 1; KDC Đông Lỗ 3; Điểm dân cư thương mại dịch vụ Mai Hạ; Khu đô thị số 4; Khu đô thị Châu Minh; Khu đô thị Lương Phong; Khu đô thị thôn Chóp, xã Lương Phong; Khu nhà ở công nhân phục vụ KCN Hòa Phú; Khu đô thị mới phía Tây Nam thị trấn Thắng; Khu đô thị mới đường vành đai thị trấn Thắng; Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Thắng; Khu đô thị Bắc Lý số 2; Khu cơ quan và dân cư khu vực Hồ Thống Nhất; KDC số 1 thị trấn Thắng; KDC Bắc Lý - Hương Lâm; KDC Đông Bái Thượng; KDC Đức Thịnh; KDC Đông Lâm; KDC Đông Trược; Khu dân cư và hồ điều hòa giáp Khu dân cư Đức Thắng; KDC mới xã Bắc Lý; KDC Xuân Cẩm, KDC Mai Trung; KDC Đoàn Bái - Lương Phong; KDC Thường Thắng; Điểm dân cư Ngọc Liên, xã Châu Minh; Điểm dân cư Ngõ Xá, xã Châu Minh; Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa; Chợ Hương Lâm; Khu TMDV Thường Thắng...).

+ Đang triển khai lập 17 đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng khu dân cư, khu nhà ở, khu chức năng khác (Bao gồm: Khu nhà ở công nhân huyện Hiệp Hòa; KDC Thường Thắng 2; KDC Hợp Thịnh; Khu đô thị - dịch vụ Hòa Phú; Khu đô thị - dịch vụ Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm; Khu đô thị tại xã Hương Lâm; KDC Bắc Lý - Hương Lâm mở rộng; Khu dịch vụ tổng hợp, logistics, cảng ICD Đông Lỗ - Tiên Sơn; Kho xăng dầu xã Mai Đình; Khu dịch vụ tổng hợp, logistics Xuân Cẩm - Hương Lâm; 04 khu Thương mại dịch vụ tại thị trấn Thắng).

Đã triển khai dự án đầu tư xây dựng cải tạo chỉnh trang Khu trung tâm hành chính huyện, khu quảng trường trung tâm huyện, kè hồ trung tâm, xây dựng chợ trung tâm thị trấn,... các công trình được hoàn thiện và đưa vào sử dụng tạo nên bộ mặt trung tâm huyện khang trang, hiện đại...

Huyện cũng đã dành nguồn ngân sách và xã hội hóa tập trung chỉnh trang đô thị như cải tạo vỉa hè các tuyến đường trung tâm thị trấn Thắng; cải tạo một số vườn hoa, các nút giao thông, quảng trường;

\* Thực hiện công tác mở rộng địa giới hành chính và phát triển đô thị theo quy hoạch chung đã xác định:

- Hoàn thành Đề án sáp nhập xã Đức Thắng vào thị trấn Thắng (Đề án đã được HĐND tỉnh Bắc Giang khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019).

- Hoàn thành Đề án đề nghị công nhận khu vực Bách Nhẫn và khu vực Phố Hoa (Bắc Lý) đạt tiêu chí đô thị loại V (Đề án Bách Nhẫn đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang công nhận tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2020; Đề án Phố Hoa đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang công nhận tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 07/01/2020).

- Hoàn thành Đề án thành lập thị trấn Bắc Lý thuộc huyện Hiệp Hòa (Đề án đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV ban hành Nghị quyết 510/NQ-UBTVQH15 về thành lập thị trấn Bắc Lý thuộc huyện Hiệp Hòa ngày 12/5/2022).

+ Tiến hành Quy hoạch, triển khai các dự án hệ thống hạ tầng kỹ thuật để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội và dần từng bước xây dựng huyện Hiệp Hòa đạt các tiêu chí đô thị loại IV:

- Dự án đầu tư xây dựng lát vỉa hè trung tâm thị trấn Thắng và đèn đường QL37 qua thị trấn Thắng đã hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng;

- Dự án lát vỉa hè đường ĐT296 (đoạn từ Km0+270 đến Km0+650) và vỉa hè trước cổng trụ sở Huyện ủy - UBND huyện;

- Dự án đường nối đường QL37 với đường ĐT296 (dọc kênh 1B) đã hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng;

- Dự án cải tạo, sửa chữa đường ĐT288 đoạn từ Km12+900 đến Km20+50 đã hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng;

- Dự án đường nối đường QL37 với đường ĐT295 (vành đai 1 thị trấn Thắng) đã cơ bản hoàn thành giải phóng mặt bằng thi công xong đoạn từ đường QL37 đến đường vào bãi rác;

- Dự án cải tạo nâng cấp đường Tràng - Phố Hoa (đoạn từ ĐT288 đi ĐT295) và đường giao thông nối ĐT296 với ĐT295 (đoạn nối Bách Nhẫn với Phố Hoa) đã hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng;

- Dự án khu nhà liên cơ quan huyện đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào sử dụng;

- Dự án hệ thống thoát nước đường 675 đoạn nối ĐT288 - ĐT296 đã hoàn thành thi công xây dựng và đưa vào sử dụng;

- Dự án hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường QL37 (đoạn Công ty may Hà Phong - thị trấn Thắng và đoạn Trường xe đi xã Thanh Vân), ĐT295 (đoạn từ Km57+00 - Km63+00), ĐT296 (đoạn từ Km5+00 - Km9+628), ĐT288 (đoạn từ Km11+400 - Km15+800) đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng;

- Các dự án nhà máy nước sạch liên xã: Tại xã Đông Lỗ đã hoàn thành đầu tư, đưa vào khai thác sử dụng giai đoạn 1 (công suất 4.500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm); Nhà máy nước sạch tại xã Mai Đình (công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

- Một số dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đến năm 2025 đã và đang được triển khai thực hiện như các tuyến: ĐT 398 đến nay đã hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng; vành đai 1 thị trấn Thắng; 01 bến xe tại xã Hương Lâm và 03 bãi

đỗ xe đón công nhân đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư vị trí trên ĐT296 (xã Đại Thành), ĐT288 (xã Đông Lễ), Quốc lộ 37 (xã Thanh Vân).

+ Kết quả thực hiện các công trình, dự án trọng điểm:

Đã và đang triển khai thực hiện 85 dự án, trong đó đã hoàn thành 15 dự án (01 dự án do tỉnh làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư 3 tỷ đồng, 02 dự án do huyện làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư 76,26 tỷ đồng và 12 dự án do các xã, thị trấn làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư khoảng 40,8 tỷ đồng); đang triển khai 70 dự án (03 dự án do tỉnh làm chủ đầu tư, 37 dự án do huyện làm chủ đầu tư, 19 dự án do các xã, thị trấn làm chủ đầu tư và 11 dự án do các nhà đầu tư thực hiện). Tổng số nguồn vốn các dự án đang thực hiện khoảng 9.658,4 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh là 1.245,8 tỷ đồng, ngân sách huyện là 2.196,7 tỷ đồng, ngân sách xã là 189,7 tỷ đồng, vốn khác là 6026,2 tỷ đồng. Một số dự án trọng điểm đã và đang triển khai như sau:

- Lĩnh vực giao thông: Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa với thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã cơ bản hoàn thành phần đường đoạn từ QL37 đi ĐT 296, đoạn còn lại đang tiếp tục thi công; Xây dựng đường và cầu Hà Bắc 2 (đoạn qua Hiệp Hòa dài khoảng 350m) đã cơ bản thi công xong phần đường, đang thi công phần kết cấu nhịp cầu; Xây mới tuyến đường trục Bắc Nam khối lượng đã thi công đạt khoảng 80%; Xây dựng đường nối ĐT295 với đê sông Cầu, xã Mai Đình, đã thi công đạt khoảng 60%...Đã hoàn thành cầu Xuân Cẩm và đưa vào sử dụng

- Lĩnh vực hạ tầng đô thị, chiếu sáng: Tiếp tục thi công giai đoạn 2 Đèn chiếu sáng ĐT 295 đoạn từ thị trấn Thắng đi xã Châu Minh khối lượng đã thi công đạt khoảng 80%; Lát vỉa hè đường ĐT 295 (đoạn từ ngã 6 đến Công ty may Vietpan), khối lượng đã thi công đạt khoảng 60%; Lát vỉa hè đường ĐT 296 (đoạn từ ngã 6 đi đến tổ dân phố Đông Ngàn), khối lượng đã thi công đạt khoảng 90%...

- Khu, cụm công nghiệp: Mở rộng KCN Hòa Phú giai đoạn 1 với diện tích 85ha; thành lập mới Cụm công nghiệp Danh Thắng – Đoàn Bái với diện tích 75ha; lập quy hoạch phân khu 3 khu công nghiệp và lập hồ sơ đề nghị tỉnh thành lập 05 cụm công nghiệp.

- Khu đô thị, khu dân cư: Khu dân cư thôn Chớp, xã Lương Phong, KDC Thường Thắng, xã Thường Thắng, KDC mới xã Bắc Lý đã lựa chọn xong nhà đầu tư, đang thực hiện GPMB; Khu dân cư và hồ điều hòa giáp khu dân cư Đức Thắng đang triển khai thi công đạt khoảng 70%; Khu dân cư xen kẹt tại các thôn, tổ dân phố đang thực hiện một số điểm dân cư thuộc các xã Quang Minh, Châu Minh, Danh Thắng, Đoàn Bái, Hòa Sơn, Thường Thắng...

- Hạ tầng xã hội: Huyện đã triển khai các dự án đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao như: Xây dựng cơ sở vật chất một số trường MN, TH, THCS thuộc các xã Thanh Vân, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thanh, Hoàng Vân; Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Thái Sơn, Hoàng Vân, Hương lâm, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương lâm, Hoàng An; Trường mầm non Châu

Minh; Xây dựng mới Trường THCS Xuân Cẩm; Trường trung học cơ sở Hoàng Vân; Trường trung học cơ sở Hợp Thịnh; Sân vận động xã Thanh Vân; Xây dựng mới trụ sở Công an các xã, thị trấn...

- Một số dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn đến năm 2025 đã có chủ trương và đang triển khai thực hiện gồm các tuyến đường: Hiệp Hòa - Phổ Yên, Hiệp Hòa - Yên Phong, QL37 đoạn tránh phía Đông thị trấn Thắng, trục chính đô thị Bắc - Nam (Đoạn từ Khu dân cư số 3 thị trấn Thắng đến đường ĐT398), Vành đai 2 thị trấn Thắng, đường nối ĐT296 - ĐT398. Các trục đường xã, liên xã, liên thôn đã được cứng hóa theo quy hoạch

#### **4.11.2. Những kết quả đạt được**

Quy hoạch chung lập 2018 đã bố trí các khu chức năng cơ bản phù hợp với định hướng phát triển của Huyện và đặc thù riêng của từng vùng; các khu vực được đầu tư xây dựng cơ bản đúng quy hoạch đã tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế cho toàn huyện Hiệp Hòa. Một số tuyến giao thông và hạ tầng đô thị đã được lập dự án và triển khai thực hiện góp phần cải thiện, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân, đồng thời tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho đô thị và nâng cao chất lượng sống của người dân. Sau hơn 4 năm triển khai thực hiện công tác xây dựng, thu hút đầu tư theo Đồ án Quy hoạch chung 2018, huyện đã có những bước chuyển biến đáng kể về các mặt kinh tế - xã hội, diện mạo đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và dịch vụ .

Mục tiêu xây dựng, phát triển đô thị theo quy hoạch chung 2018 đã dần được cụ thể hóa bởi các quy hoạch cấp độ nhỏ hơn, dự án trọng điểm, có tính lan tỏa tạo động lực phát triển cho các dự án thành phần khác. Việc triển khai thực hiện quy hoạch chung năm 2018 thông qua các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và các dự án là bước cụ thể hóa quan trọng, nhằm đưa quy hoạch chung vào cuộc sống góp phần thúc đẩy huyện hoàn thành các tiêu chí để công nhận toàn huyện Hiệp Hòa là đô thị IV - trở thành thị xã trong thời gian trước năm 2030.

Công tác lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết 1/500 được quan tâm. Huyện đã thu hút được nhiều nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đến nghiên cứu, tìm hiểu đề xuất ý tưởng đầu tư các dự án với quy mô lớn, phương án quy hoạch và đề xuất đầu tư có tính đột phá nhằm phát huy tối đa các tiềm năng lợi thế của khu vực.

Bên cạnh những khu đô thị, khu dân cư mới, các công trình công cộng cũng được huyện Hiệp Hòa quan tâm phát triển trong thời gian qua, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân.

#### **4.11.3. Tôn tại, hạn chế của Quy hoạch chung 2018**

- Dự báo phát triển về dân số và nhu cầu sử dụng đất chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển thực tế của địa phương.

- Quy hoạch sử dụng đất ở một số phân khu chức năng không phù hợp với điều kiện hiện nay, nhiều định hướng đặt ra trong quy hoạch cần được điều

chính để đáp ứng nhu cầu phát triển như không gian dành cho phát triển công nghiệp còn hạn chế chưa khai hợp lý những vị trí có lợi thế về quỹ đất và kết nối giao thông để thu hút đầu tư và vận hành hoạt động của khu công nghiệp; Dự kiến khu vực nội thị chưa đủ cho đô thị loại III; Bố trí thiếu quỹ đất dành cho phát triển đô thị nhất là các xã dự kiến xây dựng trở thành phường; còn thiếu quỹ đất xây dựng công trình hạ tầng xã hội và dịch vụ thương mại nhất là các trung tâm dịch vụ thương mại có quy mô lớn để đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố công nghiệp loại III, đủ sức cạnh tranh với các huyện lân cận như Yên Phong (Bắc Ninh), Phồ Yên, Phú Bình (Thái Nguyên) và quỹ đất đáp ứng nhu cầu của lực lượng công an; Chưa khai thác tốt tiềm năng lợi thế của hệ thống giao thông thủy, ĐT 398. Mặt cắt các tuyến giao thông đối ngoại, đối nội, đường trục xã, liên xã còn nhỏ, hệ thống các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật như cấp nước, cấp điện xác định về quy mô, công suất thiếu so với nhu cầu phát triển trong lâu dài.

Tuy nhiên đồ án QHC 2018 đã xem xét khá toàn diện và hợp lý về cơ cấu tổ chức không gian, mạng lưới hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị, lựa chọn các khu vực có điều kiện địa hình, cảnh quan, các thế mạnh của yếu tố hạ tầng khác để bố trí các khu chức năng phù hợp cho sự phát triển đô thị đến năm 2035... Vì vậy, đồ án QHC đến năm 2045 cơ bản kế thừa và bổ sung, điều chỉnh một số nội dung để phù hợp với định hướng của các quy hoạch cấp trên và yêu cầu phát triển mới

#### **4.12. Đánh giá sự phù hợp các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết với quy hoạch chung lập cho giai đoạn đến năm 2045**

- Sau khi Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa 2018 được phê duyệt, Huyện Hiệp Hòa đã triển khai lập 11 quy hoạch phân khu, tuy nhiên mới có 06 QHPK là: QHPK Bắc Lý, KCN Hòa Phú (GĐ1), KCN Hòa Phú (GĐ2), KCN Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm, KCN Hòa Yên được phê duyệt, còn 05 các quy hoạch phân khu khác tạm dừng do phải đợi Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2045 được phê duyệt. 06 quy hoạch phân khu đã được phê duyệt cơ bản tuân thủ QHC năm 2018, sau khi xem xét về cơ bản là cũng phù hợp với Quy hoạch chung lập cho giai đoạn đến năm 2045

Huyện đã hoàn thành lập và phê duyệt 55 đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, khu chức năng khác, các quy hoạch này đều phù hợp với Quy hoạch chung lập cho giai đoạn đến năm 2045.

#### **4.13. Khái quát những vấn đề tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị Hiệp Hòa.**

- Đồ án quy hoạch chung Đô thị Hiệp Hòa cuối năm 2018 mới được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt vì vậy việc triển khai thực hiện Lập chương trình phát triển đô thị Hiệp Hòa, lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực định hướng phát triển nội thị triển khai chậm.

- Một số quy hoạch phân khu đang triển khai đang tạm dừng do đợi Quy hoạch Tỉnh Bắc Giang được phê duyệt, và đến nay lại đợi quy hoạch chung gia

đoạn đến năm 2045. Đồng thời đến nay đã có nhiều định hướng chiến lược mới đối với huyện Hiệp Hòa có tác động đến quy hoạch sử dụng đất của huyện và phân bố lại một số khu chức năng.

- Một số chủ đầu tư chưa nhận thức đầy đủ về thực hiện pháp luật trong xây dựng công trình. Việc kiểm tra trật tự xây dựng, giám sát xây dựng sau khi cấp giấy phép, xử lý vi phạm trật tự xây dựng chưa được cơ quan huyện, UBND các xã, thị trấn quan tâm thực hiện thường xuyên, nghiêm túc theo quy định.

#### **4.14. Những vấn đề cần giải quyết trong đề án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa giai đoạn đến năm 2045**

Từ những vấn đề còn tồn tại, những định hướng của quy hoạch cấp trên đối với huyện Hiệp Hòa, những tiềm năng thế mạnh đã được xác định, những nhiệm vụ đặt ra cho giai đoạn phát triển mới đã được phân tích ở trên thì nội dung cần giải quyết trong thời gian tới sẽ tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Tìm ra sự khác biệt, thế mạnh của Hiệp Hòa để chọn hướng đi đúng, tránh cạnh tranh trực tiếp với các đô thị lớn xung quanh.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật kết nối với Tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hà Nội và kết nối nội vùng (gồm toàn bộ tỉnh Bắc Giang và các huyện lân cận là Việt Yên, Tân Yên) đặc biệt là hệ thống giao thông, hệ thống cầu đê tạo thuận lợi và thúc đẩy hoạt động phát triển kinh tế trong huyện nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển không gian đến năm 2030 phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ - TTg, ngày 17 tháng 2 năm 2022

- Điều chỉnh dự báo quy mô dân số các giai đoạn đến năm 2030 và 2045 thay cho thời kỳ dự báo trước đây là 2025 và 2035.

- Rà soát các đề án, dự án mới, các dự án đang đề xuất của các nhà đầu tư có tác động tới hiện trạng phát triển đô thị, định hướng quy hoạch đã được phê duyệt để có những đề xuất xem xét phù hợp

- Xem xét rà soát điều chỉnh tính chất của đô thị, quỹ đất dành cho phát triển các khu chức năng đô thị phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh, bổ sung không gian và quy mô phát triển công nghiệp, phát triển khu dân cư đô thị, nông thôn trên cơ sở tính toán phù hợp với khả năng quỹ đất, quy mô dân số, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

- Phân vùng chức năng, phân khu đô thị để dễ dàng trong quản lý xây dựng, đảm bảo phát triển năng động và hiệu quả về kinh tế - xã hội - cảnh quan; Kết hợp hợp lý giữa cấu trúc đô thị tập trung và phân tán để tạo sự phát triển hài hòa, cân bằng và hiệu quả.



- Nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh các bất cập của Quy hoạch chung năm 2018 trong bối cảnh xây dựng đô thị đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV vào năm 2025 và thị xã vào năm 2030, đô thị loại III vào năm 2045.

- Đề xuất các giải pháp quy hoạch khắc phục các tồn tại và đề xuất các chiến lược phát triển phù hợp với định hướng phát triển huyện Hiệp Hòa trở thành trung tâm công nghiệp mới của tỉnh Bắc Giang, hướng tới đô thị sinh thái có chất lượng cuộc sống cao, gắn với bảo vệ môi trường.

- Khớp nối, bổ sung các định hướng chiến lược của các quy hoạch cấp Tỉnh, quy hoạch ngành, các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã phê duyệt để đảm bảo tính thống nhất.

- Khai thác tối đa lợi thế quỹ đất khu vực hai bên đường nối cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn với cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (ĐT 398), QL37, ĐT 296, ĐT 296 B, ĐT 295, ĐT 288 và một số tuyến đường giao thông mở mới cho phát triển đô thị, dịch vụ thương mại, công nghiệp, tạo ra những không gian phát triển kinh tế mới.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa, cảnh quan sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các di tích lịch sử để kết hợp phát triển du lịch.

- Lựa chọn vị trí phù hợp để xây dựng các khu chức năng mới (công nghiệp, thương mại dịch vụ, nhà ở, logistic, công viên cây xanh...) theo lợi thế của huyện

- Quy hoạch không gian phát triển hệ thống công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, giải quyết có hiệu quả vấn đề ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng kế hoạch ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị còn thiếu tại các khu vực dự kiến trở thành phường nội thị để đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV như tiêu chí Cân đối thu chi ngân sách, thu nhập bình quân/người, công trình công cộng, cây xanh, công viên, khu vui chơi giải trí, mật độ đường giao thông đô thị, xử lý nước thải, rác thải...

## **V. TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CÁC DỰ BÁO**

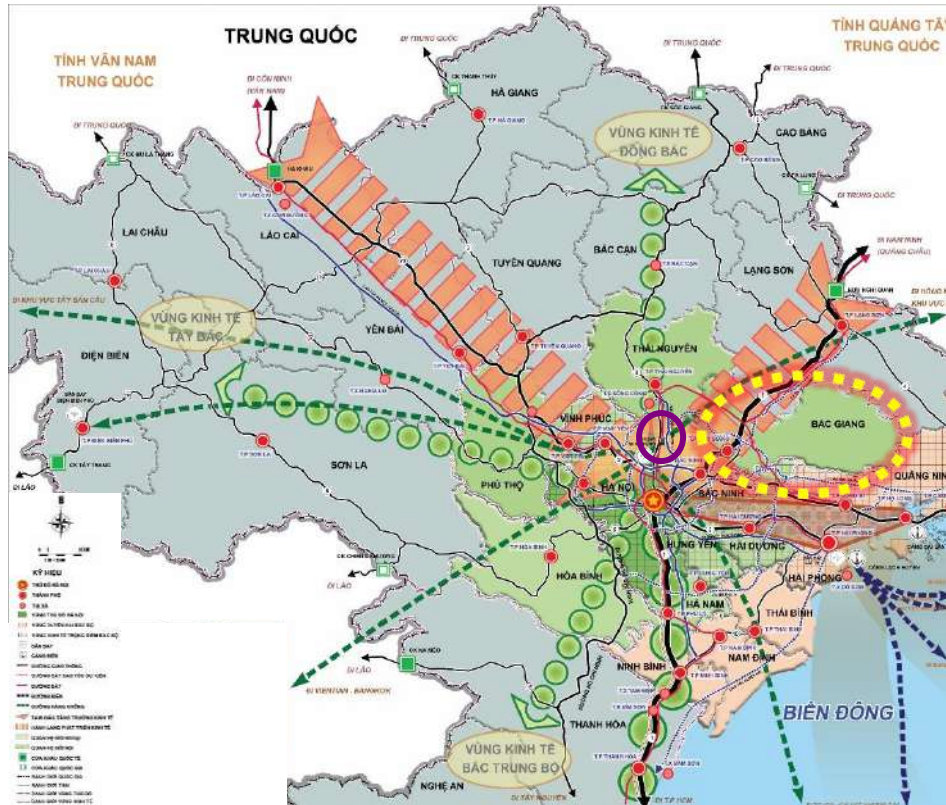
### **5.1. Môi quan hệ vùng và tiền đề phát triển đô thị Hiệp Hòa**

#### **5.1.1. Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

Trên cơ sở phân tích về vị trí địa kinh tế, mối tương quan giữa các tỉnh và các đô thị trong vùng Thủ đô, lợi thế về điều kiện tự nhiên, kết nối cơ sở hạ tầng và yêu cầu chia sẻ các chức năng trong Vùng Thủ Đô. Quy hoạch này đã xác định một số định hướng phát triển chính đối với tỉnh Bắc Giang và huyện Hiệp Hòa như sau:

Tỉnh Bắc Giang được xác định là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn); phát triển du lịch (Tây Yên Tử, Hồ Khuôn Thần, Hồ Cẩm Sơn...); Sản xuất các sản phẩm nông lâm nghiệp chất lượng cao tại các huyện phía Đông của tỉnh; là đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của

Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa Khoảng 40 - 45%; Phát triển các khu vực trung chuyển đầu mối, cảng cạn/trung tâm logistics tại các Điểm giao thoa của 02 hành lang kinh tế và các tuyến thương mại liên vùng; Bảo vệ, phục hồi phát huy giá trị các khu bảo tồn thiên nhiên (Tây Yên Tử, Khe Rỗ);



*Đô thị Hiệp Hòa trong Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050*

Hiệp Hòa là khu vực thuận lợi kết nối với sân bay quốc tế Nội Bài sẽ là vùng phát triển công nghiệp trong đó tập trung phát triển các ngành lắp ráp điện tử, cơ khí chính xác, vật liệu xây dựng cao cấp, công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo máy, vật liệu xây dựng mới, hóa - dược phẩm, chế biến thực phẩm, may mặc; Phát triển không gian công nghiệp gắn với đô thị hóa, phát triển nhà ở công nhân, nhà ở xã hội; Bảo tồn hệ thống làng nghề truyền thống và không gian lịch sử văn hóa khu vực nông thôn (các không gian đình, đền, chùa...). Gắn các hoạt động sản xuất, nghề thủ công truyền thống với việc khai thác du lịch nông nghiệp và tạo thêm việc làm tại vùng nông thôn.

Định hướng này cho thấy những năm tới tỉnh Bắc Giang và huyện Hiệp Hòa sẽ một những trọng điểm phát triển công nghiệp vừa Vùng Thủ đô với các ngành công nghiệp mới, tiên tiến; Là khu vực phát triển dịch vụ trung chuyển hàng hóa logistic. Vùng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa- lịch sử truyền thống. Đây cũng chính là sự phân công chia sẻ chức năng phát triển của vùng, đồng thời là cơ hội để huyện thu hút các dự án đầu tư tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện và tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn tới đây.

### **5.1.2. Nghị Quyết số 11 - NQ/TW ngày 10/3/2022 của Bộ chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh Vùng trung du miền núi Bắc bộ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045**

Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ bao gồm 14 tỉnh trong đó có Tỉnh Bắc Giang. Theo định hướng của Nghị quyết số 11- NQ/TW, Vùng Trung du miền núi Bắc bộ là vùng phát triển xanh, bền vững, vùng phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng; Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản, kinh tế cửa khẩu, du lịch; bảo vệ khôi phục rừng, đẩy mạnh trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp.... Tỉnh Bắc Giang có vị trí nằm trong chuỗi liên kết khu vực động lực của vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ gắn với vùng Thủ đô. Trên vành đai này đô thị có vị trí thuận lợi nhất trong chuỗi liên kết của tỉnh Bắc Giang là đô thị Hiệp Hòa. Đồng thời tỉnh Bắc Giang cũng nằm trong hành lang kinh tế Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Cao Bằng. Trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ thành phố Bắc Giang được định hướng xây dựng là một trong những đô thị trở thành cực tăng trưởng hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế vùng. Với vai phát triển này, tỉnh Bắc Giang đã phân vùng phát triển đối với các đơn vị hành chính trong tỉnh trên cơ sở khai thác tiềm năng lợi thế riêng của các huyện. Huyện Hiệp Hòa được xác định là vùng trọng tâm phát triển công nghiệp của tỉnh đồng thời nằm trên vành đai phát triển công nghiệp của Vùng.

Để phát huy lợi thế của 2 hành lang kinh tế này tỉnh Bắc Giang đã xây dựng tuyến đường nối Cao tốc Hà Nội - Lào Cai với cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (ĐT 398), tuyến đường này đi qua huyện Hiệp Hòa, đây là lợi thế để huyện Hiệp Hòa tiếp cận trực tiếp đến hành lang kinh tế Hà Nội - Lào Cai với định hướng phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng, Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và dịch vụ trung chuyển hàng hóa (logistic - do còn có nhiều lợi riêng như gần sân bay Nội Bài, có hệ thống cảng trên sông Cầu). Như vậy, đối với Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Hiệp Hòa nói riêng có vai trò quan trọng đóng góp vào phát triển - kinh tế xã hội chung của Vùng

### **5.1.3. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025**

Đã định hướng: Xây dựng huyện Hiệp Hòa đồng bộ, hiện đại trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt để đạt tiêu chí đô thị loại IV, trở thành trung tâm dẫn dắt sự phát triển của tiểu vùng.

Phát triển không gian công nghiệp tập trung dọc QL37, ĐT 398, ĐT 295, 296. Xây dựng một số khu nhà ở xã hội và tầng xã hội tại các khu công nghiệp.

Như vậy trong Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025 nêu rõ 02 định hướng phát triển chính của huyện Hiệp Hòa là đạt tiêu chí đô thị loại IV và đẩy mạnh phát triển công nghiệp dọc các tuyến giao thông QL và ĐT, phát triển nhà ở xã hội.

#### **5.1.4. Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022**

Trong quy hoạch vùng tỉnh Bắc Giang đã xác định vai trò vị thế của huyện Hiệp Hòa đối với Tỉnh Bắc Giang, phân công ngành lĩnh vực trọng tâm phát triển tại huyện Hiệp Hòa cụ thể như sau:

Hiệp Hòa được xác định là đô thị động lực thúc đẩy sự phát triển tiêu vùng phía Tây của tỉnh Bắc Giang. Định hướng trở thành một trong những trung tâm phát triển Công nghiệp mới, phát triển dịch vụ trung chuyển hàng hóa (logistic) của tỉnh; phát triển đa dạng ngành dịch vụ thương mại; Nông nghiệp phát triển theo hướng an toàn, chất lượng, công nghệ cao; Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đầu tư đồng bộ, hiện đại; Đến năm 2030 trở thành thị xã;

Quy hoạch vùng tỉnh Bắc Giang đã Định hướng phát triển các nhiệm vụ trọng tâm đối với huyện Hiệp Hòa đến năm 2030 như sau:

+ Phát triển ngành công nghiệp: theo hướng thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế (công nghiệp sản xuất linh kiện điện tử, cơ khí chế tạo, may mặc...) có giá trị gia tăng cao, tạo tăng trưởng đột phá để chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đến năm 2030 huyện có 04 KCN, trong đó mở rộng 01 KCN (KCN Hòa Phú), quy hoạch mới 03 KCN (KCN-Đô Thị - Dịch vụ Xuân Cẩm - Hương Lâm; KCN-Đô thị-Dịch vụ Châu Minh-Bắc Lý-Hương Lâm; KCN-Đô thị-Dịch vụ Hòa Yên); Bố trí 14 cụm công nghiệp trong đó: Giữ nguyên diện tích 07 CCN đã có (gồm: CCN Hợp Thịnh, CCN Hà Thịnh, CCN Việt Nhật, CCN Jutech, CNN Doan Bái, CCN Doan Bái – Lương Phong 1, CCN Doan Bái – Lương Phong 2); mở rộng diện tích 01 CCN (Thanh Vân); thành lập mới 06 CCN (Gồm: CCN Đông Lỗ, CCN Đông Lỗ 2, CCN Thanh Vân - Hoàng An, CCN Hòa Sơn - Quang Minh, CCN Mai Trung, CCN Danh Thắng - Doan Bái)

+ Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch:

- Thương mại, dịch vụ: Phát triển tại các trung tâm đô thị Thắng, Bách Nhẫn, Phố Hoa và các KCN...

+ Du lịch: Phát triển du lịch theo hướng du lịch sử văn hóa, tâm linh gắn với không gian lịch sử ATK, tập trung vào các điểm du lịch: Đình Lỗ Hạnh (xã Đông Lỗ); Đền, chùa Y Sơn (xã Hòa Sơn), Đình Xuân Biều (xã Xuân Cẩm)...

+ Phát triển nông nghiệp: Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng hàng nông sản, hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích đất nông nghiệp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Xây dựng các mô hình và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Duy trì phát triển những loại cây trồng đã tạo thương hiệu tốt như: bưởi diễn, rau cần,... tạo chuỗi giá trị.

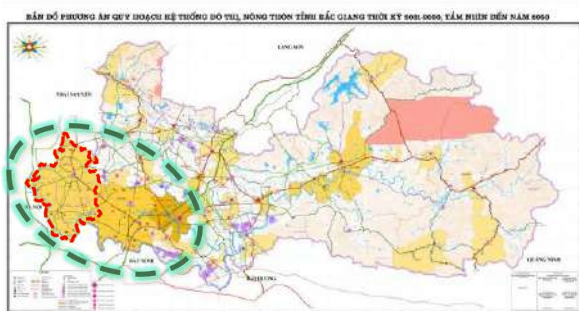
+ Chăn nuôi: Theo mô hình trang trại, đảm bảo vệ sinh môi trường, từng bước tổ chức lại chăn nuôi theo hướng liên kết và quản lý theo chuỗi sản phẩm khép kín từ chuồng nuôi đến thị trường tiêu thụ

+ Phát triển hệ thống đô thị, nông thôn

- Phát triển đô thị với khu trung tâm là thị trấn Thắng hiện nay

- Không gian nội thị gồm TT.Thắng và 11 xã: Hùng Sơn, Thái Sơn, Thường Thắng, Danh Thắng, Lương Phong, Đoan Bái, Bắc Lý, Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình, Xuân Cầm; xã ngoại thị gồm: Xã Đồng Tân, Thanh Vân, Hoàng Thanh, Hoàng Lương, Hoà Sơn, Quang Minh, Đại Thành, Hợp Thịnh, Hoàng An, Hoàng Vân, Ngọc Sơn, Đông Lễ, Mai Trung.

- Hình thành các khu đô thị có quy mô lớn tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho địa phương như khu đô thị Bắc Lý số 1, 2; khu đô thị mới Lương Phong; KĐT mới phía Tây mở rộng, phía Tây Bắc, Tây Nam thị trấn Thắng...



*Hình ảnh sơ đồ huyện Hiệp Hòa nằm trong vùng phát triển đô thị của tỉnh Bắc Giang*



*Hình ảnh sơ đồ huyện Hiệp Hòa nằm trong vùng phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Giang*

+ Khu vực nông thôn: Phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với các đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới theo các tiêu chí của quốc gia. Không gian ngoại thị chủ yếu để duy trì phát triển nông nghiệp công nghệ cao, vùng chuyên canh cây con là thế mạnh của huyện

Các định hướng phát triển trong Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội, Nghị Quyết số 11 - NQ/TW, chủ trương trong Văn kiện Đại hội Đảng tỉnh Bắc Giang và Quy hoạch tỉnh Bắc Giang chính là tiền đề để hiện thực hóa thành các quy hoạch, dự án đầu tư tạo động lực mới cho đô thị Hiệp Hòa phát triển.

### **5.1.5. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 đã xây dựng lộ trình theo từng năm và 5 năm để có kế hoạch phát triển toàn huyện Hiệp Hòa trở thành thị xã, trong đó có một số nhiệm vụ trọng tâm đó là: lập Quy hoạch chung thị xã Hiệp Hòa, lập quy hoạch phân khu các phường, quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị; Lập quy chế Quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị cho toàn huyện Hiệp Hòa để quản lý xây dựng đảm bảo mỹ quan - văn minh đô thị;

Xây dựng kế hoạch cụ thể cho các hạng mục xây dựng công trình hạ tầng xã hội và Phát triển đô thị như: đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công, cụm nghiệp trọng điểm của huyện; đầu tư phát triển các khu đô thị mới, cải tạo, chỉnh trang khu đô thị cũ nâng cao chất lượng đô thị; Hoàn thiện thiết chế văn hóa - thể thao trên địa bàn huyện phục vụ chăm sóc đời sống văn hóa tinh thần cho người

dân; Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Xây dựng các công trình chăm sóc sức khỏe cho người dân; Hoàn thành xây dựng các công trình dịch vụ thương mại thúc đẩy phát triển kinh tế (Chợ Trung tâm huyện, hệ thống chuỗi bán buôn, bán lẻ, hệ thống chợ nông thôn, các loại hình dịch vụ phục vụ tiêu thụ nông sản cho nông dân);

Triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn toàn huyện như nâng cấp mở rộng hè đường và trồng cây xanh kết hợp xây dựng hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng tại thị trấn Thắng, thị tứ Phố Hoa, Bách Nhân; Quy hoạch hệ thống bến xe, điểm đỗ và hệ thống đường giao thông nội thị; Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước...

Các hạng mục công việc cần thực hiện được đặt ra trong Chương trình phát triển đô thị là nhiệm vụ và bước đi cụ thể để đến năm 2030 toàn huyện Hiệp Hòa trở thành thị xã.

## **5.2. Động lực phát triển Đô thị Hiệp Hòa**

### **5.2.1. Mối quan hệ liên vùng tạo động lực phát triển**

Có vị trí nằm ở khu vực Đông - Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 50km, cách thành phố Bắc Giang khoảng 30km. Huyện Hiệp Hòa có vị trí tương đối thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế - xã hội: là nơi có một số tuyến giao thông quan trọng đi qua như Quốc lộ 37, đường tỉnh 294, 295, 296, 297, 288, 298B, 398, nối huyện Hiệp Hòa với huyện Sóc Sơn (thành phố Hà Nội - đồng thời là cửa ngõ kết nối tỉnh với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài thông qua ĐT398, thị xã Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên), huyện Yên Phong (tỉnh Bắc Ninh và liên kết không gian công nghiệp, đô thị và hạ tầng dịch vụ thương mại với khu vực công nghiệp Yên Phong), kết nối với vùng phát triển tập trung công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên, Hà Nội, và vùng đô thị công nghiệp của tỉnh Bắc Giang cũng như các huyện miền núi phía đông Bắc và Bắc của tỉnh. Ngoài ra phía Tây huyện còn có giao thông thủy và hệ thống cảng trên sông Cầu.

Huyện Hiệp Hòa có vị trí nằm trên hành lang kinh tế Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ và hành lang kinh tế Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Cao Bằng. Có vị trí đa lợi do nằm trong vùng được xác định phát triển đô thị, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ, vùng bảo tồn giá trị văn hóa, làng nghề truyền của Vùng Thủ Đô, vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

Với những thuận lợi về vị trí địa lý và giao thông liên vùng và định hướng phát triển của quốc gia, của tỉnh nói trên huyện Hiệp Hòa có nhiều cơ hội để thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.



*Huyện Hiệp Hòa trong mối liên kết với vùng Thủ đô Hà Nội*

### **5.2.2. Mối quan hệ nội vùng tạo động lực phát triển**

*a/. Động lực phát triển đến từ tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang*

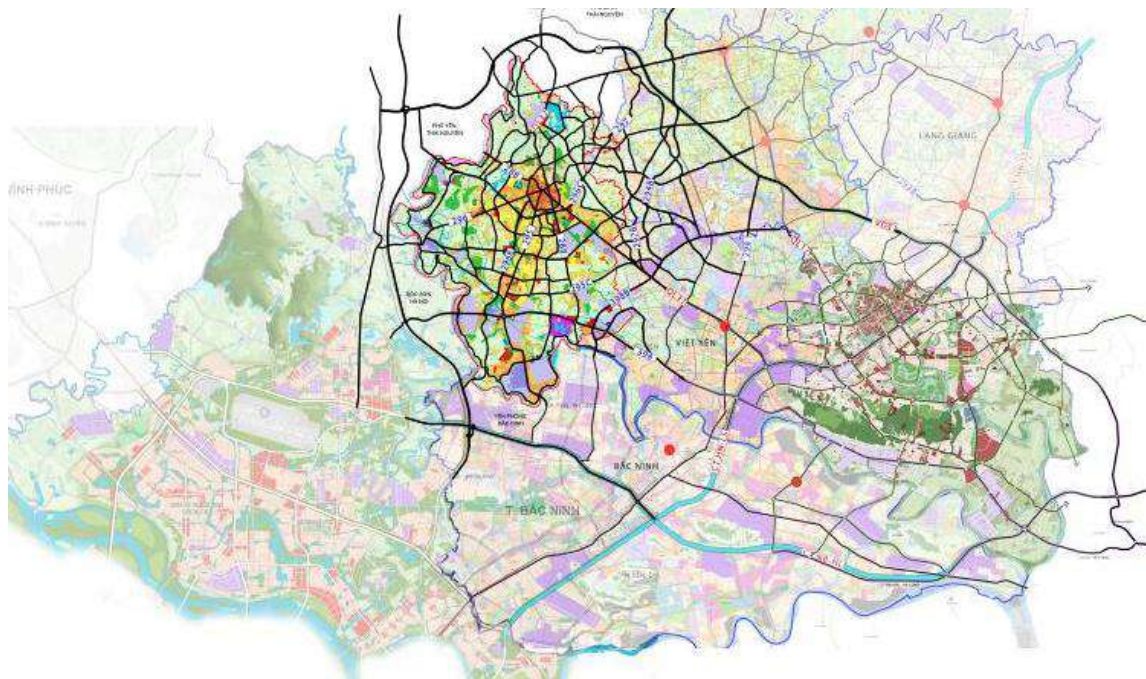
Với việc phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng đặc biệt là hệ thống giao thông cấp quốc gia và đường tỉnh, đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối liên vùng, Tỉnh Bắc Giang trong những năm gần đây đã thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược tới phát triển các dự án trên địa bàn, nhiều đề xuất đầu tư mới đã được đặt ra có những khác biệt so với giai đoạn trước đây, tạo đà tăng trưởng vượt trội cho Tỉnh Bắc Giang.

Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 xác định công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng gắn với phát triển không gian mới, đưa Bắc Giang trở thành một trong những trung tâm phát triển Công nghiệp của vùng. Định hướng giai đoạn đến 2030, trên toàn tỉnh dự kiến sẽ có 29 KCN với tổng diện tích đất công nghiệp khoảng 7.000 ha. Các KCN tập trung chủ yếu ở khu vực huyện Việt Yên, Hiệp Hòa và các vùng lân cận như Yên Dũng, Tân Yên, Lạng Giang... sẽ thu hút hàng vạn lao động đến làm việc và sinh sống, đô thị, dịch vụ thương mại sẽ phát triển nhanh chóng đây là động lực quan trọng có ý nghĩa lan tỏa tạo đà thúc đẩy huyện Hiệp Hòa phát triển.

*b/. Yếu tố nội tại của huyện Hiệp Hòa*

Huyện Hiệp Hòa có vị trí địa lý thuận lợi để giao lưu phát triển kinh tế với Thủ đô Hà Nội, các tỉnh lân cận như Bắc Ninh, Thái Nguyên và một số tỉnh thành phố khác là Hạ Long, Lạng Sơn, thông qua việc kết nối đường ĐT và QL chạy trên địa bàn huyện nối với Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, Cao tốc Hà Nội -

Hạ Long, Cao tốc Hà Nội-Lạng Sơn nên khả năng thu hút đầu tư và giao lưu phát triển kinh tế khá thuận lợi.



*Huyện Hiệp Hòa trong mối quan hệ với các huyện lân cận*

Là huyện có khí hậu ôn hòa nên từ lâu đã có truyền thống phát triển kinh tế nông nghiệp, có các sản phẩm đặc thù, có sức cạnh tranh trên thị trường. Là huyện còn nhiều diện tích đất nông nghiệp (14.835,11ha, chiếm 72,02% diện tích đất tự nhiên toàn huyện trong đó 1.017,52 ha đất nuôi trồng thủy sản) đã và đang là vùng phát triển nông nghiệp quan trọng tỉnh. Nhưng năm tới huyện được định hướng là vùng phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao theo mô hình sản xuất rau an toàn tiêu chuẩn Vietgap, khép kín trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để mang lại hiệu quả cao về kinh tế, đảm bảo cung ứng rau cho các siêu thị ở Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Giang, trên địa bàn Hiệp Hòa sẽ xây dựng 4 khu công nghiệp với diện tích khoảng 1.217,35ha, và 14 cụm công nghiệp có diện tích khoảng 899.31ha, như vậy tổng diện tích đất xây dựng khu và cụm công nghiệp khoảng gần 2.2170,65ha, tập trung phát triển chính là loại hình công nghiệp sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao như sản xuất linh kiện điện tử, cơ khí chế tạo máy, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, các ngành công nghiệp phụ trợ có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường. Vì vậy, Hiệp Hòa được xác định là Trung tâm phát triển công nghiệp mới của tỉnh Bắc Giang, đồng thời là động lực phát triển kinh tế chủ lực của huyện Hiệp Hòa. Với lợi thế có hệ thống cảng trên Sông Cầu, Hiệp Hòa còn có điều kiện phát triển dịch vụ logistic, cảng ICD.

Theo định hướng đến năm 2030 toàn huyện Hiệp Hòa sẽ trở thành thị xã, trong đó vùng nội thị sẽ được mở rộng bao gồm 11 đơn vị hành chính, đến năm 2045 sẽ trở thành thành phố, đô thị loại 3, vùng nội thị bao gồm 13 phường đây



sẽ là địa bàn thu hút lực lượng lao động trẻ đến làm việc và sinh sống. Sự phát triển dân số, đô thị, công nghiệp, nông nghiệp và du lịch sẽ kéo theo sự phát triển mạnh mẽ của các ngành dịch vụ bao gồm dịch vụ thương mại, tài chính ngân hàng, vận tải, dịch vụ phát triển công nghiệp, nông nghiệp và du lịch...

Hiệp Hòa cũng là địa phương có nhiều làng nghề truyền thống, có hệ thống di tích lịch sử văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng, phong phú với hơn 80 lễ hội từ thôn đến xã, huyện. Hiện nay huyện có 127 di tích được xếp hạng bao gồm đình, chùa, lăng mộ và nghề, trong đó có 01 di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt; 12 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và 107 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Các di tích đều có giá trị lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cao.

Những tiềm năng và định hướng phát triển các lĩnh vực chuyên ngành trên thì động lực phát triển huyện Hiệp Hòa trong giai đoạn đến năm 2045 sẽ tập trung vào 4 trụ cột chính đó là “*Phát triển ngành Công nghiệp có hàm lượng khoa học và công nghệ cao và dịch vụ logistic - nghiệp nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao - Dịch vụ thương mại đa dạng - Du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái nông nghiệp kết hợp du lịch cộng đồng, làng nghề truyền thống - nhân tố quan trọng tạo động lực thúc đẩy sự phát triển đó là hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ đặc biệt là phát triển hệ thống giao thông, chuyển đổi số*”.

### **5.3. Các dự báo phát triển**

#### **5.3.1. Dự báo quy mô dân số và nhu cầu sử dụng đất đô thị**

*a/. Dự báo theo Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt:*

Dự báo đến năm 2030: Quy mô dân số toàn đô thị khoảng 300.000 người; đến năm 2045: Quy mô dân số toàn đô thị khoảng 400.000 người.

Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị: đến năm 2030 đất xây dựng đô thị khoảng 1.320 - 1.800 ha. Đến năm 2045 đất xây dựng đô thị khoảng 4.180 - 5.700 ha.

*b/. Quy mô dự báo đồ án lựa chọn:*

Dân số hiện trạng năm 2023 của huyện Hiệp Hòa là 264.092 người (*theo số liệu do Chi cục thống kê huyện Hiệp Hòa cung cấp*). Trong giai đoạn 2011 – 2024, tốc độ tăng trưởng dân số bình quân là 1,8%/năm, trong đó, tỷ lệ tăng cơ học do nhập cư ở mức trung bình khoảng 0,7%/năm.

Dự báo quy mô dân số: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của đô thị Hiệp Hòa sẽ được tăng không đánh kể, tăng lên khoảng 0,1 - 0,2%/năm

Tuy nhiên, với những thuận lợi về giao thông kết nối huyện Hiệp Hòa với các đô thị trong toàn tỉnh và tỉnh lân cận giúp cho hoạt động giao thương có nhiều thuận lợi, đồng thời với chủ trương đầu tư các khu và cụm công nghiệp với quy mô lên đến 2.304,54 ha; Khai thác giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên để phát triển du lịch sẽ kéo theo sự tăng trưởng của các ngành dịch vụ thương mại, dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ phát triển nhà ở qua đó sẽ gia tăng dân số cơ học.

Cùng với đó sự hình thành các khu công nghiệp, phát triển du lịch, dịch vụ thương mại, dự báo tốc độ dân số toàn đô thị sẽ được cải thiện, đồng thời phân đầu giữ được sự cân bằng giữa di cư và nhập cư tiến tới có một lượng không nhỏ dân số tăng cơ học do nhập cư.

Dự báo tốc độ tăng dân số trung bình của huyện Hiệp Hòa giai đoạn 2023 - 2030 là 0,8%/năm; giai đoạn 2030 - 2040 là 1,1%/năm, giai đoạn 2040 - 2045 là khoảng 1,2%/năm.

Dự báo thành phần dân số quy đổi từ khách du lịch, khách vãng lai, lao động con lăc, v.v... sẽ chiếm khoảng 5% dân số chính thức.

Quy mô dân số toàn đô thị (bao gồm dân số chính thức và các thành phần dân số khác) đến năm 2030 là khoảng 300.000 người; đến năm 2045 là khoảng 400.000 người;

**Bảng 7: Dự báo dân số huyện Hiệp Hòa đến năm 2045**

TT	Hạng mục	Hiện trạng		Quy hoạch		
		2011	2023	2030	2040	2045
	<b>Tổng dân số kể cả các thành phần dân số khác (người)</b>	-		<b>300.000</b>	<b>362.500</b>	<b>400.000</b>
<b>1</b>	<b>Dân số toàn đô thị (người)</b>	<b>214.425</b>	<b>264.092</b>	<b>297.000</b>	<b>358.000</b>	<b>395.000</b>
-	Tỷ lệ tăng trung bình, %/năm		1,80	1,7	1,9	2,0
	+ tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm		1,01	0,9	0,8	0,8
	+ tỷ lệ tăng cơ học, %/năm		0,70	0,8	1,1	1,2
<b>2</b>	<b>Dân số khu vực dự kiến phát triển nội thị (người)</b>			<b>213.000</b>	<b>255.500</b>	<b>280.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Dân số chính thức khu vực nội thị</b>	<b>150.922</b>	<b>185.978</b>	<b>211.300</b>	<b>253.000</b>	<b>277.000</b>
<b>2.2</b>	<b>Dân số khác khu vực nội thị</b>			<b>1.700</b>	<b>2.500</b>	<b>3.000</b>
<b>2.3.</b>	<b>Tỷ lệ tăng dân số nội thị trung bình, %/năm</b>					
-	Tỷ lệ tăng trung bình, %/năm		1,76	1,84	1,82	1,83
	+ tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm	-	1,01	0,9	0,8	0,8
	+ tỷ lệ tăng cơ học, %/năm	-	0,70	0,9	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Dân số chính thức khu vực nông thôn</b>	<b>63.503</b>	<b>78.114</b>	<b>85.700</b>	<b>105.000</b>	<b>118.000</b>
<b>4</b>	<b>Dân số khác (Khách vãng lai, khách du lịch, lao động con lăc v.v. = 5% dân số chính thức)</b>	-	-	<b>3.000</b>	<b>4.500</b>	<b>5.000</b>
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ đô thị hóa (%)</b>		<b>70,4</b>	<b>71,7</b>	<b>71,4</b>	<b>70,9</b>

c/. Dự báo dân số trong độ tuổi lao động:

Đến năm 2030 dân số trong độ tuổi lao động khoảng 190.000 người; Tỷ lệ dân số làm việc trong các ngành kinh tế chiếm khoảng 85%

Đến năm 2040 dân số trong độ tuổi lao động khoảng 270.000 người; Tỷ lệ dân số làm việc trong các ngành kinh tế chiếm khoảng 90%

*d/. Dự báo nhu cầu sử dụng đất đô thị*

Dự báo các chỉ tiêu sử dụng đất:

+ Đất dân dụng: năm 2030 là 95,75m<sup>2</sup>/người, năm 2045 là 97,79m<sup>2</sup>/người.

+ Dự báo nhu cầu đất xây dựng đến năm 2030 khoảng 9.463,31ha, trong đó đất dân dụng khoảng 2.872,44ha, đất ngoài dân dụng khoảng 6.590,87ha. Đến năm 2045 nhu cầu đất xây dựng là 10.891,91ha, trong đó đất dân dụng khoảng 3.911,60 ha, đất ngoài dân dụng 6.980,31 ha.

**5.3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến áp dụng**

- Áp dụng chỉ tiêu đô thị loại IV cho giai đoạn đến năm 2030 và loại III cho giai đoạn đến năm 2045. Những hạng mục không quy định trong bảng tiêu chuẩn dưới đây sẽ được áp dụng theo các tiêu chuẩn phù hợp khác.

**Bảng 8: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến áp dụng**

*Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu lấy theo chỉ tiêu đô thị đô thị loại IV cho giai đoạn đến năm 2030 và loại III cho giai đoạn đến năm 2045 (Áp dụng QCVN 01:2021/BXD);*

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 (ĐT loại IV)	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2045 (ĐT loại III)
<b>1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>m<sup>2</sup>/người</b>	<b>50 ÷ 80</b>	<b>50 ÷ 80</b>
1.1	Đất công trình dịch vụ - công cộng đô thị	m <sup>2</sup> /người	4	4
1.2	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	≥ 5
1.3	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị	m <sup>2</sup> /người	20	20
1.4	Đất đơn vị ở	m <sup>2</sup> /người	28 ÷ 45	28 ÷ 45
<b>2</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>			
2.1	<i>Giáo dục</i>			
	Trường trung học phổ thông	học sinh/1000 người	≥ 40	≥ 40
		m <sup>2</sup> /1 học sinh	≥ 10	≥ 10
2.2	<i>Y tế</i>			
	Bệnh viện đa khoa	giường/1000 người	≥ 4	≥ 4
		m <sup>2</sup> /giường	≥ 100	≥ 100
2.3	<i>Văn hóa - Thể dục thể thao</i>			
	Sân vận động	m <sup>2</sup> /người	≥ 0,6	≥ 0,8
		ha/công trình	≥ 1	≥ 2,5

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 (ĐT loại IV)	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2045 (ĐT loại III)
	Trung tâm VH - TDTT	m <sup>2</sup> /người	≥ 0,8	≥ 0,8
		ha/công trình	≥ 0,5	≥ 3,0
	Sân thể thao cơ bản	m <sup>2</sup> /người	≥ 0,5	≥ 0,6
		ha/công trình	≥ 1,0	≥ 1,0
	Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	ha/công trình	≥ 0,5	≥ 0,5
	Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	ha/công trình	≥ 1,0	≥ 1,0
2.4	<i>Thương mại</i>			
	Chợ	ha/công trình	≥ 0,2	≥ 1,0
2.5	Nhà tang lễ, nghĩa trang			
	Nhà tang lễ	công trình/250.000 dân	1	1
	Nghĩa trang (không bao gồm nghĩa trang liệt sỹ)	ha/1.000 dân	≥ 0,04	≥ 0,04
<b>3</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>			
3.1	Giao thông			
	Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường liên khu vực	% đất xây dựng	≥ 6	≥ 6
	Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường khu vực	% đất xây dựng	≥ 13	≥ 13
	Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường phân khu vực	% đất xây dựng	≥ 18	≥ 18
	Mật độ đường trục chính đô thị	km/km <sup>2</sup>	0,83 – 0,5	0,83 – 0,5
	Mật độ đường chính đô thị	km/km <sup>2</sup>	1,5 – 1,0	1,5 – 1,0
	Mật độ đường liên khu vực	km/km <sup>2</sup>	3,3 – 2,0	3,3 – 2,0
	Bãi đỗ xe toàn đô thị	m <sup>2</sup> /người	≥ 4	≥ 4
	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	(%)	≥ 7	≥ 7
3.2	Cấp nước			
	Nước sinh hoạt đô thị	lít/ng.ngđ	≥ 120	≥ 150
	Nước sinh hoạt nông thôn	lít/ng.ngđ	≥ 80	≥ 100
	Công cộng, dịch vụ	% sinh hoạt	≥ 8	≥ 10
	Công nghiệp	m <sup>3</sup> /ha.ngđ	≥ 20	≥ 20
3.3	Cấp điện			

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 (ĐT loại IV)	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2045 (ĐT loại III)
	Sinh hoạt	w/người	≥ 330	≥ 500
	Công cộng, dịch vụ	% sinh hoạt	≥ 35	≥ 35
	Công nghiệp	kW/ha	120 - 350	120 - 350
3.4	Thoát nước thải			
	Sinh hoạt	% Tiêu chuẩn cấp nước	≥ 80	≥ 80
	Công nghiệp			
3.5	Chất thải rắn			
	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị	kg/ng/ngày	≥ 0,9	≥ 0,9
	Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn		≥ 0,7	≥ 0,7
	Công nghiệp	Tấn/ha/ngày	≥ 0,3	≥ 0,3
3.6	Chỉ tiêu về hệ thống viễn thông			
	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động)	Số thuê bao internet/100 dân	≥ 25	≥ 25
	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số	%	≥ 95	≥ 95

## VI. QUAN ĐIỂM VÀ TÍNH CHẤT

### 6.1. Nguyên tắc và quan điểm lập quy hoạch

#### 6.1.1. Nguyên tắc lập quy hoạch

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và tuân thủ với Quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

- Kế thừa Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đã được phê duyệt năm 2018 và Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa được phê duyệt năm 2019, 2021, 2022, 2023, các dự án, các quy hoạch đã được phê duyệt.

- Quy hoạch phải đảm bảo tính bền vững, hài hòa giữa kinh tế - văn hóa - môi trường - Quốc phòng an ninh; Đảm bảo tính công khai, minh bạch.

#### 6.1.2. Quan điểm lập quy hoạch

Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa phải phát huy tốt các lợi thế của toàn huyện; là công cụ vừa quản lý vừa tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội; Khai thác tốt các điều kiện thuận lợi về quỹ đất, cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư đa lĩnh vực; Kết hợp cải tạo tự nhiên với phòng tránh thiên tai; giữ gìn cảnh quan môi trường; cân bằng và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Xây dựng đô thị mang đặc trưng riêng, có bản sắc, trên cơ sở bảo tồn, tôn tạo các giá trị cảnh quan tự nhiên, giá trị văn hóa của địa phương.

Xây dựng đô thị theo mô hình thành phố xanh - thông minh.

Chú trọng cải tạo và nâng cấp các khu dân cư hiện hữu; khai thác tối đa các tiềm lực sẵn có của đô thị, đồng thời tạo ra nhưng không gian phát triển kinh tế mới.

## **6.2. Tính chất, chức năng của đô thị**

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa, động lực phát triển kinh tế của khu vực phía Tây tỉnh Bắc Giang.

- Một trong những Trung tâm phát triển công nghiệp mới của Vùng Thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Giang; trung tâm logistic của tỉnh Bắc Giang, vùng phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, công nghệ cao và dịch vụ thương mại, du lịch.

- Có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh.

## **VII. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO ĐỊNH HƯỚNG XANH - THÔNG MINH**

### **7.1. Chiến lược phát triển đô thị**

Phát triển đô thị theo hướng mở, hội nhập kinh tế vùng và đón nhận cơ hội hội nhập kinh tế quốc tế, với vai trò liên kết phát triển công, nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, thương mại, dịch vụ, du lịch ... với cơ chế chính sách, môi trường đầu tư thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế đến Hiệp Hòa.

+ *Chiến lược Thúc đẩy sự phát triển của các ngành sản xuất ở Huyện*

- Phát triển công nghiệp sạch và công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kèm theo các ngành dịch vụ phụ trợ (các khu vực có chức năng tích hợp như khu trung bày sản phẩm, khu vực tích hợp giữa khu công nghiệp và khu đô thị kết nối thông qua những không gian công cộng, hệ thống giao thông công cộng...).

- Gìn giữ cơ cấu sử dụng đất ngành nông nghiệp và phát triển nông nghiệp sạch – nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng giá trị và thương hiệu sản phẩm địa phương.

- Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, du lịch, trung chuyên hàng hóa ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm giảm thời gian cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ

+ *Chiến lược Phát triển đô thị đa trung tâm*

- Cải tạo chỉnh trang làm đẹp hình ảnh trung tâm đô thị hiện hữu, xây dựng mới một số khu dân cư để tạo diện mạo mới hiện đại cho đô thị, đúng tầm vóc của một trung tâm công nghiệp mới của tỉnh, thành phố loại III

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, không gian cảnh quan, các công trình dịch vụ thương mại khu vực thị trấn Thắng để trở thành trung tâm tổng hợp, dịch vụ

thương mại, vui chơi giải trí văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ hấp dẫn, đáp ứng vai trò của thành phố loại III.

- Xây dựng mới 5 Trung tâm dịch vụ thương mại lớn gắn với các khu đô thị mới, phân bố cho 5 vùng phát triển là vùng phía Bắc, Phía Tây, phía Nam, phía Đông và vùng trọng điểm phát triển công nghiệp (dọc ĐT 398). Hình thành cụm dịch vụ du lịch kết hợp truyền thông, quảng cáo thương hiệu sản phẩm nông công nghiệp, quảng bá tài nguyên du lịch và xúc tiến thương mại-du lịch tạo dựng thương hiệu cho Huyện Hiệp Hòa và tỉnh Bắc Giang; Đẩy mạnh dịch vụ trung chuyên, vận tải đường sông và đường bộ; Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, khách sạn, nhà hàng...

Xây dựng Khu vực đô thị Bắc Lý - Hương Lâm là Trung tâm kinh tế dịch vụ thương mại và dịch vụ phát triển công nghiệp

+ *Chiến lược Khai thác các yếu tố tự nhiên để tạo sức hấp dẫn của đô thị*

Khai thác không gian cảnh quan sông Cầu sông, núi Y Sơn, vườn cò thị trấn Bắc Lý, khu vực mặt nước nuôi trồng thủy sản, vùng sinh thái nông nghiệp trở thành lá phổi xanh cho đô thị

Khai thác vùng đất trũng, chuyển hóa thành các công viên sinh thái, tăng sức hấp dẫn cho đô thị, đồng thời kiểm soát quá trình đô thị hóa và tạo ra các không gian thích ứng với biến đổi khí hậu.

Khai thác và khơi thông hệ thống các dòng suối, kênh thoát nước hình thành nên các hành lang xanh trong đô thị, từ đó phát triển đô thị dựa trên khung cấu trúc tự nhiên.

+ *Chiến lược Phát triển giao thông*

Tạo ra một số tuyến giao thông vành đai khép kín kết nối các khu công nghiệp với các khu dân cư, các trung tâm dịch vụ của từng khu vực nhằm phân tách luồng giao thông phục vụ cho người dân trong đô thị và luồng giao thông cho hàng hóa.

Phát triển giao thông đường thủy phục vụ vận chuyển lưu thông hàng hóa.

Phát triển hệ thống giao thông công cộng hiệu quả phục vụ cho khu vực đô thị và khu công nghiệp. Hệ thống giao thông công cộng được phát triển dựa trên các tuyến vành đai khép kín, các tuyến đường hướng tâm

+ *Chiến lược phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh – thông minh, đồng bộ cơ sở hạ tầng, đảm bảo mỹ quan, có bản sắc và bảo vệ môi trường, cảnh quan*

Thực hiện cải tạo và xây dựng mới đồng bộ cơ sở hạ tầng các xã sẽ nâng cấp trở thành phường theo hướng văn minh, hiện đại, đẹp và có bản sắc. Phát triển hệ thống giao thông để liên kết các phường thành lập mới với thị trấn Thắng hiện hữu và các xã còn lại của huyện; cải thiện điều kiện sống khu vực nông thôn, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa khu vực phát triển đô thị với vùng nông thôn; Quản lý xây dựng đô thị, cải tạo nâng cấp khu vực hiện trạng; thực hiện các dự án trồng cây xanh, công viên vườn hoa, các thiết chế văn

hóa thể thao, xây dựng không gian, công trình kiến trúc trọng điểm tạo điểm nhấn đô thị, các khu vực cửa ngõ

*\* Chiến lược phát triển du lịch bền vững, du lịch văn hóa - lịch sử, điều dưỡng, dưỡng lão, chăm sóc sức khỏe - vui chơi giải trí, du lịch sinh thái nông nghiệp gắn với du lịch cộng đồng dựa trên các lợi thế sẵn có về di tích lịch sử - văn hóa, và cảnh quan thiên nhiên*

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối tới các điểm du lịch. Bên cạnh việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh thiên nhiên của huyện; hoàn thiện, bổ sung cơ sở dịch vụ du lịch với nhiều loại tiêu chuẩn khác nhau tại phường nội thị, điểm du lịch; Tăng cường các tuyến tham quan có sự lựa chọn đa dạng thông qua việc đẩy mạnh liên kết với các huyện khác trong tỉnh cũng như với các địa phương khác lân cận. Phát triển các khu du lịch mới gồm: du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, khu du lịch trải nghiệm gắn với du lịch cộng đồng... áp dụng công nghệ thông minh trong tìm hiểu thông tin về du lịch

*\* Chiến lược phát triển công nghiệp, làng nghề*

Chiến lược đẩy mạnh thu hút đầu tư và các KCN, CNN trên địa bàn huyện theo định hướng công nghiệp sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường; công nghiệp phụ trợ

Chương trình nâng cấp, đầu tư xây dựng mới các tuyến đường kết nối các KCN, CNN với các tuyến QL, ĐT chạy qua địa bàn huyện, các cảng đường thủy nội địa trên Sông Cầu. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các KCN, CCN hiện có, xây dựng cơ sở hạ tầng của các KCN, CCN mới theo quy hoạch, làng nghề. Khai thác lợi thế tuyến đường thủy nội địa, các tuyến QL37, ĐT trên địa bàn huyện kết nối với tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên; Di dời đưa vào các KCN, CCN những cơ sở sản xuất nhỏ lẻ nằm trong đô thị, khu dân cư tập trung gây ô nhiễm môi trường; Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, tạo nền tảng bền vững để chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

## **7.2. Phát triển Đô thị xanh và thông minh**

### **7.2.1. Các khái niệm đô thị xanh- thông minh**

*a/. Khái niệm Đô thị xanh:*

“Đô thị xanh được hiểu là việc quy hoạch xây dựng và sử dụng tài nguyên hiệu quả. Theo đó, đô thị xanh được phát triển trên cơ sở mật độ xây dựng thấp, hệ số sử dụng đất cao, kiến trúc không gian đô thị mở và khai thác có hiệu quả tài nguyên, bảo tồn văn hóa bản địa và các di sản”; “Đô thị xanh cũng được hiểu là đô thị được xây dựng kết hợp của 3 yếu tố gồm môi trường xanh - kinh tế xanh - xã hội xanh”.

*b/. Khái niệm thành phố thông minh:*

“Đô thị thông minh là loại đô thị áp dụng các loại công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện chất lượng phục vụ của chính quyền, giảm tiêu thụ năng lượng và quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên” hay “Là đô thị áp dụng công nghệ cao trong quản lý, có sự liên kết giữa các hệ



thống thông tin với nhau, đồng bộ trong quy hoạch kết cấu hạ tầng và hệ thống quản lý, tập trung tăng trưởng và phát triển kinh tế, chú trọng bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, tạo mọi điều kiện để người dân được học tập và phát huy khả năng sáng tạo, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững”.

### **7.2.2. Định hướng Đô thị xanh – thông minh áp dụng đối với huyện Hiệp Hòa**

Tại Quyết định số 976/QĐ-TTg, ngày 21/08/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ/10.000 có mục tiêu Xây dựng huyện Hiệp Hòa trở thành đô thị loại IV vào năm 2025 và trở thành thị xã vào năm 2030 theo hướng xanh, thông minh,

Vì vậy đề án xác định các chỉ tiêu xanh - thông minh của đô thị Hiệp Hòa trong dài hạn như sau:

#### *a/. Đô thị Hiệp Hòa hướng tới các tiêu chí đô thị xanh:*

- Đa dạng hóa nhiều nhất việc sử dụng đất đai, chức năng đô thị và các hoạt động khác của con người.

- Không gian xanh: đô thị có mật độ cây xanh cao, không gian công cộng, không gian công viên, mặt nước được quan tâm. Chỉ tiêu diện tích cây xanh đạt tiêu chí đô thị loại 3

- Sự phát triển dân số đô thị và tiềm năng của môi trường được cân bằng một cách tối ưu và phải đạt được những chỉ tiêu cơ bản sau: Có diện tích cây xanh cao, giữa nhiều nhất mảng xanh, bãi cỏ, bờ sông, thảm thực vật; giữa khu dân cư và công nghiệp có khoảng cây xanh cách ly theo đúng tiêu chuẩn môi trường. Các trục đường giao thông phải được trồng cây xanh, cây che bóng mát, ngăn chặn tiếng ồn, bụi và tăng cường trao đổi oxy. Bảo đảm chỉ tiêu nước cấp 120 - 150 lít/ngày/người; xử lý triệt để nước thải. Hệ thống giao thông và những phương tiện giao thông đảm bảo tiêu chuẩn đường và mật độ đường trên số dân, theo tiêu chí đô thị loại 3.

- Công trình xanh: Xanh hóa công trình, vật liệu xanh, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, sử dụng năng lượng hiệu quả và vật liệu thân thiện môi trường. Đô thị có số lượng công trình xanh đạt tiêu chí đô thị loại 3

- Giao thông xanh: Có tỷ lệ giao thông công cộng đạt tiêu chí đô thị loại 3, giảm sử dụng các phương tiện cá nhân, giảm khí thải CO<sub>2</sub>, sử dụng năng lượng sạch cho giao thông công cộng. Tăng cường hoạt động của hệ thống giao thông thủy bằng các phương tiện không gây ô nhiễm cho sông Cầu. Bố trí quy hoạch khu nhà ở, khu làm việc, khu dịch vụ, chợ, cửa hàng, nơi vui chơi giải trí hợp lý để người dân đô thị giảm bớt đi lại bằng phương tiện cơ giới. Ngăn chặn việc chất thải làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí; sử dụng quỹ đất đô thị hiệu quả, tối ưu để cân bằng các nhu cầu đất dành cho sự phát triển đô thị, bảo vệ cảnh quan tự nhiên (như đất xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng khu dân cư, công viên, đất cho sản xuất nông nghiệp...), Hạn chế sử dụng năng lượng nhiên liệu hóa thạch, chuyển dần sang sử dụng năng lượng mặt trời và các dạng năng lượng khác

- Công nghiệp xanh: Công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, hạn chế và không gây ô nhiễm môi trường.

- Chất lượng môi trường: Môi trường không khí sạch, giảm rác thải, khói, bụi, độ ồn trong đô thị. Tỷ lệ thu gom nước thải, rác thải và được xử lý đạt tiêu chí đô thị loại 3

- Bảo tồn giá trị văn hóa - lịch sử, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên; Xâm phạm ít nhất đến môi trường tự nhiên

- Cộng đồng dân cư sống thân thiện với môi trường.

*b/. Đô thị Hiệp Hòa xây dựng hướng tới các tiêu chí đô thị thông minh:*

Tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ điện tử, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Chuyển đổi số bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của đô thị.

+ *Phát triển kinh tế thông minh:* Phát triển nền kinh tế tuần hoàn, mô hình tăng trưởng dựa vào công nghệ, sự đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững.

+ *Công dân thông minh:* Người dân có trình độ, kiến thức, sự tham gia đóng góp ý kiến xây dựng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội

+ *Quản trị thông minh:* Đó là sự tham gia của Chính phủ điện tử nhằm tăng cường hiệu quả và tối ưu chức năng của các đơn vị hành chính. Sự tham gia của người dân trong quá trình quản lý đô thị, các dịch vụ tiện ích và hoạt động hành chính

+ *Hạ tầng thông minh:* Hệ thống giao thông thông minh đáp ứng nhu cầu di chuyển, cung cấp thông tin về giao thông cho người dân thông qua các ứng dụng, nâng cấp hệ thống giao thông sẵn có trở nên hiện đại và mang tính bền vững; phát triển hệ thống giao thông xanh (đi bộ, xe đạp, ô tô điện, xe đạp điện, ...) giảm sử dụng các phương tiện cá nhân, giảm khí thải CO<sub>2</sub>; Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt tiêu chí đô thị loại 3; Sử dụng phương tiện công cộng dùng năng lượng sạch đạt ít nhất 15- 20%.

+ *Giáo dục thông minh:* Chuyển đổi số giáo dục, đổi mới cách thức giảng - dạy truyền thống hướng tới phổ cập hoá và cá nhân hoá dịch vụ học tập suốt đời tới từng người học.

+ *Y tế thông minh:* thông qua các nền tảng số để người dân tiếp cận với dịch vụ y tế tốt nhất 24/7 từ những bác sĩ giỏi nhất, giải quyết vấn đề giảm tải cho các cơ sở y tế.

+ *Môi trường thông minh:*

- Chiếu sáng đường phố thông minh; kiểm soát an ninh an toàn đô thị; kiểm soát môi trường, rác thải, khí thải, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí...

- Áp dụng công nghệ để xây dựng các công trình xanh sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, vật liệu thân thiện môi trường.

- Công nghiệp xanh: Có nền công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, hạn chế ô nhiễm. Đi dần vào phân khúc “sản phẩm thông minh”; Thông minh hóa dây chuyền sản xuất cũ, làm chủ thiết kế, sáng tạo công nghệ sản xuất bằng “Make in Việt Nam”

- Sản xuất Nông nghiệp thông minh: Ứng dụng hệ thống quan trắc kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, tưới tiêu tự động; ứng dụng marketing điện tử để liên kết sản xuất, mở rộng thị trường

- Du lịch thông minh: Đẩy mạnh sử dụng các phương pháp marketing điện tử để quảng bá du lịch, xây dựng các hệ thống phần mềm, tiện ích hỗ trợ du khách; Ứng dụng các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực du lịch giúp du khách tìm kiếm thông tin, lên ý tưởng cho chuyến du lịch, cho tới việc đặt và thanh toán chi phí các dịch vụ. Qua đó cơ quan quản lý thuận lợi hơn trong việc nắm bắt thông tin, doanh nghiệp du lịch có thể tận dụng ưu thế của công nghệ để thiết kế các sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị trải nghiệm cũng như quảng bá sản phẩm tới du khách.

- Logistic thông minh: sử dụng nền tảng số, công nghệ số giúp lựa chọn đường đi hợp lý, giao hàng tiết kiệm để giảm thiểu thời gian và phát thải khí CO<sub>2</sub>

+ *Cuộc sống Thông minh:* Ứng dụng trí tuệ nhân tạo; Thanh toán di động qua chuyển khoản ngân hàng, thanh toán bằng thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán qua điện thoại di động, thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng, xây dựng Smarthome...

- *Cân bằng giữa sản xuất và cuộc sống của người dân:* đảm bảo sự phù hợp giữa môi trường sản xuất và môi trường sống, giải quyết những vấn đề liên quan đến sản xuất - như ô nhiễm môi trường, tắc đường, tiếng ồn,...

- Nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo các vấn đề an ninh, xã hội, chất lượng nhà ở, cơ sở giáo dục, du lịch, y tế và sự gắn kết xã hội...

## **VIII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**

### **8.1. Mô hình và cơ cấu tổ chức không gian đô thị**

#### **8.1.1. Mô hình phát triển đô thị:**

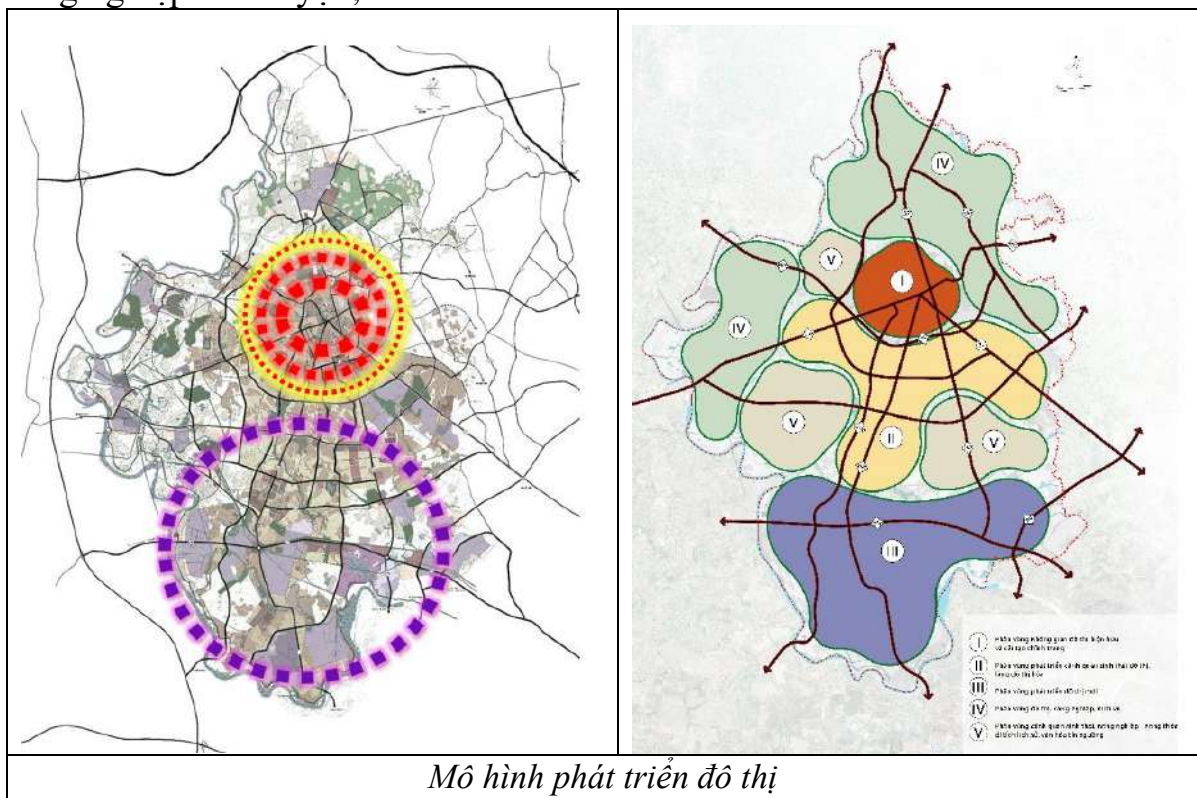
Tiếp tục phát triển dựa trên nguyên tắc được xác định trong Quy hoạch chung 2018 của đô thị Hiệp Hòa, khai thác các lợi thế có được do quy hoạch Quốc Gia, quy hoạch vùng, và định hướng quy hoạch tỉnh mang lại cũng tiềm năng, lợi thế của huyện. Đồng thời, trên cơ sở yếu tố hiện trạng, lịch sử phát triển của đô thị, khu vực dự kiến xây dựng thành phường, các yếu tố tự nhiên là

vùng canh nông nghiệp, các dòng suối tự nhiên, mặt nước lớn, núi Y Sơn và dòng sông Cầu...lựa chọn mô hình phát triển hợp lý cho đô thị Hiệp Hòa đến năm 2045 là sự kết hợp giữa cấu trúc tập trung và phân tán, tổ chức nhiều trung tâm thay cho việc có một trung tâm là thị trấn Thắng hiện nay nhằm nâng cao khả năng tiếp cận đến các trung tâm công cộng, nhà ở, và việc làm với chi phí và cự ly di chuyển hợp lý, giảm thiểu chi phí đầu tư hạ tầng và dịch vụ công, giảm thiểu tác động của quá trình đô thị hóa lên môi trường tự nhiên, và giảm bất bình đẳng xã hội. Các trung tâm này vừa có tính chất độc lập vừa có tính phụ thuộc lẫn nhau, liên kết với nhau bằng hệ thống giao thông đô thị.

Lấy phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, đô thị kết hợp dịch vụ làm trọng tâm, tập trung vào 02 cực phát triển chính: Trung tâm hiện hữu (khu vực thị trấn Thắng + vùng phụ cận) và trung tâm kinh tế phía Nam (vùng phát triển công nghiệp).

Hướng phát triển chủ đạo của đô thị theo hướng từ Bắc xuống Nam, một phần sang phía Đông và một phần về phía Tây. Lấy trục ĐT 265, 296B, 296, 288, QL 37 đường vành đai làm trục chính để phát triển đô thị.

Các khu chức năng đô thị được bố trí gắn với trục giao thông chính, đường vành đai, đường đông - tây tạo thành từng cụm công trình và được phân tách bởi không gian phát triển nông nghiệp tạo thành “nêm” xanh và vành đai nông nghiệp bao bọc khu vực phát triển đô thị để hạn chế việc đô thị hóa tràn trãi, đồng thời kết hợp với vùng trũng ngập nước phía Nam được duy trì không xây dựng để là vùng chứa nước ứng phó với biến đổi khí hậu và duy trì sản phẩm nông nghiệp của huyện;

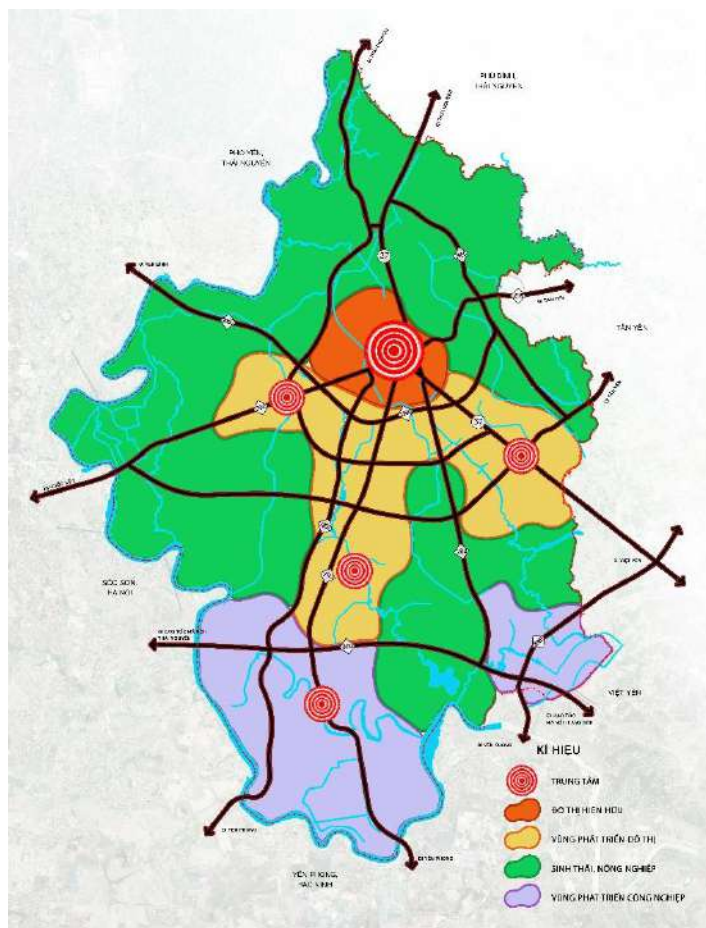


**8.1.2. Cơ cấu tổ chức không gian đô thị:**

Cấu trúc không gian đô thị được chia thành 4 vùng phát triển, gắn kết chặt

chẽ với khung thiên nhiên là hệ thống suối, dòng sông Cầu, hệ sinh thái nông nghiệp, vùng cảnh quan núi Y Sơn, làng xóm đã được hình thành từ lâu đời bao gồm:

- Khu vực lõi đô thị hiện hữu cải tạo nâng cấp (Thị trấn Thắng) ;
- Khu vực phát triển mới (khu vực dự kiến sẽ phát triển thành phường);
- Khu vực phát triển công nghiệp, logistic (nằm phía Nam)
- Vùng làng xóm nông nghiệp hiện hữu đan xen trong vùng sản xuất nông nghiệp



*Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị*

## 8.2. Định hướng phát triển không gian đô thị

### 8.2.1. Lựa chọn phương án phát triển không gian đô thị

- + Sử dụng đất hỗn hợp đa chức năng; Tiết kiệm và sử dụng đất đai hiệu quả;
- + Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở phục vụ nhiều đối tượng trong xã hội;
- + Xây dựng các khu đô thị có hình ảnh đặc trưng hấp dẫn, nhiều không gian xanh như công viên, vườn hoa, khu vui chơi cho mọi lứa tuổi; chú trọng không gian ưu tiên cho người đi bộ, đi xe đạp;
- + Giữ gìn không gian mở, vùng sinh thái nông nghiệp, cảnh quan tự nhiên tại những nơi có giá trị về môi trường;

- + Ưu tiên xây dựng các dự án trực tiếp đem lại lợi ích cho cộng đồng hiện hữu;
- + Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông đô thị và đa dạng loại hình giao thông công cộng;
- + Thúc đẩy sự tham gia cộng đồng vào gìn giữ bảo vệ môi trường;

### **8.2.2. Định hướng phát triển không gian đô thị**

Định hướng phát triển không gian đô thị hướng tới nâng tầm vị thế tương xứng thành phố loại III bằng các giải pháp:

- Khai thác cảnh quan hệ sinh thái nông nghiệp, ngòi thoát nước tự nhiên, núi Y Sơn, mặt nước hồ đầm, dòng sông Cầu tạo thành bộ khung thiên nhiên gắn kết các chức năng đô thị; phát huy đặc trưng của từng khu vực trong tổng thể chung toàn đô thị.

- Đối với khu dân cư hiện hữu tại trung tâm thị trấn và vùng phụ cận sẽ cải tạo chỉnh trang, tạo sự hài hòa giữa khu vực hiện trạng cải tạo với khu vực phát triển mới. Bổ sung các không gian xanh, công viên, quảng trường, đặc biệt là các không gian công cộng gắn với hệ thống mặt nước hiện có; Xen cấy các công trình dịch vụ thương mại, công trình công cộng, một số cụm dân cư phục vụ nhu cầu người dân tại khu vực và toàn đô thị với hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp truyền thống theo hướng công trình thị xanh - thông minh, làm điểm nhấn hình ảnh của một thành phố

- Đối với những khu vực là xã sẽ nâng cấp trở thành phường nội thị: Thực hiện xây dựng xen cấy nâng cao mật độ xây dựng với phương châm hạn chế tối đa việc di dời dân cư hiện có; khu vực xây dựng mới, công trình xây dựng mới phải hiện đại kết hợp truyền thống, có hình ảnh kiến trúc đặc trưng hấp dẫn, ấn tượng để tạo dựng thương hiệu riêng cho khu vực; Khu vực xây dựng mới phải hài hòa với các khu vực hiện trạng, đồng thời tiến hành nâng cấp, cải tạo chỉnh trang cơ sở hạ tầng khu vực hiện hữu theo mô hình xanh - thông minh;

- Bảo vệ làng xóm truyền thống, bảo tồn các không gian công cộng, không gian văn hóa truyền thống, di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái tự nhiên để tạo thành các vùng đệm xanh bao quanh khu vực nội thị nhằm bảo vệ và hạn chế đô thị hóa tự phát, tránh phá vỡ cấu trúc đô thị truyền thống, chống chịu với biến đổi khí hậu; Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Áp dụng các giải pháp thiết kế xanh, thông minh trong tổ chức không gian đô thị để giảm sử dụng các phương tiện cá nhân, giảm khí thải CO<sub>2</sub>, quy hoạch hợp lý các khu nhà ở, khu làm việc, công trình dịch vụ, chợ, cửa hàng, nơi vui chơi giải trí trong bán kính hợp lý để người dân đô thị giảm bớt đi lại bằng phương tiện cơ giới. Sử dụng quỹ đất đô thị hiệu quả, tối ưu nhằm tạo sự cân bằng các nhu cầu đất dành cho sự phát triển hiện tại với bảo vệ cảnh quan tự nhiên;

- Hình thành các công viên sinh thái tại các khu vực trũng có nguy cơ bị ngập lụt, khu vực mặt nước tự nhiên, giảm thiểu tác động đến môi trường, phục hồi và bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái và tăng cường khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường khả năng tiếp cận tới dòng sông Cầu với việc xây dựng 4 khu du lịch sinh thái (trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật về đề điều) tại khu vực công viên ven sông;

- Tổ chức hệ thống giao thông trực chính đô thị theo tuyến Bắc - Nam, Đông - Tây và đường vành đai để hạn chế phương tiện giao thông đi xuyên qua khu trung tâm hiện hữu của đô thị cũng như rút ngắn quãng đường đi lại và vận chuyển hàng hóa, đồng thời phân bố mạng lưới giao thông chính đồng đều trên địa bàn toàn huyện giúp kết nối các trung tâm với các khu chức năng khác trong toàn huyện và vùng lân cận; Phát huy lợi thế dòng sông Cầu chảy qua phía Tây huyện để xây dựng hệ thống các bến cảng trên sông Cầu nhằm phục vụ vận tải hàng hóa kết hợp du lịch, phát triển kinh tế

- Bảo tồn cảnh quan tự nhiên, bảo tồn không gian núi Y Sơn và hệ sinh thái nông nghiệp, phát triển mạng lưới không gian xanh đô thị gắn với chiến lược bảo vệ môi trường.

### **8.2.2. Định hướng phát triển không gian đô thị đến năm 2030**

+ Phát triển ngành công nghiệp: Giai đoạn trước năm 2030 cơ bản đầu tư phát triển hạ tầng 04 khu công nghiệp và 14 cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch gồm: 04 KCN là KCN Hòa Phú, KCN Châu Minh-Bắc Lý-Hương Lâm, KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm, KCN Hòa Yên; Và 14 cụm công nghiệp gồm: Hợp Thịnh, Hà Thịnh, Việt Nhật, Jutech, Đoàn Bái, Đoàn Bái - Lương Phong 1, Đoàn Bái - Lương Phong 2, Thanh Vân, CCN Đông Lỗ, CCN Đông Lỗ 2, CCN Thanh Vân - Hoàng An, CCN Hòa Sơn - Quang Minh, CCN Mai Trung, CCN Danh Thắng - Đoàn Bái

+ Phát triển thương mại, dịch vụ tại: các trung tâm đô thị Thắng, xã Hùng Sơn hiện nay, thị trấn Bắc Lý và nằm phía Tây nút giao giữa ĐT 398 với ĐT 296B

+ Du lịch: Phát triển du lịch theo hướng du lịch lịch sử - văn hóa, tâm linh gắn với không gian lịch sử ATK và tập trung vào các di sản di tích lịch sử: Đình Lỗ Hạnh (xã Đông Lỗ); danh thắng Đình chùa Y Sơn và lễ hội truyền thống Y Sơn (xã Hòa Sơn), Đình Xuân Biều (xã Xuân Cẩm)...; Hệ thống các lăng đá như Lăng Bầu, lăng Dinh Hương, lăng họ Ngô, nghệ thuật hát ca trù của người Hiệp Hòa để xây dựng các tour du lịch đặc trưng.

+ Phát triển các khu dân cư đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt: Khu đô thị mới (KĐT M) phía Tây thị trấn Thắng, KĐT M phía Nam, KĐT M đường vành đai, KĐT Lương Phong, khu dân cư Bắc Lý, khu dân cư Bắc Lý – Hương Lâm...

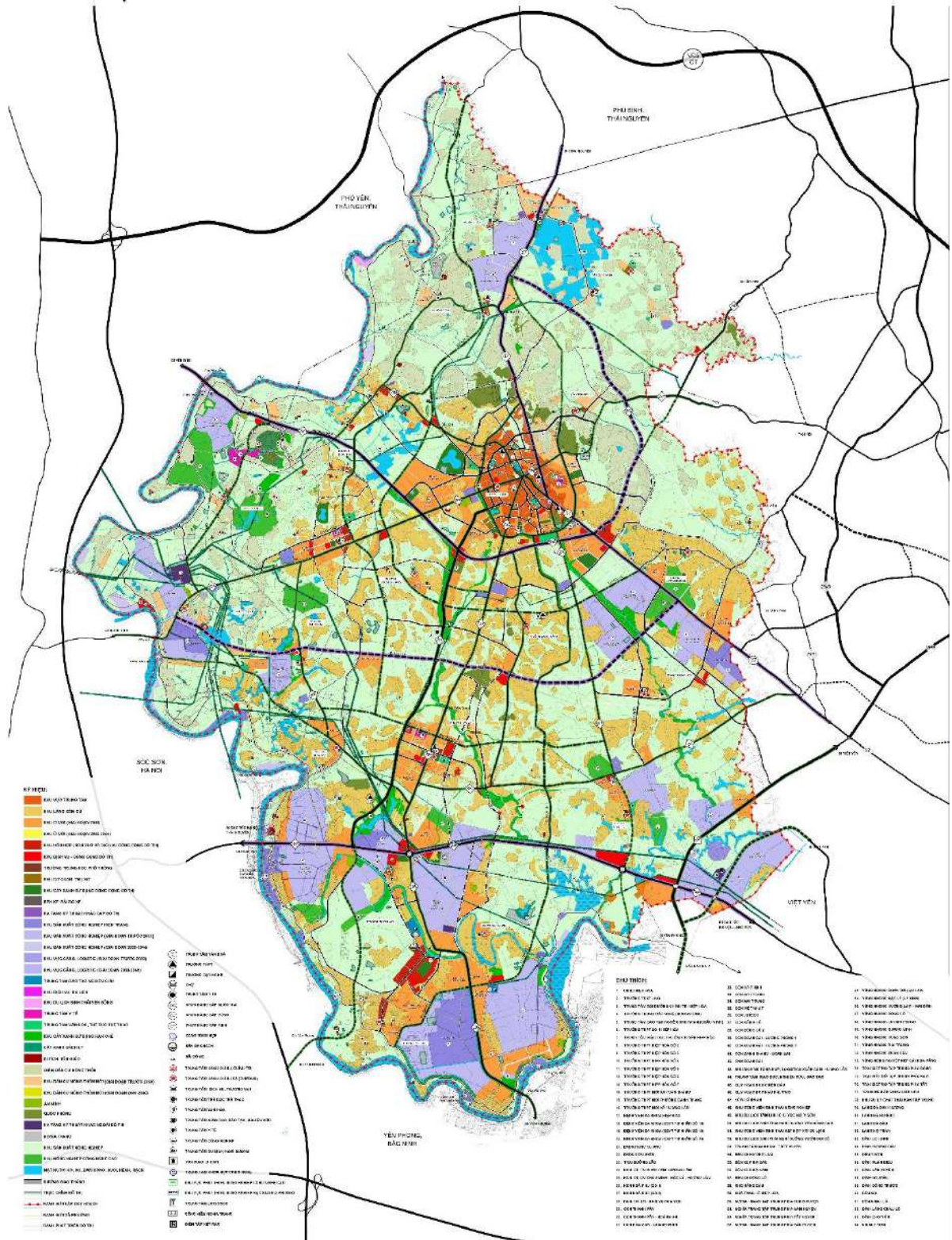
+ Phát triển nông nghiệp: Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng hàng nông sản, hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích đất nông nghiệp, đảm bảo vệ sinh an toàn

thực phẩm. Xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Duy trì phát triển những loại cây trồng đã tạo thương hiệu tốt như: bưởi diên, rau cần,... tạo chuỗi giá trị.

+ Chăn nuôi: phát triển theo hướng giảm tỷ lệ chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ, tăng tỷ lệ chăn nuôi trang trại tập trung; đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm; tổ chức sản xuất chăn nuôi theo chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm”.



HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG  
 QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2045  
 SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐẾN NĂM 2030



*Định hướng phát triển không gian đô thị đến năm 2030*

**8.2.3. Định hướng phát triển không gian đô thị giai đoạn 2030- 2045**

+ Phát triển ngành công nghiệp: Tiếp tục hoàn thiện thu hút đầu tư lấp đầy 4 KCN và 14 cụm công nghiệp; đồng thời mở rộng KCN Hòa Yên; Hoàn thiện 2.216,87ha đất công nghiệp trên toàn huyện.

+ Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch:

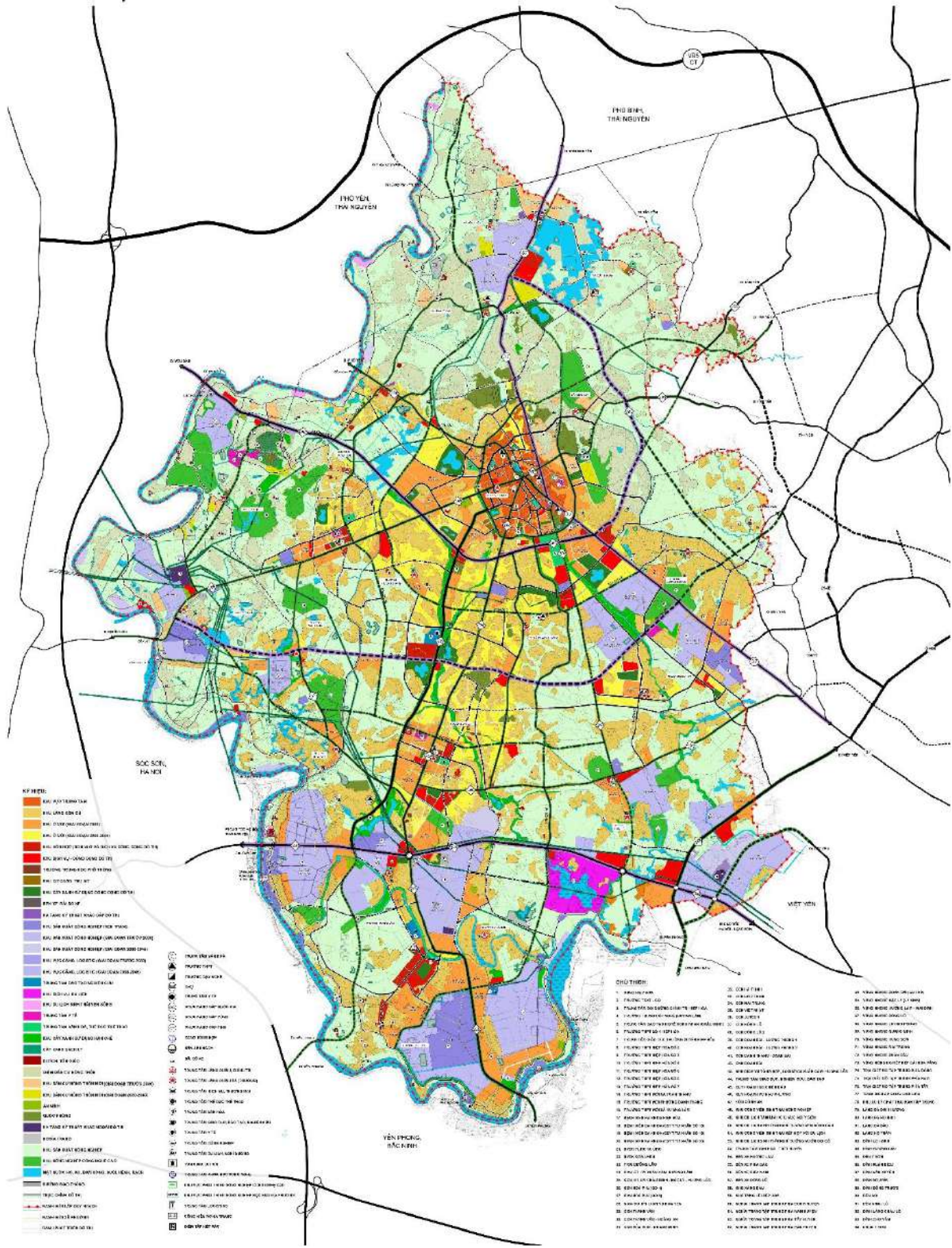
- Thương mại, dịch vụ: lấp đầy các cụm hỗn hợp TMDV Danh Thắng, Bắc Lý, Mai Trung, Đoan Bái, Lương Phong, Đông Lỗ và cụm TMDV Thanh Vân, Hoàng Lương để phục vụ toàn đô thị

+ Du lịch: Tiếp tục phát triển du lịch lịch sử - văn hóa - tâm linh, du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm gồm: Khu du lịch dịch vụ Vườn Cò (thị trấn Bắc Lý, xã Đông Lỗ); Các cụm du lịch sinh thái ven sông Cầu; Vùng du lịch trải nghiệm nông nghiệp kết hợp du lịch cộng đồng. Du lịch tham quan tìm hiểu di tích văn hóa lịch sử vùng ATK II, hệ thống đình, chùa, lăng đá...

+ Phát triển các khu đô thị mới, khu dân cư mới tập trung vào các xã Thường Thắng, Danh Thắng, Đoan Bái, Bắc Lý, Thái Sơn hiện nay với mật độ xây dựng trung bình, đa dạng loại hình nhà ở được thực hiện theo từng dự án đồng bộ, hiện đại theo hướng xanh - thông minh.

+ Phát triển nông nghiệp: Duy trì vùng nông nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản, các vùng nông nghiệp đặc sản địa phương (vùng cần + cá giống xã Hoàng Lương, vùng trồng Trám đen thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, vùng nếp cái Hoa vàng xã Thái Sơn, vùng Lạc Lương Phong, Ngọc Sơn, Danh Thắng, Thường Thắng, Hùng Sơn (diện tích 450ha). Chuyển đổi, đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2030, bổ sung mới vùng nông nghiệp công nghệ cao phía Tây, xã Lương Phong và vùng chuyển đổi chức năng của Trung tâm thử nghiệm ô tô không thực hiện thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG  
QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2045  
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐẾN NĂM 2045



Sơ đồ định hướng phát triển không gian đến năm 2045

8.3. Xác định khu vực nội thị và ngoại thị

8.3.1. Giai đoạn trước năm 2030 – Đô thị Hiệp hòa trở thành thị xã đô thị loại IV

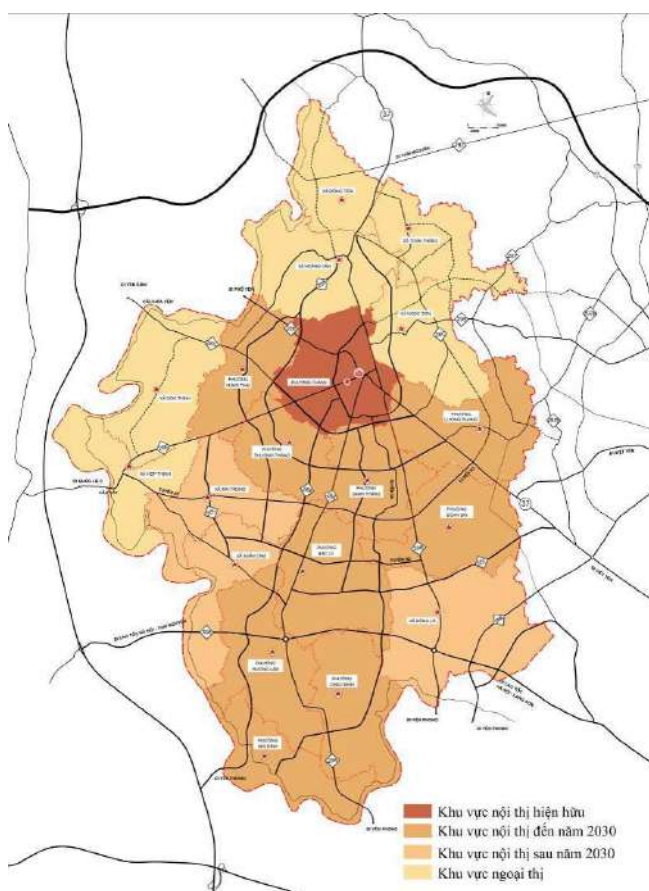
- Hiện trạng 2023: Huyện Hiệp Hòa có 25 đơn vị hành chính trong đó có 02 thị trấn và 23 xã. Diện tích: 205,99 km<sup>2</sup>

- Đến năm 2030 không gian nội thị sẽ gồm 10 đơn vị hành chính: TT.Thắng, TT. Bắc Lý: Hùng Sơn, Thái Sơn (sáp nhập lấy tên là Hùng Thái), Thường Thắng, Danh Thắng, Lương Phong, Đoàn Bái, Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình;

- Khu vực nông thôn: gồm 09 xã ngoại thị là: Đồng Tân, Thanh Vân (dự kiến sáp nhập lấy tên là Đồng Tiến), Hoàng An, Hoàng Vân (dự kiến sáp nhập lấy tên là Hoàng Vân), Hoàng Thanh, Hoàng Lương (dự kiến sáp nhập lấy tên là Toàn Thắng), Hoà Sơn, Quang Minh, Đại Thành (dự kiến sáp nhập lấy tên là Sơn Thịnh), và các xã Hợp Thịnh, Ngọc Sơn, Đông Lỗ, Mai Trung, Xuân Cẩm; Phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với các đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

### 8.3.2. Giai đoạn sau năm 2045 - Đô thị Hiệp hòa trở thành thành phố đô thị loại III

- Không gian nội thị: gồm 13 đơn vị hành chính: Phường Thắng, P. Hùng Sơn + Thái Sơn (sáp nhập thành Hùng Thái), P. Thường Thắng, P. Danh Thắng, P. Lương Phong, P. Đoàn Bái, P. Bắc Lý, P. Hương Lâm, P. Châu Minh và P. Mai Đình và nâng cấp thêm 3 xã thành phường là: Đông Lỗ, Xuân Cẩm, Mai Trung, để đạt tiêu chí thành phố loại III



Sơ đồ phát triển nội thị và ngoại thị

- Khu vực nông thôn: gồm 6 xã ngoại thị là: Đồng Tân, Thanh Vân (dự

kiến lấy tên là Đồng Tiên), Hoàng An, Hoàng Vân (dự kiến lấy tên là Hoàng Vân), Hoàng Thanh, Hoàng Lương (dự kiến lấy tên là Toàn Thắng), Hoà Sơn, Quang Minh, Đại Thành (dự kiến lấy tên là Sơn Thịnh), Hợp Thịnh, Ngọc Sơn; Tiếp tục hoàn thiện theo mô hình nông thôn mới nâng cao gắn với các đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

#### **8.4. Định hướng phát triển các khu chức năng đô thị**

Đến năm 2045 khu vực nội thị có tổng diện tích là 14.333,5 ha, chiếm 68,59%.

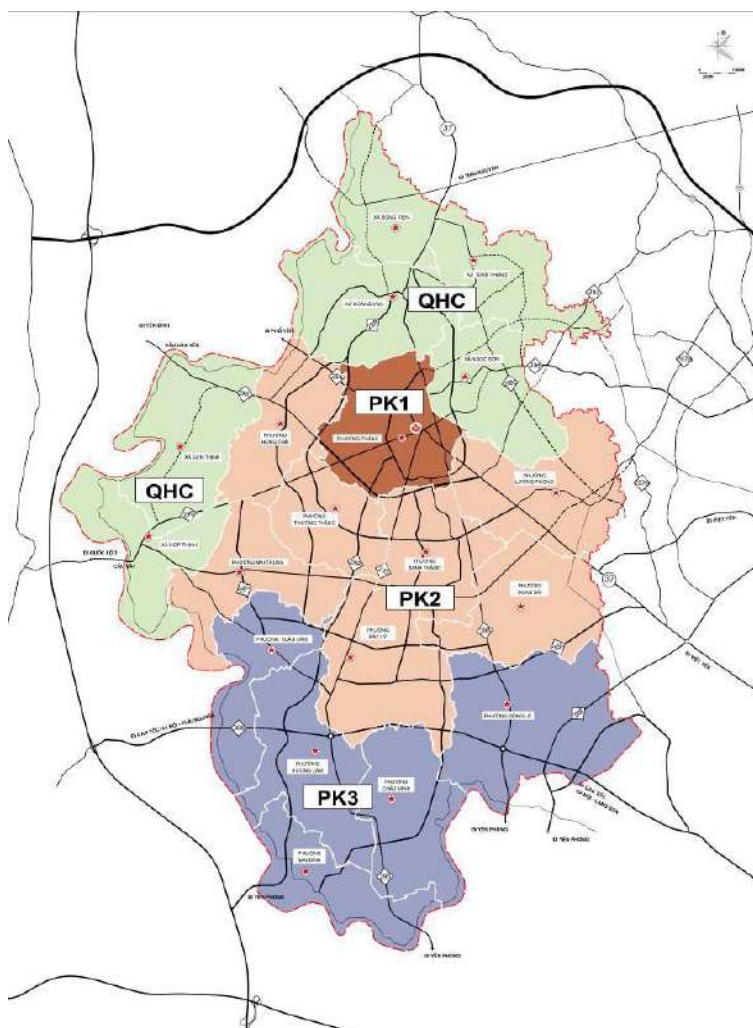
+ *Khu vực nội thị*: Được chia thành III phân khu làm cơ sở lập các quy hoạch phân khu đô thị để quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung, các khu chức năng của đô thị theo quy hoạch.

- Phân khu I: Phân khu đô thị trung tâm hiện hữu cải tạo chỉnh trang;

- Phân khu II: Phân khu đô thị mới hỗn hợp dịch vụ thương mại - văn hóa thể thao (Phân khu này chia thành 7 tiểu phân khu là: II-1 (phường Hùng Thái), II-2 (Thường Thắng), II-3 (phường Danh Thắng), II-4 (phường Lương Phong), II-5 (phường Đoàn Bái), II-6 (phường Mai Trung), II-7 (Phường Bắc Lý) để quy hoạch bố trí các cơ sở hạ tầng đáp ứng tiêu chí của phường

- Phân khu III: Phân khu đô thị Công nghiệp - dịch vụ logistic (khu vực này được phân thành 5 tiểu phân khu là: III-1 (phường Xuân Cẩm), III-2 (phường Hương Lâm), III-3 (phường Châu Minh), III-4 (phường Mai Đình), III-5 (phường Đông Lỗ) để quy hoạch bố trí các cơ sở hạ tầng đáp ứng tiêu chí của phường

+ *Khu vực ngoại thị*: gồm 2 vùng phía Tây và phía Bắc là vùng phát triển nông nghiệp, du lịch sinh thái gắn với dân cư nông thôn. Diện tích 6265,5ha, chiếm 31,41%



Sơ đồ phân khu đô thị khu vực nội thị

#### 8.4.1. Phân khu I: Phân khu đô thị hiện hữu cải tạo chỉnh trang

a/. Quy mô:

Diện tích: 1.134,31ha.

Dân số: 37.800 người

b/. Phạm vi:

Bao gồm toàn bộ thị trấn Thăng hiện hữu.

c/. Vị trí:

Phía Bắc giáp xã Hoàng Vân, Ngọc Sơn; Phía Nam giáp Danh Thắng, Thường Thắng; phía Tây giáp phường Hùng Thái; phía Đông giáp phường Lương Phong.

d/. Tính chất và chức năng:

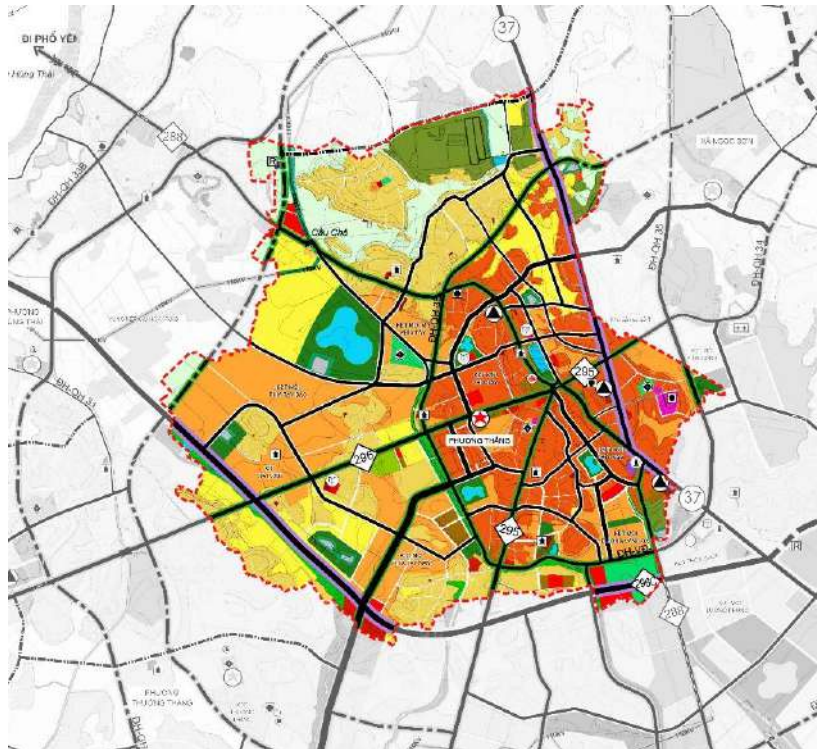
Là khu vực trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lịch sử của huyện Hiệp Hòa.

e/. Nguyên tắc phát triển:

- Việc xây dựng mới đan xen vào khu vực này, phải tôn trọng và kế thừa các khu vực hiện hữu đã có, các dự án đã và đang triển khai, khai thác tối đa quỹ

đất nhằm bổ sung các hạng mục còn thiếu của đô thị loại IV trước năm 2030 và đô thị loại III đến năm 2045.

*f/. Định hướng quy hoạch chính:*



*Phân khu 1: Khu đô thị trung tâm hiện hữu*

Cải tạo chỉnh trang hình ảnh kiến trúc đô thị, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị hiện hữu, xây dựng đơn xen đô thị mới hiện đại, đồng bộ tạo hình ảnh đẹp, văn minh cho đô thị

Cải tạo cảnh quan làm đẹp các không gian công cộng hiện có, bổ sung thêm các không gian công cộng mới gắn với quá trình xây dựng các khu đô thị mới, nhằm gia tăng không gian vui chơi giải trí kết nối cộng đồng và tăng sức hấp dẫn cho khu trung tâm thành phố Hiệp Hòa trong tương lai.

Khu hành chính chính trị của huyện: cải tạo chỉnh trang, đồng thời di dời một số hộ dân cư hiện hữu bám trục đường Quang Trung để mở rộng công viên và tạo cảnh quan trước trụ sở cơ quan hành chính và gắn với không gian cây xanh mặt nước hồ Thống Nhất và quảng trường Trung tâm;

Đối với Khu đô thị hiện hữu thuộc thị trấn Thắng hiện nay: Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng. Tiếp tục hoàn thiện dự án khu đô thị TNR Stars, KĐT Thương mại phố Thắng. Triển khai các khu đô thị: Khu đô thị mới phía Tây Nam, KĐT mới phía Tây Bắc, KĐT mới Sa Long, KĐT mới đường vành đai, KĐT mới thôn Chóp.

Xây dựng công viên, hồ nước lớn kết hợp tạo cảnh quan và điều hòa nước tại KĐT mới phía Tây làm khu vui chơi giải trí cho người dân; Tăng cường trồng cây xanh tạo bóng mát cho đường phố, cây xanh cảnh quan; tuyên truyền vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc trồng cây xanh làm đẹp đường

phổ, công trình do mình quản lý;

Đối với một số công ty sản xuất như Công ty Philkavina, công ty bia Vinaken, Công ty TNHH Sportes, CTCP cơ khí xây dựng CPT sẽ dần di chuyển ra các khu, cụm công nghiệp tập trung, các khu đất này sẽ chuyển đổi đất thành các khu chức năng của đô thị.

#### **8.4.2. Phân khu II: Phân khu đô thị mới hỗn hợp dịch vụ thương mại - văn hóa thể thao**

##### *a/. Quy mô:*

Khoảng 7.338ha.

Quy mô dân số: 128.900 người

##### *b/. Phạm vi:*

Bao gồm phường Danh Thắng, Thường Thắng, Bắc Lý, Lương Phong, Đoàn Bái, Mai Trung

##### *c/. Vị trí:*

Phía Bắc giáp Thị trấn Thắng; Phía Nam giáp Xuân Cẩm, Đông Lỗ, Châu Minh, Hương Lâm; phía Tây giáp xã Hợp Thịnh, Sơn Thịnh; phía Đông giáp huyện Việt Yên, huyện Tân Yên.

##### *d/. Tính chất và chức năng:*

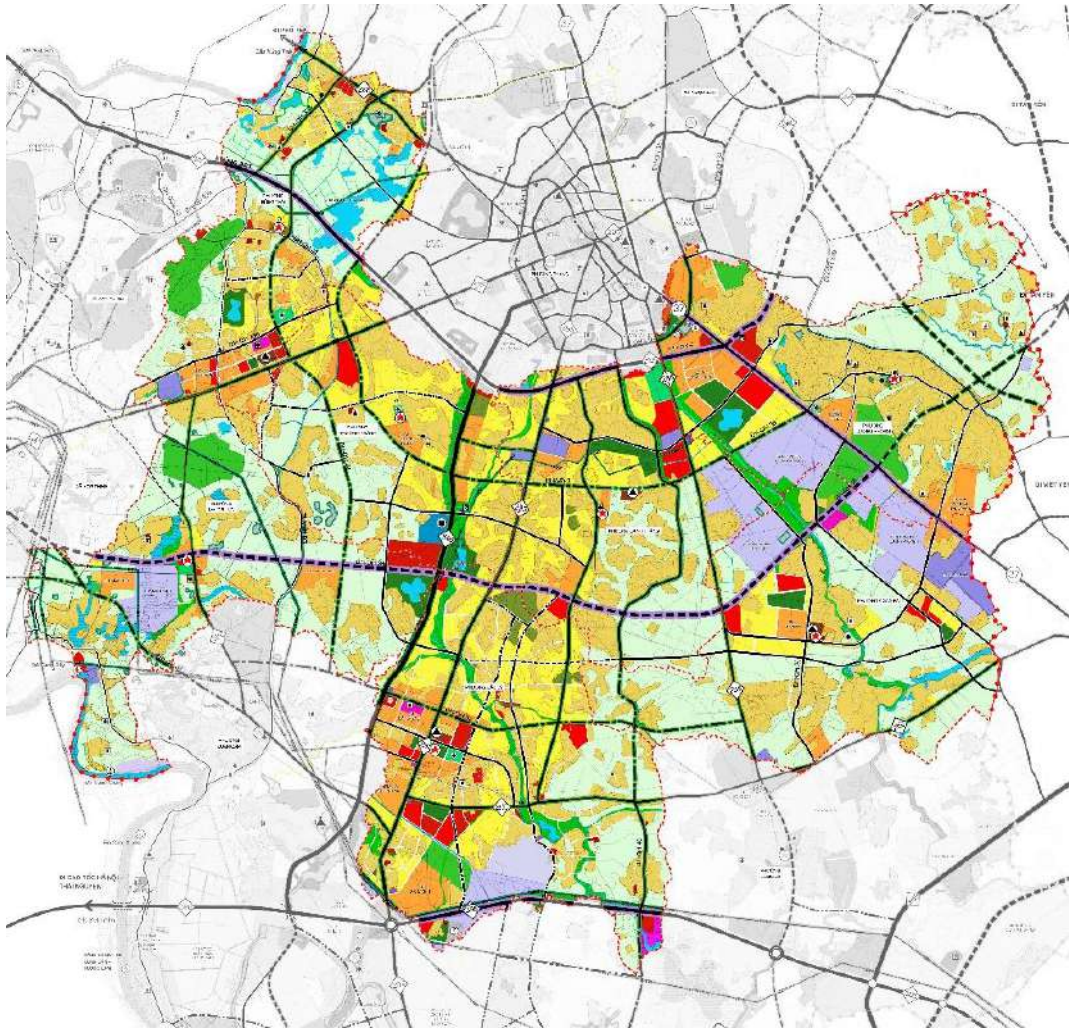
Là khu vực đô thị mới hỗn hợp, bao gồm đầy đủ các chức năng của đô thị, hiện đại, hài hòa, có hình ảnh đặc trưng riêng biệt. Phát triển nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao

##### *e/. Nguyên tắc phát triển:*

Đảm bảo sự hài hòa giữa khu vực xây dựng mới với khu vực hiện trạng. Duy trì bảo vệ các trục tiêu thoát nước tự nhiên đồng thời mở rộng mặt nước tại những khu vực có điều kiện để tăng diện tích chứa nước; Bảo vệ kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, hành lang đường điện cao thế, hành lang đường giao thông đối ngoại theo quy định; Bảo vệ diện tích đất nông nghiệp theo quy hoạch.

Do là khu vực có nhiều dân cư hiện trạng nên khi thực hiện các dự án xây dựng mới phải đảm bảo không gây ngập úng cục bộ cho khu vực hiện trạng.





*Phân khu 2: Khu đô thị mới hỗn hợp dịch vụ thương mại - văn hóa thể thao*

*f/. Định hướng quy hoạch chính:*

*\* Về quy hoạch*

- Để phù hợp với lộ trình thành lập thị xã Hiệp Hòa là đô thị loại 4 vào năm 2030 sẽ tiến hành lập Quy hoạch phân khu các tiểu phân khu II-1 (phường Hùng Thái), II-2 (Thường Thắng), II-3 (phường Danh Thắng), II-4 (phường Lương Phong), II-5 (phường Đoàn Bái), II-6 (phường Mai Trung), II-7 (phường Bắc Lý) để làm cơ sở lập Đề án công nhận xã đạt tiêu chí trở thành phường.

*\* Trước năm 2030:*

*+ Về giao thông:*

- Hoàn thành đường vành đai 2, ĐT 295C

- Nâng cấp cải tạo các tuyến đường trục chính: ĐT 296, 296B, 296C, theo quy hoạch giao thông của tỉnh

*+ Về định hướng các trung tâm:*

- Xây dựng khu trung tâm thể thao huyện nằm phía Bắc ĐT 296C tạo thành khu vực phát triển tiếp nối với khu trung tâm thị trấn Thắng hiện hữu;

- Quy hoạch cụm dịch vụ thương mại - hỗn hợp tại phường Bắc Lý, phường Hùng Thái;

- Xây dựng hoàn thiện cụm công nghiệp Mai Trung gắn liền với khu đô thị dịch vụ Mai Trung

- Xây dựng CCN Danh Thắng - Đoàn Bái và CCN Đoàn Bái - Lương Phong;

+ *Về định hướng các khu đô thị:*

- Tập trung xây dựng các khu đô thị dịch vụ: Khu đô thị mới Lương Phong (trong đó dành quỹ đất khoảng 50ha cho cụm công cộng, quảng trường cây xanh mặt nước đô thị); Khu dân cư Thường Thắng, Khu dân cư mới Đoàn Bái, KDC mới Bách Nhân, khu đô thị Lương Phong; KĐTM thôn Chớp;

- Xây dựng các khu đô thị mới: KĐT mới Thường Thắng, KĐT mới Bách Nhân,

- Tiếp tục triển khai các khu đô thị: Khu đô thị mới Bắc Lý số 2, Khu dân cư mới Bắc Lý - Hương Lâm;

\* *Giai đoạn đến năm 2045:*

+ *Về giao thông:*

- Xây dựng ĐH 36, ĐH 39, kéo dài đi Tân Yên; và mở rộng một số tuyến đường kết nối sang Tân Yên;

- Xây dựng tuyến ĐH36, kết nối theo trục Đông Tây; Tuyến ĐH39 kết nối từ ĐT288 đến ĐT296C.

- Xây dựng tuyến đường D3, kết nối từ ĐH39 đến ĐT296C, đi qua KDCM Bách Nhân;

- Xây dựng các tuyến chính theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây để hoàn chỉnh hệ thống giao thông trục chính khu vực.

+ *Về các trung tâm đô thị:*

- Khu đất xây dựng công trình công cộng nằm trong KĐT mới Lương Phong với quy mô khoảng 20ha sẽ là đất dự trữ dành cho việc xây dựng công trình quan trọng của đô thị khi có nhu cầu, trước mắt không xây dựng mà trưng dụng làm khu cây xanh;

- Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa Đoàn Bái với quy mô khoảng 6ha, vị trí tại phía Nam đường ĐH- 36.

- Xây dựng 03 công viên kết hợp mặt nước lớn tại phường Lương Phong, Bắc Lý, Mai Trung

- Mở rộng Trung tâm thể thao Huyện về phía ĐT 296C

- Xây dựng cụm dịch vụ thương mại hỗn hợp Hùng Thái, Thường Thắng quy (bám theo trục ĐT 296); Cụm Thương mại dịch vụ hỗn hợp Mai Trung, bám theo trục đường 296B và trục Đông Tây; Cụm Thương mại dịch vụ hỗn

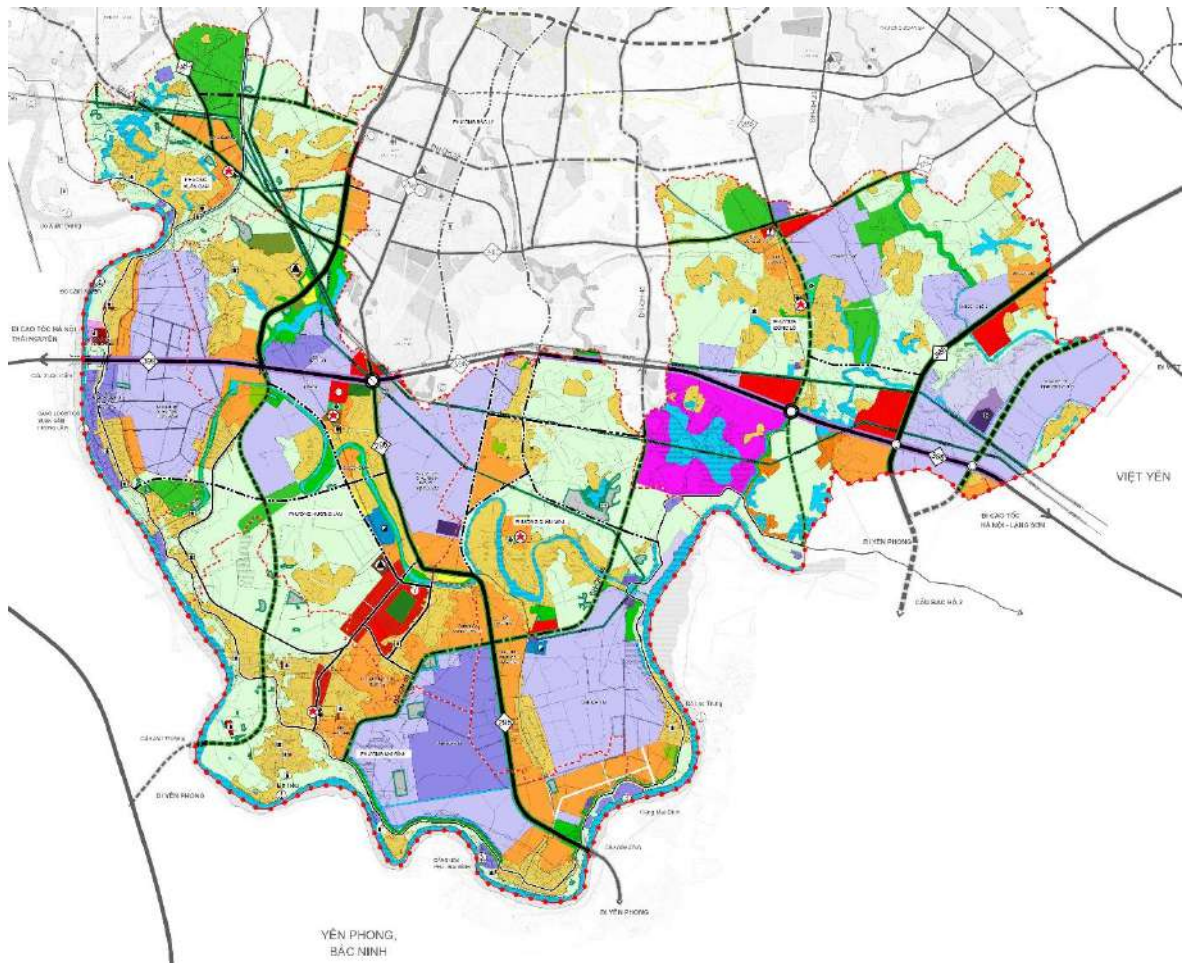
hợp Đoàn Bái, Danh Thắng

+ Về các khu đô thị mới:

- Xây dựng Khu đô thị mới Đoàn Bái - Lương Phong; Khu dân cư Đoàn Bái; Khu đô thị Mai Trung 2, Xuân Cẩm...theo quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên nhà ở phải được thiết kế theo mẫu, hệ thống cây xanh, cảnh quan phải đồng bộ với quá trình xây dựng nhà ở

- Xây dựng các khu dân cư mới theo quy hoạch với mô hình hiện đại, mật độ xây dựng trung bình, tỷ lệ xanh cao, tạo ra các tuyến trung tâm, quảng trường có sự chuyên tiếp hài hòa với các khu dân cư hiện trạng. Loại hình nhà ở kết hợp giữa chung cư cao tầng xen kẽ khu nhà thấp tầng để tạo nên đặc tính riêng về bức tranh đô thị, gợi lại hình ảnh nhà vườn truyền thống, nhà phố cũ truyền thống trong đô thị mới. Bố trí các không gian công cộng cho cộng đồng có tính liên kết với cây xanh công viên, vườn hoa, hệ thống cây xanh bóng mát đường phố, tạo cảm giác các khu dân cư tại đây được bao bọc bởi màu xanh giảm đi nắng nóng của tình trạng biến đổi khí hậu cực đoan. Trong khu dân cư tổ chức các tuyến phố thương mại - dịch vụ nhỏ phục vụ sinh hoạt cho cộng đồng.

#### **8.4.3. Phân khu III: Phân khu đô thị Công nghiệp - dịch vụ logistic:**



*Phân khu 3: PKĐT CN-DV-DL*

a/. Quy mô:

Quy mô diện tích: Khoảng 5.862ha.

Quy mô dân số: 113.300 người

*b/. Phạm vi:*

Bao gồm các phường Xuân Cẩm, Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình, Đông Lễ

*c/. Vị trí:*

Phía Bắc giáp xã Hợp Thịnh, các phường Mai Trung, Đoàn Bái, Bắc Lý; Phía Nam giáp sông Cầu, giáp huyện Việt Yên; phía Tây giáp Thái Nguyên; phía Đông giáp xã Mai Hương huyện Việt Yên và huyện Yên Phong.

*d/. Tính chất và chức năng:* Là khu đô thị dịch vụ thương mại, công nghiệp, logistic, du lịch sinh thái và nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao.

*e/. Nguyên tắc phát triển:*

Đảm bảo sự hài hòa giữa khu vực xây dựng mới với khu vực hiện trạng. Duy trì bảo vệ các trục tiêu thoát nước tự nhiên và vùng trũng chứa nước; Bảo vệ kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, hành lang đường điện cao thế, hành lang đường giao thông đối ngoại (ĐT 398), hành lang đê sông Cầu theo quy định; Bảo vệ diện tích đất nông nghiệp theo quy hoạch.

Bảo vệ vùng đất nông nghiệp nằm phía Tây Nam Phường Mai Đình để khi có đầy đủ cơ sở khoa học về lịch sử cuộc kháng chiến chống quân Tống trên phòng tuyến Như Nguyệt của quân và dân nhà Lý mà người chỉ huy là Lý Thường Kiệt sẽ đưa ra giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị phù hợp

Do là khu vực có nhiều dân cư hiện trạng nên khi thực hiện các dự án xây dựng mới phải đảm bảo không gây ngập úng cục bộ cho khu vực hiện trạng.

*f/. Định hướng quy hoạch chính:*

*Trước năm 2030:*

+ *Về quy hoạch*

- Để phù hợp với lộ trình thành lập thị xã Hiệp Hòa là đô thị loại 4 vào năm 2030 sẽ tiến hành lập Quy hoạch phân khu các tiểu phân khu III-1 (phường Xuân Cẩm), III-2 (phường Hương Lâm), III-3 (phường Châu Minh), III-4 (phường Mai Đình), III-5 (phường Đông Lễ) để làm cơ sở lập Đề án công nhận xã đạt tiêu chí trở thành phường

+ *Về giao thông:*

- Xây dựng mới đoạn đường và cầu nối đường ĐT296B từ đường ĐT398 đi Yên Phong - Bắc Ninh đồng thời xây dựng Mai Thượng)

+ Xây dựng bến xe trung chuyển tại vị trí giáp ĐT398, lồi vào KCNChâu Minh- Bắc Lý- Hương Lâm với quy mô khoảng 3ha;

+ *Về định hướng các trung tâm:*

- Hoàn thiện khu dịch vụ tổng hợp, logistic Xuân Cẩm- Hương Lâm

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng cảng Hoà Phú - Mai Đình, cảng Logistic Xuân Cẩm Hương Lâm;

- Xây dựng cụm thương mại dịch vụ tại nút giao giữa ĐT 398 với ĐT 295, tiếp giáp 2 CCN Việt Nhật và Jutech;

- Xây dựng cụm TMDV tại Hương Lâm - Mai Đình, phía Tây của Khu nhà ở công nhân Hiệp Hoà

- Xây dựng điểm du lịch gắn liền với di tích nhà bia lưu niệm Bác Hồ, với bến đò Cẩm Xuyên;

- Xây dựng 2 trung tâm đào tạo nghề: Trường trung cấp nghề Hương Lâm; Trung tâm đào tạo nghề công nhân Châu Minh.

- Xây dựng KCN Hoà Yên với diện tích khoảng 256,68ha; xây dựng CCN Đông Lỗ 1 và 2;

- Xây dựng KCN Châu Minh- Bắc Lý- Hương Lâm với diện tích khoảng 210,96ha;

- Xây dựng KCN Xuân Cẩm- Hương Lâm với diện tích khoảng 224,02 ha;

- Xây dựng KCN Hoà Phú 1 và 2 với diện tích khoảng 514,45ha;

- Hoàn thiện CCN Việt Nhật, CCN Jutech

+ Về định hướng các khu đô thị-dân cư mới:

- Xây dựng các khu đô thị, khu dân cư mới phục vụ các KCN, CCN: Khu dân cư Đông Lâm; Khu nhà ở công nhân Hiệp Hoà; KDC Hương Lâm- Mai Đình; KDC Mai Đình; Khu đô thị mới Đông Lỗ 1-2-3;

- Xây dựng các KĐT mới Châu Minh; KĐT Châu Minh- Mai Đình;

\* Giai đoạn đến năm 2045:

+ Về giao thông:

- Xây dựng tuyến đường nối dài ĐT 288, đoạn từ ĐT 398 đến đê sông Cầu;

+ Xây dựng các tuyến đường kết nối KDC Đông Lâm - KDC Hương Lâm Mai Đình, nâng cấp tuyến đê hiện hữu;

+ Xây dựng các tuyến đường kết nối theo trục Bắc Nam và Đông - Tây

+ Về định hướng các khu trung tâm:

- Xây dựng khu du lịch sinh thái Vườn Cò với diện tích khoảng ;

- Xây dựng cụm thương mại dịch vụ hỗn hợp bám dọc ĐT 398 phục vụ công nghiệp và nhu cầu của người dân.

- Xây dựng cụm TM-DV hỗn hợp bám sát KDC Đông Lỗ 2;

- Mở rộng KCN thêm 60ha;

+ Mở rộng KCN Châu Minh- Bắc Lý- Hương Lâm thêm 40ha;

- Xây dựng một số cụm nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch trải

nghiệm, du lịch công đồng.

+ Về xây dựng các khu đô thị, dân cư mới:

Tiếp tục hoàn thiện các khu đô thị và KDCM phục vụ các KCN và CCN

### 8.5. Định hướng phát triển khu vực dân cư nông thôn



Sơ đồ ranh giới khu vực ngoại thị

Đến năm 2045 khu vực ngoại thị có tổng diện tích là 6.265,5 ha, chiếm 34,41%. Dân số 118.000 người. Bao gồm 6 xã làm cơ sở lập các quy hoạch chung xây dựng các xã, để quản lý phát triển, đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn, khu vực sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, bao gồm:

- Xã Hợp Thịnh.
- Xã Sơn Thịnh (dự kiến sau sáp nhập 3 xã Hoà Sơn, Quang Minh, Đại Thành) .
- Xã Hoàng Vân (dự kiến sau khu sáp nhập 2 xã Hoàng An, Hoàng Vân).
- Xã Toàn Thắng (dự kiến sau khi sáp nhập 2 xã Hoàng Thanh, Hoàng Lương).
- Xã Đồng Tiến (dự kiến sau khi sáp nhập 2 xã Đồng Tân, Thanh Vân).
- Xã Ngọc Sơn.



*Sơ đồ định hướng phát triển không gian khu vực các xã ngoại thị*

- Xây dựng phát triển các khu vực dân cư nông thôn gắn với điều kiện cụ thể của từng địa phương trên cơ sở bổ sung các tiêu chí về xã nông thôn mới và tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao (theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025).

- Phát triển nhà ở khu vực nông thôn tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BXD quy định về yêu cầu về quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Cải tạo, xây dựng mới các điểm dân cư phù hợp với điều kiện sống của dân cư từng vùng, hạn chế phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn.

- Phát triển các điểm dân cư nằm trong vùng du lịch ATK II với các mô hình du lịch sinh thái, trồng cây đặc sản (vùng cần - cá, vùng trám đen, vùng nếp cái hoa vàng...). Bảo tồn và phát triển các khu vực làng nghề, kết hợp phát triển du lịch, dịch vụ thương mại.

- Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với phát triển du lịch lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng. Bảo tồn và phát huy các không gian văn hoá truyền thống (Chùa, đình, đền, ...), văn hóa phi vật thể, lưu giữ những giá trị về kiến trúc,

phong tục tập quán, lối sống thu hút khách du lịch thập phương.

- Định hướng phát triển khu vực sản xuất nông nghiệp: Là những khu sản xuất tập trung khoảng 20-40 ha. Các trang trại nằm ngoài khu vực thôn xóm.

\* Định hướng phát triển các khu dân cư

- Đối với các khu vực đất ở hiện hữu: Vị trí các lô ở vẫn giữ nguyên hiện trạng. Các hộ nông nghiệp có diện tích đất rộng, khi tách hộ vẫn đảm bảo chỉ tiêu về diện tích nhà ở được quy định theo đồ án QHC xây dựng khu dân cư.

- Đối với các lô đất ở mới:

+ Các khu dân cư đã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt sẽ thực hiện theo quy hoạch

+ Nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ khi lập quy hoạch xây dựng mới có diện tích trung bình từ 180 – 250m<sup>2</sup> được bố trí tại các khu vực thuận lợi, gần các trục giao thông chính.

+ Nhà vườn: có diện tích trung bình từ 700 – 1000m<sup>2</sup> được bố trí nằm lùi sâu bên trong các trục đường chính và trung tâm khu ở.

#### **8.5.1. Đối với xã Hợp Thịnh:**

a/. Diện tích: 924,63 ha

b/. Định hướng chính:

Hoàn thiện CCN Hà Thịnh và CCN Hợp Thịnh, Cảng Hợp Thịnh để tạo động lực phát triển

+ Định hướng phát triển giao thông:

- Nâng một đoạn tuyến của ĐT 296, đoạn đi qua trung tâm xã Hợp Thịnh, nhằm tránh ách tắc và tiếp cận được với CCN Hà Thịnh. Xây dựng mở rộng cầu Vát để tạo thuận lợi cho đi lại, vận tải hàng hóa

+ Định hướng phát triển khu trung tâm:

Khu trung tâm xã được xây dựng cải tạo trên cơ sở hiện trạng và mở rộng nằm hai bên trục đường trục ĐT 269, bao gồm các công trình hành chính, y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT, thương mại dịch vụ phục vụ toàn xã và các khu ở.

Tổ chức các điểm hỗ trợ sản xuất với chức năng chính là dịch vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và bảo quản thu hoạch với quy mô khoảng 1-2ha gắn với trung tâm xã.

Duy trì cụm hồ điều hoà để chứa nước, chống chịu với biến đổi khí hậu cho vùng phía Tây của huyện và giảm thiểu ngập úng cục bộ tại xã.

#### **8.5.2. Đối với xã Sơn Thịnh (dự kiến sau khi sáp nhập 3 xã Hoà Sơn, Quang Minh, Đại Thành):**

a/. Diện tích: 1.302 ha

b/. Định hướng chính:



Hoàn thiện CCN Hoà Sơn - Quang Minh, Cảng Hoà Sơn để tạo động lực phát triển

Xây dựng Khu du lịch sinh thái Tâm linh núi Y Sơn, kết hợp công viên rừng, tạo thành quần thể DL-DV-TM núi Y Sơn phục vụ nhu cầu du lịch, nghỉ dưỡng của người dân và du khách.

Xây dựng Trung tâm dưỡng lão tại khu vực tiếp giáp núi Y Sơn, với quy mô khoảng 20ha;

- Định hướng phát triển giao thông:

Xây dựng mới tuyến đường nối ĐT296 và ĐT296C qua Sơn Thịnh (dự kiến sau khi sáp nhập 3 xã Hòa Sơn, Quang Minh, Đại Thành).

- Định hướng phát triển khu trung tâm:

Khu trung tâm xã mới sau khi sáp nhập được tổ chức trên cơ sở hiện trạng và mở rộng quỹ đất hiện hữu của xã Quang Minh hiện nay, để đảm bảo đủ quy mô theo tiêu chí nông thôn mới, bao gồm các công trình hành chính, y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT, thương mại dịch vụ phục vụ toàn xã.

- Định hướng phát triển khu vực sản xuất nông nghiệp: Là những khu tập sản xuất tập trung khoảng 20-35-40 ha. Các trang trại nằm ngoài khu vực thôn xóm.

Quy hoạch 2 khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, quy mô khoảng 50-100ha/1 khu. Sau năm 2030 nếu Trung tâm thử nghiệm ô tô không thực hiện dự án khu vực này sẽ chuyển thành khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao

Quy hoạch khu giết mổ gia súc gia cầm nằm phía Bắc Trạm biến áp 500 KV

Duy trì ổn định khu vực hồ tại xã Quang Minh hiện nay làm hồ điều hoà cho cụm phía Tây Huyện, nhằm giảm thiểu ngập úng cục bộ tại xã.

Bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao thế và các trạm điện 500Kv, 110Kv, hành lang bảo vệ đê sông Cầu theo đúng quy định của pháp luật.

### **8.5.3. Đối với xã Hoàng Vân (dự kiến sau khi sáp nhập 2 xã Hoàng An và Hoàng Vân):**

a/. Diện tích: 1.259 ha

b/. Định hướng chính:

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng CCN Thanh Vân- Hoàng An để thu hút đầu tư tạo động lực phát triển;

Xây dựng KDC mới Hoàng An, tiếp giáp với CCN Thanh Vân - Hoàng An; KDC mới Hoàng Vân; KDC TM Hoàng Vân

Quy hoạch khu công viên mặt nước lớn, làm điểm nhấn cảnh quan cho toàn bộ khu vực phía Bắc;

+ Định hướng phát triển giao thông chính:

- Xây dựng mới tuyến đường huyện nối từ QL37 đi vòng sang phía Tây huyện nối sang huyện Phú Bình, đồng thời khép kín đường vành đai 2 của huyện

+ Định hướng phát triển khu trung tâm:

- Khu trung tâm xã sau khi sáp nhập được xây dựng mới tại xã Hoàng An hiện nay (trên trục ĐT288, gần trường THPT Hiệp Hòa số 4); Quy mô diện tích đảm bảo đủ theo tiêu chí nông thôn mới, bao gồm các công trình hành chính, y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT, thương mại dịch vụ phục vụ toàn xã

#### **8.5.4. Đối với xã Toàn Thắng (dự kiến sau khi sáp nhập 2 xã Hoàng Lương và Hoàng Thanh):**

a/. Diện tích: 953,1 ha

b/. Định hướng chính:

Duy trì và phát triển vùng nuôi trồng cần - cá, tạo nguồn thu cho người nông dân và là động lực phát triển kinh tế chính cho toàn xã;

Xây dựng KDC mới Hoàng Lương tại vị trí cửa ngõ huyện, tiếp giáp với huyện Phú Bình (Thái Nguyên).

+ Định hướng phát triển giao thông chính:

Kéo dài tuyến ĐT 296C kết nối lên QL37 ở phía Bắc

Xây dựng mới Tuyến đường song song với ĐT 295 kết nối sang Tân Yên từ QL37 nhằm giảm tải giao thông cho ĐT295 đi Tân Yên

Nâng cấp một số tuyến đường xã, đảm bảo tiêu chí nông thôn mới;

+ Định hướng phát triển khu trung tâm:

- Khu trung tâm xã được xây dựng mới tại xã Hoàng Thanh hiện nay (trên trục trục xã nối 2 xã Hoàng Lương - Hoàng Thanh), đảm bảo đủ quy mô theo tiêu chí nông thôn mới, bao gồm các công trình hành chính, y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT, thương mại dịch vụ phục vụ toàn xã và các khu ở.

#### **8.5.5. Đối với xã Ngọc Sơn :**

a/. Diện tích: 1.020,8 ha

b/. Định hướng chính:

Xây dựng KDC mới phía Đông; KDC số 1, KDC mới trung tâm xã Ngọc Sơn.

+ Định hướng phát triển giao thông:

Kéo dài tuyến từ ĐT 296C nối với tuyến ĐT 295 ở phía Đông Bắc, kết nối sang huyện Tân Yên

Kéo dài tuyến ĐT 296C kết nối lên QL37 ở phía Bắc tại xã Hoàng Vân.

Xây dựng mới tuyến đường song song với ĐT 295 kết nối sang Tân Yên từ QL37 nhằm giảm tải giao thông cho ĐT295 đi Tân Yên

Nâng cấp một số tuyến đường xã, đảm bảo tiêu chí nông thôn mới;  
+ Định hướng phát triển khu trung tâm:

Khu trung tâm xã được ổn định trên cơ sở hiện trạng và mở rộng quỹ đất hiện hữu của trung tâm xã Ngọc Sơn hiện nay, đảm bảo đủ quy mô theo tiêu chí nông thôn mới, bao gồm các công trình hành chính, y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT, thương mại dịch vụ phục vụ toàn xã và các khu ở.

#### **8.5.6. Đối với xã Đồng Tiến (dự kiến sau khi sáp nhập 2 xã Đồng Tân và Thanh Vân):**

a/. Diện tích: 792,8 ha

b/. Định hướng chính:

Xây dựng hoàn thiện CCN Thanh Vân, với diện tích khoảng 50ha hiện có và mở rộng thêm 25ha;

Xây dựng cụm TM-DV-hỗ trợ tại vị trí đối diện với CCN Thanh Vân, phía Đông tuyến QL37;

Xây dựng mới Bệnh viện đa khoa với diện tích khoảng 2ha;

Xây dựng KDC TMDV Thanh Vân.

+ Định hướng phát triển giao thông:

Xây dựng tuyến đường huyện nối đường ĐT 288 từ Hoàng Vân đi Phú Bình

Xây dựng mới cầu Đồng Tiến - Phú Bình thay cầu treo hiện có nhằm đẩy mạnh phát triển các xã phía Bắc;

Nâng cấp một số tuyến đường xã, đảm bảo tiêu chí nông thôn mới;

+ Định hướng phát triển khu trung tâm:

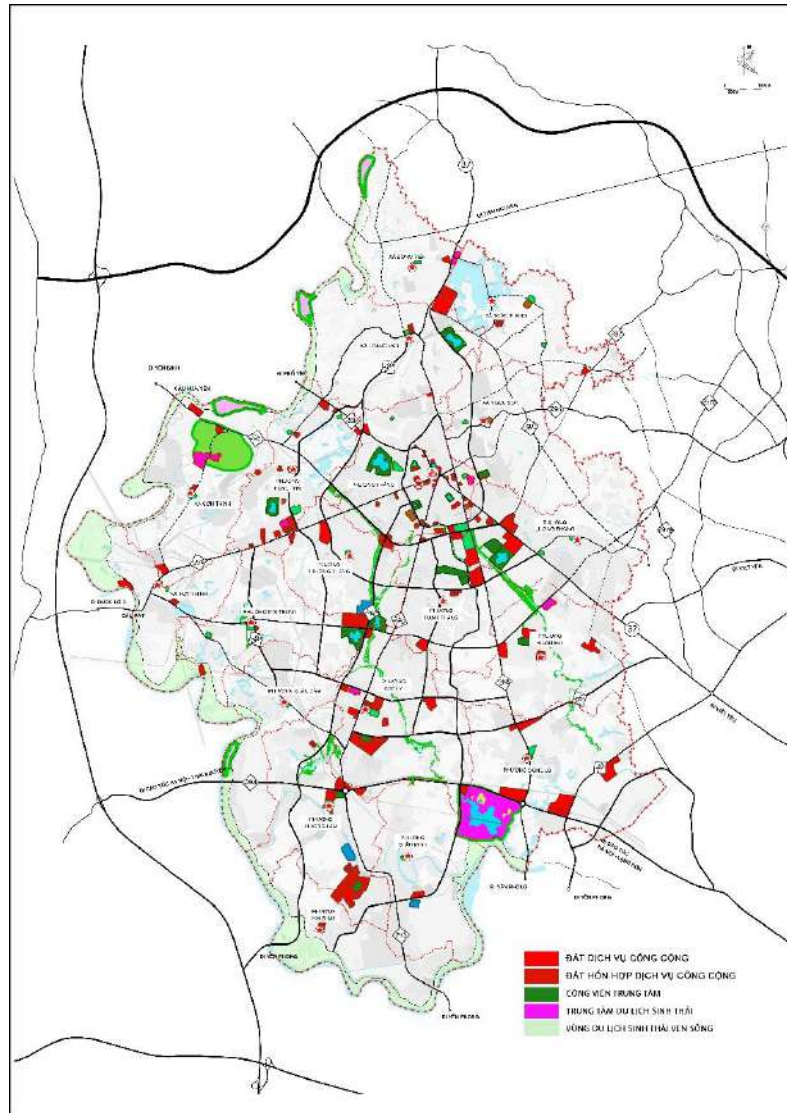
Vị trí Khu trung tâm xã sau khi sáp nhập được ổn định trên cơ sở hiện trạng và mở rộng quỹ đất hiện hữu của trung tâm xã Thanh Vân hiện nay, đảm bảo đủ quy mô theo tiêu chí nông thôn mới, bao gồm các công trình hành chính, y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT, thương mại dịch vụ phục vụ toàn xã và các khu ở.

### **8.6. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm, công viên và không gian mở**

#### **8.6.1. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm**

Tổ chức và hoàn thiện hệ thống trung tâm đô thị gắn với không gian công cộng, tạo khu vực trọng tâm phát triển trong đô thị.

Các khu trung tâm đô thị được bố trí tại các vị trí có bán kính phục vụ phù hợp đến các khu dân cư tập trung, thuận lợi về giao thông, nơi hội tụ của các luồng hoạt động trong đô thị và đặc biệt là gắn với không gian cây xanh mặt nước công cộng, để tạo ra hệ thống trung tâm đô thị có giá trị.



Sơ đồ hệ thống các trung tâm

a/. Hệ thống trung tâm hành chính huyện và xã:

+ Đối với Trung tâm hành chính huyện: Ổn định trung tâm hành chính huyện hiện nay

+ Đối với trung tâm hành chính phường/xã:

- Quy hoạch Xây dựng mới và mở rộng Trụ sở, hành chính của các xã sát nhập (quy mô khoảng 1 ha/1 xã).

- Các xã/phường quy hoạch trung tâm hành chính mới là: Hoàng Vân, Ngọc Sơn, Hùng Thái, Thường thắng, Xuân Cẩm, Hương Lâm, Đoàn Bái, Toàn Thắng, Mai Đình.

- Các xã/phường khu vực trụ sở cũ còn quỹ đất để mở rộng phát triển là: Đồng Tiên (Thanh Vân cũ), Sơn Thịnh (Quang Minh cũ), Châu Minh, Danh Thắng.

b/. Hệ thống trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao:

- Giai đoạn trước năm 2030: Xây dựng một phần các cụm hỗn hợp

TMDV tại khu trung tâm P. Thắng, P. Bắc Lý, P. Hùng Thái, cụm hỗn hợp TMDV dọc QL 37, cụm dọc ĐT 398 và cụm TMDV Mai Đình theo định hướng phát triển chung về công nghiệp, dịch vụ và dân cư tại những khu vực Ưu tiên

- *Giai đoạn đến năm 2045*: Tiếp tục thu hút đầu tư vào cụm dịch vụ thương mại giai đoạn đến năm 2030 và thu hút đầu tư vào các cụm hỗn hợp TMDV Danh Thắng, Mai Trung - Thường Thắng, và cụm TMDV Hoàng Vân - Đồng Tiên - Toàn Thắng theo định hướng phát triển dịch vụ phục vụ công nghiệp và dịch vụ phát triển theo định hướng phát triển dân cư khu trung tâm mới.

*c/. Xây dựng mới các trung tâm công cộng* (Bao gồm: thư viện, cung thiếu nhi, nhà khách, khách sạn, Trung tâm hội nghị, trung tâm thương mại...).

- Quy mô: khoảng 20ha.

- Vị trí: Nằm phía Nam KĐT mới Lương Phong, bám sát QL37.

*d/. Công trình văn hóa - thể thao*

+ *Giai đoạn đến năm 2030*:

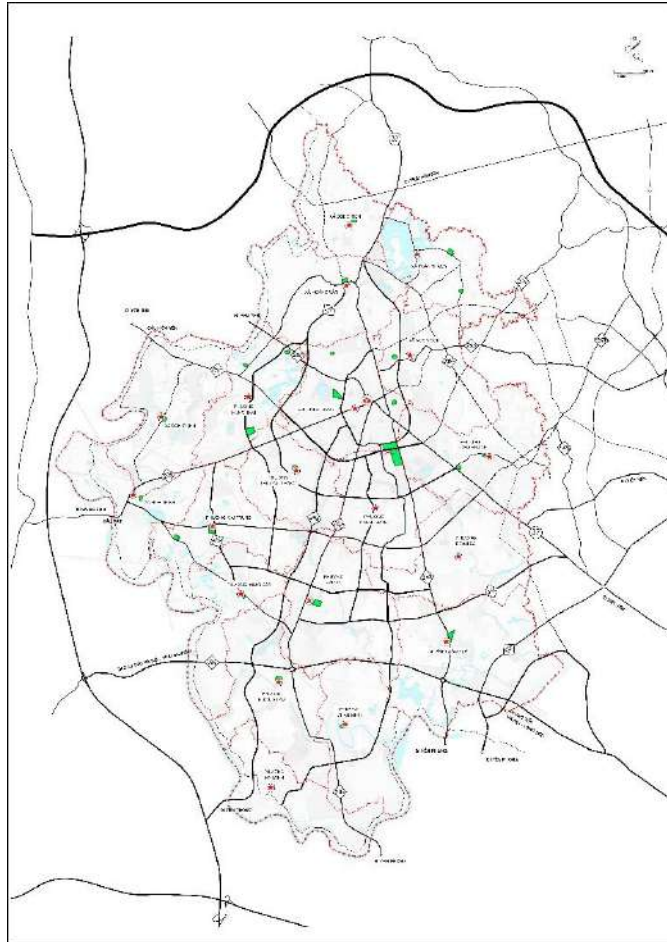
Xây dựng hoàn chỉnh khu trung tâm văn hóa - TDTT cấp đô thị quy hoạch mới tại khu vực phía Đông Nam phường Thắng (khoảng 6.5 ha).

Hoàn thiện nâng cấp các trung tâm văn hóa thể thao xã/phường.

+ *Giai đoạn đến năm 2045*

Mở rộng khu Trung tâm văn hóa - TDTT về phía Nam (đối diện qua đường tỉnh 296C) tại phường Danh Thắng với diện tích khoảng 12ha để xây dựng đủ các hạng mục thể thao theo tiêu chuẩn thành phố. Cơ sở vật chất đủ điều kiện đăng cai một số bộ môn thuộc các giải thể thao cấp tỉnh

Các sân tập thể thao cơ bản: được bố trí tại các phường/xã đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn đô thị với tổng diện tích khoảng 13,2 ha hoàn thiện theo lộ trình phát triển của đô thị.



*Sơ đồ định hướng phát triển trung tâm văn hóa- TDDT*

*đ/. Xây dựng mới 8 Khu trung tâm Dịch vụ- thương mại, hỗn hợp, văn phòng*

*+ Giai đoạn đến năm 2030:*

Thu hút đầu tư một phần các cụm hỗn hợp TMDV tại khu trung tâm P. Thắng, P. Bắc Lý, P. Hùng Thái, cụm hỗn hợp TMDV dọc QL 37, cụm dọc ĐT 398 và cụm TMDV Mai Đình (tổng diện tích khoảng 290ha) theo định hướng phát triển chung về công nghiệp, dịch vụ và dân cư tại những khu vực ưu tiên

*+ Giai đoạn đến năm 2045:*

Tiếp tục thu hút và lấp đầy các cụm hỗn hợp giai đoạn đến năm 2030 và các cụm TMDV Danh Thắng, Mai Trung - Thường Thắng, và cụm TMDV Hoàng Vân - Đồng Tiến - Toàn Thắng theo định hướng phát triển dịch vụ phục vụ công nghiệp và dịch vụ phát triển theo định hướng phát triển dân cư khu trung tâm mới

*e/. Xây dựng hệ thống y tế*

*+ Đến năm 2030:* Xây dựng trung tâm y tế, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe tại các phường Hùng Thái, phường Bắc Lý, xã Đồng Tiến khoảng 10ha và trung tâm dưỡng lão tại xã Sơn Thịnh quy mô khoảng 20ha. ;

*+ Đến năm 2045:* Xây dựng Bệnh viện đa khoa tại phường Đoàn Bái quy mô 6ha.

Khuyến khích kêu gọi đầu tư xây dựng các trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe tư nhân

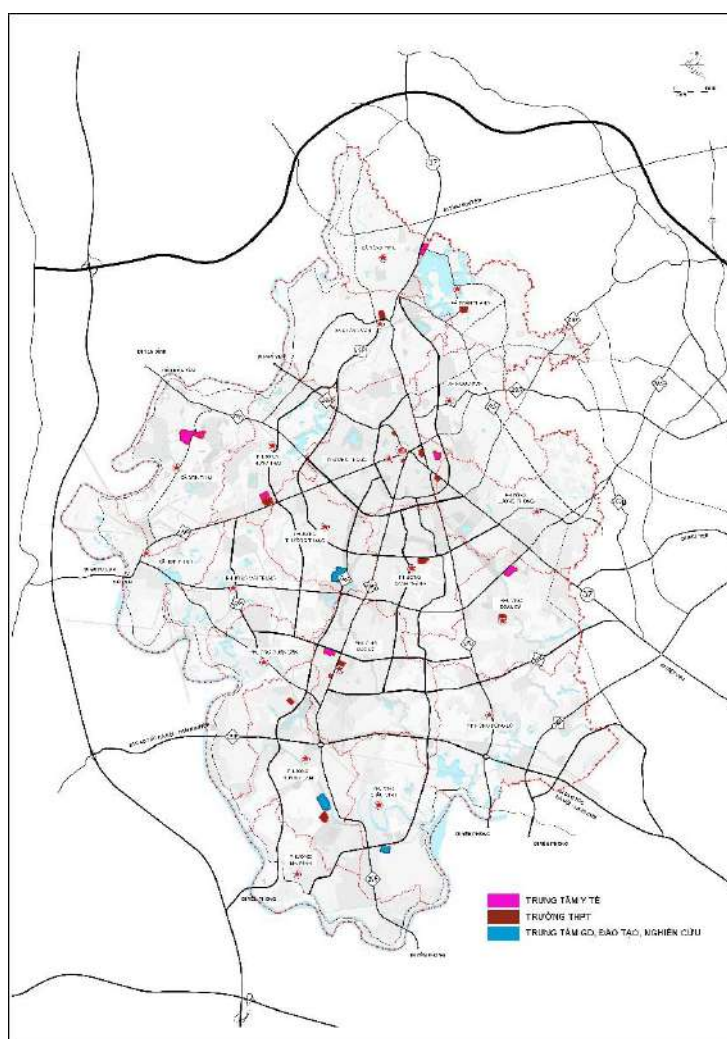
*f/. Xây dựng hệ thống giáo dục- dạy nghề:*

- Đến năm 2030: Bổ sung thêm 2 trường THPT tại các phường Đoàn Bái, Hương Lâm (quy mô khoảng 2-3 ha/1 trường)

- Đến năm 2045: Bổ sung thêm 2 trường THPT tại P. Danh Thắng, xã Toàn Thắng (quy mô khoảng 2-4 ha/1 trường);

- Xây dựng mới trung tâm dạy nghề tại xã Hương Lâm với quy mô diện tích 8,6 ha và tại xã Châu Minh với quy mô diện tích 3,3ha;

- Xây dựng mới Trung tâm nghiên cứu đào tạo: Quy mô khoảng 12-15ha tại xã Thường Thắng hiện nay (trên trục ĐT 296B)



*Sơ đồ định hướng phát triển trung tâm y tế- giáo giục*

### **8.6.2. Định hướng phát triển hệ thống công viên, cây xanh và không gian mở**

+ Đến năm 2030: Xây 2 công viên trung tâm đô thị tổng quy mô 55ha. Xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh khu cây xanh mặt nước gắn với du lịch văn hóa tâm linh núi Y sơn và khu du lịch sinh thái văn hóa nơi Bác Hồ về thăm

+ Đến năm 2045: Xây dựng 4 công viên trung tâm và 4 không gian xanh

gắn với dịch vụ du lịch:

Công viên phía Đông (P.Lương Phong): quy mô 30 ha.

Công viên phía Tây (P. Thắng): quy mô 30 ha.

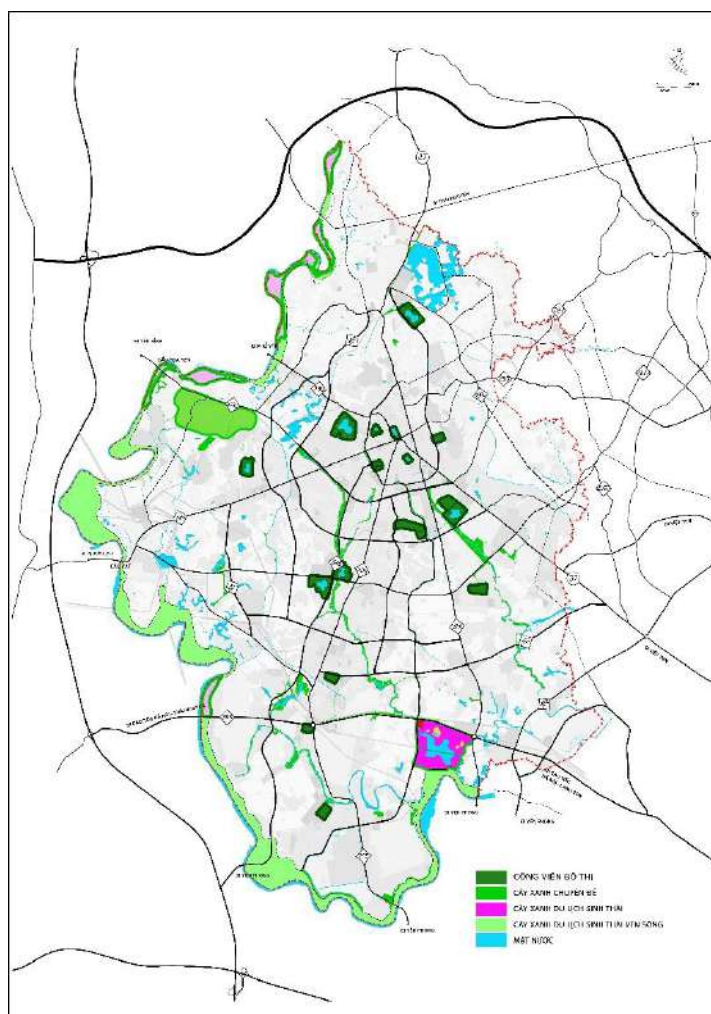
Công viên phía Nam (P Xuân Cẩm): quy mô 40 ha.

Công Viên phía Bắc (xã Hoàng Vân): quy mô 20 ha.

Khu cây xanh mặt nước phía Tây Nam (xã Hợp Thịnh): quy mô 30ha

Khu cây xanh du lịch văn hóa tâm linh núi Y Sơn (xã Sơn Thịnh): quy mô 120ha

Khu cây xanh mặt nước gắn với du lịch sinh thái vườn cò (P. Bắc Lý, P. Đông Lỗ): quy mô 190ha



Sơ đồ hệ thống công viên cấp đô thị

03 điểm du lịch sinh thái ven sông ven sông Cầu thuộc xã Hòa Sơn, Hoàng Vân, Đông Tân hiện nay. Khi triển khai thực hiện xây dựng dự án phải tuân thủ Luật đô điều, tuân thủ Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Chính quyền địa phương sẽ không được cấp phép, cho phép xây dựng khi không đáp ứng đủ các điều kiện của các văn bản đã được nêu trên (xem Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch).



Dải cây xanh ven sông Cầu được duy trì tôn tạo để tạo cảnh quan góp phần điều hoà vi khí hậu

Ngoài ra còn có các công viên đô thị khác như: Công viên mặt nước hồ Thống Nhất tại khu trung tâm hiện hữu, sẽ nâng cấp cải tạo sử dụng cho các hoạt động vui chơi giải trí, hoạt động lễ hội; hình thành các công viên chuyên đề gắn với du lịch sinh thái dọc theo bờ sông Cầu, góp phần tạo sự đa dạng các loại hình du lịch và hình ảnh đẹp, hấp dẫn cho đô thị.

Tổ chức các công viên, vườn hoa nhỏ trong các khu đô thị. Kết nối với các công viên lớn của đô thị, vùng sinh thái nông nghiệp đan xen giữa các khu chức năng, hệ thống cây xanh cảnh quan và cây xanh bóng mát dọc các tuyến giao thông để tạo nên một mạng lưới cây xanh liên hoàn của toàn thành phố.

Không gian xanh vùng nông nghiệp sinh thái:

+ Đề xuất mô hình nông nghiệp trong đô thị tạo những không gian nghiên cứu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xen kẽ, nhằm gia tăng không gian xanh, cảnh quan và khuyến khích các hoạt động nông nghiệp cho dân cư đô thị.

+ Duy trì các vùng nông nghiệp lớn để lưu giữ tính chất về canh tác sản xuất ở Hiệp Hòa, đồng thời bảo vệ khu vực đất tự nhiên nơi xấp có khả năng thấm thấu nước cao để thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Khai thác phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan nông nghiệp.

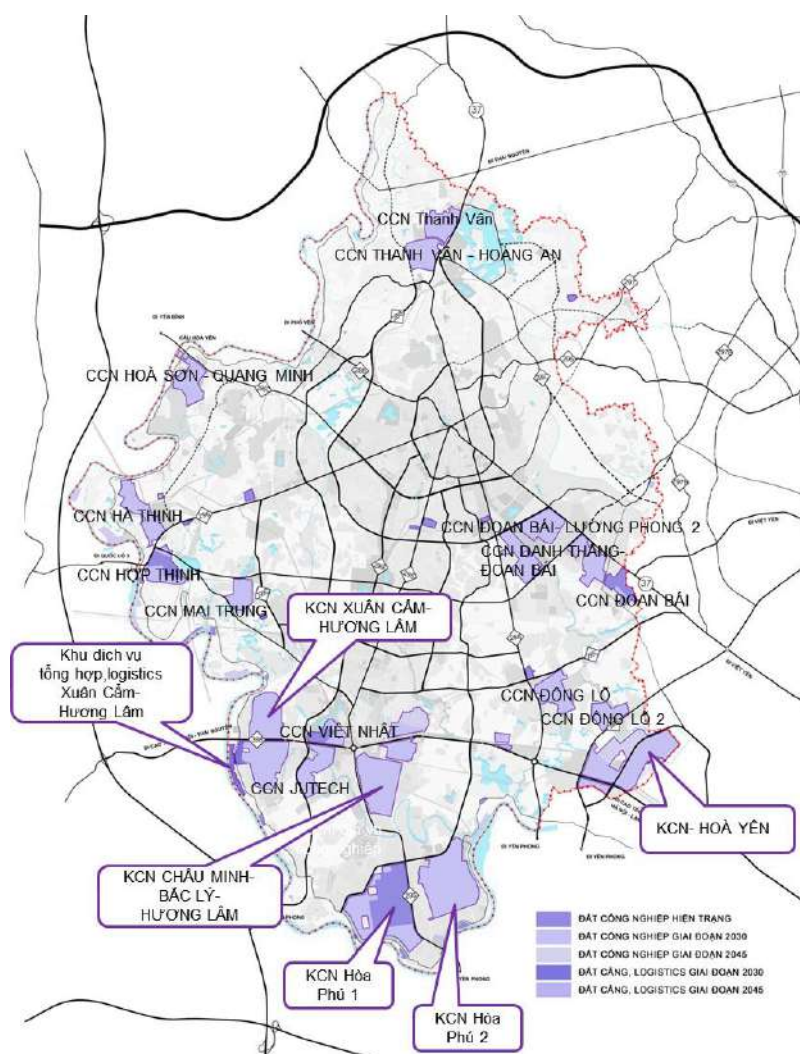


*Minh họa cảnh quan sinh thái nông nghiệp*

## **8.7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội:**

### **8.7.1. Công nghiệp:**

Theo định hướng quy hoạch công nghiệp của tỉnh, Hiệp Hòa sẽ phát triển trở thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn nhất tỉnh Bắc Giang.



*Quy hoạch Khu và Cụm công nghiệp Huyện Hiệp Hòa*

- *Giai đoạn trước năm 2030:* Cơ bản hình thành 04 khu công nghiệp và 14 cụm công nghiệp, và các điểm công nghiệp hiện trạng của huyện. Tổng diện tích khoảng hơn 2216,87 ha

*Các khu, cụm công nghiệp cụ thể như sau*

- + KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm
- + KCN Châu Minh-Bắc Lý-Hương Lâm
- + KCN Hòa Yên
- + KCN Hòa Phú (mở rộng giai đoạn 1) KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2
- + Và 14 cụm công nghiệp gồm: Hợp Thịnh, Hà Thịnh, Việt Nhật, Jutech, Doan Bái, Doan Bái - Lương Phong 1, Doan Bái - Lương Phong 2, Thanh Vân, CCN Đông Lỗ, CCN Đông Lỗ 2, CCN Thanh Vân - Hoàng An, CCN Hòa Sơn - Quang Minh, CCN Mai Trung, CCN Danh Thắng - Doan Bái.

- + Cảng logistic Xuân Cẩm - Hương Lâm; có diện tích là 70,16 ha

- *Giai đoạn 2030-2045:*

- Mở rộng KCN – đô thị, DV Hòa Yên, KCN - đô thị, DV Minh Châu- Bắc

Lý- Hương Lâm;

Tổng diện tích đất công nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2045 là 2304,54

**Bảng 9: Tổng hợp quy hoạch KCN/CCN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa**

TT	KCN/CCN	2030	2045	Vị trí	Số QĐPD
1	KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm	224,02	224,02	Các xã: Xuân Cẩm, Hương Lâm	871/QĐ-UBND ngày 11/8/2023
2	KCN Châu Minh- Bắc Lý-Hương Lâm	222,20	256,47	Các xã: Châu Minh, Hương Lâm và Thị trấn Bắc Lý	399/QĐ-UBND ngày 18/4/2023
3	KCN Hòa Yên	256,68	310,08	Xã Đông Lỗ	1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
4	KCN Hòa Phú mở rộng GD1	292,45	292,45	Các xã: Châu Minh, Mai Đình, Hương Lâm	710/QĐ-UBND ngày 16/7/2021
5	KCN Hòa Phú mở rộng GD2	222,00	222,00	Các xã: Châu Minh, Mai Đình	891/QĐ-UBND ngày 14/8/2023
6	CCN Hợp Thịnh	74,92	74,92	Xã Hợp Thịnh	1355/QĐ-UBND ngày 15/8/2019
7	CCN Hà Thịnh	74,92	74,92	Các xã: Hợp Thịnh, Đại Thành	343/QĐ-UBND ngày 07/4/2022
8	CCN Việt Nhật	49,66	49,66	Xã Hương Lâm, thị trấn Bắc Lý	690/QĐ-UBND ngày 21/5/2018
9	CCN Jutech	74,90	74,90	Xã Hương Lâm	181/QĐ-UBND ngày 02/3/2021
10	CCN Đoàn Bái	69,90	69,90	Xã Đoàn Bái	223/QĐ-UBND ngày 15/3/2021
11	CCN Đoàn Bái - Lương Phong 1	50,05	50,05	Các xã: Đoàn Bái, Lương Phong	221/QĐ-UBND ngày 15/3/2021
12	CCN Đoàn Bái - Lương Phong 2	74,97	74,97	Các xã: Đoàn Bái, Lương Phong	1273/QĐ-UBND ngày 01/8/2019
13	CCN Thanh Vân	49,99	49,99	Xã Đồng Tiến (Đồng Tân, Thanh Vân)	315/QĐ-UBND ngày 12/3/2018
14	CCN Đông Lỗ	75,00	75,00	Xã Đông Lỗ	Chưa có Quy hoạch
15	CCN Đông Lỗ 2	50,00	50,00	Xã Đông Lỗ	Chưa có Quy hoạch
16	CCN Thanh Vân - Hoàng An	65,00	65,00	Các xã: Đồng Tiến, Hoàng Vân (Hoàng Vân, Hoàng An)	Chưa có Quy hoạch
17	CCN Hòa Sơn - Quang Minh	75,00	75,00	Xã Sơn Thịnh (Hòa Sơn, Quang Minh, Đại Thành)	Chưa có Quy hoạch
18	CCN Mai Trung	40,00	40,00	Xã Mai Trung	Chưa có Quy hoạch
19	CCN Danh Thắng - Đoàn Bái	75,00	75,00	P. Danh Thắng và P. Đoàn Bái	Chưa có Quy hoạch
20	Tiểu thủ CN	100,21	100,21		Chưa có Quy hoạch
	<b>Tổng</b>	<b>2216,87</b>	<b>2304,54</b>		

Các ngành công được xây dựng tại Hiệp Hòa là công nghiệp đa ngành, ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường như: Sản xuất, chế tạo thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, cơ khí chính xác, các sản phẩm từ công nghệ, kỹ thuật cao phục vụ các ngành điện tử, công nghệ thông tin; Sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, vaccine, thiết bị y tế; Chế biến nông lâm sản, chế biến thực phẩm, cơ khí chế tạo máy; Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm liên quan đến hệ thống điện mái năng lượng mặt trời; bao bì và các ngành công nghiệp phụ trợ; Sản xuất các loại hàng hóa khác đảm bảo tiêu chí dây chuyền sản xuất ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao

Trong các khu công nghiệp đều bố trí các chức năng: Đất dịch vụ (gồm nhà điều hành, trung tâm triển lãm, giới thiệu sản phẩm, trung tâm y tế, trung tâm đào tạo, cơ sở lưu trú ... phục vụ trực tiếp cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp); đất nhà máy, xí nghiệp, kho tàng (được xây dựng đảm bảo khoảng cách an toàn với các yếu tố hiện trạng giáp ranh giới quy hoạch); đất hạ tầng kỹ thuật (gồm các hạng mục như trạm điện, bãi tập trung chất thải rắn, trạm xử lý nước thải và các chức năng HTKT khác); đất giao thông (gồm mạng lưới đường giao thông tiếp cận dễ dàng đến từng ô đất trong khu công nghiệp và khu vực bãi đỗ xe tập trung); Đất cây xanh (gồm cây xanh tập trung kết hợp với cây xanh dọc các tuyến đường và cây xanh hành lang cách ly xung quanh KCN tạo nên các mảng xanh cảnh quan, hạn chế giảm và thiếu gây ô nhiễm môi trường).

### 8.7.2. Nông - lâm - ngư nghiệp

Nghiên cứu mô hình nông nghiệp Công nghệ cao để ứng dụng cho các khu vực nông nghiệp quy mô lớn trong vùng.

Thực hiện trình diễn các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển giao công nghệ.

Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn để phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao cho ngành nông nghiệp.

Thực hiện hợp tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp với các tổ chức trong và ngoài nước.



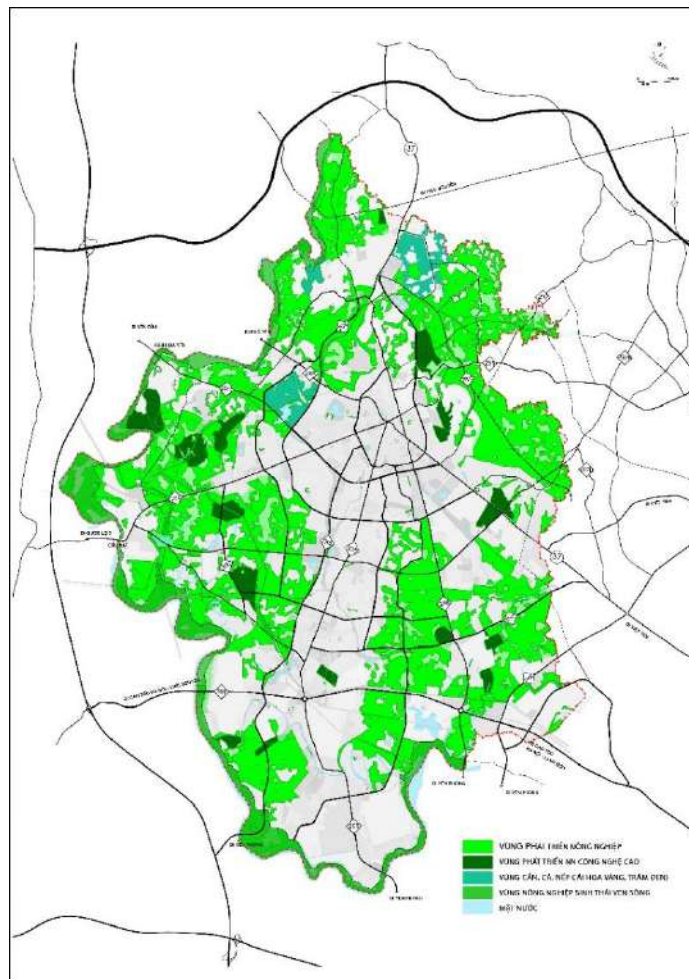
*Các sản phẩm nông nghiệp đặc sản của huyện*

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế hộ, kinh tế trang trại,

hợp tác xã, tổ hợp tác thông qua triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ của ngành nông nghiệp.

Duy trì vùng đất nông nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản, thúc đẩy các vùng nông nghiệp đặc sản địa phương (vùng cần + cá giống xã Hoàng Lương (khoảng 300ha), vùng trồng Trám đen thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân (khoảng 50ha), vùng nếp cái Hoa vàng xã Thái Sơn (khoảng 150ha), vùng lạc Lương Phong, Ngọc Sơn, Danh Thắng, vùng cây dược liệu). Chuyển đổi, đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất Nông nghiệp công nghệ cao theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2030 (khoảng 300ha), bổ sung mới vùng nông nghiệp công nghệ cao phía Bắc và vùng chuyển đổi chức năng Trung tâm Thử nghiệm ô tô không thực hiện thành vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao;

Xây dựng mới tuyến giao thông kết nối các vùng nông nghiệp công nghệ cao với các đường trục chính đô thị, đường vành đai.



Sơ đồ Vùng phát triển nông nghiệp

### 8.7.3. Du lịch

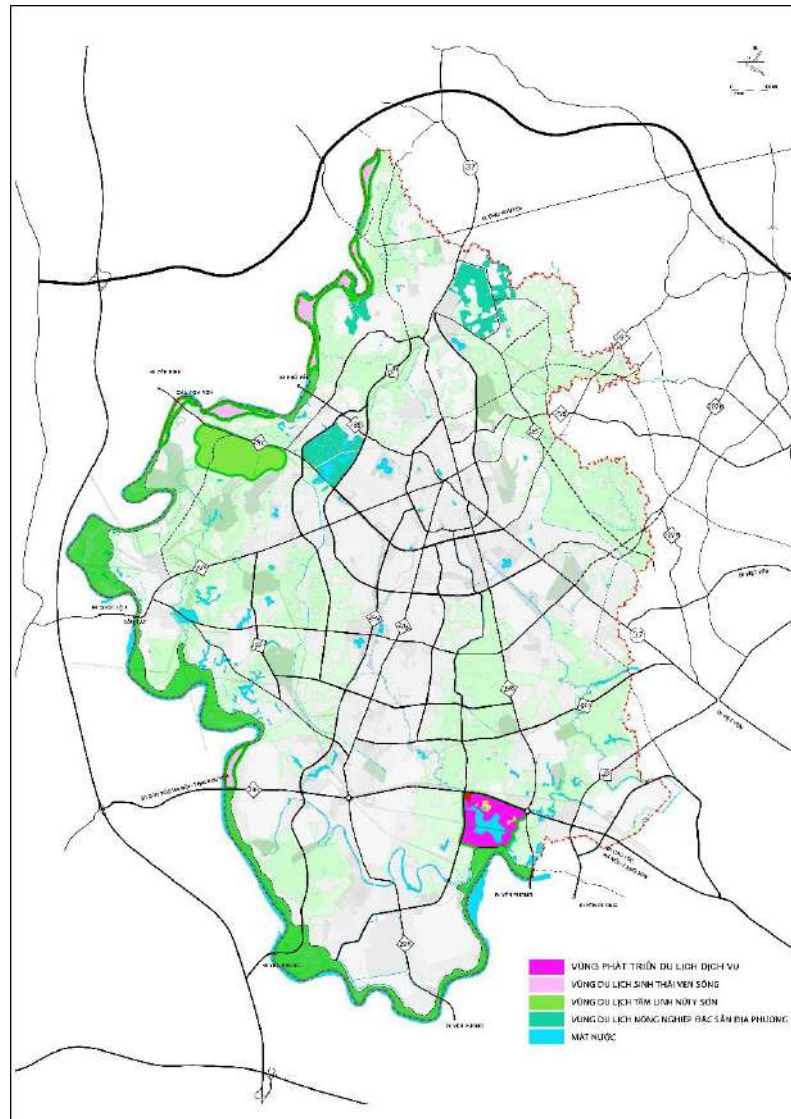
Đề xuất 4 loại hình du lịch: du lịch lịch - sử văn hóa - Tâm Linh, Du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm:

- Công viên du lịch văn hóa tâm linh núi Y Sơn (xã Sơn Thịnh): quy mô 120ha

- Khu du lịch dịch vụ Vườn Cò (P. Bắc Lý + P. Châu Minh): quy mô 190ha

- Vùng du lịch sinh thái ven sông với các 3 điểm du lịch sinh thái phía Tây Bắc (quy mô 9ha) và khu du lịch sinh thái văn hóa Nơi Bắc Hồ về thăm (quy mô 2,5ha)

- Vùng du lịch trải nghiệm nông nghiệp. Du lịch nông nghiệp đặc sản địa phương (vùng cần + cá xã Hoàng Lương (khoảng 300ha), vùng trồng Trám đen thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân (khoảng 50ha), vùng nếp cái Hoa vàng xã Thái Sơn (khoảng 150ha), vùng sản xuất Nông nghiệp công nghệ cao khoảng 500ha



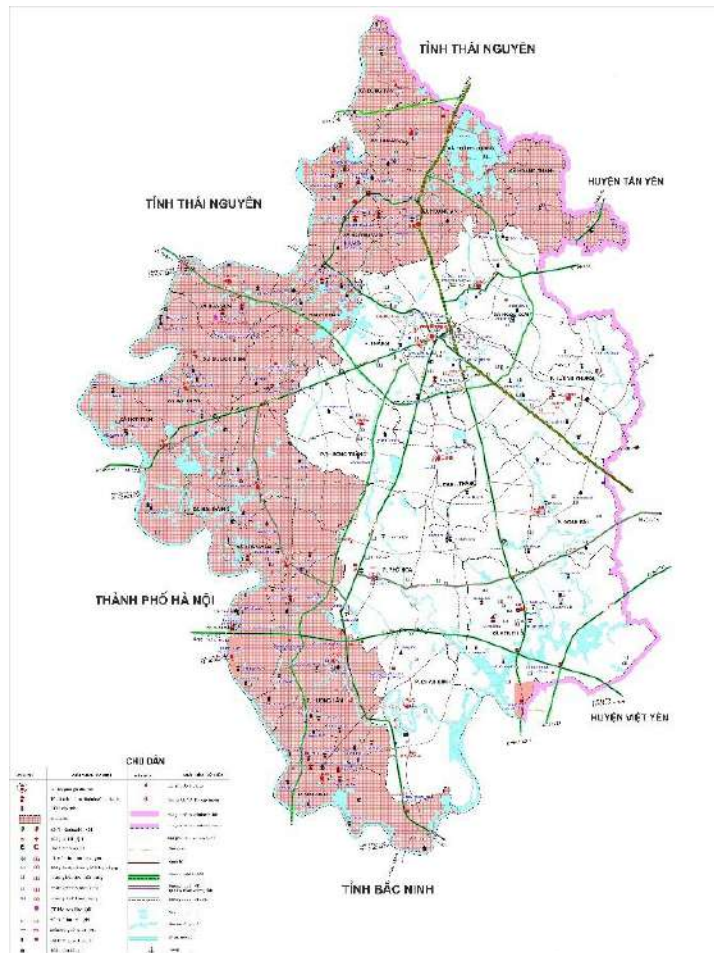
Sơ đồ khu vực phát triển du lịch

+ *Giai đoạn đến năm 2030*: xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng khu du lịch văn hóa tâm linh núi Y Sơn, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch vùng nông nghiệp đặc sản địa phương, vùng nông nghiệp công nghệ cao tham quan học tập và vùng du lịch trải nghiệm nông nghiệp

+ *Giai đoạn đến năm 2045*: xây dựng vùng du lịch dịch vụ Vườn cò và các vùng sinh thái ven sông phía Tây Bắc.

\* *Định hướng phát triển chung*: Lập dự án đầu tư, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng giao thông tới một số khu, điểm du lịch trọng điểm; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch; xây dựng các tour du lịch đặc trưng;

cung cấp thông tin về lịch sử các di tích tiêu biểu được xếp hạng cấp Quốc gia; các lễ hội đặc sắc và các sản vật địa phương như: làng nghề truyền thống, các vùng sản xuất rau, trái cây chất lượng cao và đặc trưng để phục vụ du lịch; Tiếp tục phát huy các giá trị để xây dựng phát triển 2 loại hình du lịch chính gồm du lịch văn hoá tâm linh và du lịch sinh thái, với các tour đặc trưng gắn với các di tích lịch sử văn hóa cách mạng, như Nhà trưng bày truyền thống ATKII- Đình chợ Vân- Đình Vân Xuyên- Đền Soi- nhà cụ Ngô Văn Thấu- cụ Ngô Văn Chê- cụ Nguyễn Văn Đông, tại 2 xã Hoàng An và Hoàng Vân. Quần thể di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Y Sơn gắn với lễ hội truyền thống Y Sơn xã Hòa Sơn; Hệ thống các lăng đá như Lăng Bầu, lăng Dinh Hương, lăng họ Ngô, lăng họ Trần, lăng Vân Cẩm tại các xã Xuân Cẩm, Đức Thắng, Thái Sơn, Lương Phong, Đông Lễ; Đình Lỗ Hạnh - di tích văn hóa nghệ thuật cấp quốc gia được mệnh danh “đệ nhất Kinh Bắc” gắn với nghệ thuật hát ca trù của người Hiệp Hòa. Sẽ phát triển thêm các sản phẩm du lịch mới là du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng gắn với phát triển nông nghiệp chất lượng cao, công nghệ cao là những thế mạnh của Hiệp Hòa trong tương lai



*Sơ đồ phương án phát triển du lịch huyện Hiệp Hoà  
(Nguồn: Báo cáo tổng hợp phương án phát triển kinh tế xã hội huyện Hiệp Hòa, thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn 2050)*

#### **8.7.4. Nhà ở**

Khu vực nhà ở trong các khu đô thị mới khuyến khích xây dựng mô hình nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, nhằm khai thác tối đa lợi thế không gian cảnh quan, kết nối giao thông, tạo nên các khu phố thương mại - dịch vụ - du lịch hấp dẫn. Khu vực nhà ở tại các phường tương lai phát triển mô hình khu đô thị xanh có mật độ xây dựng thấp, tỷ lệ cây xanh cao, tạo sự gắn kết hài hòa với cảnh quan tự nhiên và dân cư hiện hữu. Tại một số khu vực trung tâm đô thị xây dựng nhà ở mới, cao tầng để nâng cao chỉ tiêu và chất lượng nhà ở cho toàn đô thị, tạo điểm nhấn không gian.

Phát triển nhà ở đồng bộ theo từng dự án đô thị mới, khu dân cư xây mới. Trong các khu nhà ở xây mới đảm bảo đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và xây dựng quy chế kiểm soát phát triển để quản lý đảm mỹ quan đô thị và bền vững cấu trúc đô thị cho tương lai.

Đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội: Bố trí quỹ nhà ở chi phí thấp và nhà ở cho thuê, nhà ở cho công nhân, sinh viên, nhà ở chính sách, nhà ở cho người thu nhập thấp, tập trung tại khu vực thuận lợi giao thông, đặc biệt gần các khu, cụm công nghiệp tập trung và các cơ sở đào tạo trong đô thị.

Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, xây dựng đối với nhà dân tự xây để kiểm soát tình trạng xây dựng tự phát, lộn xộn. Kiểm soát phát triển các khu vực làng xóm đô thị hóa, cải thiện chất lượng nhà ở nông thôn, tôn tạo, nâng cấp cảnh quan các khu phố cũ tại thị trấn Thắng, thị trấn Bách nhân, dân cư dọc các trục đường chính đô thị.

### **8.8. Vùng cần bảo vệ, vùng hạn chế xây dựng, vùng cấm xây dựng:**

Vùng cần bảo vệ gồm các khu vực bảo tồn và bảo vệ di tích văn hóa, lịch sử, kiến trúc, khảo cổ,... và các vùng sinh thái nông nghiệp đặc sản địa phương: Vùng cần cá Hoàng Lương, Vùng nếp cái hoa vàng, vùng Trám đen... Vùng nông nghiệp trồng lúa nước tập trung theo quy hoạch tỉnh đã xác định; khu di tích lịch sử - văn hóa, khảo cổ: Chùa Y Sơn, di tích lưu niệm Bác Hồ về thăm thôn Cẩm Xuyên, Đình Xuân Biều, đền Soi, Đình Vân Xuyên...; Sông cầu,

Vùng hạn chế xây dựng là các vùng sinh thái, cây xanh đô thị, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, cần kiểm soát chặt chẽ việc phát triển tại các khu vực: Ven núi Y Sơn (gần với cảnh quan và di tích lịch sử chùa Y Sơn); Hành lang bảo vệ đê sông Cầu; Các khu vực sinh thái nông nghiệp - nông thôn truyền thống; Các làng nghề truyền thống.

Vùng cấm xây dựng công trình là hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang bảo vệ đê sông Cầu, Ngòi Đại La, Ngòi tiêu Ngõ Khổng,... và hệ thống kênh tưới - tiêu chính; hành lang an toàn giao thông QL 37, ĐT đi qua địa bàn huyện; hành lang bảo vệ các tuyến đường điện cao thế (500KV, 220KV, 110KV), hành lang cách ly an toàn trạm điện 500Kv, 220Kv, 110Kv), Khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, trừ công trình xây dựng để khắc phục những hiện tượng này và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật; cấm xây dựng trong khu vực đất thuộc công trình quốc phòng, an ninh;



## IX. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### 9.1. Quan điểm quy hoạch

Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất trên địa bàn huyện.

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong cơ cấu sử dụng đất cần dành một tỷ lệ thích hợp cho các mục đích sử dụng phi nông nghiệp căn cứ vào điều kiện thực tế, đáp ứng các yêu cầu phát triển lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn.

Sử dụng hợp lý và có kế hoạch các loại đất chuyên dùng, đất ở trong khu dân cư đô thị và nông thôn theo lộ trình đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới.

Ưu tiên đất đầu tư cơ sở hạ tầng cùng với việc bố trí hợp lý đất ở, đất sản xuất để ổn định đời sống dân cư.

### 9.2. Chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu được duyệt tại nhiệm vụ lập QHC lấy theo chỉ tiêu đô thị loại III cho giai đoạn đến năm 2045 (Áp dụng QCVN 01:2021/BXD);

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 (ĐT loại IV)	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2045 (ĐT loại III)
<b>1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>m<sup>2</sup>/người</b>	<b>50 ÷ 80</b>	<b>50 ÷ 80</b>
1.1	Đất công trình dịch vụ - công cộng đô thị	m <sup>2</sup> /người	4	4
1.2	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị	m <sup>2</sup> /người	≥ 5	≥ 5
1.3	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị	m <sup>2</sup> /người	20	20
1.4	Đất đơn vị ở	m <sup>2</sup> /người	28 ÷ 45	28 ÷ 45
<b>2</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>			
2.1	<i>Giáo dục</i>			
	Trường trung học phổ thông	học sinh/1000 người	≥ 40	≥ 40
		m <sup>2</sup> /1 học sinh	≥ 10	≥ 10
2.2	<i>Y tế</i>			
	Bệnh viện đa khoa	giường/1000 người	≥ 4	≥ 4
		m <sup>2</sup> /giường	≥ 100	≥ 100
2.3	<i>Văn hóa - Thể dục thể thao</i>			
	Sân vận động	m <sup>2</sup> /người	≥ 0,6	≥ 0,8

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 (ĐT loại IV)	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2045 (ĐT loại III)
		ha/công trình	$\geq 1$	$\geq 2,5$
	Trung tâm VH - TDTT	m <sup>2</sup> /người	$\geq 0,8$	$\geq 0,8$
		ha/công trình	$\geq 0,5$	$\geq 3,0$
	Sân thể thao cơ bản	m <sup>2</sup> /người	$\geq 0,5$	$\geq 0,6$
		ha/công trình	$\geq 1,0$	$\geq 1,0$
	Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	ha/công trình	$\geq 0,5$	$\geq 0,5$
	Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	ha/công trình	$\geq 1,0$	$\geq 1,0$
2.4	<i>Thương mại</i>			
	Chợ	ha/công trình	$\geq 0,2$	$\geq 1,0$
2.5	Nhà tang lễ, nghĩa trang			
	Nhà tang lễ	công trình/250.000 dân	1	1
	Nghĩa trang (không bao gồm nghĩa trang liệt sỹ)	ha/1.000 dân	$\geq 0,04$	$\geq 0,04$

### 9.3. Quy hoạch sử dụng đất toàn đô thị

#### 9.3.1. Đất sản xuất phi nông nghiệp

##### a/. Định hướng sử dụng đất đối với khu phát triển công nghiệp

Mức độ phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn đô thị Hiệp Hòa được luận cứ từ lợi thế về vị trí địa lý và khả năng kết nối giao thông liên vùng với Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, các tỉnh lân cận về quy mô, hiệu quả sản xuất một số sản phẩm chủ yếu, dự báo triển vọng phát triển thời kỳ quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp được xác định tại Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Dựa trên các KCN, CCN hiện có, kết cấu hạ tầng về giao thông, cấp điện, cấp nước và quỹ đất có khả năng xây dựng cùng với điều kiện thực tiễn của địa phương, từ đó xác định quy mô đầu tư khu, cụm công nghiệp; Quy hoạch đến năm 2030 tổng diện tích công nghiệp trên địa bàn đô thị Hiệp Hòa là 2216,87ha trong đó 4 KCN có diện tích là 1217,35 ha, 14 CCN có diện tích là 899,32ha và điểm công nghiệp hiện trạng là 100,21ha; Đến năm 2045 tổng diện tích đất công nghiệp trên địa bàn là 2304,54 ha. Tổng diện tích đất công nghiệp chiếm 11,18%/ tổng diện tích đất tự nhiên toàn đô thị.

##### b/. Định hướng sử dụng đất đối với khu phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch

Với mục tiêu giai đoạn đến năm 2045 sẽ đặt trọng tâm vào phát triển ngành dịch vụ tạo ra đột phá và đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành công nghiệp, sẽ tập trung vào sản phẩm dịch vụ tổng hợp, du lịch, tài chính... cụ thể:

Xây dựng Trung tâm logistics với quy mô 70,16 ha tại Xuân Cẩm; Phát triển du lịch với các tour, tuyến du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, sinh thái kết hợp mua sắm sản phẩm đặc trưng của địa phương. Tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư, xây dựng các khu du lịch có quy mô lớn, thương hiệu nổi bật, tạo sức lan tỏa như khu di tích lịch sử - tâm linh đền, chùa Y Sơn kết hợp công viên sinh thái rừng, Khu du lịch lịch sử cách mạng ATKII, Khu du lịch sinh thái vườn cò Bắc Lý - Đông Lỗ và một số dự án du lịch sinh thái ven sông cầu...

Phát triển dịch vụ thương mại, bán buôn, bán lẻ, đồng thời phát triển hệ thống chợ, siêu thị gắn với các khu dân cư và khu, cụm công nghiệp. Xây dựng chợ đầu mối, Khu trung tâm thương mại, tài chính và ngân hàng... như vậy, để đạt được mục tiêu trên quỹ đất dành cho phát triển khu vực thương mại đến năm 2045 cần khoảng 644ha.

*c/. Định hướng sử dụng đất cho đô thị:*

- Đến năm 2030: khu vực nội thị có tổng số là 10 phường: TT.Thắng, TT. Bắc Lý: Hùng Sơn, Thái Sơn (sáp nhập lấy tên là Hùng Thái), Thường Thắng, Danh Thắng, Lương Phong, Đoan Bái, Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình. Diện tích 10.747ha

- Đến năm 2045: khu vực nội thị có tổng số là 13 phường là Phường Thắng, P. Hùng Sơn + Thái Sơn (sáp nhập thành Hùng Thái), P. Thường Thắng, P. Danh Thắng, P. Lương Phong, P. Đoan Bái, P. Bắc Lý, P. Hương Lâm, P. Châu Minh và P. Mai Đình và nâng cấp thêm 3 xã thành phường là: Đông Lỗ, Xuân Cẩm, Mai Trung, để đạt tiêu chí thành phố loại III. Diện tích 14.335ha

Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn gắn với phát triển đô thị theo quy hoạch.

Xây dựng không gian nông thôn trên cơ sở bản sắc đặc trưng của từng địa phương, làng xã; xây dựng các thôn bản với đầy đủ các hạ tầng cơ bản như nhà văn hóa, sân thể thao. Đối với cấp xã, hình thành khu trung tâm với đầy đủ các thiết chế văn hóa, sân thể thao, trạm y tế, bưu điện, trường học, khu vui chơi

### **9.3.2. Sản xuất nông nghiệp**

Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp nằm trong chiến lược phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh Bắc Giang và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong giai đoạn đến năm 2030 huyện sẽ xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp công nghiệp cao, quy hoạch vùng trồng cây rau màu và chăn nuôi thành vùng hàng hóa tập trung với quy mô lớn, trang trại, mở rộng diện tích sản xuất theo hướng GAP để tạo khối lượng sản phẩm lớn, có năng suất, chất lượng tốt phục vụ tiêu dùng cho thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận, sản phẩm đầu vào của ngành công nghiệp chế biến

### 9.3.3. Chỉ tiêu sử dụng đất

- Chỉ tiêu sử dụng đất áp dụng cho đô thị Hiệp Hòa phải đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng các yêu cầu của đô thị động lực phía Tây tỉnh Bắc Giang.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất chủ yếu: Đất xây dựng đô thị gồm đất dân dụng và đất ngoài dân dụng, trong đó:

+ Đất dân dụng gồm đất đơn vị ở, đất cây xanh, đất công trình công cộng, đất giao thông, đất hỗn hợp kết hợp ở, đất cơ quan trụ sở đô thị, đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị. Áp dụng cho đô thị Hiệp Hòa là đô thị loại IV cho giai đoạn đến năm 2030 và loại III cho giai đoạn đến năm 2045 có tính đặc thù là đô thị công nghiệp mới của tỉnh Bắc Giang và Vùng Thủ đô

+ Đất ngoài dân dụng bao gồm các loại đất dành cho công trình đặc biệt, công trình chuyên dụng theo yêu cầu của đô thị (đất cây xanh, công viên, đất giao thông đối ngoại, đất phát triển kinh tế - xã hội như: đất quốc phòng, an ninh, công nghiệp, cảng, du lịch, hạ tầng kỹ thuật...). Chỉ tiêu đất ngoài dân dụng không quy định trong QCVN 01:2019/BXD.

**Bảng 10: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đô thị Hiệp Hòa đến năm 2030 và 2045**

TT	Hạng mục	Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2030			Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2045		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
	<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>20.599,65</b>	<b>100,00</b>		<b>20.599,65</b>	<b>100,00</b>	
	+ Đất xây dựng	9.463,31	45,94		10.891,91	52,87	
	+ Đất nông nghiệp và các chức năng khác	11.136,34	54,06		9.707,74	47,13	
<b>I</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>9.463,31</b>	<b>100,00</b>	<b>315,44</b>	<b>10.891,91</b>	<b>100,00</b>	<b>272,30</b>
<b>1.1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>2.872,44</b>	<b>30,35</b>	<b>95,75</b>	<b>3.911,60</b>	<b>35,91</b>	<b>97,79</b>
1.1.1	Đất đơn vị ở (bao gồm cả đơn vị ở mới trong các khu hỗn hợp)	2.007,80	21,22	66,93	2.616,67	24,02	65,42
1	Đất đơn vị ở	1.976,91	20,89	65,90	2.543,00	23,35	63,58
2	Đất hỗn hợp	30,89	0,33	1,03	73,67	0,68	1,84
1.1.2	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	118,49	1,25	3,95	269,22	2,47	6,73
1.1.3	Đất cơ quan trụ sở đô thị	24,43	0,26	0,81	24,43	0,22	0,61
1.1.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	151,15	1,60	5,04	252,69	2,32	6,32
1.1.5	Đất giao thông chính	534,10	5,64	17,80	684,10	6,28	17,10

TT	Hạng mục	Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2030			Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2045		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m2/người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m2/người)
	đô thị						
1.1.6	Đất hạ tầng kỹ thuật cấp đô thị	36,47	0,39	1,22	64,48	0,59	1,61
<b>1.2</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>6.590,87</b>	<b>69,65</b>	<b>219,70</b>	<b>6.980,31</b>	<b>64,09</b>	
1.2.1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	2.216,87	23,43		2.304,54	21,16	
1.2.2	Đất cảng, logistic	70,16	0,74		70,16	0,64	
1.2.3	Đất trung tâm đào tạo nghiên cứu	11,86	0,13		24,15	0,22	
1.2.4	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	16,15	0,17		16,15	0,15	
1.2.5	Đất dịch vụ, du lịch	-	-		122,08	1,12	
1.2.6	Đất du lịch sinh thái ven sông	3,40	0,04		8,90	0,08	
1.2.7	Đất trung tâm y tế	26,74	0,28		32,10	0,29	
1.2.8	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	39,22	0,41		51,72	0,47	
1.2.9	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	295,51	3,12		295,51	2,71	
1.2.10	Đất cây xanh chuyên dụng	272,34	2,88		272,34	2,50	
1.2.11	Đất di tích, tôn giáo	28,25	0,30		28,25	0,26	
1.2.12	Đất điểm dân cư nông thôn	2.503,68	26,46		2.561,42	23,52	
1.2.13	Đất an ninh	25,55	0,27		25,55	0,23	
1.2.14	Đất quốc phòng	162,47	1,72		162,47	1,49	
1.2.15	Đất HTKT khác ngoài ĐT	22,41	0,24		31,41	0,29	
1.2.16	Đất xây dựng các chức năng khác ngoài đơn vị ở	595,35	6,29		582,66	5,35	
1.2.17	Giao thông đối ngoại	300,90	3,18		390,90	3,59	
<b>II</b>	<b>Đất nông nghiệp và các chức năng khác</b>	<b>11.136,34</b>			<b>9.707,74</b>		
2.1	Đất nghĩa trang	117,63			121,63		
2.2	Đất sản xuất nông nghiệp	6.599,20			6.244,24		
2.3	Đất nông nghiệp xen kẹt trong các khu dân cư hiện hữu	1.122,69			1.122,69		

TT	Hạng mục	Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2030			Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2045		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
2.4	Đất nông nghiệp công nghệ cao	336,64			572,43		
2.5	Đất rừng sản xuất	25,20			25,20		
2.6	Đất nuôi trồng thủy sản	202,85			202,85		
2.7	Hồ, ao, đầm	165,60			226,42		
2.8	Sông, suối, kênh, rạch	511,79			511,79		
2.9	Đất dự trữ nội tại trong các khu chức năng đô thị	1.723,74			229,49		
2.10	Giao thông đi qua khu vực ngoại thị	331,00			451,00		

## XI. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

### 10.1. Nguyên tắc Thiết kế đô thị

- Đảm bảo tính kế thừa, tuân thủ các đề án quy hoạch cấp trên và các đề án dự án đã và đang thực hiện, kế thừa các di sản đã có tại địa phương;

**Bảng 10: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đô thị Hiệp Hòa đến năm 2030 và 2045**

TT	Hạng mục	Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2030			Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2045		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
	<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>20.599,65</b>	<b>100,00</b>		<b>20.599,65</b>	<b>100,00</b>	
	+ Đất xây dựng	9.463,31	45,94		10.891,91	52,87	
	+ Đất nông nghiệp và các chức năng khác	11.136,34	54,06		9.707,74	47,13	
<b>I</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>9.463,31</b>	<b>100,00</b>	<b>315,44</b>	<b>10.891,91</b>	<b>100,00</b>	<b>272,30</b>
<b>1.1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>2.872,44</b>	<b>30,35</b>	<b>95,75</b>	<b>3.911,60</b>	<b>35,91</b>	<b>97,79</b>
1.1.1	Đất đơn vị ở (bao gồm cả đơn vị ở mới trong các khu hỗn hợp)	2.007,80	21,22	66,93	2.616,67	24,02	65,42
1	Đất đơn vị ở	1.976,91	20,89	65,90	2.543,00	23,35	63,58
2	Đất hỗn hợp	30,89	0,33	1,03	73,67	0,68	1,84
1.1.2	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	118,49	1,25	3,95	269,22	2,47	6,73

TT	Hạng mục	Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2030			Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2045		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m2/người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m2/người)
1.1.3	Đất cơ quan trụ sở đô thị	24,43	0,26	0,81	24,43	0,22	0,61
1.1.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	151,15	1,60	5,04	252,69	2,32	6,32
1.1.5	Đất giao thông chính đô thị	534,10	5,64	17,80	684,10	6,28	17,10
1.1.6	Đất hạ tầng kỹ thuật cấp đô thị	36,47	0,39	1,22	64,48	0,59	1,61
<b>1.2</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>6.590,87</b>	<b>69,65</b>	<b>219,70</b>	<b>6.980,31</b>	<b>64,09</b>	
1.2.1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	2.216,87	23,43		2.304,54	21,16	
1.2.2	Đất cảng, logistic	70,16	0,74		70,16	0,64	
1.2.3	Đất trung tâm đào tạo nghiên cứu	11,86	0,13		24,15	0,22	
1.2.4	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	16,15	0,17		16,15	0,15	
1.2.5	Đất dịch vụ, du lịch	-	-		122,08	1,12	
1.2.6	Đất du lịch sinh thái ven sông	3,40	0,04		8,90	0,08	
1.2.7	Đất trung tâm y tế	26,74	0,28		32,10	0,29	
1.2.8	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	39,22	0,41		51,72	0,47	
1.2.9	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	295,51	3,12		295,51	2,71	
1.2.10	Đất cây xanh chuyên dụng	272,34	2,88		272,34	2,50	
1.2.11	Đất di tích, tôn giáo	28,25	0,30		28,25	0,26	
1.2.12	Đất điểm dân cư nông thôn	2.503,68	26,46		2.561,42	23,52	
1.2.13	Đất an ninh	25,55	0,27		25,55	0,23	
1.2.14	Đất quốc phòng	162,47	1,72		162,47	1,49	
1.2.15	Đất HTKT khác ngoài ĐT	22,41	0,24		31,41	0,29	
1.2.16	Đất xây dựng các chức năng khác ngoài đơn vị ở	595,35	6,29		582,66	5,35	
1.2.17	Giao thông đối ngoại	300,90	3,18		390,90	3,59	
<b>II</b>	<b>Đất nông nghiệp và các chức năng khác</b>	<b>11.136,34</b>			<b>9.707,74</b>		
2.1	Đất nghĩa trang	117,63			121,63		

TT	Hạng mục	Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2030			Quy hoạch sử dụng đất đô thị đến năm 2045		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m2/người)	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu (m2/người)
2.2	Đất sản xuất nông nghiệp	6.599,20			6.244,24		
2.3	Đất nông nghiệp xen kẹt trong các khu dân cư hiện hữu	1.122,69			1.122,69		
2.4	Đất nông nghiệp công nghệ cao	336,64			572,43		
2.5	Đất rừng sản xuất	25,20			25,20		
2.6	Đất nuôi trồng thủy sản	202,85			202,85		
2.7	Hồ, ao, đầm	165,60			226,42		
2.8	Sông, suối, kênh, rạch	511,79			511,79		
2.9	Đất dự trữ nội tại trong các khu chức năng đô thị	1.723,74			229,49		
2.10	Giao thông đi qua khu vực ngoại thị	331,00			451,00		

vui chơi giải trí văn hoá nghệ thuật của người dân.

- Phát triển đô thị trên cơ sở hài hòa với các yếu tố hiện trạng như khung cảnh quan tự nhiên và vùng sinh thái nông nghiệp, cấu trúc đô thị và làng xóm hiện hữu, đảm bảo tính kết nối giữa các khu vực mới và cũ

- Các điểm nhấn đô thị, tuyến cảnh quan, không gian cảnh quan có sự gắn kết hài hoà với cảnh quan tự nhiên và cảnh quan đô thị, tạo hiệu ứng đô thị rõ nét, mang đậm dấu ấn của đô thị mới hiện đại, giàu bản sắc.

## 10.2. Xác định các vùng kiến trúc cảnh quan



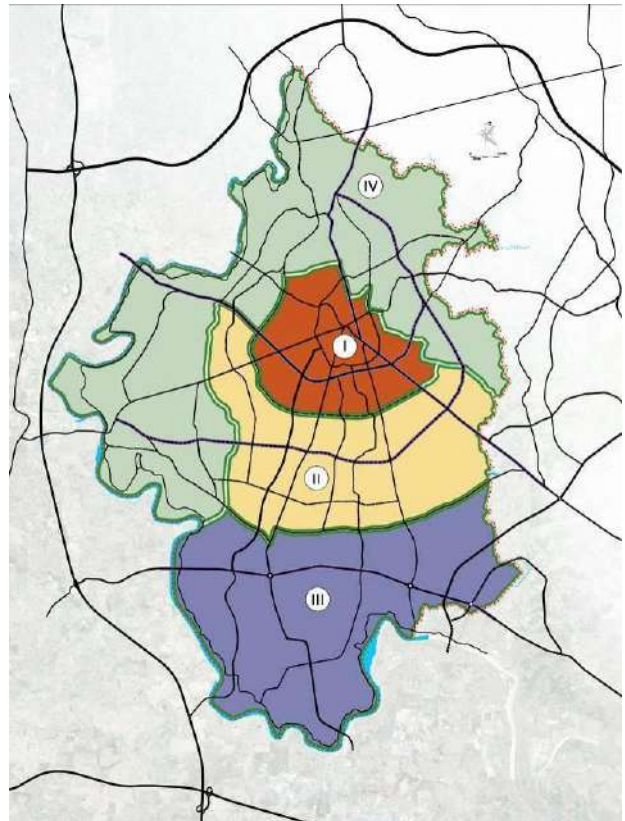
Dựa vào các đặc điểm sử dụng đất trong tương lai để chia đô thị Hiệp Hoà thành các vùng kiến trúc cảnh quan như dưới đây và thực hiện thiết lập ra các định hướng phát triển không gian của từng khu vực.

(1) Phân vùng đô thị hiện hữu và cải tạo;

(2) Phân vùng đô thị phát triển mới mật độ trung bình;

(3) Phân vùng đô thị - dịch vụ - công nghiệp- logistic;

(4) Phân vùng bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, nông nghiệp sinh thái.



Sơ đồ xác định các phân vùng kiến trúc, cảnh quan đô thị

### 10.2.1. Phân vùng đô thị hiện hữu và cải tạo:

Bao gồm toàn bộ khu vực thị trấn Thăng hiện hữu (phân khu đô thị số 1); Khu vực này tập trung chủ yếu các khu cơ quan hành chính, kinh tế, văn hoá xã hội của đô thị, đề xuất một số yêu cầu về thiết kế đô thị như sau:

- Đối với khu vực trung tâm đô thị hiện hữu: Chính trang, tôn tạo trên cơ sở khai thác các giá trị kiến trúc cảnh quan hiện hữu, giải toả khu vực đất ở phía trước hồ Thống Nhất, bám mặt đường Quang Trung, tạo khu cảnh quan điểm nhấn cho khu vực.

- Các khu vực dân cư phát triển tự phát dọc các tuyến đường hiện hữu: Từng bước cải tạo hình thức kiến trúc mặt ngoài, biển hiệu quảng cáo, bể chứa nước trên mái, cục nóng máy điều hòa, trang trí mặt ngoài công trình bằng cây xanh, chậu hoa, hạn chế xây dựng các công trình cao tầng tại các ô xen kẹt.

- Các khu đô thị mới trong lõi đô thị hiện hữu: Khi triển khai xây dựng phải tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Công trình nhà ở phải xây dựng đồng bộ theo dự án có thiết kế thống nhất mặt ngoài, công, hành rào...

- Tận dụng các ô đất trống trong lõi các khu ở bổ sung thêm các không gian mở như: cây xanh vườn hoa, sân chơi, thể dục thể thao... Hình thành các công viên đô thị, công viên chuyên đề cửa ngõ, tăng cường thêm các tiện ích đô thị cho các tuyến phố để nâng cao chất lượng sống của người dân trong khu vực.

- Tăng cường thiết kế đô thị và trang thiết bị đô thị, cây xanh vườn hoa theo

các trục tuyến chính. Đồng thời kết hợp các hoạt động du lịch để nâng cao giá trị và bản sắc lịch sử văn hoá, chất lượng sống cho thành phố.

### **10.2.2. Phân vùng đô thị phát triển mới:**

Đối với vùng đô thị phát triển mới nằm trong các khu vực nâng cấp lên phường trong tương lai như: Bắc Lý, Danh Thắng, Thường Thắng, Đoan Bái, Lương Phong, Xuân Cẩm, Đông Lỗ. Mai Trung, Hùng Thái được xác định phát triển đô thị với những hình ảnh đô thị mới, các trung tâm đô thị mới, yêu cầu thiết kế đô thị cho các khu vực như sau:

- Đối với khu vực phát triển khu đô thị số 2: Tập trung phát triển các công trình hợp khối hiện đại và cao tầng, tăng cường các không gian giao lưu văn hóa, không gian công cộng như quảng trường, công viên, vườn hoa, tăng cường các liên kết không gian với trung tâm đô thị hiện hữu, thông qua các trục đường hướng tâm. Các khu ở mới ưu tiên loại hình chung cư kết hợp thương mại dịch vụ ở tầng đế và có tầng hầm để xe, nhà ở liền kề kết hợp kinh doanh; Nhà ở liền kề, nhà ở dạng biệt thự với hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp truyền thống

- Đối với khu vực phát triển phía Đông và Tây (Lương Phong, Đoan Bái, Hùng Thái Mai Trung): tạo các không gian trung tâm TMDV hỗn hợp, các không gian công cộng, phát triển kinh tế đêm phục vụ các KCN lớn và các KĐT công nghiệp, các KCN và CCN cần tuân thủ những yêu cầu về màu sắc tường rào, mái che, biển hiệu sao cho hài hoà, các công trình điểm nhấn trên tuyến QL37, ĐT 286 cần có khoảng lùi lớn, đảm bảo tầm nhìn, mang hình thức kiến trúc cao tầng, hiện đại. Khu vực công viên mặt nước lớn cần có thiết kế cảnh quan riêng, tạo không gian vui chơi lý tưởng hấp dẫn, kết hợp các loại cây, hoa của địa phương phù hợp thổ nhưỡng và khí hậu.

### **10.2.3. Phân vùng đô thị - dịch vụ - công nghiệp:**

Hiệp Hoà được định hướng là thành phố Công nghiệp trong tương lai, vì vậy cảnh quan các khu công nghiệp, khu đô thị - dịch vụ – công nghiệp tạo ra sự đặc trưng cho toàn đô thị, cụ thể:

- Đối với khu vực phát triển đô thị - dịch vụ gắn với các khu công nghiệp hiện hữu Hoà Phú 1, CCN Xuân Cẩm - Hương Lâm, khu logistics và cảng Xuân Cẩm Hương lâm, cảng Hoà Phú, là vùng có hoạt động sản xuất, vận chuyển tập nập có các công trình hạ tầng đi kèm được bao quanh bởi cảnh quan cây xanh cách ly và các thảm cỏ. Tại các trục đường chính là các công trình thương mại dịch vụ có khối tích lớn với tầng cao không quá 25 tầng, kết hợp nhà ở liền kề liên kết với các không gian xanh, hài hoà với các khu dân cư hiện hữu.

Đối với khu vực phát triển đô thị - dịch vụ - công nghiệp mới ưu tiên phát triển các mô hình công nghiệp xanh kết hợp với các khu đô thị - dịch vụ hỗ trợ đi kèm, là khu vực tập trung các nhà máy, xi nghiệp sản xuất với khối tích lớn, vì vậy cần phải chú trọng về tổ chức không gian cây xanh, vườn hoa, tiểu cảnh trong khuôn viên, ngoài tác dụng tích cực đến môi trường, tạo bóng mát cây xanh cảnh quan trong khu công nghiệp còn góp phần lớn tạo nên giá trị thẩm mỹ, giảm căng thẳng, tạo ra một môi trường làm việc và sinh hoạt “đễ chịu” với

con người tham gia sản xuất và làm việc tại khu vực. Cùng với đó là các công trình dịch vụ hỗ trợ cao tầng hợp khối hiện đại liên kết với các loại hình nhà ở liên kế kết hợp kinh doanh, cùng hệ thống công viên, vườn hoa, mặt nước.

#### **10.2.4. Phân vùng bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, nông nghiệp sinh thái:**

+ Khu vực cảnh quan ven sông Cầu: Tạo lập trục hành lang xanh ven sông, là trục cảnh quan sinh thái chính bao bọc đô thị.

+ Khu vực cảnh quan núi Y Sơn: ưu tiên phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tâm linh, khai thác tối đa giá trị về cảnh quan tự nhiên gắn với các loại hình du lịch tâm linh, vui chơi giải trí cao cấp nhằm thu hút khách du lịch và dân cư khu vực. Không xây dựng công trình có khối tích và chiều cao lớn;

+ Khu vực trung tâm dưỡng lão ven núi Y Sơn khuyến khích xây dựng theo mô hình kiến trúc truyền thống kết hợp hiện đại; mật độ và tầng cao thấp, hài hoà với thiên nhiên, ưu tiên dành nhiều diện tích đất cho cây xanh mặt nước tạo cảnh quan, thân thiện với môi trường,



*Minh họa khu dưỡng lão núi Y Sơn*

+ Các công viên trung tâm, kết hợp cây xanh mặt nước được bố trí trong đô thị góp phần tạo nên sự đa dạng hệ sinh thái, cải thiện môi trường, điều hòa vi khí hậu, tạo lập những không gian công cộng phục vụ cho người dân đô thị.

+ Duy trì ổn định hệ sinh thái nông nghiệp:

Khuyến khích phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch như khu vực Cần Cá Hoàng Lương

Quy định ranh giới khu vực bảo tồn cảnh quan, không thực hiện các dự án phát triển đô thị trong khu vực bảo tồn.

Lập quy chế kiến trúc cảnh quan cho khu vực để quản lý hoạt động cải tạo làng xóm đảm bảo không ảnh hưởng cảnh quan truyền thống.

Khu vực bảo tồn: Bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa lịch sử tín ngưỡng, từ đó phát triển thành các điểm du lịch thăm quan chính trong các tour

tuyến du lịch của đô thị, bao gồm: Khu di tích Lưu niệm Bác Hồ về thăm thôn Cẩm Xuyên, khu đền, chùa Y Sơn, vùng di tích lịch sử cách mạng ATK II

### **10.3. Xác định mật độ xây dựng và tầng cao**

#### **10.3.1. Mật độ xây dựng**

Với cấu trúc đô thị nén mật độ cao tại lõi trung tâm và giảm dần ra xung quanh, đô thị Hiệp Hoà được xác định mật độ như sau:

Khu vực lõi trung tâm đô thị hiện hữu xây dựng với mật độ xây dựng cao. Các khu vực trung gian như các phần phát triển mở rộng từ trung tâm đô thị hiện hữu, các làng xóm bị đô thị hóa cho phép phát triển với mật độ xây dựng giảm dần đến trung bình và thấp.

Các khu vực nông thôn xây dựng theo mô hình sinh thái nhà vườn mật độ thấp hoặc tại các khu vực tiếp giáp với không gian cảnh quan tự nhiên cần phải kiểm soát phát triển đô thị ở mật độ xây dựng thấp để hài hòa với cảnh quan chung.

\* Nguyên tắc chung:

- Mật độ nén, tập trung cao theo từng khu chức năng và mật độ thấp về các khu vực không gian cây xanh mặt nước.

- Các khu vực điểm nút giao thông, có nhu cầu hoạt động thương mại cao, khuyến khích hợp khối, liên kết, xây dựng mật độ cao để tăng khả năng cung cấp dịch vụ công cộng, tạo thuận lợi cho người sử dụng.

- Khu vực đô thị hiện hữu: thực hiện kiểm soát mật độ xây dựng trung bình, phù hợp với thực trạng xây dựng hiện nay, kiểm soát sự gia tăng mật độ và làm phá vỡ cấu trúc chung của đô thị.

Các khu vực phát triển mới được kiểm soát theo hướng mật độ trung bình và cao, tuy nhiên đảm bảo tỷ lệ đất dành cho cây xanh và các không gian công cộng.

\* Chỉ dẫn thiết kế mật độ xây dựng:

Trong quy hoạch kiểm soát mật độ xây dựng gộp như sau:

- Đối với các khu vực đô thị hiện hữu, khu tập trung các khu chức năng, khu ở mới tập trung, khu tái định cư, khu dịch vụ thương mại: cho phép mật độ xây dựng cao 50%-60%:

- Đối với các khu ở hiện trạng cải tạo, khu đô thị xây dựng mới, các khu chức năng như công nghiệp, thương mại, dịch vụ công cộng Mật độ xây dựng trung bình (40%-50%);

- Đối với các khu định hướng sinh thái, ưu tiên cảnh quan cây xanh, khu du lịch, khu thể dục thể thao, khu công viên, khu ở sinh thái mật độ thấp, khu ở nông thôn hiện hữu cải tạo,....Mật độ xây dựng thấp ( $5% < 25%$ ):

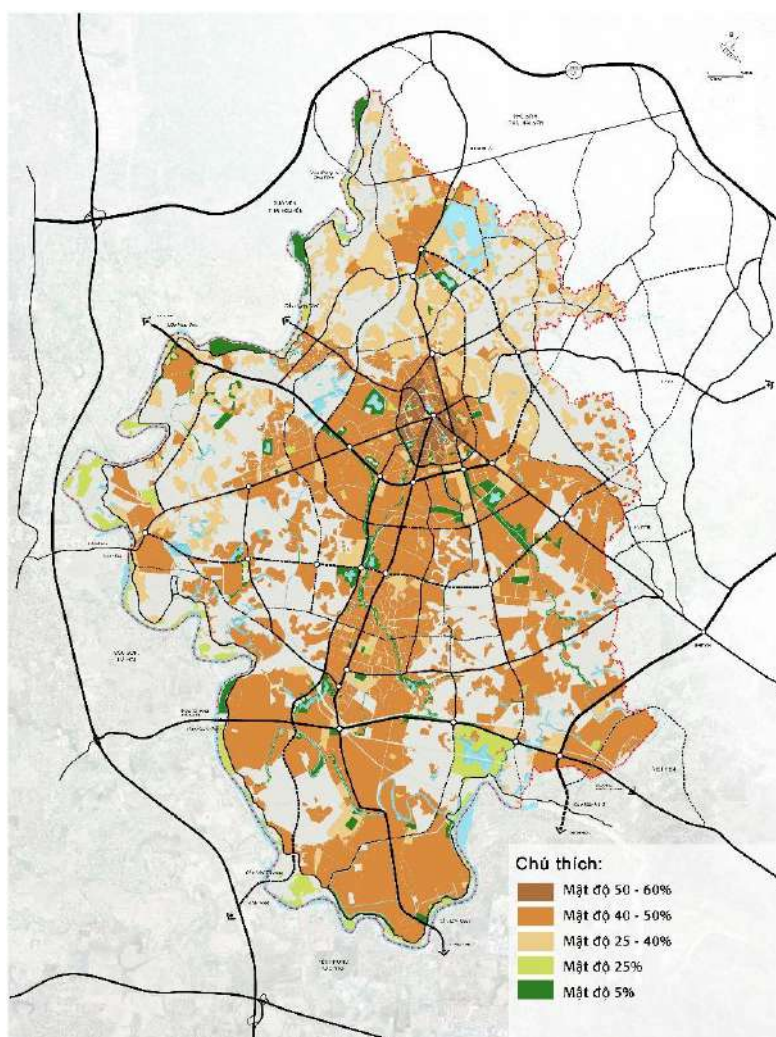
- Các khu công viên cây xanh công cộng, cây xanh chuyên dụng mật độ xây dựng tối đa 5%; các khu cây xanh chuyên đề mật độ xây dựng 20%; khu du

lịch sinh thái mật độ xây dựng tối đa 20%; khu ở mật độ thấp, mật độ xây dựng tối đa khoảng 40%; khu ở mới, tập trung mật độ xây dựng tối đa 60%; Khu trung tâm thương mại tập trung, mật độ xây dựng tối đa 60%.

- Mật độ xây dựng các công trình chức năng đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam, hướng tới các tiêu chuẩn đô thị xanh và tạo hình thái chung về mật độ xây dựng theo từng khu vực chức năng.

- Mật độ xây dựng được xác định cụ thể trong giai đoạn lập đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, gắn với chức năng của từng khu đất cụ thể.

- Khuyến khích phát triển mật độ cao tại các khu vực trung tâm, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.



Sơ đồ định hướng kiểm soát mật độ xây dựng

### 10.3.2. Định hướng về tầng cao

Chiều cao công trình sẽ phụ thuộc vào chiều rộng đường để đảm bảo chất lượng không gian cảnh quan tuyến phố. Với tuyến phố rộng thì cho phép công trình cao hơn trong khi tại các tuyến phố nhỏ thì chiều cao công trình phải thấp xuống.

Để đảm bảo đô thị hài hòa, ăn nhập với cảnh quan thiên nhiên, nông nghiệp thì các khu vực tiếp giáp với với không gian cảnh quan tự nhiên hoặc nằm trong không gian nông nghiệp cần được khống chế tầng cao xây dựng thấp.

Với một số khu vực đặc biệt như cửa ngõ đô thị hay tại các khu vực giao cắt giữa các tuyến đường chính, cần có yếu tố điểm nhấn kiến trúc để tạo sự đột biến trong cảnh quan đô thị thì bố trí các công trình cao tầng.

*\* Nguyên tắc chung*

- Kiểm soát chặt chẽ tầng cao công trình phù hợp với đặc điểm địa hình, yêu cầu bảo tồn di sản, di tích tại khu vực và khả năng đáp ứng hạ tầng của từng khu vực. Theo định hướng sẽ xây dựng những công trình cao tầng tại các nút giao của các trục chính đô thị, các trục vành đai.

- Các điểm cao trên các khu vực đồi núi được xác định là điểm nhấn, tạo trường nhìn ra khu vực xung quanh và là cơ sở định hướng các khu vực tầng cao phù hợp với địa hình tại khu vực. Không xây dựng các công trình khối tích lớn, công trình cao tầng trên các khu vực đồi núi.

- Xây dựng công trình cao tầng theo các cụm, điểm, tuyến để tạo nhịp điệu trong đô thị. Kiểm soát chặt chẽ hình thức kiến trúc các công trình cao tầng để tạo hình ảnh chung cho từng khu vực đô thị. Mỗi khu vực thực hiện thiết kế đô thị riêng để chọn giải pháp công trình cao tầng phù hợp với đặc điểm hiện trạng của từng khu vực.

- Mỗi khu vực chức năng, khu trung tâm lựa chọn một công trình hoặc một tổ hợp công trình cao tầng làm điểm nhấn, định hướng tổ chức không gian và nhận biết cho từng khu vực đô thị. Các công trình cao tầng điểm nhấn này có thể bố trí tại các nút giao quan trọng, các trục chính đô thị.

*\* Chỉ dẫn thiết kế chiều cao công trình:*

Khu vực trung tâm công cộng mới của đô thị: khuyến khích cao tầng, với kiến trúc hiện đại, bề thế, xứng tầm với định hướng thành phố loại 3.

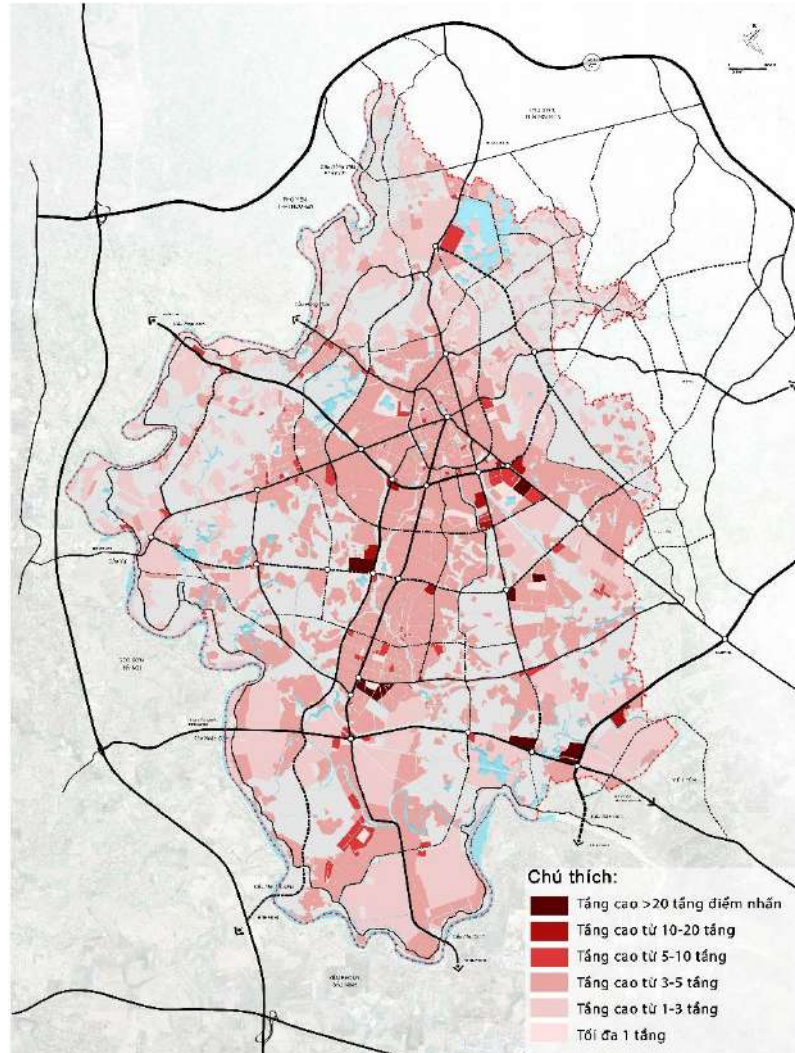
Khu vực trung tâm TM-DV- Hỗn hợp: khuyến khích xây cao tầng (tầng cao tối đa 40 tầng), khối tích lớn, hình thức kiến trúc hiện đại, tạo điểm nhấn cho từng khu vực.

Đối với trung tâm điểm nhấn của khu vực phát triển trung bình: áp dụng tầng cao tối đa 20 tầng;

Đối với khu vực núi Y Sơn: Hạn chế xây dựng các công trình kiến trúc lớn, công trình cao tầng.

Xây dựng công trình cao tầng theo các cụm, điểm, tuyến để tạo nhịp điệu trong khu vực. Kiểm soát chặt chẽ các hình thức kiến trúc các công trình cao tầng để tạo hình ảnh chung cho từng khu vực. Mỗi khu vực thực hiện thiết kế đô thị riêng để chọn giải pháp công trình cao tầng phù hợp với đặc điểm hiện trạng của từng khu vực.

Mỗi khu vực chức năng lựa chọn một công trình hoặc một cụm công trình cao tầng làm điểm nhấn, định hướng không gian và nhận biết cho từng khu vực chức năng. Các công trình cao tầng điểm nhấn này có thể bố trí khu vực các nút giao thông, tạo sự tiếp cận dễ dàng cho người dân và du khách. Vị trí công trình cao tầng điểm nhấn theo sơ đồ định hướng tầng cao công trình xây dựng và cụ thể trong các quy hoạch cấp dưới.



*Sơ đồ định hướng kiểm soát tầng cao*

## **10.4. Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường và điểm nhấn đô thị**

### **10.4.1. Khu trung tâm đô thị hiện hữu**

Cải tạo chỉnh trang các tuyến phố hiện hữu: tuyến đường Quang Trung, đường Thanh Niên.. quy định đối với các công trình xây mới cần thực hiện đúng theo quy hoạch, cấp phép.

Bổ sung một số công trình, công viên vườn hoa nhỏ tạo điểm nhấn đô thị, tạo vi khí hậu và giảm đảo nhiệt đô thị;

Hoàn thiện cảnh quan xanh mặt nước hồ Thống Nhất...

Phát triển không gian đi bộ, không gian xanh và tiện ích đô thị dọc theo các trục đường chính trong mỗi khu phố.



*Minh họa khu vực trung tâm đô thị*

#### **10.4.2. Tổ chức không gian các khu vực cửa ngõ đô thị**

Định hướng đến năm 2045, toàn đô thị Hiệp Hoà sẽ có 7 cửa ngõ.

*a/. Cửa ngõ số 1: tại Tuyến ĐT 295, qua cầu Đông Xuyên - Mai Đình.*

Đề xuất thiết kế công trình điểm nhấn kết hợp với vườn hoa gắn với biểu tượng của đô thị công nghiệp Hiệp Hòa (có thể thi tuyển phương án rộng rãi).

*b/. Cửa ngõ số 2 (phía Tây) - cửa ngõ Cầu Xuân Cẩm*

Tại đây định hướng công chào mang tính ảmbiểu tượng cho ngành công nghiệp Hiệp Hòa ;

*c/. Cửa ngõ số 3 phía Đông - Cửa ngõ sinh thái Vườn cò*

Đề xuất công chào mang biểu tượng du lịch sinh thái Vườn cò, gắn liền với KDL sinh thái vườn cò Đông Lễ Châu Minh

*d/. Cửa ngõ số 4 (phía Đông) – Cửa ngõ đô thị mới trung tâm*

Là cửa ngõ mới phía Đông của Hiệp Hòa, nằm trên QL37 hướng trực tiếp vào lõi đô thị, tại nút giao giữa QL37 và ĐH36, một trong những cửa ngõ quan trọng của Hiệp Hòa: điểm bắt đầu đi vào Khu trung tâm công cộng mới của thành phố Hiệp Hòa trong tương lai, sau đó kết nối thẳng vào trung tâm đô thị hiện hữu.

Đề xuất các tổ hợp công trình điểm nhấn mang kiến trúc hiện đại với nhiều không gian xanh mang biểu tượng cho các khu đô thị mới sáng tạo và hấp dẫn.

*e/. Cửa ngõ số 5 ( phía Tây): cửa ngõ đô thị Hợp Thịnh (Cầu Vát)*

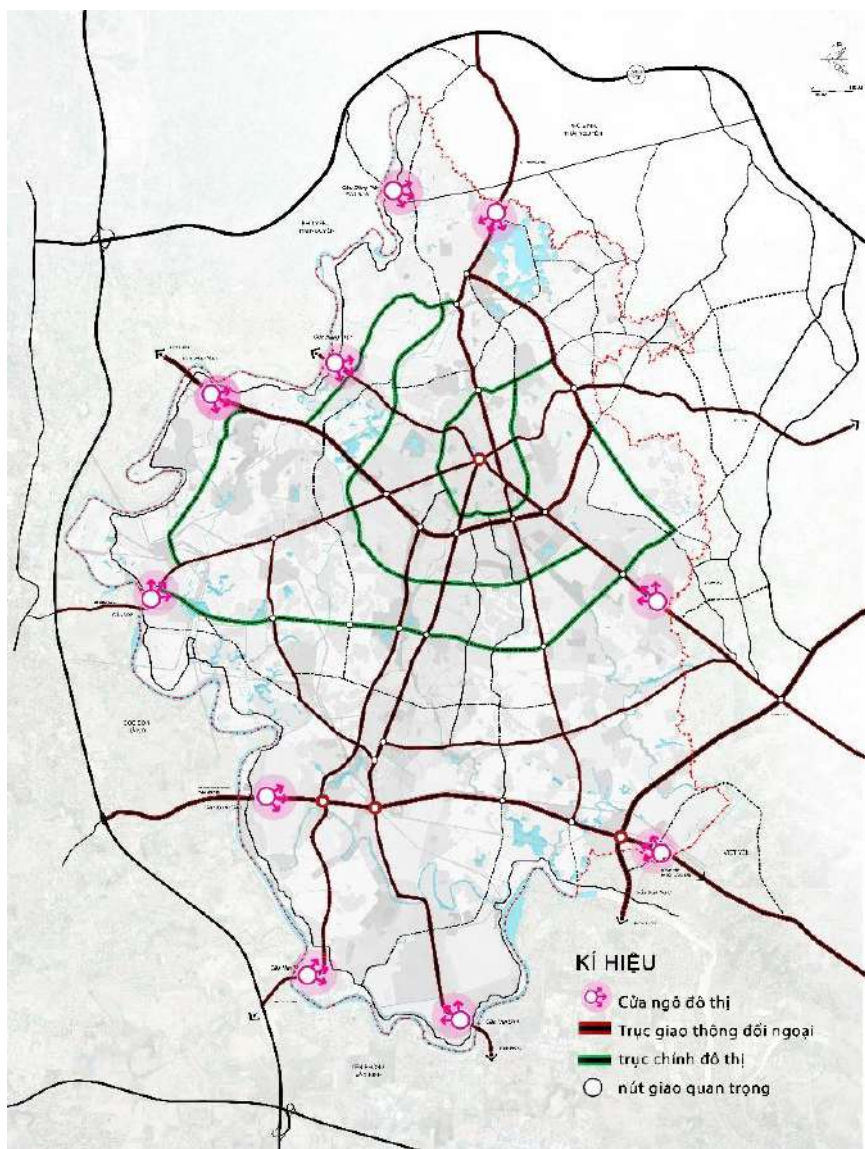
Là cửa ngõ vào Hiệp Hòa thông qua tuyến đường tỉnh 296, kết nối từ Thái Nguyên qua cầu Vát, nằm tại ngã 3 giao giữa tuyến ĐT 296 và tuyến đường huyện 36.



Đề xuất xây dựng không gian xanh là vườn hoa trang trí .

g/. Cửa ngõ số 6 (phía Tây Bắc): cửa ngõ Cầu Hòa Sơn

Đề xuất xây dựng không vườn hoa và biểu tượng sinh thái, tượng trưng cho KDL tâm linh, sinh thái, công viên núi Y Sơn.



Sơ đồ vị trí các khu vực cửa ngõ

h/. Cửa ngõ số 7 (phía Bắc): cửa ngõ khu đô thị mới Thanh Vân - Hoàng An

Là cửa ngõ vào Hiệp Hòa thông qua tuyến đường QL37, kết nối Thái Nguyên từ phía Bắc, nằm tại ngã 3 giao giữa tuyến ĐT 296C kéo dài và tuyến đường QL37.

Đề xuất xây dựng một không gian nghệ thuật mang tính biểu trưng cho nền công nghiệp dịch vụ hiện đại.

i/. Cửa ngõ số 8 (phía Bắc): cửa ngõ nằm trên ĐH 33B (giáp huyện Phú Bình)

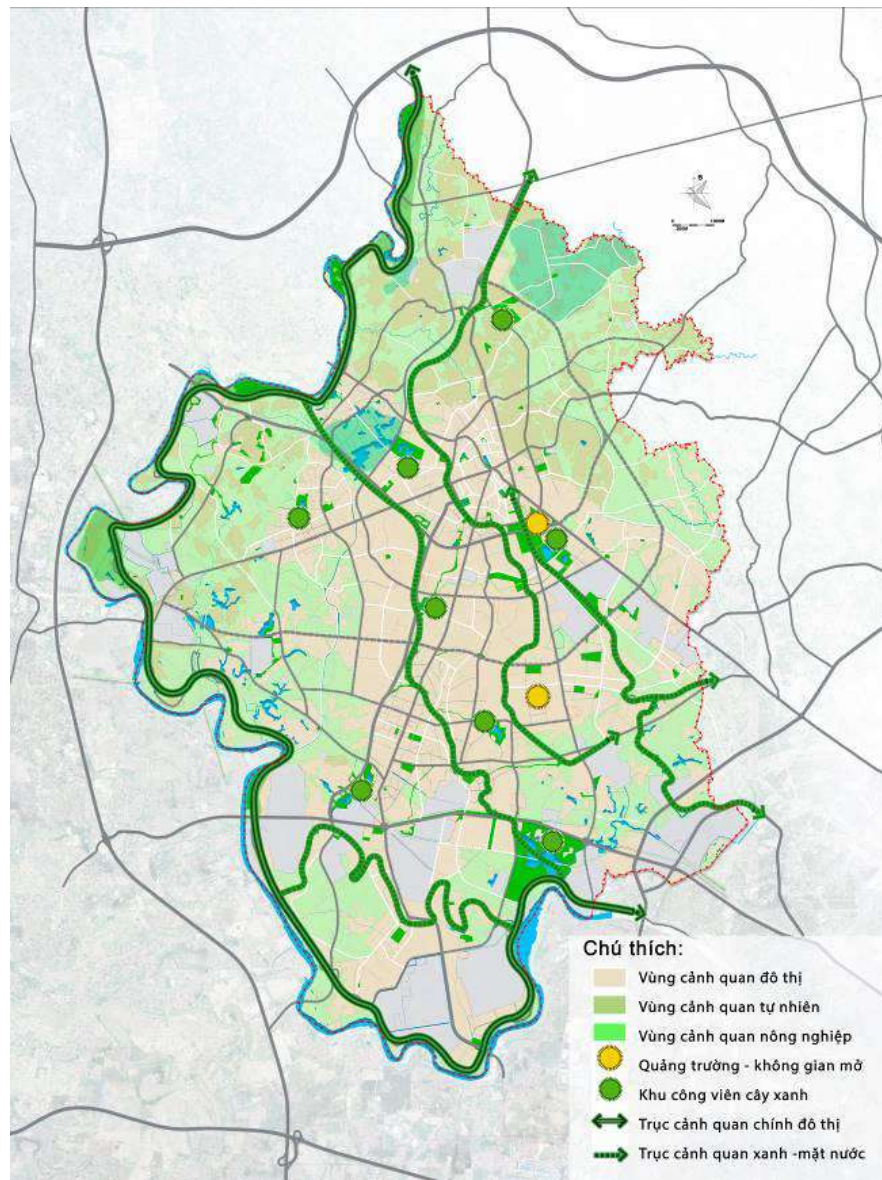
Đề xuất xây dựng vườn hoa có kèm theo biểu tượng mang tính biểu trưng cho vùng nông nghiệp của huyện.

k/. Cửa ngõ số 9 (phía phía Tây nam): cửa ngõ cầu Mai Thượng

Đề xuất xây dựng vườn hoa tạo không gian mở đẹp trước khi vào đô thị Hiệp Hòa

## 10.5. Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước

### 10.5.1. Phân vùng cảnh quan tự nhiên



### Định hướng tổ chức không gian cây xanh mặt nước

Không gian xanh và mặt nước được tổ chức thành 3 vùng cảnh quan bám theo trục cảnh quan tự nhiên sông Cầu :

1. Không gian xanh tự nhiên
2. Không gian cây xanh đô thị.
3. Không gian nông nghiệp.

Hệ thống cảnh quan cây xanh này sẽ tạo dựng môi trường sống xanh, đa dạng cho người dân Hiệp Hòa và góp phần chuyển đổi hình ảnh thành phố Hiệp

Hòa từ thành phố công nghiệp sang thành phố xanh, sinh thái và phát triển bền vững.

### **10.5.2. Hành lang xanh tự nhiên**

- Núi Y Sơn mang lại nét đặc trưng cho đô thị Hiệp Hòa và tạo sự khác biệt với các thành phố khác.

- Hành lang xanh bám theo sông Cầu

- Việc bảo tồn các loài cây bản địa và sự phong phú của các loài cây đóng vai trò quan trọng trong việc tạo đa dạng sinh học cho khu vực.

### **10.5.3. Vùng đệm nông nghiệp:**

- Đề xuất mô hình nông nghiệp trong đô thị tạo những không gian nghiên cứu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xen kẽ, nhằm gia tăng không gian xanh, cảnh quan và khuyến khích các hoạt động nông nghiệp cho dân cư đô thị.

- “Duy trì các vùng nông nghiệp đặc trưng của địa phương để lưu giữ tính chất về canh tác sản xuất ở Hiệp Hòa”: vùng Cánh đồng Hoàng Lương, vùng nếp cái hoa vàng, vùng tràm đen... “Đồng thời bảo vệ vùng sản xuất lúa bảo vệ nghiêm ngặt, khu vực sản xuất tập trung, khu vực sản xuất có đất tự nhiên tươi xốp, hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng thuận lợi để thích ứng với biến đổi khí hậu”.

### **10.5.4. Tổ chức không gian mặt nước**

- Xây dựng hệ thống mặt nước dựa trên khung cảnh quan tự nhiên các vùng đất trũng : Mai Trung, Hợp Thịnh... Mở rộng hệ thống kênh nước, hồ và vùng không gian thoát lũ của đô thị đã góp phần cải thiện cân bằng vi khí của đô thị.

- Xây dựng các hồ nhân tạo tại các khu vực có địa hình thấp trũng để khai thác cảnh quan giá trị của khu vực, phục vụ cho du lịch và vui chơi giải trí, đồng thời tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và là nguồn cấp nước cho đô thị.

- Xây dựng hồ nhân tạo tại khu vực công viên trung tâm thuộc các phân khu vực với chức năng là công viên sinh thái – vui chơi giải trí cấp vùng.

## **XI. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

### **11.1. Định hướng quy hoạch giao thông**

#### **11.1.1. Cơ sở thiết kế:**

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000

- Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa – tỉnh Bắc Giang đến năm 2035.

- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

- Quy chuẩn, quy phạm hiện hành của Bộ Xây dựng.

- Các quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, các tài liệu, số liệu điều tra và các văn bản có liên quan.

- Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021

- Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

- Công văn số 4962/UBND-XD ngày 06/10/2022.

- Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND tỉnh;

- Quy hoạch chung đô thị Việt Yên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 979/QĐ-TTg năm 2023.

#### *11.1.2. Nguyên tắc thiết kế:*

- Tuân thủ và cập nhật Quy hoạch Vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt;

- Phát triển mạng lưới đường bộ trên cơ sở tận dụng tối đa mạng lưới đường bộ hiện có.

- Khớp nối thông nhất các dự án;



- Hệ thống các công trình phục vụ giao thông trong khu vực phải đáp ứng nhu cầu phát triển, đảm bảo thuận tiện cho các đối tượng tham gia giao thông;

- Mạng lưới đường được thiết kế theo tầng bậc. Các đường cấp thấp hơn chủ yếu chỉ đấu nối với các tuyến đường cao hơn một cấp. Trường hợp đường cấp thấp đấu nối ra đường cao hơn hai cấp trở lên sẽ tổ chức giao thông để chỉ được rẽ phải giao nhập vào dải giao thông địa phương. Vị trí các điểm đấu nối phải đảm bảo không gây ảnh hưởng nhiều đến dòng giao thông trên các tuyến đường cấp cao hơn nhưng cũng phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân trong khu vực quy hoạch.

Nâng cấp, duy tu QL37 và hệ thống đường tỉnh 295, 295C, 296, 296B, 296C, 288, 398, 398B hiện có, đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (Theo QH tỉnh Bắc Giang). Đây là các tuyến vừa mang tính chất đối ngoại vừa là những tuyến trục chính đô thị. Các tuyến đường này có lưu lượng hoạt động vận tải trên tuyến tương đối lớn. Vì vậy, giai đoạn dài hạn khi có tiềm lực kinh tế cần đầu tư mở rộng các tuyến đường này đạt tiêu chuẩn đường chính đô thị (Nâng cấp, Mở rộng mặt cắt ngang các tuyến đường phù hợp với quy hoạch tỉnh Bắc Giang và các QHPK thị trấn Thắng, Phó Hoa, Bách Nhân... và lộ giới quản lý của địa phương). Ngoài ra, để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ, cần có biện pháp nghiên cứu điều tiết, phân luồng và tuyến vận tải hợp lý. Thực hiện các biện pháp tổ chức giao thông bằng phân cách cứng, phân cách mềm trên các đoạn đường trọng điểm trên tuyến. Cụ thể:

- *Quốc lộ 37*: Nâng cấp, mở rộng toàn tuyến lên lộ giới 28m, trong đó lòng đường rộng 16m, vỉa hè 2 bên mỗi bên 6m.

- *Đường tỉnh 296*: Nâng cấp, mở rộng toàn tuyến lên lộ giới 28m, trong đó lòng đường rộng 17m, vỉa hè 2 bên mỗi bên 5m, giải phân cách giữa 1m.

- *Đường tỉnh 295*: Bao gồm 4 đoạn

+ Đoạn 1: Từ Thị trấn Thắng đến đường tỉnh 296C, lộ giới 21m, trong đó đường 11m, vỉa hè 5m mỗi bên.

+ Đoạn 2: Từ đường tỉnh 296C đến phường Châu Minh, lộ giới 28m, lòng đường 16m, vỉa hè 2 bên mỗi bên 6m

+ Đoạn 3: Từ phường Châu Minh đến cầu Mai Đình – Đông Xuyên, lộ giới 42m, lòng đường 24m, vỉa hè 2 bên mỗi bên 6m, giải phân cách giữa 6m.

+ Đoạn 4: Đoạn từ QL37 - Tân Yên rộng 21m, trong đó lòng đường 11m, vỉa hè 5m mỗi bên. Đến giai đoạn 2050 chuyển thành đường huyện và giữ nguyên lộ giới

Giai đoạn đến năm 2045: Điều chỉnh một phần ĐT295 thuộc đoạn 4 (từ QL37 đến ĐT296C) thành đường huyện và chuyển đoạn đường huyện từ QL37 (ngã tư Biển) vào Kho K23 đến ĐT296C thành đường tỉnh ĐT295.

- *Đường tỉnh 398*: Mở rộng toàn tuyến lên thành 60m theo Quy hoạch chung 2018 được duyệt. Trong đó lòng đường chính 23m, giải phân cách giữa

1,5m, hai làn đường gom, mỗi làn 10,5m, giải phân cách đường gom và đường chính 2 bên mỗi bên 1m, vỉa hè 6,5m mỗi bên.

- *Đường tỉnh 288*: Bao gồm 2 đoạn

+ Đoạn 1: Từ QL37 đến ĐT398, lộ giới 24m, trong đó lòng đường 12m, vỉa hè 6m mỗi bên.

+ Đoạn 2: Từ QL37 (thị trấn Thắng) đến QL37 (xã Hoàng An), lộ giới 21m, trong đó lòng đường 11m, vỉa hè 5m mỗi bên.

- *Đường tỉnh 296C*: gồm 2 đoạn

+ Đoạn 1: Từ QL37 đi Phố Yên, lộ giới 50m, trong đó lòng đường 21m, vỉa hè 5m mỗi bên, lòng đường gom 2 bên mỗi bên 8m, 3 dải phân cách mỗi dải 1m.

+ Đoạn 2: Từ QL37 đến xã Hoàng An, lộ giới 28m, trong đó lòng đường 17m, vỉa hè 2 bên mỗi bên 5m, giải phân cách giữa 1m.

- *Đường tỉnh 296B* (Đường trục Bắc Nam): lộ giới 33m, trong đó lòng đường 17m, vỉa hè 6m mỗi bên, dải phân cách giữa 4m.

- *Đường tỉnh 295C* (Tuyến Tràng - Phố Hoa) (Theo QH tỉnh Bắc Giang): Lộ giới 23m, trong đó lòng đường 11m, vỉa hè 6m mỗi bên.

- *Đường tỉnh 297*: Mở rộng toàn tuyến lên thành 21m theo Quy hoạch chung Việt Yên được duyệt, trong đó lòng đường 11m, vỉa hè 5m mỗi bên.

- *Đường tỉnh 398B*: Mở rộng toàn tuyến lên thành 56,5m theo Quy hoạch vùng huyện Tân Yên được duyệt, trong đó lòng đường 23m; dải phân cách giữa 0,5m; dải phân cách với đường gom hai bên, mỗi bên 1,5m; lòng đường gom hai bên, mỗi bên 9m; vỉa hè đường gom hai bên, mỗi bên 6m).

Tổ chức nút giao của tuyến đường nối cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên và Hà Nội - Lạng Sơn với các tuyến đường chính đô thị trong đó:

+ Xây dựng chức hầm chui tại nút giao với đường tỉnh 295 (do tại đây có đường điện cao thế 110KV đi qua nên không đảm bảo về chiều cao tĩnh không)

+ Xây dựng cầu vượt đường bộ đường tỉnh 296B, đường tỉnh 398B

+ Xây dựng 05 nút giao đồng mức tại các vị trí giao cắt khác.

\* *Đường thủy*:

- Thực hiện giải tỏa và duy tu luồng lạch tuyến sông Cầu phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021*): Toàn tuyến đạt cấp III với chiều sâu môn nước >2,8 m, chiều rộng luồng >40 m.

**- Bảng 11: Hệ thống cảng thủy nội địa quốc gia trên địa bàn huyện**

TT	Tên cảng	Loại cảng;	Tên sông	Địa phương	Quy hoạch đến 2030	Định hướng đến 2045
----	----------	------------	----------	------------	--------------------	---------------------

		diện tích			Cỡ tàu lớn nhất (tấn; số ghé)	Công suất (nghìn tấn/năm; nghìn HK/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (tấn; số ghé)	Công suất (nghìn tấn/năm; nghìn HK/năm)
<b>I</b>	<b>Cảng tổng hợp</b>							
1	Cảng Hòa Phú – Mai Đình	Loại III 4ha	Sông Cầu	Hiệp Hòa	400 - 600	500.000	800	1.000.000
2	Cảng Hợp Thịnh	Loại III 5ha	Sông Cầu	Hiệp Hòa	400 - 600	500.000	800	1.000.000
3	Cảng Xuân Cầm	Loại III 10ha	Sông Cầu	Hiệp Hòa	400 - 600	500.000	800	1.500.000
4	Cảng Hòa Sơn	Loại III 3ha	Sông Cầu	Hiệp Hòa	400 - 600	500.000	600	800.000

(nguồn: Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 Quy hoạch tỉnh Bắc Giang)

- Cảng sông: Giai đoạn dài hạn dự kiến xây dựng mới 04 bến cảng tổng hợp phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa cho 03 khu công nghiệp (Hòa Phú; Châu Minh - Mai Đình và Xuân Cầm - Hương Lâm).

\* Các công trình phục vụ giao thông:

Tiếp tục nâng cấp hoàn thiện bến xe khách hiện hữu tại phường Lương Phong đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 2. Đề xuất xây dựng thêm 02 bến bãi đỗ xe tại phường Hương Lâm và xã Sơn Thịnh. Các bến xe này nằm trên các tuyến đường đối ngoại, giai đoạn đầu chức năng chính là các điểm đưa đón công nhân, giai đoạn dài hạn nâng cấp thành các bến xe liên tỉnh, cụ thể: đường tỉnh 295 và đường tỉnh 398 (quy mô 3ha) và trên đường tỉnh 296 (quy mô 2,4ha).

b/. Giao thông nội thị

Nâng cấp cải tạo, kết hợp xây dựng mới các tuyến đường trục chính đô thị, đường liên khu vực, tuyến hướng tâm, tuyến vành đai, tuyến kết nối hỗ trợ tạo thành mạng lưới giao thông đô thị hoàn chỉnh. Lộ giới từ 12-33m. Đối với những đoạn đường đi qua đất nông nghiệp, quản lý theo lộ giới, chỉ xây dựng lòng đường và lề đường, không xây dựng vỉa hè, cụ thể:

- Đường 34m (mặt cắt 5-5):
  - + Lòng đường:  $9m \times 2 = 18m$
  - + Giải phân cách: 4m
  - + Vỉa hè:  $6m \times 2 = 12m$



- Đường 33m (mặt cắt 4-4):
  - + Lòng đường:  $8,5\text{m} \times 2 = 17\text{m}$
  - + Giải phân cách: 4m
  - + Vía hè:  $6\text{m} \times 2 = 12\text{m}$
- Đường 28m (mặt cắt 7-7):
  - + Lòng đường:  $8,5\text{m} \times 2 = 17\text{m}$
  - + Giải phân cách: 1m
  - + Vía hè:  $5\text{m} \times 2 = 10\text{m}$
- Đường 24m (mặt cắt 8-8):
  - + Lòng đường:  $6\text{m} \times 2 = 12\text{m}$
  - + Vía hè:  $6\text{m} \times 2 = 12\text{m}$
- Đường 23m (mặt cắt 9-9):
  - + Lòng đường:  $5,5\text{m} \times 2 = 11\text{m}$
  - + Vía hè:  $6\text{m} \times 2 = 12\text{m}$
- Đường 21m (mặt cắt 10-10):
  - + Lòng đường:  $5,5\text{m} \times 2 = 11\text{m}$
  - + Vía hè:  $5\text{m} \times 2 = 10\text{m}$
- Đường 20m (mặt cắt 14-14):
  - + Lòng đường:  $5\text{m} \times 2 = 10\text{m}$
  - + Vía hè:  $5\text{m} \times 2 = 10\text{m}$
- Đường 12-15m (mặt cắt 13-13):
  - + Lòng đường: 6m – 9m.
  - + lề đường: 1m – 3m

- Xây mới các tuyến vành đai N1, N2 và duy tu, cải tạo đường tỉnh 287 đổi thành đường huyện, cụ thể:

+ Tuyến đường huyện (N1,N2) nâng cấp, mở rộng đường lên lộ giới 30m, trong đó lòng đường rộng 17m, giải phân cách giữa 1m và vỉa hè 6m mỗi bên.

+ Tuyến đường huyện (đường tỉnh 287) nâng cấp, mở rộng đường lên lộ giới 18m, trong đó lòng đường rộng 10m vỉa hè 4m mỗi bên.

+ Xây dựng các tuyến đường liên khu vực, khu vực khác theo hướng Đông – Tây look giới 23m, trong đó lòng đường 11m, vỉa hè 6m mỗi bên

- Nâng cấp tuyến đường đê Sông Cầu: Mặt cắt ngang đường 10, trong đó lòng đường 8m và 1m lề đường mỗi bên. Hành lang bảo vệ đoạn đi qua khu dân cư là 5m, ngoài khu dân cư là 25m tính từ chân đê.

- Nâng cấp mở rộng các tuyến đường liên xã. Quy mô mặt cắt 12 - 15m, đồng thời chỉnh trang các tuyến đường cấp phối hiện trạng, đảm bảo 100% các tuyến đường được bê tông hóa.

*\* Các công trình phục vụ giao thông:*

Cầu, công: Nâng cấp cầu công phù hợp với cấp hạng các tuyến đường.

Xây dựng mới cầu Mai Thượng trên tuyến ĐT 296B kết nối huyện Hiệp Hòa với huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Xây dựng mới cầu Hùng Thái đi thị xã Phở Yên và cầu Hùng Tiến – Phú Bình kết nối huyện Hiệp Hòa tỉnh Thái Nguyên.

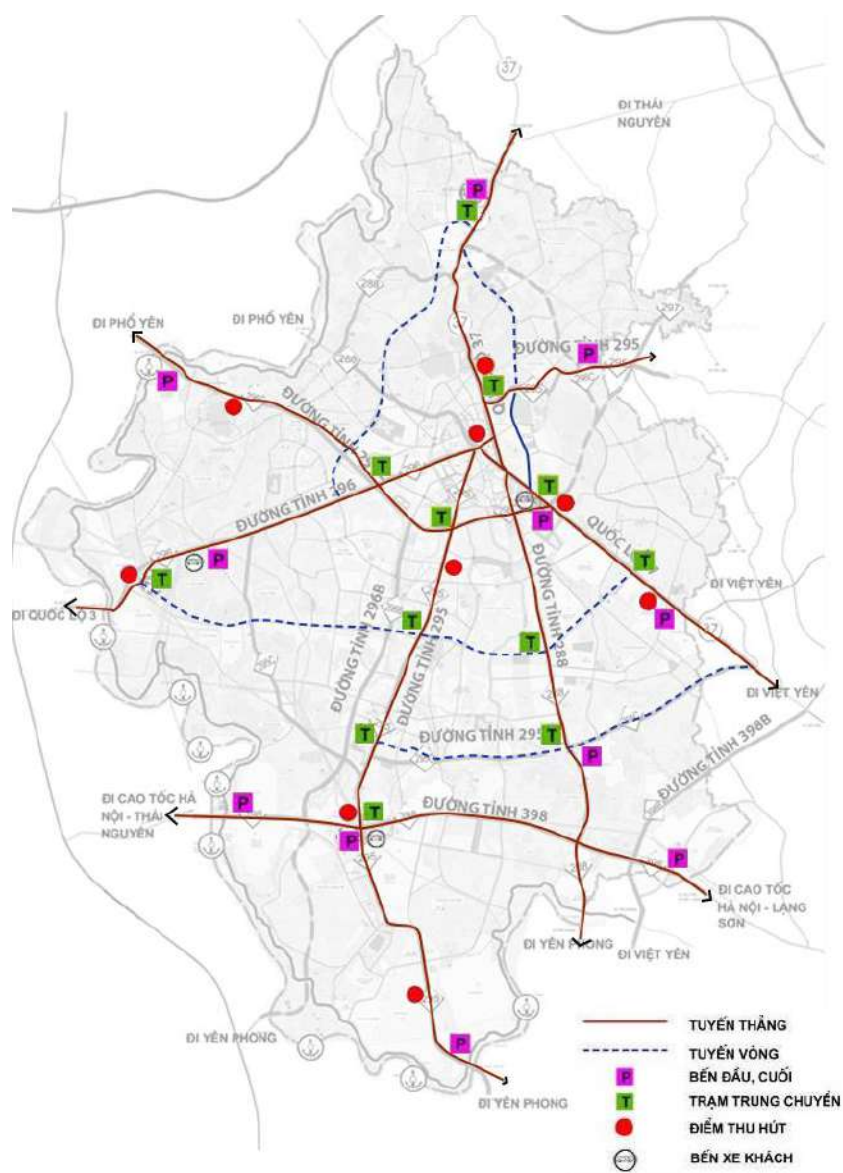
*c/. Giao thông công cộng:*

Ngoài 03 tuyến bus Hiệp Hòa – Bắc Giang, Hiệp Hòa – Gia Lâm và Hiệp Hòa – Từ Sơn, tiếp tục xây dựng, bố trí thêm các tuyến giao thông công cộng (xe buýt); đi Phở Yên, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Sóc Sơn dựa trên các tuyến giao thông chính. Cụ thể:

STT	Tên tuyến	Hướng tuyến	Ghi chú
1	Tuyến số 1	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Tuyến hiện trạng
2	Tuyến số 2	Hiệp Hòa - Gia Lâm	Tuyến hiện trạng
3	Tuyến số 3	Hiệp Hòa - Từ Sơn	Tuyến hiện trạng
4	Tuyến số 4	Hiệp Hòa - Thái Nguyên	Tuyến đề xuất mới
5	Tuyến số 5	Hiệp Hòa - Bắc Ninh	Tuyến đề xuất mới
6	Tuyến số 6	Hiệp Hòa - Sóc Sơn	Tuyến đề xuất mới
7	Tuyến số 7	Hiệp Hòa - Tân Yên	Tuyến đề xuất mới
8	Tuyến số 8	Hiệp Hòa - Phở Yên	Tuyến đề xuất mới

Tổ chức giao thông công cộng nội thị bằng xe buýt trên các tuyến vành đai và trục chính, nâng cao chất lượng vận tải taxi để đáp ứng nhu cầu đi lại.

Vị trí điểm dừng cho xe buýt: Khoảng cách giữa hai trạm lấy khoảng 400 - 500 m (khu vực trung tâm), khu vực ngoại thành thường lấy: 700-800m. Đặt vị trí trạm dừng ngay bên phần đường xe chạy.



### *Định hướng giao thông công cộng*

#### *d/. Các dự án ưu tiên đầu tư*

Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 295 quy mô cấp III, chiều dài 70,5k

Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 297 quy mô cấp III, chiều dài 8km.

Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 296 quy mô cấp III, chiều dài 9,5km.

Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 288 quy mô cấp III, chiều dài 8km.

Xây mới tuyến đường huyện QH35 (đường VĐ1) đoạn từ QL37 đi Tân Yên quy mô đường liên khu vực, chiều dài 6,5km.

Xây mới tuyến đường huyện QH38 (đường VĐ2) quy mô đường liên khu vực, chiều dài 18km.

Xây mới tuyến đường huyện QH36 quy mô đường chính khu vực, chiều dài 16,5km.

Xây mới tuyến đường huyện QH39 quy mô đường chính khu vực, chiều dài 6,6km.

*Khái toán kinh phí xây dựng các dự án giao thông ưu tiên xây dựng đợt đầu*

Tuyến đường	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Chi phí đền bù (triệu đồng)	Chi phí xây dựng (triệu đồng)	Tổng tiền (triệu đồng)
Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 295	70,5				876.000
Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 297	8				96.000
Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 296	9,5				140.000
Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 288	8				120.000
Xây mới tuyến đường huyện QH35	6,5	23			80.700
Xây mới tuyến đường huyện QH38	18	34			270.000
Xây mới tuyến đường huyện QH36	16,5	34			247.500
Xây mới tuyến đường huyện QH39 quy mô đường chính khu vực, chiều dài 6,6km	6,6	23			82.500
02 bãi đỗ xe	5,4ha		22.752	18.500	41.252
<b>Tổng</b>					<b>1.953.952</b>

*e/. Các chỉ tiêu Kinh tế - kỹ thuật đạt được theo quy hoạch của hệ thống giao thông:*

Tổng diện tích đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) : 1.075 ha

Đất giao thông đối ngoại: 390,9 ha

Đất giao thông đô thị: 684,1 ha

Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng: 10,6 %.

*Bảng 12: Thống kê mạng lưới đường giao thông*

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)			Diện tích (m <sup>2</sup> )
			Tổng	Lòng đường	Vĩa hè + giải phân cách	
<b>I</b>	<b>Giao thông đối ngoại (đường quốc lộ, đường tỉnh, đường trục chính đô thị, đường chính đô thị)</b>	<b>118.710</b>				<b>3.909.550</b>
1	Quốc lộ 37	12.676	28	17	11	354.928
2	Đường tỉnh 296C	7.518	28	17	11	210.504
		10.326	50	37	13	516.300
3	Đường tỉnh 296	9.388	28	17	11	262.864
4	Đường tỉnh 295	5.247	21	11	10	110.187
		7.205	28	17	11	201.740

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)			Diện tích (m <sup>2</sup> )
			Tổng	Lòng đường	Vĩa hè + giải phân cách	
		6.594	42	24	18	276.948
5	Đường tỉnh 288	8.108	21	11	10	170.268
		9.525	24	12	12	228.600
6	Đường tỉnh 398	10.972	60	43	17	658.320
7	Đường tỉnh 295C	14.548	23	11	12	334.604
8	Đường tỉnh 296B	5.208	29	17	12	151.032
		7.451	33	17	16	245.883
9	Đường tỉnh 297	999	21	11	10	20.979
10	Đường tỉnh 398B	2.945	57	40	17	166.393
<b>II</b>	<b><i>Giao thông khu vực (đường liên khu vực và chính khu vực, đường đê)</i></b>	<b>338.967</b>				<b>6.839.710</b>
1	Đường huyện 35 (VD1)	7.182	21	11	10	150.822
		8.494	23	11	12	195.362
		6.515	27	15	12	175.905
2	Đường huyện 33B	9.122	23	11	12	209.806
		3.023	15	9	6	45.345
		3.047	12	6	6	36.564
3	Đường huyện 38 (VD2)	12.980	30	17	13	389.400
4	Đường huyện 36	16.904	30	17	13	507.120
5	Đường huyện 39	15.534	23	11	12	357.282
6	Đường huyện 37	8.318	24	12	12	199.632
7	Đường huyện 40	4.073	21	11	10	85.533
		10.538	23	11	12	242.374
8	Đường huyện 34B	4.728	20	10	10	94.560
9	Tuyến nối ĐT295 - QL37	3.155	21	11	10	66.255
10	Đường huyện 33C	675	21	11	10	14.175
11	Đường huyện 35B	1.633	21	11	10	34.293
		2.126	15	9	6	31.890
12	Đường huyện ĐQS 12	1.717	15	9	6	25.755
13	Đường 33m	11.188	33	17	16	369.204
14	Đường 29m	6.736	29	17	12	195.344
15	Đường 28m	14.876	28	16	12	416.528
16	Đường 24m	13.732	24	12	12	329.568
17	Đường 23m	12.548	23	11	12	288.604
18	Đường 21m	33.495	21	11	10	703.395
19	Đường 20m	24.779	20	10	10	495.580
20	Đường 19m	5.848	19	9	10	111.112

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)			Diện tích (m <sup>2</sup> )
			Tổng	Lòng đường	Via hè + giải phân cách	
21	Đường 18m	2.494	18	8	10	44.892
22	Đường 14-16m	7.690	15	9	6	115.350
23	Đường 12-13m	31.191	12			374.292
24	Đường 7,5m	4.997	8			37.478
25	Đường đê 10m	49.629	10	8	2	496.290
26	<b>Tổng</b>	<b>457.677</b>				<b>10.749.259</b>

## 11.2. Định hướng quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

### 11.2.1. Cơ sở thiết kế:

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000
- Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.
- Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa – tỉnh Bắc Giang đến năm 2035.
- Các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn tỉnh Bắc Giang.
- Báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều sau lũ 2023 (đê tả Cầu huyện Hiệp Hòa) do UBND huyện Hiệp Hòa cấp.
- Báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ 2024 (Đê tả Cầu huyện Hiệp Hòa)
- Sơ đồ hệ thống công trình thủy lợi huyện Hiệp Hòa.
- Quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.
- Quy chuẩn, quy phạm hiện hành của Bộ Xây dựng.
- Các quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, các tài liệu, số liệu điều tra và các văn bản có liên quan.

### 11.2.2. Nguyên tắc thiết kế:

- Các quy hoạch, dự án đã được duyệt và đang triển khai, khớp nối gắn kết vào mạng lưới chung, có vi chỉnh cho hợp lý với toàn hệ thống của đô thị
- Hạn chế tối đa công tác đào đắp, phá vỡ sinh thái tự nhiên.
- Cao độ nền xây dựng phù hợp với cao độ khống chế toàn khu vực.
- Đảm bảo thuận lợi giao thông.
- Độ dốc dọc đường  $i \leq 6\%$ .

- Độ dốc nền từng khuôn viên công trình đạt  $i = 0,004 \div 0,005$  để đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Triệt để sử dụng hạ tầng kỹ thuật còn đang sử dụng tốt

- Đảm bảo thoát nước tốt cho đô thị

- Mạng lưới thoát nước mưa phân bố đều trong khu vực, gắn kết mạng lưới chung của đô thị.

- Đối với khu vực thị trấn cũ, xây dựng cải tạo, cao độ nền phải phù hợp với cao độ nền hiện trạng xung quanh, hệ thống cống thoát phải tuân theo hệ thống chung của khu vực.

- Đối với khu vực bằng phẳng xây dựng mới, cao độ nền hiện trạng thấp hơn cao độ nền khống chế tại khu vực, phải đắp nền đến cao độ khống chế và tạo độ dốc thoát nước mặt tự chảy tốt. Khu vực có nền hiện trạng cao hơn cao độ nền khống chế tại khu vực đó, chỉ san gạt cục bộ để tạo độ dốc thoát nước tự chảy.

- Đối với khu vực ven núi san giạt cấp từng công trình theo độ dốc địa hình, phá vỡ địa hình tự nhiên quá nhiều, các mái dốc phải kè chống lở, trượt, tăng cường trồng cây hoàn trả mặt phủ địa hình.

### **11.2.3. Các nội dung điều chỉnh quy hoạch san nền và thoát nước mưa:**

- Xây dựng trạm bơm Yên Ninh theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Xây dựng trạm bơm Đại La theo quy hoạch bơm tiêu của huyện

### **11.2.4. Giải pháp quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:**

#### **a/. Quy hoạch san nền:**

Căn cứ vào cao độ nền hiện trạng và các cao độ khống chế nền xây dựng của các đồ án quy hoạch và dự án có liên quan, Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa – tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, lựa chọn cao độ nền xây dựng cho các khu vực như sau:

- Xã Hoàng An  $H \geq +14,3m$

- Thị trấn Thắng  $\geq +11m$ ,

- Xã Thanh Vân  $H \geq +13,4m$

- Xã Đồng Tân, Hoàng Lương  $H \geq +13,0m$

- Xã Hoàng Vân  $H \geq +12,8m$

- Xã Hòa Sơn  $H \geq +12,2m$

- Xã Thái Sơn  $H \geq +11,8m$

- Xã Hoàng Thanh, Quang Minh  $H \geq +10,5m$

- Xã Ngọc Sơn, Hùng Sơn  $H \geq +9,5m$

- Xã Danh Thắng  $H \geq +9,2m$

- Xã Mai Trung, Thường Thắng, Đại Thành  $H \geq 8,5m$
- Xã Lương Phong  $H \geq 7,7m$
- Xã Hợp Thịnh  $H \geq 7,0m$
- Xã Đoan Bái  $H \geq 6,7m$
- Xã Đông Lỗ  $H \geq 6,4m$
- Xã Xuân Cẩm, thị trấn Bắc Lý  $H \geq +5,5m$
- Xã Hương Lâm, Mai Đình, Châu Minh  $H \geq +3,5m$
- Xã Thái Sơn  $H \geq +11,8m$

- Các khu vực đã xây dựng: giữ nguyên địa hình tự nhiên, khi cải tạo và xây dựng công trình mới chỉ san lấp cục bộ, cao độ nền phải đảm bảo kết nối với cao độ nền xung quanh và không được ảnh hưởng tới tiêu thoát nước chung.

- Nền xây dựng không ngập úng, dự kiến giữ cao độ như nền hiện có, đất gò đồi có thể xây trực tiếp, đất ruộng yếu cần bóc, thay thế lớp đất hữu cơ nhằm ổn định nền xây dựng.

- Khu vực xây dựng mới trên nền đất ruộng thấp, bị ngập úng cục bộ: dự kiến tôn nền đến cao độ không chế, độ dốc nền đắp đảm bảo: I nền đắp  $>0,004$  nhằm thoát nước tự chảy, chủ động tiêu thoát, tránh úng cục bộ.

*b/. Quy hoạch thoát nước mưa:*

- Hệ thống thoát nước mưa:

Khu vực trung tâm, tập trung đông dân cư, xây dựng hệ thống thoát nước riêng (nước thải và nước mưa được thu gom theo hệ thống đường ống riêng).

Các khu vực còn lại xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước thải từng hộ dân, công trình được xử lý bằng bể tự hoại cải tiến).

- Kết cấu cống: Chọn kết cấu cống hộp, mương nắp đan, cống qua đường dùng cống hộp bê tông cốt thép đúc sẵn.

- Lưu vực và hướng thoát: Khu vực thiết kế chia 3 lưu vực chính

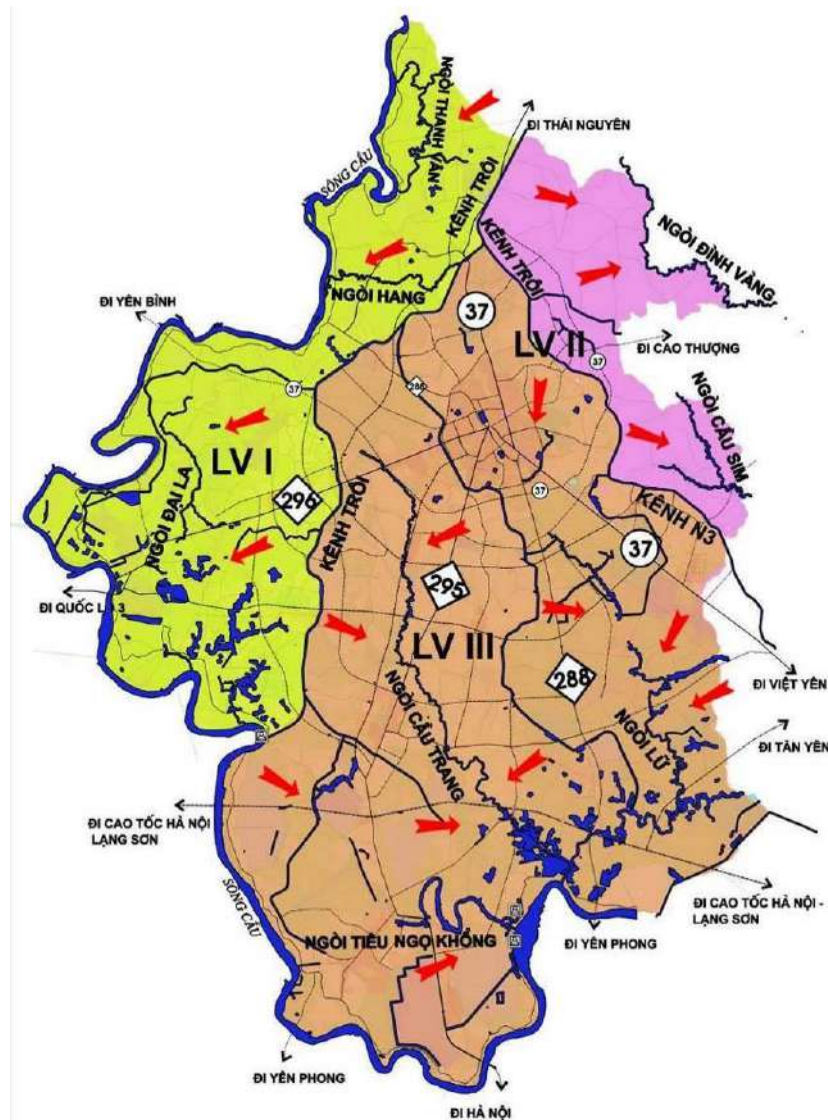
Lưu vực 1: Phía Tây kênh Trôi bao gồm xã Đồng Tân, xã Thanh Vân, xã Hoàng Vân, xã Hòa Sơn, xã Hùng Sơn, 1 phần xã Thái Sơn, xã Quang Minh, xã Đại Thành, xã Hợp Thịnh, xã Mai Trung, xã Xuân Cẩm, thoát ra ngòi Đại La, ngòi Hang, ngòi Thanh Vân, ngòi Dật và thoát ra sông Cầu theo trạm bơm Cẩm Bào, trạm bơm Đại La. Diện tích lưu vực  $S = 5.757ha$ .

Lưu vực 2: Phía Đông kênh Trôi và phía Bắc kênh N3 bao gồm xã Hoàng Lương, xã Hoàng Thanh, xã Hoàng An, xã Đức Thắng, xã Ngọc Sơn, xã Lương Phong và thị trấn Thắng, thoát ra ngòi Cầu Sim, ngòi Đình Vàng và thoát ra sông Thương theo cống Đá Mài (xã Đa Mai – huyện Việt Yên). Diện tích lưu vực  $S = 2.006ha$ .

Lưu vực 3: Phía Đông kênh Trôi và phía Nam kênh N3 bao gồm 1 phần xã Thái Sơn, xã Đức Thắng, xã Ngọc Sơn, xã Danh Thắng, xã Thường Thắng, xã



Đoan Bái, xã Bắc Lý, xã Đoan Bái, xã Đông Lỗ, xã Châu Minh, xã Hương Lâm, xã Mai Đình, thoát ra ngòi Lữ, ngòi Cầu Trang, ngòi tiêu Ngô Khổng và thoát ra sông Cầu theo trạm bơm Ngô Khổng 1, Ngô Khổng 2. Diện tích lưu vực S = 12.846ha.



*Sơ đồ phân lưu vực thoát nước mưa*

- Tính toán thủy lực của cống:

$$Q = q.C.F \text{ (l/s)}$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng tính toán l/s

C: Hệ số dòng chảy (phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P)

F: Diện tích lưu vực (ha)

q: Cường độ mưa theo thời đoạn tra bảng cường độ mưa trạm Bắc Giang (l/s/ha).

*Kết quả tính toán kích thước đã ghi trên bản vẽ Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật.*

- Giai đoạn 2030: Nâng cấp công suất trạm bơm Cẩm Bào lên 32.000m<sup>3</sup>/h, công suất trạm bơm Ngõ Khổng 2 lên 48.000m<sup>3</sup>/h theo rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đảm bảo yêu cầu thoát lũ.

Xây dựng trạm bơm Yên Ninh công suất 20.000m<sup>3</sup>/h theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

Nạo vét, khơi thông, mở rộng ngòi tiêu thoát để tiêu thoát nước nhanh ra sông. Khơi thông, nạo vét Ngòi tiêu Đại La và mở rộng kích thước từ 7mx2,5m lên kích thước 10mx2,5m, lưu lượng thoát nước 112.880 l/s đảm bảo chống ngập cho khu vực thiết kế.

- Giai đoạn 2045: Xây dựng trạm bơm Đại La theo quy hoạch bơm tiêu của huyện

*\* Giải pháp kỹ thuật khác:*

- Nạo vét, khơi thông khe tụ thủy để tiêu thoát nước nhanh ra sông.

- Kè khe tụ thủy, kè sông Cầu tránh xói lở, lũ quét. Ưu tiên giải pháp kè sinh thái hoặc sử dụng vật liệu kè thân thiện với cảnh quan môi trường, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và cảnh quan đô thị.

- Đảm bảo hành lang cách ly khe tụ thủy 5m

- Đảm bảo hành lang bảo vệ kênh thủy lợi: Chiều rộng mỗi bên kênh, nương (3÷5)m.

- Gia cố những đoạn đê trên nền đất yếu (theo phương án phòng chống lụt bão huyện Hiệp Hòa).

- Đảm bảo hành lang bảo vệ đê đoạn qua khu dân cư là 5m, đoạn đi ngoài khu dân cư là 25m.

- Xây dựng chỉ giới thoát lũ được xác định đi theo tuyến đê chính, với chiều rộng bình quân khu vực Hiệp Hòa là 320m theo quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

#### **11.2.5. Các dự án ưu tiên đầu tư**

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê cấp III tả sông Cầu.

- Nâng cấp trạm bơm Cẩm Bào, Ngõ Khổng 2

- Xây dựng trạm bơm Yên Ninh

### **11.3. Định hướng quy hoạch cấp nước**

#### **11.3.1. Cơ sở pháp lý:**

- Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 219/QĐ-TTg, ngày 17/2/2022, Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Các quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy chuẩn, quy phạm, tiêu chuẩn khác có liên quan.

### 11.3.2. Tiêu chuẩn dùng nước:

- Nước sinh hoạt của dân cư nội thị: 120 lít/ng.ngđ cho 100% dân số.

- Nước sinh hoạt của dân cư ngoại thị và khách vắng lai: 100 lít/ng.ngđ cho 90% dân số.

- Nước công cộng, dịch vụ: 15% Qsh.

- Nước tưới cây rửa đường: 10% Qsh.

- Nước công nghiệp: 22m<sup>3</sup>/ha, cho 70% diện tích.

- Nước dự phòng rò rỉ: 15% tổng lượng nước trên.

- Nước bản thân nhà máy: 5% tổng lượng nước trên.

### 11.3.3. Nhu cầu dùng nước:

Bảng 13: Dự báo nhu cầu dùng nước đến 2030:

TT	Thành phần dùng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn	Nhu cầu (m <sup>3</sup> /ngđ)
1	Nước sinh hoạt cho khu vực nội thị Qsh1	178.300 người	120 l/ng-ngđ cho 100% dân số	21396
2	Nước dịch vụ công cộng cho khu vực nội thị		15% Qsh1	3209
3	Nước tưới cây rửa đường cho khu vực nội thị		10% Qsh1	2140
4	Nước sinh hoạt cho khu vực nông thôn Qsh2	121.700 người	100 l/ng-ngđ cho 100% dân số	12170
5	Nước dịch vụ công cộng cho khu vực ngoại thị		10% Qsh2	1217
6	Nước cho công nghiệp	2124,17 ha	22 m <sup>3</sup> /ha	32712
7	Cộng			72844
8	Nước dự phòng rò rỉ		15% tổng lượng nước trên	10927

9	Cộng			83771
10	Nước bản thân nhà máy		5% tổng lượng nước trên	4189
<b>11</b>	<b>Tổng cộng</b>			<b>87959</b>
<b>12</b>	<b>Nhu cầu max (Làm tròn)</b>			<b>115000</b>

*Bảng 14: Dự báo nhu cầu dùng nước đến 2045:*

TT	Thành phần dùng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn	Nhu cầu (m <sup>3</sup> /ngđ)
1	Nước sinh hoạt cho khu vực nội thị Qsh1	225.000 người	120 l/ng-ngđ cho 100% dân số	27000
2	Nước dịch vụ công cộng cho khu vực nội thị		15% Qsh1	4050
3	Nước tưới cây rửa đường cho khu vực nội thị		10% Qsh1	2700
4	Nước sinh hoạt cho khu vực nông thôn Qsh2	143.000 người	100 l/ng-ngđ cho 100% dân số	14300
5	Nước dịch vụ công cộng cho khu vực ngoại thị		10% Qsh2	1430
6	Nước cho công nghiệp	2202 ha	22 m <sup>3</sup> /ha	33911
7	Cộng			83391
8	Nước dự phòng rò rỉ		15% tổng lượng nước trên	12509
9	Cộng			95899
10	Nước bản thân nhà máy		5% tổng lượng nước trên	4795
<b>11</b>	<b>Tổng cộng</b>			<b>100694</b>
<b>12</b>	<b>Làm tròn</b>			<b>131000</b>

Tổng nhu cầu dùng nước toàn khu vực đến năm 2030 dự báo khoảng 115.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Đến năm 2045 khoảng 131.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

#### **11.3.4. Nguồn nước:**

- Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt của Hiệp Hoà khá phong phú, được cung cấp chủ yếu từ sông Cầu, sông Công, sông Cà Lồ.

+ Sông Cầu: Diện tích lưu vực khoảng 6000 km<sup>2</sup>, chảy qua huyện Hiệp Hoà dài khoảng 53 km.

+ Sông Cà Lồ: Diện tích lưu vực 881 khoảng km<sup>2</sup>, hợp lưu với sông Cầu tại xã Mai Đình.

+ Sông Công: Diện tích lưu vực khoảng 951 km<sup>2</sup>, hợp lưu với sông Cầu

tại xã Hợp Thịnh.

- Các sông này thường có nước chảy quanh năm, là nguồn cung cấp nước quan trọng của huyện Hiệp Hòa.

- Nguồn nước ngầm: Hiện tại chưa có nguồn tài liệu điều tra khảo sát về trữ lượng nước ngầm trên toàn huyện, nhưng theo kết quả khảo sát sơ bộ thì mực nước ngầm ở vào khoảng 15m - 25 m. Tuy nhiên để khai thác sử dụng có hiệu quả, vệ sinh cần tiến hành điều tra khảo sát, tổ chức khai thác sử dụng có quy hoạch, kế hoạch tránh lãng phí, ô nhiễm, bảo vệ đầu nguồn và khắc phục tình trạng thiếu nước trong thời kỳ khô hạn và phòng chống lũ lụt, ngập úng trong mùa mưa.

- Lựa chọn nguồn nước: Chủ yếu sử dụng nguồn nước mặt sông Cầu.

### **11.3.5. Công trình đầu mối:**

*a/. Giai đoạn đến năm 2030:*

*\* Duy trì công suất nhà máy nước (NMN):*

- NMN Xuân Cẩm; công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Xuân Cẩm.

- NMN Đông Lỗ, công suất 18.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Đông Lỗ, Đoàn Bái, Lương Phong (trừ thôn Chóp), Hoàng Lương hiện nay, Hoàng Thanh cũ, Đồng Tân hiện nay.

- NMN Mai Đình công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Châu Minh, Hương Lâm, Thường Thắng, Mai Trung, thị trấn Bắc Lý.

*\* Nâng công suất nhà máy nước:*

- NMN Thái Sơn: Nâng công suất từ 9.500 m<sup>3</sup>/ngđ lên 23.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu; Cấp cho thị trấn Thắng hiện nay và các xã Hoàng Vân hiện nay, Thái Sơn hiện nay, Hòa Sơn hiện nay, Hùng Sơn hiện nay, Hoàng An hiện nay, Thanh Vân hiện nay, Ngọc Sơn, Danh Thắng, Đức Thắng và Thôn Chóp (Lương Phong).

- NMN Đại Thành - Hợp Thịnh: Nâng công suất từ 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Đại Thành hiện nay, Hợp Thịnh.

- NMN Quang Minh: Nâng công suất từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 2.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước bổ sung hoặc thay thế bằng nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Quang Minh.

*\* Đối với các khu công nghiệp*

- Xây dựng nhà máy nước riêng cho các khu công nghiệp, quy mô công suất phù hợp với giai đoạn đầu tư, nguồn nước dự kiến là nước mặt sông Cầu. Riêng khu công nghiệp Hòa Phú hiện đã đầu tư xây dựng nhà máy nước riêng công suất 12.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

*b/. Giai đoạn đến năm 2045:*

*\* Duy trì công suất nhà máy nước (NMN):*

- NMN Xuân Cẩm; công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu. Cấp cho Xuân Cẩm.

- NMN Thái Sơn: Công suất 23.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu. Cấp cho thị trấn Thăng hiện nay và các xã Hoàng Vân hiện nay, Thái Sơn hiện nay, Hòa Sơn hiện nay, Hùng Sơn hiện nay, Hoàng An hiện nay, Thanh Vân hiện nay, Ngọc Sơn, Danh Thắng, Đức Thắng và Thôn Chóp (Lương Phong).

- NMN Quang Minh: Công 2.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước bổ sung hoặc thay thế bằng nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Quang Minh.

- NMN Đại Thành - Hợp Thịnh: Nâng công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Đại Thành hiện nay, Hợp Thịnh.

*\* Nâng công suất nhà máy nước:*

- NMN Mai Đình: Nâng công suất từ 20.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 30.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Châu Minh, Hương Lâm, Thường Thắng, Mai Trung, thị trấn Bắc Lý.

- NMN Đông Lỗ: Nâng công suất từ 18.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên công suất 25.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu; Cấp cho Đông Lỗ, Đoan Bái, Lương Phong (trừ thôn Chóp), Hoàng Lương hiện nay, Hoàng Thanh hiện nay, Đồng Tân hiện nay.

*\* Đối với các khu công nghiệp*

- Tiếp tục duy trì, nâng công suất nhà máy nước riêng cho các khu công nghiệp, quy mô công suất phù hợp với giai đoạn đầu tư, nguồn nước dự kiến là nước mặt sông Cầu.

### **11.3.6. Mạng lưới đường ống:**

- Mạng lưới đường ống cấp nước xây mới được thiết kế dạng mạng vòng (đảm bảo an toàn cấp nước), kết hợp mạng cụt dạng cành cây, có đường kính Ø160mm - Ø315mm để đảm bảo cấp nước bao phủ toàn bộ khu vực thiết kế.

- Duy trì các tuyến ống cấp nước hiện trạng còn tốt; Thay thế các tuyến ống hiện trạng cũ xuống cấp.

- Lắp đặt các tuyến ống truyền tải mới đảm bảo cấp nước cho tất cả các khu vực trong khu vực nghiên cứu.

*Bảng 15 : Thống kê đường ống cấp nước:*

<b>TT</b>	<b>Đường kính ống</b>	<b>Số lượng (m)</b>
1	Ø315	53265
2	Ø250	48475
3	Ø160	13165

### **11.3.7. Chữa cháy:**

- Lưu lượng nước chữa cháy: tính với 3 đám cháy xảy ra đồng thời với lưu lượng chữa cháy 55 l/s.

- Lưu lượng chữa cháy cần cho đô thị trong 3h liên tục với lưu lượng là:

-  $Q = 3 \times 3 \times 3.6 \times 55 = 1.782 \text{ m}^3$ .

- Dùng phương pháp chữa cháy áp lực thấp. Khi có cháy xe cứu hoả đến lấy nước tại các họng cứu hoả, áp lực cột nước tự do lúc này không được nhỏ hơn 10m.

- Họng cứu hoả được bố trí trên các tuyến ống có đường kính từ 100mm trở lên, họng cứu hoả đặt nổi hoặc ngầm, đảm bảo khoảng cách tối đa giữa các họng là 150m.

- Tận dụng sông, hồ gần nhất để cấp nước chữa cháy khi cần. Phải có đường cho xe chữa cháy tới lấy nước. Chiều sâu mặt nước so với mặt đất tại vị trí bố trí lấy nước chữa cháy không lớn quá 4m và chiều dày lớp nước tối thiểu là 0,5m.

### 11.3.8. Bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

Bảng 16: Khu vực bảo vệ nguồn nước, công trình đầu mối cấp nước

Khu vực bảo vệ	Bán kính khu vực bảo vệ cấp I(m)	Bán kính khu vực bảo vệ cấp II(m)
<b>Nước sông</b>		
Ngược theo chiều dòng chảy	$\geq 200$	$\geq 1000$
Xuôi theo chiều dòng chảy	$\geq 100$	$\geq 250$
<b>Nhà máy nước từ chân công trình xử lý</b>	$\geq 30$	

\* *Chú thích:*

- Trong khu vực bảo vệ cấp I nghiêm cấm các hoạt động sau: xây dựng công trình nhà ở; xả nước thải, chất thải rắn, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản; sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây.

- Trong khu vực bảo vệ cấp II, nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường.

### 11.3.9. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Nâng công suất nhà máy nước Thái Sơn từ 9.500 m<sup>3</sup>/ngđ lên 23.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu;

- Nâng công suất nhà máy nước Đại Thành - Hợp Thịnh từ 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước sông Cầu;

- Nâng công suất nhà máy nước Quang Minh từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 2.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Nguồn nước bổ sung hoặc thay thế bằng nguồn nước sông Cầu.

### 11.3.10. Khái toán kinh phí xây dựng hệ thống cấp nước :

Bảng 17: Khái toán kinh phí cấp nước đợt đầu

TT	Hạng mục	Đơn giá (triệu đồng)	Khối lượng	Thành tiền (triệu đồng)
1	Nhà máy xử lý nước	4,2	17.500 m <sup>3</sup>	73500
3	Đường ống cấp nước			

TT	Hạng mục	Đơn giá (triệu đồng)	Khối lượng	Thành tiền (triệu đồng)
	Ø315	1.15	53265 m	61255
	Ø250	0.73	48475 m	35386
	Ø160	0.29	13165 m	3818
	Cộng			173959
4	Chi phí khác 25%			43489
	<b>Tổng cộng</b>			<b>217448</b>
	<b>Làm tròn</b>			<b>218.000</b>

Kinh phí xây dựng hệ thống cấp nước: 218 tỷ đồng.

#### **11.4. Định hướng phát triển hạ tầng hệ thống điện, cung cấp năng lượng và chiếu sáng đô thị**

##### **11.4.1. Đánh giá chung quá trình thực hiện Quy hoạch chung 2018 và những yếu tố dự kiến điều chỉnh:**

- Nhìn chung từ năm 2018 đến nay, mạng lưới điện huyện Hiệp Hoà đã và đang được đầu tư xây dựng phù hợp với các định hướng của các quy hoạch đã được phê duyệt như: Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV (Hợp phần I); Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 ...

- Những định hướng phát triển chính về nguồn điện, lưới điện của huyện Hiệp Hòa trong giai đoạn tới vẫn tuân thủ theo các định hướng của các quy hoạch đã được phê duyệt, tuy nhiên có điều chỉnh một số nội dung sau:

Cập nhật trạm 110kV Hợp Thịnh và tuyến đường dây 110kV Hiệp Hòa – Tân Yên vào hệ thống lưới điện hiện trạng.

Điều chỉnh, tính toán lại công suất phụ tải của toàn huyện do có những điều chỉnh về chức năng sử dụng đất tại một số khu vực.

Xây dựng mới các trạm biến áp 220kV, 110kV tuân thủ theo định hướng của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, chủ yếu phục vụ cho các Khu công nghiệp đã, đang và sắp đi vào hoạt động.

Điều chỉnh lại mạng lưới đường dây trung thế theo các điều chỉnh về giao thông, sử dụng đất.

Khuyến khích hạ ngầm các tuyến đường dây cao thế đi trong khu vực trung tâm đô thị, đẩy mạnh kế hoạch ngầm hóa hệ thống lưới điện trung thế và hạ thế.

Khuyến khích phát triển Điện mặt trời mái nhà cho các tòa nhà công sở và nhà dân theo hình thức tự sản, tự tiêu.

##### **11.4.2. Căn cứ thiết kế và tài liệu tham khảo**

- Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



- Quyết định 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Bản đồ hiện trạng lưới điện huyện Hiệp Hòa.

- Các dự án phát triển hệ thống điện trên địa bàn huyện Hiệp Hòa.

### ***11.4.3. Xác định quan điểm, mục tiêu và dự báo nhu cầu phụ tải***

#### ***a/. Quan điểm phát triển***

Từng bước xây dựng lưới điện thông minh; nâng cao chất lượng điện năng và độ tin cậy cung cấp điện để cung cấp dịch vụ điện với chất lượng ngày càng cao.

Dành quỹ đất hợp lý để phát triển công trình đầu mối cấp điện, bảo đảm hành lang an toàn, hướng tuyến đường dây truyền tải điện năng cần được xem xét tích hợp với các quy hoạch khác.

Nguồn cung cấp điện cho Hiệp Hòa sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện một cách tối đa, có hiệu quả và có độ dự phòng nằm trong quy định

Đảm bảo khả năng hỗ trợ tốt từ lưới điện khu vực lân cận huyện Hiệp Hòa

Đảm bảo huy động đủ công suất cấp điện cho phụ tải trong trường hợp sự cố

Kết cấu lưới điện đảm bảo yêu cầu cấp điện có dự phòng và không bị phá vỡ trong tương lai.

Kế thừa và phát huy quy hoạch cũ, trên cơ sở đó phát triển quy hoạch mới phù hợp quy hoạch và định hướng chung của toàn huyện.

#### ***b/. Mục tiêu phát triển***

Quy hoạch phát triển hệ thống cấp điện đồng bộ, đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao. Nghiên cứu phát triển các nguồn điện tại chỗ trên địa bàn.

Đảm bảo cung cấp điện cho phát triển kinh tế và đời sống người dân theo từng giai đoạn.

Nâng cao chất lượng phân phối điện năng, ứng dụng công nghệ khoa học vào quản lý hệ thống điện trên địa bàn thành phố.

Phát triển điện lực phải thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo sự phát triển bền vững và phù hợp với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

#### ***c/. Dự báo nhu cầu dùng điện***

Dự báo nhu cầu điện theo phương pháp trực tiếp. Theo đó phụ tải của khu vực được phân làm các nhóm gồm: Phụ tải công nghiệp; Phụ tải công cộng dịch

vụ; Phụ tải sinh hoạt.

Dự báo nhu cầu điện sinh hoạt, công trình công cộng được tính theo các chỉ tiêu trong Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về Quy hoạch xây dựng QCVN: 01/2021/BXD do Bộ Xây Dựng ban hành. Cụ thể:

- + Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt tối thiểu:  $\geq 200$  w/người
- + Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng: 30% điện sinh hoạt;

+ Đối với khu, cụm công nghiệp: phụ tải điện được tính chung cho cả khu hoặc cụm. Nhu cầu điện cho các khu công nghiệp được xác định theo tính chất, ngành nghề sản xuất của từng khu, quy mô diện tích và chỉ tiêu sử dụng điện trên một đơn vị diện tích (kW/ha). Chỉ tiêu cấp điện cho sản xuất công nghiệp, kho tàng: 120 - 350 kw/ha.

*Bảng 18: Tổng hợp tính toán phụ tải*

Danh mục	Dự báo		Chỉ tiêu		Tổng phụ tải (kW)	
	2030	2045	2030	2045	2030	2045
Phụ tải sinh hoạt	300.000 người	400.000 người	200 (w/người)	500 (w/người)	60.000	200.000
Phụ tải công cộng, dịch vụ			30% phụ tải sinh hoạt	35% phụ tải sinh hoạt	18.000	70.000
Phụ tải công nghiệp	2112 ha	2205 ha	200kw/ha	200kw/ha	422.400	441.000
<b>Tổng</b>					<b>500.400</b>	<b>711.000</b>

+ Tổng nhu cầu phụ tải khu vực qua các giai đoạn:

Giai đoạn đến năm 2030: 500MW tương đương với 612 MVA.

Giai đoạn đến năm 2045: 711 MW tương đương với 869 MVA.

#### **11.4.4. Phương án phát triển hạ tầng hệ thống điện**

- *Trạm nguồn:*

Với công suất dự kiến đến năm 2030 là 612MVA và năm 2045 là 869MVA thì hệ thống trạm nguồn hiện tại không đáp ứng đủ nhu cầu phát triển phụ tải (chủ yếu là phụ tải cho các Khu/cụm công nghiệp). Vì vậy, ngoài việc nâng công suất của trạm biến áp nguồn hiện có, cần xây dựng mới các trạm 220kV, 110kV theo từng giai đoạn để đảm bảo phân bố nguồn cũng như nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và đảm bảo dự phòng cho nhu cầu phát triển của phụ tải. Tuân thủ theo các định hướng đã được đề xuất trong Hồ sơ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang đến năm 2035; Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050... hệ thống lưới khu vực sẽ được định hướng như sau:

+ Giai đoạn đến năm 2030:

- *Trạm nguồn 220kV*

Xây dựng mới Trạm biếp áp 220kV Hiệp Hòa 2: Công suất 1x250MVA.

*- Trạm nguồn 110kV*

Nâng công suất trạm 110kV Sông Cầu từ 40+63MVA lên 3x63MVA

Nâng công suất trạm 110kV Hợp Thịnh từ 63MVA lên 2x63MVA

Xây dựng mới 07 Trạm biến áp 110kV,

**Cụ thể:**

Trạm biến áp 110kV Hòa Phú, công suất 2x63MVA - phục vụ chủ yếu cho Khu công nghiệp Hòa Phú – giai đoạn 1.

Trạm 110kV Hiệp Hòa 2 (Nối cấp trong trạm 220kV Hiệp Hòa 2): Công suất 1x63MVA.

Trạm 110kV Châu Bắc Hương, công suất 2x63MVA - phục vụ chủ yếu cho Khu công nghiệp đô thị dịch vụ Châu Minh - Bắc Lý-Hương Lâm.

Trạm 110kV Xuân Hương, công suất 2x63MVA - phục vụ chủ yếu cho Khu công nghiệp đô thị dịch vụ Xuân Cẩm – Hương Lâm.

Trạm 110kV Thanh Vân, công suất 2x63MVA - phục vụ chủ yếu cho Cụm công nghiệp Thanh Vân và cụm công nghiệp Thanh Vân – Hoàng An

Trạm 110kV Hòa Phú 2, công suất 1x63MVA - phục vụ chủ yếu cho Khu công nghiệp Hòa Phú – giai đoạn 2.

Trạm 110kV Đoàn Phong, công suất 1x63MVA - phục vụ chủ yếu cho Cụm công nghiệp Đoàn Bái – Lương Phong

*- Giai đoạn sau năm 2030:*

Nâng công suất trạm 220kV Hiệp Hòa 2 thành 2x250MVA.

Nâng công suất trạm 110kV Hoà Phú 2 từ 63MVA lên 2x63MVA.

Nâng công suất trạm 110kV Đoàn Phong từ 63MVA lên 2x63MVA.

Xây dựng mới Trạm 110kV Đông Lỗ, công suất 63MVA.

Xây dựng mới Trạm 110kV Danh Thắng, công suất 63MVA.

Xây dựng mới Trạm 110kV Hoà Sơn, công suất 63MVA.

Các trạm biến áp xây mới khuyến khích sử dụng trạm công nghệ GIS để đảm bảo mỹ quan đô thị cũng như giảm diện tích xây dựng.

*- Lưới điện truyền tải:*

Đảm bảo hành lang an toàn lưới điện cao thế cho các tuyến đường dây 500kV, 220KV, 110KV hiện có theo đúng quy định của pháp luật.

*Giai đoạn đến năm 2030:*

*Lưới 220kV:* Xây dựng mới đường dây 220kV 04 mạch rẽ trạm 220kV Hiệp Hòa 2, đầu nối chuyên tiếp trên đường dây 220kV Hiệp Hoà - Phú Bình 2.

*Lưới 110kV:*

Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép, xuất tuyến từ trạm 220kV

Hiệp Hoà 2 đầu nối đến trạm 110kV Đức Thắng.

Xây dựng mới đường dây 110kV 4 mạch, xuất tuyến từ trạm 220kV Hiệp Hoà 2 đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV mạch kép rẽ nhánh TBA 110kV Thượng Lan.

Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép nhánh rẽ Trạm 110kV Hoà Phú đầu nối chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110kV Trạm 220KV Hiệp Hoà – Sông Cầu.

Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép nhánh rẽ Trạm 110kV Thanh Vân đầu nối chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110kV Hợp Thịnh – Tân Yên.

Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép nhánh rẽ Trạm 110kV Xuân Hương đầu nối chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110kV Trạm 220KV Hiệp Hoà – Sông Cầu.

Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép nhánh rẽ Trạm 110kV Châu Bắc Hương đầu nối chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110kV Trạm 220KV Hiệp Hoà – Sông Cầu.

Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép nhánh rẽ trạm 110kV Hoà Phú 2.

Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép nhánh rẽ trạm 110kV Đoàn Phong.

*\* Giai đoạn sau năm 2030:*

Xây dựng mới các tuyến đường dây 110kV mạch kép đầu nối với các trạm biến áp Đông Lỗ, Danh Thắng, Hoà Sơn xây dựng mới.

*- Lưới điện phân phối:*

Lưới trung thế phải đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định và an toàn, đáp ứng nhu cầu dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội của huyện; hoàn thiện hệ thống lưới điện theo tiêu chí N-1 “Khi 1 phần tử trên lưới điện bị sự cố, chế độ làm việc của lưới điện vẫn đảm bảo cung cấp điện an toàn và không bị cắt hay giảm tải”. Lưới điện trung thế được thiết kế mạch vòng, vận hành hở.

*Giai đoạn đến năm 2030:* tiếp tục sử dụng các tuyến trung thế hiện có, sau khi đã duy tu bảo dưỡng. Giai đoạn dài hạn khi đã hình thành các khu chức năng sử dụng đất quy hoạch, lưới điện trung thế hiện hữu sẽ không còn phù hợp với giao thông quy hoạch. Cần có kế hoạch dịch chuyển và xây dựng mới các tuyến 22kV, kết nối mạch vòng để cấp điện cho các phụ tải trong khu vực.

Bố trí lưới điện trung thế theo nguyên tắc: trong các khu đô thị tập trung và trong các khu du lịch, sử dụng tuyến điện ngầm theo đường quy hoạch. Đoạn xuất tuyến và các tuyến đi ngoài các khu vực trên sử dụng cáp nổi trên cột BTLT.

Trạm biến thế: Tiếp tục phát triển thêm các trạm biến áp tiêu thụ để đáp ứng phụ tải của huyện Hiệp Hoà. Các trạm 22/0,4KV khu vực trung tâm dùng trạm xây hoặc trạm kios, các khu vực khác phân tán hoặc công nghiệp có thể

dùng trạm treo. Công suất các trạm lưới 22/0,4KV chọn từ 250KVA đến 630KVA tùy theo từng khu vực. Bán kính cấp điện của mỗi trạm lưới <300m.

Đối với các trạm biến thế phục vụ cho các khu vực công cộng, thương mại dịch vụ, văn phòng...khi tính toán lựa chọn máy biến áp cần tính dự phòng từ 5 - 10% công suất định mức máy biến áp và ít nhất 02 lộ dự phòng để có thể cung cấp nguồn cho các trạm sạc nhiên liệu phục vụ phương tiện giao thông sử dụng điện.

Lưới điện hạ áp: được thiết kế hình tia trừ các phụ tải khu vực trung tâm có yêu cầu đặc biệt thì thiết kế mạch vòng có liên kết mạch vòng. Bán kính lưới điện hạ áp đối với khu vực nông thôn, dân cư phân tán không quá 800m, ở khu vực nội thị dân cư tập trung bán kính hạ áp không quá 300m.

- *Phát triển năng lượng tái tạo:*

Khuyến khích lắp đặt Điện mặt trời mái nhà tại trụ sở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tòa nhà văn phòng và nhà dân trên địa bàn huyện theo hình thức tự sản, tự tiêu để tăng cường việc sử dụng năng lượng sạch, xanh, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, giảm phát thải khí CO<sub>2</sub> và giảm bức xạ nhiệt cho các tòa nhà.

#### **11.4.5. Các dự án ưu tiên đầu tư**

- Xây dựng mới Trạm biếp áp 220kV Hiệp Hòa 2: Công suất 1x250MVA
- Nâng công suất trạm 110kV Sông Cầu từ 40+63MVA lên 3x63MVA
- Nâng công suất trạm 110kV Hợp Thịnh từ 63MVA lên 2x63MVA
- Xây dựng mới Trạm biến áp 110kV Hòa Phú, công suất 2x63MVA
- Xây dựng mới Trạm 110kV Hiệp Hòa 2 (Nối cấp trong trạm 220kV Hiệp Hòa 2): Công suất 1x63MVA.
- Xây dựng mới Trạm 110kV Châu Bắc Hương, công suất 2x63MVA.
- Xây dựng mới Trạm 110kV Xuân Hương, công suất 2x63MVA.
- Xây dựng mới Trạm 110kV Thanh Vân, công suất 2x63MVA
- Xây dựng mới Trạm 110kV Hòa Phú 2, công suất 1x63MVA.
- Xây dựng mới Trạm 110kV Đoàn Phong, công suất 1x63MVA
- Xây dựng mới đường dây 220kV 04 mạch rẽ trạm 220kV Hiệp Hòa 2, đầu nối chuyên tiếp trên đường dây 220kV Hiệp Hoà - Phú Bình 2.
- Xây dựng mới các tuyến đường dây 110kV mạch kép đầu nối tới các trạm xây mới

#### **11.4.6. Định hướng chiếu sáng đô thị**

Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 95%, tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt trên 85%. Đến năm 2045, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%, tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt trên 90%.

*a/. Quy hoạch hệ thống chiếu sáng giao thông:*

- Phạm vi bao gồm tất cả các tuyến đường giao thông trong đô thị.

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng độc lập, tuyến đường dây đi ngầm, hoặc chung hạ tầng kỹ thuật với các hạng mục khác.

- Kết hợp với ngành điện để đầu tư hệ thống chiếu sáng theo hình thức kết hợp chung trụ với trụ điện lực cho một số khu dân cư có hệ thống cấp điện được quy hoạch nổi trên trụ bê tông ly tâm nhằm tiết kiệm kinh phí đầu tư cho hệ thống chiếu sáng.

- Đầu tư mới hệ thống điện chiếu sáng giao thông trên các trục đường quy hoạch mới theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về đội rọi, độ chói, độ đồng đều, màu sắc,....

Đối với các công trình giao thông đầu tư mới yêu cầu phải sử dụng đèn hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng.

Sử dụng cho đèn Led có Driver: Driver được tích hợp sẵn chế độ dimming để hoạt động nhằm tiết kiệm điện năng.

Sử dụng hệ thống chiếu sáng từ nguồn năng lượng mặt trời cho các khu vực chưa có nguồn cấp điện.

Các vỉa hè đường có mặt cắt ngang nhỏ hơn 5m tổ chức chiếu sáng chung với chiếu sáng đường, các vỉa hè có mặt cắt ngang lớn hơn 5m phải tổ chức chiếu sáng riêng.

Đối với các tuyến đường có mặt cắt nhỏ hơn 10,5m được bố trí chiếu sáng 1 bên.

Đối với các tuyến đường có mặt cắt lớn hơn hoặc bằng 10,5m được bố trí chiếu sáng 2 bên.

Đối với các tuyến đường có dải phân cách hệ thống chiếu sáng được bố trí trên dải phân cách.

Đối với các ngã ba, ngã tư, tại các nút giao thông đồng mức và khác mức cần phải bố trí các đèn pha tăng cường cường độ chiếu sáng cho các nút giao thông.

Đối với hệ thống chiếu sáng đi ngầm sử dụng trụ thép mạ kẽm nhúng nóng theo quy định. Hệ thống điện chiếu sáng đi ngầm phải đảm bảo khoảng cách trụ đèn, độ cao lắp đặt đèn, công suất đèn, góc chiếu của đèn phù hợp với từng mặt cắt ngang lòng đường theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Sử dụng cáp ngầm hạ áp loại DSTA/XLPE/PVC hoặc tương đương. Cáp ngầm chiếu sáng phải được luồn trong ống nhựa bảo vệ khi chôn trong đất.

Mở rộng trung tâm điều khiển chiếu sáng thông minh trên toàn bộ hệ thống chiếu sáng thành phố.

Yêu cầu nguồn điện cung cấp cho hệ thống điện chiếu sáng phải đảm bảo tin cậy, điện áp ổn định.

*b/. Chiếu sáng đường đô thị phải đảm bảo yêu cầu:*

Khoảng cách giữa hai cột đèn ảnh hưởng đến độ đồng đều, độ chói dọc của đường, phụ thuộc kiểu bố trí đèn, độ cao cột đèn, loại đèn và đặc điểm quang học của đèn.

Vị trí cột đèn có khả năng định hướng đi cho người điều khiển xe. Tại đoạn đường uốn lượn, cột đèn phải bố trí ở đường cong ngoài của đoạn uốn.

Không để cây xanh che ánh sáng đèn trong phạm vi mặt đường thiết kế chiếu sáng và khoảng cách tối thiểu của một đèn chiếu sáng đối với cây xanh tối thiểu 1m.

*c/. Quy hoạch chiếu sáng nút giao thông:*

Chiếu sáng các nút giao thông phải tạo điều kiện để người điều khiển phương tiện giao thông phát hiện được cả sơ đồ nút giao thông và hoạt động giao thông. Tổ chức chiếu sáng các nút giao thông, nhất là nút phức tạp phải đảm bảo cho người điều khiển phương tiện giao thông có thể nhìn thấy vị trí các mép vỉa hè và các mốc đường, các chiều của đường, sự có mặt của người đi bộ hoặc các chướng ngại, sự chuyển động của tất cả các loại xe gần nút giao thông và đảm bảo khoảng cách tối thiểu 200m trước khi vào nút giao thông.

Tại các nút giao thông:

Các giá trị chiếu sáng phải đạt hoặc cao hơn yêu cầu chiếu sáng đường tối thiểu 10% và tối đa là 20%

Độ chói mặt đường yêu cầu trên toàn nút giao thông không được nhỏ hơn độ chói trên mặt các đường chính dẫn tới nút.

Chiếu sáng tại các nút giao với đường sắt phải:

Đảm bảo cho điều khiển phương tiện giao thông khi dừng lại đủ tầm nhìn để phân biệt rõ xe cộ, lối đi, chướng ngại vật và người bộ hành.

Đảm bảo độ rọi đứng để phân biệt rõ các bảng thông tin tín hiệu. Màu của đèn chiếu sáng không được lẫn lộn với màu của đèn tín hiệu đường.

Trong phạm vi 30m về hai phía của nút giao, mặt đường phải có độ chói và hệ số đồng đều độ chói cao hơn phần mặt đường kế cận 10%.

Đầu tư trạm biến áp 22/04kV riêng cho hệ thống chiếu sáng.

*d/. Chiếu sáng cảnh quan, công trình:*

Chiếu sáng cảnh quan phải tránh trùng lặp, đơn điệu trong thể hiện; cần lựa chọn sử dụng màu sắc ánh sáng - cường độ sáng và phương thức thể hiện thích hợp cho từng công trình. Cần sử dụng tổng thể giải pháp từ thiết kế, xây dựng, lựa chọn thiết bị, quản lý vận hành để đảm bảo tiết kiệm năng lượng.

*e/. Những công trình khuyến khích chiếu sáng ban đêm*

Kiến trúc thương mại, dịch vụ: là địa điểm hoạt động của con người tập nập nhất vào ban đêm, cũng là nơi có thể phản ánh đặc điểm văn hóa, kinh tế của đô thị.

Kiến trúc giao thông: ngoài chiếu sáng đường, cần tập trung thêm vào công trình giao thông quan trọng như cầu đường bộ, vị trí của ngõ vào đô thị, cảng...

Kiến trúc vườn hoa cây xanh: là không gian mở quan trọng đáp ứng nhu cầu thư giãn, giải trí của nhân dân. Nhìn chung các không gian này, chiếu sáng phải đảm bảo tối thiểu tiêu chí về an toàn ban đêm.

## 11.5. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc

### 11.5.1. Dự báo nhu cầu sử dụng viễn thông

a/. Chỉ tiêu tính toán:

Nguồn tín hiệu chính sẽ được lấy từ tổng đài tại thành phố Bắc Giang thông qua đường trung kế Hiệp Hòa sẽ đưa tới cấp cho khu vực dân cư.

Căn cứ nhu cầu thực tế và các quy định của pháp luật liên quan<sup>1</sup> để lựa chọn các chỉ tiêu tính toán như sau:

- + Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 15-20 đường/100 dân.
- + Tỷ lệ thuê bao internet băng rộng cố định 20-25 thuê bao/100 dân.
- + Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 75-100 thuê bao/100 dân.
- + Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang đạt 65 - 100%.

b/. Tính toán nhu cầu:

Bảng 19: Tính toán dự báo nhu cầu viễn thông đô thị Hiệp Hòa đến năm 2045

TT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự báo nhu cầu	
				2030	2045
a	Số đường dây thuê bao cố định	15-20	Đường dây/100dân	45.000	80.000
b	Thuê bao Internet băng rộng cố định	20-25	Thuê bao/100dân	60.000	100.000
c	Thuê bao băng rộng di động	75-100	Thuê bao/100dân	225.000	340.000

### 11.5.2. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc

- Hiện nay, công nghệ thông tin liên lạc hiện đang sử dụng được triển khai chung cho cả nước là công nghệ hiện đại, hội tụ, theo kịp thế giới và đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc của người dân với tốc độ cao. Do đó, định hướng phát triển hạ tầng thông tin liên lạc đô thị Hiệp Hòa theo hướng hội tụ, chia sẻ và dùng chung hạ tầng, sao cho đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng bộ, phù hợp với hạ tầng thông tin liên lạc của tỉnh và các công trình khác, đảm bảo đủ hạ tầng cho các doanh nghiệp triển khai cung cấp dịch vụ.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, không bị nghẽn mạng, mất mạng.

<sup>1</sup> Nghị quyết số: 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



- Nâng cấp công nghệ chuyển mạch; Phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, tốc độ cao, băng thông rộng, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây, cập nhật xu hướng của thế giới.

- Xây dựng mạng truyền dẫn đồng bộ, có tính dự phòng đảm bảo an toàn khi nhu cầu tăng đột biến vào dịp lễ hội hoặc khi có thiên tai, sự cố xảy ra. Định hướng xây dựng cơ sở hạ tầng ngầm hóa đảm bảo các doanh nghiệp có thể sử dụng chung hạ tầng và ngầm hóa nhất là tại các khu vực mới xây dựng đảm bảo đến từng hộ dân. Việc ngầm hóa cần triển khai đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công.

- Xây dựng các trạm BTS thân thiện với môi trường; dự kiến các vị trí xây dựng trạm BTS để đảm bảo khi sử dụng công nghệ 4G, 5G đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng....

- Đối với các khu đô thị hiện hữu đã đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân thì cần thực hiện ngầm hóa, chỉnh trang mạng truyền dẫn và sử dụng chung cơ sở hạ tầng, phấn đấu đến năm 2030 ngầm hóa và sử dụng chung từ 60 % hạ tầng trở lên; đến năm 2045 cơ bản hoàn thành ngầm hóa. Cải tạo, điều chỉnh các trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) theo hướng các trạm BTS đa năng, nguy trang thân thiện với môi trường, phù hợp từng cảnh quan tại vị trí lắp đặt trong khu đô thị.

- Đối với khu đô thị mới, các tuyến đường mở rộng: Yêu cầu đầu tư, xây dựng sẵn hạ tầng ngầm dùng chung cho hệ thống thông tin liên lạc đến tận thuê bao. Quy hoạch vị trí triển khai, phát triển và nhân rộng mô hình xây dựng các trạm BTS nguy trang (biển quảng cáo, cột đèn, các khuôn hình trang trí,...), đa năng, thân thiện với môi trường tại các công viên, khuôn viên, khu trung tâm đô thị, trên nhà cao tầng phù hợp với cảnh quan trong các khu đô thị, đảm bảo mỹ quan đô thị mới.

- Lộ trình ngầm hóa mạng viễn thông theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch số 5217/KH-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ngầm hoá và chỉnh trang mạng cáp thông tin trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng chuyển phát/logistic.

### **11.5.3. Giải pháp quy hoạch thông tin liên lạc**

#### **a/. Giải pháp phát triển hệ thống**

Về công nghệ: công nghệ viễn thông đang phát triển theo tiến bộ mới, cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng dịch vụ.

Mạng điện thoại dịch vụ công cộng và mạng số liệu sẽ phát triển hội tụ về mạng thế hệ sau.

Công nghệ chuyển mạch truyền thống (TDM) được thay thế bởi chuyển mạch giao thức truyền số liệu.

\* *Hệ thống chuyển mạch* (hệ thống tổng đài điều khiển và tổng đài vệ tinh)

Phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ.

Xây dựng, phát triển mạng truyền dẫn cáp quang đến thuê bao.

Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn: tuyến truyền dẫn trong khu vực 20Gbps, tuyến vòng Ring chính 100Gbps.

\* *Hệ thống truyền dẫn*

Các doanh nghiệp xây dựng và phát triển mạng truyền dẫn sử dụng cáp quang; các tuyến truyền dẫn được tổ chức độc lập với nhau dọc theo các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và các tuyến đường liên khu vực. Mạng cáp quang được sử dụng công nghệ SDH với tốc độ truyền dẫn từ 155Mbps - 622Mbps, mạng được tổ chức thành các RING để đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác.

Các tuyến cáp quang khu vực sử dụng các công nghệ SDH và PDH với tốc độ truyền dẫn từ 4Mbps đến 34Mbps. Mạng cáp quang đã được xây dựng đến tận thuê bao, đảm bảo nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân.

\* *Hệ thống mạng ngoại vi*

Cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi về cơ bản bao gồm: Hệ thống công bề cáp; Hệ thống cột treo cáp; Hệ thống cáp đồng, cáp quang; Hệ thống tủ, hộp cáp.

Xu hướng phát triển chung ngầm hóa mạng cáp truyền hình cáp đồng bộ với quá trình ngầm hóa mạng cáp viễn thông. Quá trình thực hiện ngầm hóa triển khai đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành (giao thông, đô thị, xây dựng...) trên địa bàn mỗi khu vực. Ngầm hóa theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp. Cáp viễn thông được ngầm hóa cùng hệ thống bề cáp, hào, tuynen của các hệ thống hạ tầng khác như cáp điện, cáp nước...

Tại những khu vực chưa đủ điều kiện thực hiện ngầm hóa, tiến hành cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi (buộc gọn hệ thống dây cáp...) đảm bảo mỹ quan đô thị.

Tại những khu vực xây dựng mới hạ tầng mạng cáp ngoại vi (khu dân cư, khu đô thị mới, tuyến đường mới xây dựng...) thực hiện ngầm hóa toàn bộ hạ tầng mạng cáp ngoại vi tới thuê bao, cụm thuê bao.

Tại những khu vực mạng cáp ngoại vi đã được xây dựng từ trước: thực hiện ngầm hóa mạng cáp ngoại vi đến hệ thống tủ cáp trên các tuyến đường, tuyến phố, khu dân cư (ngầm hóa tới thuê bao tại các khu vực trung tâm, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan), cải tạo hệ thống mạng cáp ngoại vi đảm bảo mỹ quan đô thị. Lập kế hoạch ngầm hóa, cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn cụ thể và công bố công khai, làm cơ sở cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện đồng bộ với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành khác.

Khu vực ngoại thị: cải tạo mạng cáp ngoại vi, rút ngắn cự ly cáp phục vụ, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trên các tuyến truyền dẫn chính, tuyến đường trục, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan. Lập kế hoạch ngầm hóa, cải tạo hạ tầng

mạng cáp ngoại vi trong từng giai đoạn cụ thể và công bố công khai, làm cơ sở cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện.

Tại một số khu vực đã thực hiện ngầm hóa, các doanh nghiệp muốn tham gia cung cấp dịch vụ; phối hợp, đàm phán với doanh nghiệp đã thực hiện ngầm hóa để thuê hạ tầng.

#### *b/. Mạng di động*

Thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng, khắc phục các điểm lỗm sóng bằng cách tăng thêm các vị trí phát sóng, mở rộng dung lượng các BTS, tăng máy thu phát tại các trạm đã lắp đặt để nâng cao chất lượng phục vụ mạng.

Phát triển hệ thống cột ăng ten thu phát sóng nguy trang có quy mô, kích thước nhỏ gọn, thân thiện môi trường, sử dụng vật tư, trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí đầu tư.

Nâng cao chất lượng dịch vụ: tăng băng thông cho mỗi thuê bao qua việc triển khai các trạm BTS thân thiện môi trường.

Phát triển hệ thống ăng ten cột thu phát sóng theo công nghệ đa tần: một ăng ten có thể thu phát trên nhiều dải tần khác nhau để tiết kiệm chi phí.

#### *b/. Công nghệ thông tin (CNTT)*

Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và một số các đơn vị sự nghiệp làm cơ sở triển khai Chính phủ điện tử.

Hoàn thành việc xây dựng mạng diện rộng, mạng truyền CSDLCD, phục vụ tốt các hoạt động kinh tế, xã hội.

Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks - NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 4G/5G và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

#### *c/. Hệ thống bưu chính*

Về cơ bản, mạng lưới bưu cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay. Bưu cục các cấp hạng và mạng lưới các điểm bưu điện văn hóa xã. Mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bằng các đại lý bưu điện, đại lý đa dịch vụ và kiốt tại các điểm dân cư đô thị và tại các vùng nông thôn.

Phát triển hạ tầng phụ trợ thương mại điện tử

Hệ thống hạ tầng phụ trợ liên quan cần phải được phát triển song song, tương xứng. Trong đó, hạ tầng pháp lý về thương mại điện tử (TMĐT) cần liên tục cập nhật để điều chỉnh một cách toàn diện, theo kịp thực tiễn các mô hình và hoạt động TMĐT khác nhau. Hệ thống thanh toán TMĐT quốc gia cần hoàn thiện, tích hợp các giải pháp thanh toán đảm bảo sử dụng rộng rãi cho các mô hình TMĐT doanh nghiệp - người tiêu dùng.

Hạ tầng chứng từ điện tử là một yếu tố còn thiếu của nền tảng TMĐT hiện nay, vì vậy cần xây dựng để hỗ trợ việc trao đổi, lưu trữ, tra soát trên phạm toàn

đô thị nói riêng, phạm vi toàn quốc nói chung với sự tham gia của lực lượng quản lý thị trường và các cơ quan quản lý, thanh tra liên ngành khác nhằm thuận lợi hóa hoạt động lưu thông hàng hóa.

Thành lập các trung tâm logistics có quy mô phù hợp trên các tuyến đường vành đai của khu vực tiếp tục được nghiên cứu xây dựng, kết nối các đầu mối gom hàng, các kho tập kết, phân phối hàng tại các khu vực tập trung sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp; chú trọng phát triển hệ thống kho bãi, kho bãi chuyên dụng ở các vùng sản xuất tập trung.

- Đối với hạ tầng chuyên phát/logistic, do TMĐT có những đặc thù riêng, các doanh nghiệp chuyên phát phải giải quyết bài toán tối ưu hóa khác rất nhiều so với mô hình logistic truyền thống. Trong đó, bao gồm việc ứng dụng công nghệ và giải quyết tính cá thể hóa của các đơn hàng nhỏ lẻ chứ không chỉ là độ phủ hoặc khả năng lưu chuyển khối lượng hàng hóa lớn. Hạ tầng chuyên phát cho TMĐT phải chú trọng giải quyết được yếu tố thời gian, quy trình đóng gói, bảo đảm mẫu mã và chất lượng sản phẩm, đặc biệt là khả năng giải quyết khâu hậu cần hoàn tất đơn hàng cho các nhà sản xuất với xu hướng nhà sản xuất sẽ trực tiếp bán và phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

## 11.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

### 11.6.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải.

a/. Tiêu chuẩn và nhu cầu thải nước:

- Tiêu chuẩn thải nước lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước.
- Tỷ lệ thu gom: 90% khối lượng nước thải.
- + Nước sinh hoạt của dân cư nội thị: 120 lít/ng.ngđ cho 100% dân số.
- + Nước sinh hoạt của dân cư ngoại thị và khách vãng lai: 100 lít/ng.ngđ cho 90% dân số.
- + Nước công cộng, dịch vụ: 15% Qsh.
- + Nước khu công nghiệp: 40m<sup>3</sup>/ha, cho 70% diện tích.
- + Nước cụm công nghiệp: 22m<sup>3</sup>/ha, cho 60% diện tích.

Bảng 20: Dự báo lượng nước thải đến 2030:

TT	Thành phần phát sinh	Quy mô	Tiêu chuẩn	Lượng thải (m <sup>3</sup> /ngđ)
1	Nước sinh hoạt cho khu vực nội thị Qsh1	178.300 người	100 l/ng-ngđ cho 100% dân số	16.047
2	Nước dịch vụ công cộng cho khu vực nội thị		10% Qsh1	1.605
3	Nước sinh hoạt cho khu vực nông thôn Qsh2	121.700 người	100 l/ng-ngđ cho 80% dân số	8.762
4	Nước dịch vụ công cộng cho khu vực ngoại thị		10% Qsh2	876
5	Nước thải công nghiệp	2112,3 ha	22 m <sup>3</sup> /ha	41.824

6	<b>Tổng cộng</b>	<b>69.114</b>
7	<b>Làm tròn</b>	<b>70.000</b>

*Bảng 21: Dự báo lượng nước thải đến 2045:*

TT	Thành phần phát sinh	Quy mô	Tiêu chuẩn	Lượng thải (m <sup>3</sup> /ngđ)
1	Nước sinh hoạt cho khu vực nội thị sh1	225.000 người	120 l/ng-ngđ cho 100% dân số	24.300
2	Nước dịch vụ công cộng cho khu vực nội thị		10% Qsh1	2.430
3	Nước sinh hoạt cho khu vực nông thôn Qsh2	143.000 người	100 l/ng-ngđ cho 100% dân số	12.870
4	Nước dịch vụ công cộng cho khu vực ngoại thị		10% Qsh2	1.287
5	Nước thải công nghiệp	2205,18 ha	22 m <sup>3</sup> /ha	43.663
<b>6</b>	<b>Tổng cộng</b>			<b>84.550</b>
<b>7</b>	<b>Làm tròn</b>			<b>85.000</b>

Tổng lượng nước thải cần thu gom và xử lý của toàn khu vực đến năm 2030 dự báo khoảng 70.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Đến năm 2045 khoảng 85.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

*b/. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải sinh hoạt*

*b.1. Nguyên tắc chung*

- Khu vực nghiên cứu thiết kế hệ thống thoát nước riêng, nước thải và nước mưa được thu gom theo hệ thống đường ống riêng.

- Nước thải tự chảy theo các tuyến cống đường phố về trạm xử lý tập trung của khu vực. Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,7m, tối đa là 5 m tính tới đỉnh cống. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn > 5 m đặt trạm bơm chuyển tiếp.

- Hệ thống đường cống thoát nước đường kính D300 mm-D400 mm bằng BTCT, độ dốc tối thiểu  $i = 1/d$ .

- Đường ống áp lực dùng ống HDPE, tuyến ống áp lực bố trí 2 ống đi song song để đảm bảo an toàn trong vận hành khi có sự cố. Các ống áp lực sử dụng trong khu vực có đường kính D100 mm. Đường ống áp lực chôn sâu 1m.

- Trạm bơm chuyển tiếp sử dụng máy bơm nhúng chìm kiểu ướt, phần nhà trạm xây chìm và có thể kết hợp với giếng thăm để tiết kiệm tích đất và đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Đối với khu vực dân cư hiện trạng, trước mắt xử lý nước thải cục bộ tại hộ gia đình bằng bể tự hoại 3 ngăn hợp quy cách, khuyến khích sử dụng các loại bể tự hoại cải tiến.

- Nước sau xử lý có thể sử dụng phục vụ mục đích tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa, phục vụ nông nghiệp... giảm áp lực cung cấp nước sạch cho khu vực thiết kế.

- Do điều kiện kinh tế và tiến độ xây dựng, hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải không thể xây dựng hoàn chỉnh ngay trong giai đoạn đầu. Để giảm bớt ô nhiễm môi trường, nước thải xử lý cục bộ qua bể tự hoại đặt trong từng công trình, bể xây 3 ngăn đúng quy cách. Có thể sử dụng bể tự hoại cải tiến có dòng chảy ngược và ngăn lọc (BASTAF) để giảm bớt ô nhiễm nước thải đầu ra. Các dự án triển khai trong phạm vi quy hoạch đô thị khi xây dựng phương án thu gom và xử lý nước thải cần tuân thủ quy hoạch về hướng thoát nước, chọn vị trí khu xử lý nước thải, cao độ điểm xả thải phù hợp để thuận tiện cho việc đấu nối với hệ thống chung sau này.

- Nước thải xử lý cục bộ phải đạt QCVN 14/2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt áp dụng với khu vực chưa có trạm XLNT tập trung.

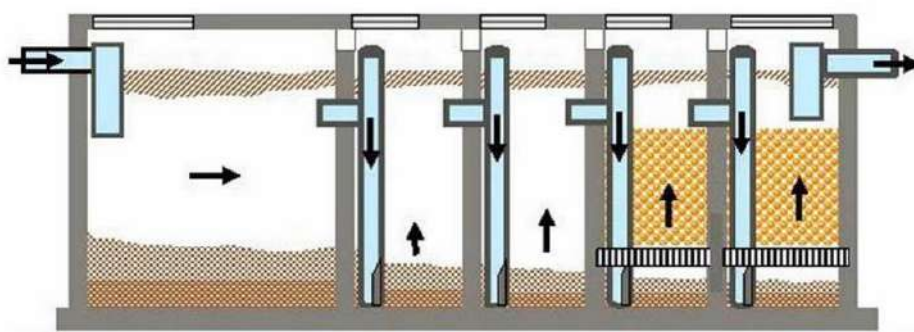
### b.2. Giải pháp cụ thể

\* Nước thải sinh hoạt khu vực nội thị:

- Nước thải được thu gom từ các công trình công cộng, các cụm nhà ở sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được thu vào hệ thống cống thoát nước thải của khu vực.

- Dự kiến khu vực nội thị được chia thành các lưu vực thoát nước dựa theo địa hình. Nước thải sinh hoạt được thu gom theo đường cống riêng về các trạm xử lý tập trung của khu vực.

- Do điều kiện kinh tế và tiến độ xây dựng, hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải không thể xây dựng hoàn chỉnh ngay, nên giai đoạn đầu có thể thu gom và xử lý phân tán bằng các bể tự hoại có các vách ngăn mỏng dòng hướng lên và ngăn lọc kị khí (BASTAF).



*Bể tự hoại có vách ngăn dòng hướng lên và ngăn lọc kị khí (BASTAF)*

- Bể Bastaf có các ưu điểm nổi trội như:

Xử lý nước thải sinh hoạt cho phép đạt hiệu suất tốt, ổn định: Hiệu suất xử lý theo cặn lơ lửng SS đạt 70-80%, theo COD, BOD đạt 70-80%

Công suất linh hoạt: từ 0.5 – 500m<sup>3</sup>/ngày, dễ dàng hợp khối để nâng công

suất xử lý.

Nguyên lý thiết kế, thi công, quản lý vận hành và bảo dưỡng đơn giản.

Có thể xây dựng ngầm, tận dụng khu đất cộng đồng, phía trên bề sử dụng cho các mục đích khác.

BASTAF không phải dùng các thiết bị, máy móc, không tốn điện năng hóa chất. Định kỳ 2-3 năm bùn trong bể được hút qua các ống hút bùn. Nắp bể được đẩy bằng các tấm đan nên cho phép tiếp cận và bảo dưỡng sửa chữa một cách đơn giản khi có sự cố.

Có thể được xây dựng, sử dụng hoàn toàn bằng các vật liệu địa phương. Ngoài ra, có thể chế tạo hàng loạt các bể theo kiểu mô đun, bằng chất dẻo, để áp dụng đại trà.

Công nghệ có thể dễ dàng chuyển giao cho cộng đồng, do cộng đồng quản lý một cách bền vững.

- Các dự án triển khai trên địa bàn, khi xây dựng phương án thu gom và xử lý nước thải cần tuân thủ quy hoạch về hướng thoát nước, chọn vị trí khu xử lý nước thải, cao độ điểm xả thải phù hợp để thuận tiện cho việc đấu nối với hệ thống chung sau này.

- Khi đến giai đoạn đầu tư, các khu vực này sẽ xây dựng bổ sung mạng lưới công thoát nước và trạm bơm, đưa nước thải về trạm XLNT gần nhất theo quy hoạch để xử lý. Các trạm XLNT cũng sẽ được xây dựng bổ sung các đơn nguyên để đảm bảo công suất xử lý.

*\* Nước thải sinh hoạt khu vực ngoại thị:*

- Nước thải sinh hoạt nông thôn (9 xã: Đồng Tiến, Hoàng Vân, Toàn Thắng, Sơn Thịnh, Hợp Thịnh, Ngọc Sơn, Đông Lễ, Mai Trung, Xuân Cẩm):

Xây dựng bể tự hoại đúng quy cách cho từng hộ gia đình để xử lý sơ bộ nước thải phát sinh ngay tại nguồn.

Xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải thoát cùng một hệ thống), tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng; ao, hồ sẵn có ngoài đồng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên (mô hình hồ sinh học, cánh đồng lọc, cánh đồng tưới). Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp.

Các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung sẽ xây bể biogas, xử lý phân rác thải tận dụng năng lượng phục vụ sinh hoạt.

*c/. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải công nghiệp*

- Khu công nghiệp tập trung bao gồm nhiều loại hình công nghiệp, thành phần và tính chất nước thải rất khác nhau, nước thải cần được làm sạch theo hai bước.

- Tất cả các nhà máy phải có công trình XLNT cục bộ trong nhà máy để làm sạch nước thải tới giới hạn C theo QCVN 40-2011/BTNMT rồi mới được xả ra hệ thống công của khu công nghiệp.

- Làm sạch lần 2 tại trạm XLNT tập trung của khu công nghiệp đạt tới giới hạn B theo QCVN 40-2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

- Nước thải tiêu thụ công nghiệp, các xí nghiệp phân tán phải xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn C theo QCVN 40-2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

*d/. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải y tế*

- Nước thải y tế phải được xử lý đạt QCVN 28/2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

**11.6.2. Quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn**

*a/. Tiêu chuẩn và dự báo khối lượng chất thải rắn (CTR):*

CTR sinh hoạt đô thị : 0,9 kg/ng.ngđ

CTR sinh hoạt nông thôn: 0,7 kg/ng.ngđ

CTR công cộng, tiêu thụ công nghiệp: 15% CTR sinh hoạt.

CTR công nghiệp, đất chuyên dụng: 0,15 tấn/ha.ngđ.

*Bảng 22: Dự báo tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2045*

<b>TT</b>	<b>Thành phần thải</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>KL CTR phát sinh đến năm 2030</b>	<b>KL CTR phát sinh đến năm 2045</b>
1	CTR sinh hoạt đô thị	0,9 kg /ngđ	160,47	231,30
2	CTR sinh hoạt nông thôn	0,7 kg /ngđ	83,09	96,60
3	CTR sinh hoạt khách vãng lai	0,8 kg /ngđ	2,40	4,00
4	CTR dịch vụ công cộng	15% CTRsh	36,89	49,79
5	CTR công nghiệp tập trung	0,15 tấn/ha.ngđ	316,80	330,75
	<b>Tổng - Làm tròn</b>		<b>600</b>	<b>710</b>

*(Lượng CTR công nghiệp là ước tính).*

*b/. Nguyên tắc chung:*

- Thu gom 100% lượng CTR, phân loại tại nguồn, trên phạm vi toàn thị xã. Cơ bản phân thành 2 loại chính:

+ Chất thải rắn vô cơ gồm kim loại, giấy, bao bì thủy tinh v.v.. được định kì thu gom

+ Chất thải rắn hữu cơ (lá cây, rau, quả, củ v.v.) được thu gom hàng ngày.

- Giảm lượng thải - Tăng tái chế - Tái sử dụng CTR. Chỉ chôn lấp CTR không thể tái chế, giảm nhu cầu đất dành cho xử lý CTR.

- Trang bị đồng bộ phương tiện, nhân lực thu gom, vận chuyển, XL CTR sau phân loại.

- Tuyên truyền, hỗ trợ kinh tế cho hoạt động phân loại CTR tại nguồn phát sinh.



### *c/. Thu gom và xử lý chất thải rắn:*

#### *c.1. CTR sinh hoạt:*

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn và thu gom chuyển về các trạm trung chuyển sau đó chất thải rắn được vận chuyển bằng xe chuyên dụng về khu xử lý CTR tập trung đặt tại Ấp Nam, thôn Hưng Đạo và thôn Đồng Quan, xã Đông Lễ, quy mô 15ha.

- Giai đoạn 1 của nhà máy có quy mô 5ha, công suất 650 tấn/ngày đêm (trong đó: xử lý chất thải sinh hoạt 150 tấn/ngày đêm; chất thải công nghiệp 500 tấn/ngày đêm).

Công nghệ xử lý bao gồm: dây truyền lò đốt rác công suất đốt 250 tấn/ngày (bao gồm 150 tấn chất thải sinh hoạt, 100 tấn chất thải công nghiệp. Các dây chuyên xử lý, tái chế để tận thu phế liệu: 400 tấn chất thải công nghiệp/ngày.

- Trạm trung chuyển chất thải rắn:

+ Theo bảng 9.4: Quy định về trạm trung chuyển CTR đô thị tại QCVN 07/2010 BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị với tổng khối lượng CTR phát sinh 378 tấn/ngđ thì khu vực cần bố trí 3 trạm trung chuyển CTR cố định cỡ vừa, diện tích mỗi trạm 0,5ha.

+ Yêu cầu tối thiểu bao gồm: mái, kết cấu bao che, tường chắn, sàn nền, đường cho xe thủ công cơ giới vào, có nguồn cấp nước sạch. Ngoài ra phải trang bị hố đặt container, thiết bị nâng hạ container và hệ thống thu gom xử lý nước rỉ rác.

+ Bố trí 3 trạm trung chuyển CTR cỡ vừa, quy mô 0,5ha/trạm cho Hiệp Hòa.

#### *c.2. CTR công nghiệp*

- Cần tổ chức phân loại tại nguồn, tận thu, tái sử dụng, trao đổi hoặc bán lại chất thải rắn có thể tái chế cho các cơ sở khác sử dụng để giảm giá thành sản phẩm.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường thu gom và xử lý tại nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Đông Lễ công suất 500 tấn/ngày. Công nghệ áp dụng: tái chế, đốt, chôn lấp chất thải rắn vô cơ.

- Chất thải rắn công nghiệp nguy hại thu gom và xử lý tại nhà máy xử lý chất thải rắn Nham Sơn, huyện Hiệp Hòa. Công nghệ áp dụng: Đốt, tái chế, chôn lấp chất thải rắn vô cơ.

#### *c.3. CTR y tế:*

- Giai đoạn đầu: tiếp tục xử lý CTR y tế bằng lò đốt.

- Giai đoạn sau: UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng 3 cụm công trình hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại. CTR y tế từ bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa sẽ được thu gom và vận chuyển về cụm xử lý CTR y tế tập trung của tỉnh.

### **11.6.3. Quy hoạch nghĩa trang**

- Tiêu chuẩn sử dụng đất nghĩa trang: 0,06 ha/1000 dân.
- Nhu cầu đất nghĩa trang đô thị đến năm 2045: 24 ha.

#### *a/. Khu vực đô thị:*

- Không bố trí nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị.
- Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, đóng cửa các nghĩa trang hiện trạng nằm trong ranh giới phát triển đô thị. Có kế hoạch thu hồi, giải tỏa khi có nhu cầu sử dụng đất.
- Xây dựng nhà tang lễ cho thị trấn, quy mô khoảng 1 - 2 ha. Vị trí dự kiến tại khu Đông Bờ, thôn Sơn Giao, xã Ngọc Sơn .
- Khuyến khích người dân sử dụng công nghệ hỏa táng.

#### *b/. Khu vực nông thôn:*

- Các nghĩa trang phân tán, có quy mô nhỏ, không đủ khoảng cách ly, hoặc nằm trong quy hoạch sử dụng đất phải có kế hoạch đóng cửa, trồng cây xanh cách ly, khi có nhu cầu sử dụng đất có thể di chuyển đến nghĩa trang tập trung. Các nghĩa trang hiện có đủ điều kiện tồn tại, còn diện tích sử dụng sẽ tiếp tục phục vụ cho nhu cầu của người dân.
- Khuyến khích người dân sử dụng hỏa táng và an táng tại nghĩa trang tập trung của khu vực.
- Đối với các nghĩa trang được quy hoạch trong quy hoạch nông thôn mới của các xã: không xây dựng mới các nghĩa trang rải rác tại các xã, đối với các nghĩa trang đã có phương án quy hoạch, cải tạo, mở rộng thì sử dụng đến hết diện tích đã quy hoạch rồi đóng cửa để sử dụng nghĩa trang tập trung. Tổng diện tích các nghĩa trang được cải tạo, nâng cấp và tiếp tục sử dụng khoảng 13,15ha.

#### *c/. Nghĩa trang tập trung:*

- Nghĩa trang tập trung cần xây dựng theo tiêu chuẩn nghĩa trang đô thị, có đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo mỹ quan và không ảnh hưởng đến VSMT khu vực lân cận. Khuyến khích xây dựng các nghĩa trang theo mô hình công viên nghĩa trang, được quản lý và quy hoạch quy củ đảm bảo cảnh quan đô thị.

- Dự kiến xây dựng nghĩa các nghĩa trang nhân dân cho khu vực như sau:

Nghĩa trang nhân dân phía Đông tại khu Nền Cầu, Thôn Quyền, xã Ngọc Sơn (mở rộng diện tích nghĩa trang hiện trạng). Diện tích nghĩa trang là 3,5 ha; Nhằm phục vụ nhu cầu an táng, gồm: hung táng, cát táng, sau hỏa táng và tiếp nhận mộ di dời của người dân phường Thăng và các xã phường phía Đông (xã Ngọc Sơn, phường Lương Phong, phường Danh Thắng).

Nghĩa trang nhân dân phía Nam tại khu vực phường Châu Minh (mở rộng diện tích nghĩa trang hiện trạng): Diện tích khoảng là 4,5 ha; Nhằm phục vụ nhu cầu an táng, gồm: hung táng, cát táng, sau hỏa táng và tiếp nhận mộ di dời của người dân phường Bắc Lý, phường Hương Lâm, phường Mai Đình, phường

Châu Minh, xã Đông Lỗ và 1 phần xã Xuân Cầm.

Nghĩa trang nhân dân phía Tây tại khu Đồng Lang, xã Sơn Thịnh (mở rộng diện tích nghĩa trang hiện trạng): Diện tích đáp ứng là 4 ha; Nhằm phục vụ nhu cầu an táng, gồm: hung táng, cát táng, sau hỏa táng và tiếp nhận mộ di dời của người dân phường Thường Thắng, xã Sơn Thịnh, xã Hợp Thịnh, xã Mai Trung, một phần xã Xuân Cầm và một phần phường Hùng Thái.

Nghĩa trang nhân dân phía Bắc tại khu Đồng Trời, xã Hoàng Vân (mở rộng nghĩa trang hiện trạng): Diện tích đáp ứng là 5,5 ha; Nhằm phục vụ nhu cầu an táng, gồm: hung táng, cát táng, sau hỏa táng và tiếp nhận mộ di dời của người dân xã Đồng Tiên, xã Toàn Thắng, xã Hoàng Vân và một phần phường Hùng Thái.

*d/. Nhà tang lễ:*

- Quy hoạch 1 nhà tang lễ quy mô 1,2 ha tại khu Đồng Bờ, thôn Sơn Giao, xã Ngọc Sơn.

#### **11.3.4. Các dự án ưu tiên đầu tư**

- Thoát nước thải: Xây dựng mạng lưới công thoát nước thải và các bể xử lý nước thải cho khu vực thị trấn Thắng các xã Hùng Sơn, Thường Thắng, Đức Thắng, Danh Thắng.

- Xử lý chất thải rắn: Xây dựng 3 trạm trung chuyển rác quy mô 0,5ha

- Nghĩa trang: Xây dựng nhà tang lễ quy mô 1,2 ha tại xã Ngọc Sơn.

## **XII. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **12.1. Xác định các mục tiêu bảo vệ môi trường, các vấn đề môi trường chính cần quan tâm liên quan đến quy hoạch**

#### **12.1.1. Mục tiêu bảo vệ môi trường**

- Hạn chế tác động xấu của hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân, các doanh nghiệp (đặc biệt là khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, vùng sản xuất tập trung quy mô lớn) đến môi trường; đảm bảo chất lượng môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, cảnh quan khu vực với mục tiêu ngăn chặn tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường.

- Đáp ứng các yêu cầu về môi trường cho phát triển bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao sức khỏe người và chất lượng cuộc sống của dân cư;

#### **12.1.2. Các chỉ tiêu cụ thể**

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khí thải từ các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu vực phát triển công nghiệp, khu khai thác khoáng sản, khai thác vật liệu xây dựng, làng nghề.

- Bố trí hệ thống trang thiết bị phục vụ công tác phân loại, thu gom chất thải rắn. Hướng đến trong tương lai 100% chất thải phát sinh được thu gom, phân loại, xử lý đạt tiêu chí môi trường;

- Bảo vệ tài nguyên nước mặt, nước ngầm, sử dụng bền vững tài nguyên nước;
- Phát triển hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học;
- Phát huy, bảo vệ các công trình văn hóa, di tích; Phát triển dịch vụ, du lịch theo hướng bền vững; Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, hệ sinh thái tự nhiên;

### ***12.1.3. Các vấn đề môi trường chính cần xem xét khi lập quy hoạch***

Sau khi xem xét, thu thập các tài liệu số liệu hiện trạng, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang..... cùng quá trình xem xét các quy hoạch phát triển ngành, khảo sát thực tế... nhóm chuyên gia nhận thấy các vấn đề môi trường chính cần được quan tâm xem xét trong quá trình lập quy hoạch:

- Các vấn đề liên quan đến môi trường kinh tế, xã hội
- Các vấn đề liên quan đến môi trường không khí, tiếng ồn;
- Các vấn đề liên quan đến môi trường nước;
- Các vấn đề liên quan đến môi trường đất;
- Các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường.

## **12.2. Phân tích diễn biến môi trường trong quá trình triển khai, thực hiện quy hoạch**

### ***12.2.1. Các tác động đến môi trường kinh tế xã hội***

Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa với các định hướng phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vùng, tạo cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập của người dân;

Quá trình phát triển các đô thị, khu công nghiệp, dịch vụ... có thể gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân;

Công tác chuyên dịch cơ cấu sử dụng đất cũng kéo theo các vấn đề về dân sinh, gia tăng mâu thuẫn, thất nghiệp, tệ nạn xã hội,... có thể nảy sinh gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội của địa phương;

Sự hình thành, phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp sẽ góp phần phát triển kinh tế, giải quyết việc làm nhưng cũng gây ra các áp lực về trật tự, an ninh xã hội cho các khu vực phát triển;

Định hướng phát triển giao thông sẽ góp phần đảm bảo sự kết nối các khu, vùng chức năng trong tỉnh, đảm bảo sự gắn kết và phát triển các ngành nghề kinh tế, sự đi lại thuận tiện của người dân, tạo động lực phát triển kinh tế và thu hút đầu tư. Song bên cạnh đó các vấn đề về tai nạn giao thông, ảnh hưởng của giao thông đến hoạt động dân sinh cũng tăng lên;

Định hướng các khu vực nghĩa trang tập trung, các khu xử lý chất thải rắn, nước thải có thể gây các tác động lớn về mặt xã hội đối với dân cư địa phương;

Các vấn đề môi trường phát sinh từ các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội nếu không được kiểm soát tốt sẽ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống và sự phát triển bền vững khu vực;

### 12.2.2. Các tác động đến chất lượng nước mặt

#### a/. Xác định nguồn gây ô nhiễm và mức độ tác động

Căn cứ vào định hướng phát triển, xác định các vấn đề gây ô nhiễm, mức độ tác động đến môi trường nước trong khu vực nghiên cứu quy hoạch như sau:

*Bảng 23: Nguồn và thành phần các chất ô nhiễm nước mặt*

Hoạt động	Thành phần chất ô nhiễm	Khu vực và mức độ tác động
Phát triển đô thị, điểm dân cư tập trung	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD <sub>5</sub> , COD, SS, tổng P, tổng N cao; vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa...	Môi trường nước mặt, nước ngầm. <i>Mức độ tác động mạnh.</i>
Phát triển công nghiệp	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD <sub>5</sub> , COD, SS, tổng P, tổng N cao; kim loại nặng, vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa...	Môi trường nước mặt, nước ngầm. <i>Mức độ tác động rất mạnh.</i>
Phát triển dịch vụ, du lịch	Chứa thành phần chất hữu cơ như: BOD <sub>5</sub> , COD, SS, tổng P, tổng N cao; vi sinh vật gây bệnh; dầu mỡ, chất tẩy rửa...	Môi trường nước mặt; Trữ lượng nước ngầm ; <i>Mức độ tác động mạnh.</i>
Phát triển nông nghiệp, thủy sản	Các chất hữu cơ; các chất dinh dưỡng của (ni-tơ, phốt-pho); các chất độc hữu cơ, kim loại nặng, thuốc kháng sinh, vi trùng, vi khuẩn gây bệnh...	Môi trường nước mặt. <i>Tác động trung bình (có thể mạnh nếu việc kiểm soát sd hóa chất không được thực hiện tốt)</i>

#### b/. Đánh giá các tác động tới chất lượng nước

\* Nước thải sinh hoạt từ các khu đô thị và khu thương mại, dịch vụ:

*Bảng 24: Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt năm 2045*

*Đơn vị: Kg/ngày*

Thành phần	Tải lượng chất ô nhiễm			Tải lượng chất ô nhiễm xử lý đạt QCVN 14:2008 /BTNMT	
	Đô thị	Nông thôn	Tổng	A	B
TSS	28.080	11.250	<b>39.330</b>	4.370	8.740
BOD <sub>5</sub> (đã lắng)	15.600	6.250	<b>21.850</b>	2.622	4.370
N- NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	4.992	2.000	<b>6.992</b>	1.748	3.496
Dầu mỡ	9.360	3.750	<b>13.110</b>	874	1.748

chất HDBM	1.950	781	<b>2.731</b>	437	874
-----------	-------	-----	--------------	-----	-----

\* Nước thải do hoạt động công nghiệp:

Theo quy hoạch, công nghiệp trên địa bàn được đầu tư phát triển mạnh mẽ trong tương lai; Dự báo, lượng thành phần các chất ô nhiễm phát sinh trong nước thải công nghiệp trong vùng như sau:

*Bảng 25. Tải lượng trung bình chất ô nhiễm trong nước thải công nghiệp năm 2050*

*Đơn vị: Kg/ngày*

Thành phần	Tải lượng chất ô nhiễm	Tải lượng chất ô nhiễm được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT	
		A	B
COD	160.000	3.750	7.500
BOD <sub>5</sub>	70.000	1.500	2.500
TSS	100.000	2.500	5.000
Tổng N	7.500	1.000	2.000
Tổng P	3.000	200	300

### 12.2.3. Chất lượng không khí và tiếng ồn

\* Nguồn gây ô nhiễm và mức độ tác động:

*Bảng 26: Nguồn và thành phần các chất ô nhiễm không khí*

Hoạt động gây tác động	Thành phần chất ô nhiễm	Khu vực và mức độ tác động
Phát triển đô thị, hệ thống dân cư	Các chất ô nhiễm không khí như bụi, khí CO, SO <sub>2</sub> , VOC...	Tác động môi trường không khí dạng điểm, <i>Mức độ tác động trung bình;</i>
Phát triển khu, cụm công nghiệp	Các chất ô nhiễm không khí như bụi, khí CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> , VOC..., tiếng ồn	Tác động môi trường không khí dạng điểm, khu vực. <i>Mức độ tác động rất mạnh.</i>
Phát triển nông nghiệp	Các chất ô nhiễm không khí như CO, CH <sub>4</sub> , NH <sub>3</sub> , SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> , VOC, hơi hóa chất,	Môi trường không khí dạng điểm, có thể diện và theo thời điểm (mùa vụ);. <i>Mức độ tác động trung bình</i>
Phát triển giao thông vận tải và xây dựng	Phát sinh Bụi, tiếng ồn, khí thải động cơ: CO <sub>2</sub> , CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> , Pb...	Tác động môi trường dạng điểm và tuyến, <i>Mức độ tác động trung bình đến mạnh</i>

#### 12.2.4 Các tác động đến môi trường đất

- Nước thải, chất thải gia tăng trong quá trình phát triển đô thị, khu dân cư, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, y tế... cũng gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường đất nếu không có các biện pháp thu gom, xử lý hiệu quả; Dự báo đến năm 2040, lượng CTR phát sinh do các hoạt động phát triển kinh tế trên địa bàn ước tính khoảng 354.000 tấn/năm; trong đó, chất thải rắn công nghiệp ước tính khoảng 169.000 tấn, đây là một lượng chất thải rất lớn, chứa hàm lượng cao chất ô nhiễm, nếu không có giải pháp thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật, sẽ gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường đất, nước, không khí, mỹ quan và sức khỏe cộng đồng.

- Với sự gia tăng dân số, yêu cầu ngày càng cao về lương thực, thực phẩm, sự phát triển của du lịch có thể làm tình hình sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật và phân hóa học gia tăng, các vấn đề về ô nhiễm môi trường đất với dư lượng hóa chất lớn, đất mất cân bằng dinh dưỡng do kỹ thuật canh tác và bón phân không phù hợp có thể diễn ra ở mức cao; Cùng với đó là các vấn đề về an toàn lương thực, chất lượng môi trường nước cũng bị ảnh hưởng ;

- Cơ cấu đất có nhiều thay đổi, diện tích đất nông, lâm nghiệp, đất trồng ngày càng thu hẹp; Quỹ đất còn lại cho phát triển kinh tế trong tương lai ngày càng giảm. Nếu không có giải pháp sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm sẽ gây lãng phí, ảnh hưởng đến các hoạt động phát triển kinh tế trong các giai đoạn phát triển tiếp theo.

#### 12.2.5 Dự báo biến đổi khí hậu

Theo kịch bản BDKH, NBD cho Việt Nam năm 2020, vào cuối thế kỷ 21 tại tỉnh Bắc Giang:

- Nhiệt độ trung bình năm đến cuối thế kỷ, có thể tăng lên trung bình khoảng 2,2°C với kịch bản nồng độ khí nhà kính trung bình thấp RCP4.5 so với trung bình thời kỳ cơ sở và 3,6°C với theo kịch bản nồng độ khí nhà kính cao RCP8.5; Nhiệt độ có xu hướng biến đổi lớn hơn vào mùa hè và mùa thu;

*Bảng 27: Biến đổi nhiệt độ trung bình năm (°C) so với thời kỳ cơ sở*

Danh mục	Kịch bản RCP4.5		Kịch bản RCP8.5	
	2046-2065	2080-2099	2046-2065	2080-2099
Mùa xuân	1,6 ( 1,0 ÷ 2,3)	2,2 (1,3 ÷ 3,2)	2,2 ( 1,3 ÷ 3,1)	3,8 ( 2,8 ÷ 5,1)
Mùa hè	1,8 (1,0 ÷ 2,7)	2,4 (1,4 ÷ 3,5)	2,3 ( 1,6 ÷ 3,3)	4,3 ( 3,1 ÷ 5,9)
Mùa thu	1,7 (0,9 ÷ 2,6)	2,1 (1,3 ÷ 3,1)	2,2 ( 1,4 ÷ 3,4)	4,1 ( 2,9 ÷ 5,7)
Mùa đông	1,5 (1,0 ÷ 2,3)	2,1 (1,2 ÷ 3,1)	2,1 (1,4 ÷ 3,1)	3,7 (2,5 ÷ 5,1)
TB năm	1,7 (1,1 ÷ 2,5)	2,2 (1,4 ÷ 3,2)	2,2 (1,5 ÷ 3,2)	4,0 (2,8 ÷ 5,4)

*Nguồn: Kịch bản biến đổi khí hậu, NBD cho Việt Nam, 2020*

- Lượng mưa trung bình năm vào cuối thế kỷ, có thể tăng lên trung bình khoảng 27,5% với kịch bản nồng độ khí nhà kính trung bình thấp RCP4.5 so với

trung bình thời kỳ cơ sở và 34,7% với theo kịch bản nồng độ khí nhà kính cao RCP8.5; Lượng mưa có xu hướng tăng cao vào mùa mưa (mùa hè và thu), mùa đông (mùa khô) diễn biến lượng mưa có thể tăng theo diễn biến chung, cũng có thể giảm xuống 5%-13%;

*Bảng 28: Biến đổi lượng mưa trung bình năm (%) so với thời kỳ cơ sở*

Danh mục	Kịch bản RCP4.5		Kịch bản RCP8.5	
	2046-2065	2080-2099	2046-2065	2080-2099
Mùa xuân	7,5 (-5,2÷18,0)	14,9 (1,7÷28,1)	3,8 (-13,5÷20,5)	1,5 (-16,9÷22,2)
Mùa hè	13,9 (5,0÷25,2)	13,9 (-4,0÷32,6)	16,0 (-1,5÷31,9)	28,2 (6,5÷46,4)
Mùa thu	15,9 (-8,4 ÷ 42,2)	24,2 (-19,0÷62,2)	13,8 (-10,0÷35,5)	37,2 (-10,7÷84,9)
Mùa đông	8,5 (-7,1÷25,0)	14,7 (-14,7÷40,7)	5,7 (-12,7÷24,8)	11,8 (-7,0÷32,8)
TB năm	12,5 (3,4÷22,9)	16,1 (-0,7÷34,9)	12,2 (-4,2÷26,8)	22,7 (-0,7÷40,9)

*Nguồn: Kịch bản biến đổi khí hậu, NBD cho Việt Nam, 2020*

**\* Các tác động của BĐKH:**

Nhiệt độ gia tăng: gây các tác động tiêu cực đến đời sống sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, sức khỏe cộng đồng và nhu cầu năng lượng, nước sạch;

+ Nhiệt độ gia tăng, cùng với độ ẩm cao là điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát triển, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, sản xuất, sức khỏe cộng đồng;

+ Biến đổi nhiệt độ khiến mùa đông có thể bị rút ngắn, làm mùa vụ bị thay đổi; Nắng nóng kéo dài cũng khiến tình hình khô hạn trở nên nghiêm trọng, cùng với tình hình dịch bệnh, thiên tai có thể gia tăng gây sức ép lớn đối với ngành nông nghiệp, ngư nghiệp, ảnh hưởng đến an ninh lương thực của địa phương;

+ Nhiệt độ tăng cao khiến nhu cầu sử dụng năng lượng để làm mát gia tăng, nhu cầu nước sạch, nước tưới gia tăng; Gây áp lực lên nguồn tài nguyên thiên nhiên;

+ Nắng nóng cũng khiến nguy cơ hỏa hoạn tăng lên, ảnh hưởng đến kinh tế và cộng đồng;

Biến động lượng mưa: Lượng mưa có xu hướng tăng cao trong mùa mưa và có thể giảm trong mùa khô gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, sản xuất của nhân dân:

+ Lượng mưa gia tăng sẽ khiến tình hình ngập lụt có nguy cơ gia tăng, ảnh hưởng đến chất lượng các công trình hạ tầng, sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân;



+ Mưa lớn kéo dài kết thúc, nắng nóng xuất hiện thường xuyên khiến nền nhiệt thay đổi liên tục khiến sức khỏe của cộng đồng bị ảnh hưởng, đặc biệt là các đối tượng nhạy cảm là người già và trẻ em;

### **12.3. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường**

#### **12.3.1. Phân vùng, phân khu vực kiểm soát quản lý và bảo vệ môi trường**

\* Phân vùng bảo vệ môi trường: tuân thủ theo quy hoạch tỉnh Bắc Giang, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Theo định hướng quy hoạch, đô thị Hiệp Hòa được định hướng trở thành đô thị loại IV vào năm 2025, thị xã năm 2030 và thành đô thị loại III vào năm 2045. Như vậy, Theo phương án đề xuất Phân vùng môi trường tỉnh Bắc Giang theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác; huyện Hiệp Hòa nằm trong vùng hạn chế phát thải gồm các tiểu vùng:

+ Tiểu vùng khu văn hóa - lịch sử- danh lam thắng cảnh (R2) gồm: hệ thống khu di tích trên địa bàn huyện Hiệp Hòa;

+ Tiểu vùng sinh thái đất ngập nước quan trọng (R3): Sông Cầu;

+ Tiểu vùng môi trường công nghiệp (R6): bao gồm các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn Huyện;

+ Tiểu vùng đô thị vừa và nhỏ (R7): Toàn bộ vùng phát triển đô thị Hiệp Hòa;

- Phương án bảo vệ môi trường trong vùng hạn chế phát thải:

+ Phát triển kinh tế xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đệm; thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích cho cộng đồng vùng đệm.

+ Phát triển đô thị, cụm dân cư hài hoà với cảnh quan môi trường, có cơ sở hạ tầng cấp, thoát nước, xử lý nước thải; tỷ lệ cây xanh/diện tích tự nhiên cao.

+ Tập trung bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị lịch sử, văn hóa trong khu vực, phát triển du lịch sinh thái, giáo dục môi trường.

+ Phát triển bền vững tại các di sản, di tích, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

+ Kiểm soát xả thải chất ô nhiễm tại các vùng đất ngập nước quan trọng. Tại lưu vực sông Sông Cầu phải được hạn chế xả nước thải lưu lượng lớn, các nguồn thải phải được xử lý đạt cột A của quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT hoặc các quy chuẩn tương ứng.

+ Đối với các vùng nước cấp sinh hoạt cho các huyện, phải được giữ nguyên diện tích mặt nước, chất lượng nước, không để nguồn thải tập trung xả thải vào vùng cấp nước, nguồn thải phải được xử lý triệt để trước khi xả thải ra môi trường.

+ Hạn chế phát thải, cải thiện môi trường tại các khu vực có các hoạt động ảnh hưởng lớn đến chất lượng môi trường đất, nước, không khí xung quanh bao gồm các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, làng nghề,...

+ Các KCN, CCN, làng nghề, cơ sở sản xuất công nghiệp,... được khoanh vùng cần xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, chất thải rắn đáp ứng quy định.

+ Kiểm soát, nghiêm cấm các hoạt động xả thải các chất thải không qua xử lý vào môi trường tại các khu dân cư tập trung. Thu gom, xử lý triệt để chất thải trên địa bàn tại các đô thị.

\* Phân các khu vực quản lý và bảo vệ :

Ngoài ra, để tiện cho công tác quản lý, kiểm soát và bảo vệ môi trường; Căn cứ vào chức năng, vai trò và mức độ cần bảo vệ quản lý ; Đề xuất phân khu vực nghiên cứu quy hoạch thành 8 khu vực bảo vệ và quản lý môi trường chính, cụ thể như sau:

*Bảng 29: Phân khu vực quản lý, bảo vệ và kiểm soát môi trường*

TT	Khu vực	Các quy định quản lý và bảo vệ môi trường	Cơ quan giám sát, thực hiện
1	Khu vực bảo vệ nguồn nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quản lý và bảo vệ môi trường nước mặt hệ thống Cầu, hệ thống kênh tưới, các khu vực khai thác nước ngầm;</li> <li>+ Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, các hoạt động sinh hoạt, sản xuất, giao thông thủy... Đặc biệt kiểm soát, bảo vệ môi trường nước mặt, nước ngầm;</li> <li>+ Các thủy vực như sông, ngòi, kênh, mương, ven các hồ cảnh quan đảm bảo vùng đệm xanh cách ly tối thiểu 20 m tới công trình xây dựng.</li> <li>+ Xây dựng vùng bảo vệ nguồn nước tại các khu vực khai thác nước mặt trong vùng;</li> </ul>	Các sở ngành liên quan như (Sở nông nghiệp, sở Tài nguyên và môi trường, Sở xây dựng, Sở giao thông) kết hợp với UBND các cấp và các phòng ban chuyên môn của huyện.
2	Khu vực phát triển nội thị.	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng hệ thống giám sát môi trường, giải quyết các vấn đề chất thải rắn, thoát nước, xử lý nước thải tập trung và chống ô nhiễm không khí khu vực nghiên cứu quy hoạch.</li> <li>+ Kiểm soát các hoạt động xây dựng, phát triển đô thị trên địa bàn;</li> </ul>	Sở TNMT; UBND cùng các Phòng ban chuyên môn huyện như: kinh tế hạ tầng, Tài nguyên & môi trường; ban QLDA; UBND và tổ chức liên quan tại các thị trấn
3	Khu vực phát triển dân cư nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm soát chất lượng môi trường nông thôn; Từng bước thu gom, xử lý nước thải tại các khu vực dân cư tập trung; nâng cao ý thức cộng đồng;</li> <li>+ Kiểm soát các hoạt động chăn nuôi hộ gia đình; Khuyến cáo người dân sử dụng các giải pháp thu gom, xử lý nước thải chất thải chăn nuôi đảm bảo tính kinh tế và vệ sinh môi trường.</li> </ul>	Sở TNMT; UBND cùng các Phòng ban chuyên môn huyện như: kinh tế hạ tầng, Tài nguyên & môi trường; UBND và các tổ chức liên quan tại các xã
4	Khu vực phát triển	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp “sạch”. Thực hiện nghiêm chỉnh</li> </ul>	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở công

TT	Khu vực	Các quy định quản lý và bảo vệ môi trường	Cơ quan giám sát, thực hiện
	công nghiệp, khai thác khoáng sản và VLXD	các quy định về bảo vệ môi trường ; + Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý ô nhiễm trong sản xuất công nghiệp; + Các khu, cụm công nghiệp, chế suất, khai thác, phải đặt ở vị trí không nằm trong khu dân cư và ở cuối hướng gió. Khoảng cách ly tối thiểu với khu vực dân cư là 500m. Diện tích cây xanh được bố trí dày trong từng cơ sở công nghiệp với diện tích lớn, tạo khoảng cách ly vệ sinh với khu dân cư.	thương; Sở Xây dựng; Kết hợp UBND cùng các Phòng ban chuyên môn huyện như: kinh tế hạ tầng, Tài nguyên & môi trường;
5	Khu vực phát triển dịch vụ - du lịch	+ Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động phát triển du lịch; + Gắn phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, công trình văn hóa, di tích, lịch sử... + Xây dựng các công trình thu gom, xử lý chất thải, nước thải; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước;	Sở TN&MT, Chi cục kiểm lâm, Sở VH&TT &DL kết hợp với các cơ quan chuyên môn huyện như: phòng TN&MT, phòng VH&TT &TT
6	Khu vực phát triển nông nghiệp	+ Kiểm soát chặt chẽ hoạt động buôn bán, sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, phân hóa học trên địa bàn; + Cải thiện canh tác nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; Khuyến cáo người dân sử dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng hóa chất trong canh tác;	Sở TN&MT, Sở NN &PTNT kết hợp với các cơ quan chuyên môn huyện như: phòng TN&MT, phòng NN&PTNT
7	Các công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống giao thông, công trình xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang...)	+ Chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới đường giao thông; Tăng cường giao thông công cộng; + Các công trình đầu môi, hạ tầng kỹ thuật cần được xây dựng, quy hoạch hợp lý, áp dụng công nghệ hiện đại; Các công trình được xây dựng đồng bộ hoàn chỉnh, đảm bảo hoạt động liên tục, hiệu quả; + Các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang cần lựa chọn vị trí xây dựng phù hợp, đảm bảo khoảng cách tới khu dân cư, nguồn nước, khu vực cảnh quan và khai thác du lịch;	Sở TN&MT, Sở Xây dựng, Sở Khoa học công nghệ kết hợp với cơ quan quản lý trực tiếp địa phương như: Phòng TN&MT, Kinh tế hạ tầng, UBND các cấp;

### **12.3.2 Đề xuất các giải pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường**

#### **a. Hỗ trợ xử lý các điểm gây ô nhiễm môi trường bức xúc trên địa bàn đô thị Hiệp Hòa**

- Hỗ trợ kinh phí chuyển đổi công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn, các công nghệ tiên tiến nhằm xử lý hết lượng chất thải phát sinh, giảm thiểu ô nhiễm

môi trường, lắp đặt các lò đốt rác công nghệ mới có hệ thống xử lý khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Phát huy hiệu quả, duy tu, bảo dưỡng các công trình nước sạch đã có và lên kế hoạch xây dựng chương trình cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chương trình sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng hoá chất trong canh tác, bảo quản, chế biến hàng nông sản, thủy sản và lương thực, thực phẩm.

- Chú trọng cải tạo những hồ ao, kênh, mương, bị ô nhiễm; thực hiện có hiệu quả đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông; cải thiện nâng cao chất lượng nước sông Cầu đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Nhân rộng các mô hình làng năng xuất xanh, áp dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trên đồng ruộng, triển khai hỗ trợ xây dựng hầm khí sinh học (Biogas) bếp tiết kiệm nhiên liệu, áp dụng các phương thức kỹ thuật canh tác tiên tiến, nhằm cải tạo chất lượng đất, ngăn chặn tình trạng thoái hoá đất đai, hỗ trợ hoạt động thu gom, xử lý rác thải nông nghiệp. Xử lý tốt các ổ dịch, khử trùng và vệ sinh các khu vực chôn lấp gia súc, gia cầm mắc dịch bệnh, hỗ trợ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

- Thực hiện tốt chương trình dân số, kế hoạch hoá gia đình, chương trình xoá đói, giảm nghèo, nhằm giảm áp lực của dân số đối với tài nguyên thiên nhiên và môi trường, thực hiện tốt các quy định về mai táng hợp vệ sinh, nhằm từng bước xoá bỏ dần các tập tục lạc hậu về ma chay, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người và môi trường.

#### *b/. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường*

- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, các ngành liên quan và UBND các xã, phường; các trường học tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản, Luật Đa dạng sinh học, các văn bản hướng dẫn thi hành; Các văn bản của địa phương về hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường... trên các phương tiện thông tin đại chúng từ huyện đến cơ sở. Chú trọng giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, yêu thiên nhiên, có nếp sống gần gũi, thân thiện với môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Thường xuyên kiểm tra phát hiện và công khai các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm tạo dư luận xã hội, lên án nghiêm khắc đối với những hành vi vi phạm đó.

- Quy hoạch khu xử lý rác thải, nghĩa trang nhân dân tập trung cho các thị trấn, thị tứ và khu dân cư tập trung, hướng tới 100% các làng, thôn, xóm, xã có điểm chôn lấp rác thải và có hợp tác xã hoặc có tổ, đội vệ sinh môi trường, có bãi thu gom, chôn lấp rác thải vệ sinh, có nghĩa trang nhân dân tập trung; bệnh

viện huyện, trạm y tế ở các xã, thị trấn phải có biện pháp thu gom và xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn môi trường.

- rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung về bảo vệ môi trường trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện; thẩm định chặt chẽ các hồ sơ kế hoạch BVMT, đề án BVMT đơn giản.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình quan trắc môi trường, cập nhật số liệu về hiện trạng môi trường huyện, từ đó đề ra biện pháp bảo vệ môi trường kịp thời, phù hợp với địa phương.

- Phát triển hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh đồng bộ; Đầu tư nhân lực, vật lực, nâng cao trình độ cán bộ chuyên môn trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường của cán bộ, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường; Tăng cường công tác dự báo khí tượng thủy văn, công trình phòng chống thiên tai, ứng cứu khẩn cấp, các chương trình, chiến lược ứng phó với tai biến thiên nhiên, biến đổi khí hậu...;

- Có sự liên kết chặt chẽ giữa cán bộ quản lý và nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường; Đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng trong mọi hoạt động phát triển, quản lý và vận hành của địa phương.

*c/. Xây dựng chương trình quan trắc, giám sát môi trường:*

- Để đảm bảo hiệu quả cho việc theo dõi các diễn biến môi trường, đưa ra các nhận định chính xác, kịp thời phát hiện các vấn đề ô nhiễm nảy sinh, công tác giám sát môi trường cần thực hiện thật tốt. Một trong những công cụ hiệu quả, chính xác phục vụ cho việc giám sát môi trường là công tác quan trắc môi trường.

- Hiện nay, công tác quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh được Trung tâm quan trắc Môi trường thuộc Sở Tài Nguyên Môi trường Tỉnh Bắc Giang thực hiện và có báo cáo hàng năm. Tuy nhiên các yếu tố về tài chính và nhân lực nên số điểm quan trắc còn hạn chế; Trong tương lai cần đầu tư hơn nữa cơ sở vật chất, kinh phí và nhân lực để thu được hiệu quả cao hơn, thực hiện được công tác giám sát hiệu quả, chặt chẽ hơn.

- Các thành phần, thông số môi trường chính cần thực hiện quan trắc và giám sát bao gồm:

*Bảng 30: Chương trình quan trắc, giám sát môi trường*

Môi trường	Vị trí	Thông số	Tần xuất (lần/năm)
Nước mặt	- Trên hệ thống các sông, ngòi, kênh mương, ao hồ trên địa bàn	Nhiệt độ, pH, BOD <sub>5</sub> , COD, DO, Kim loại nặng (Fe, Pb, Cu, Zn, Cd, Hg, As), Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni, Nitrat, Nitrit, Phosphat, Clorua (Cl <sup>-</sup> ), Tổng Dầu mỡ,	2-4

Môi trường	Vị trí	Thông số	Tần suất (lần/năm)
		Coliform.	
Nước ngầm	Tập trung tại ở các khu dân cư gần bãi chôn lấp rác thải, giáp nguồn thải bệnh viện, xung quanh KCN, CCN, làng nghề, nhà máy,...	Nhiệt độ, pH, Độ cứng tổng số, Cl <sup>-</sup> , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> , CN <sup>-</sup> , Fe, Cu, Zn, Cd, Mn, As, Pb, Hg, Coliform.	2-4
Không khí	Tập trung gần các KCN, CCN, Công ty, nhà máy, làng nghề, các khu đô thị, tại các tuyến đường và nút giao thông chính, bãi chôn lấp rác thải,...	TSP, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> , CO, VOC, tiếng ồn, Cường độ xe;	2-4
Đất	Tập trung tại các khu vực phát triển khu dân cư, khu canh tác nông nghiệp, gần bãi chôn lấp rác thải, xử lý nước thải, giáp nguồn thải bệnh viện, xung quanh KCN, CCN, làng nghề, nhà máy, khu vực khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng...	Pb, Cd, As, Cu, Zn, Cr, dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Lindane, Aldrin, Dieldrin, DDT, Endrin,...), dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật nhóm Pyrethroid (Cypermethrin, Fenvalerate,...).	2-4

- Tần suất quan trắc có thể tăng khi có các vấn đề sự cố môi trường; Ngoài ra, nên xem xét việc đặt thêm các trạm quan trắc tự động tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao, các khu vực nhạy cảm, cần quản lý và bảo vệ chặt chẽ.

#### 12.4. Đề xuất, kiến nghị bảo vệ môi trường

Trong nội dung Quy hoạch chung đô thị huyện Hiệp Hòa, các giải pháp định hướng đưa ra đều có tính đến việc giảm thiểu tối đa các tác động môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, quá trình phát triển trong nhiều giai đoạn không thể tránh khỏi những mặt tiêu cực, ảnh hưởng đến môi trường, do nhiều nguyên nhân khác nhau; Do đó, ngoài việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường đã được đề xuất trong đồ án, quá trình quản lý và thực hiện xây dựng ở các bước tiếp theo là hết sức quan trọng, cần tuân thủ và thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp đã đưa ra trong quy hoạch; thận trọng trong công tác lựa chọn đầu tư, phát triển các dự án trên địa bàn; Quan tâm đến công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động đầu tư và phát triển;

Ngoài ra, đối với mỗi dự án xây dựng cụ thể trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch, cần thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường theo quy định; cùng với đó là sự kết hợp hiệu quả, chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và cộng đồng dân cư trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường;

## **XIII. DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

### **13.1. Nguyên tắc xác định các quy hoạch, dự án ưu tiên đầu tư:**

+ Các quy hoạch phân khu phủ kín khu vực nội thị và quy hoạch chung xây dựng các xã làm cơ sở quản lý đầu tư xây dựng, nâng cấp các xã thành phường, đảm bảo mục tiêu đến năm 2030 xây dựng đô thị Hiệp Hòa trở thành thị xã loại IV.

+ Dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước (đầu tư công)

Ưu tiên lựa chọn dự án thuộc một số lĩnh vực chủ yếu sau:

- Dự án giao thông vận tải: Ưu tiên dự án kết nối vùng, các tuyến đường mở ra không gian phát triển mới cho đô thị, tuyến kết nối giao thông đối ngoại với vùng, các tỉnh có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện như Bắc Ninh, Hà Nội, Thái Nguyên. Đầu tư các tuyến đường giao thông mang tính kết nối, thúc đẩy phát triển các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng của huyện như phát triển công nghiệp, đô thị, vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, du lịch, vận tải logistic, ...

+ Dự án thủy lợi: Ưu tiên lựa chọn các dự án phục vụ tưới, tiêu vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, tiêu thoát nước cho các KCN, CCN tập trung, các khu vực chưa đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu.

+ Dự án phát triển điện lực: Ưu tiên dự án cấp điện phục vụ sản xuất, trọng tâm là các KCN, CCN mới, các khu vực đang thiếu điện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

+ Dự án cấp nước, thoát nước: Ưu tiên đầu tư các dự án cấp nước sinh hoạt, thu gom xử lý nước thải đối với các khu vực mà doanh nghiệp không tham gia đầu tư.

+ Dự án văn hóa, xã hội: Ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự chủ về đầu tư; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn...

\* Dự án thu hút đầu tư

- Công nghiệp: Định hướng thu hút phát triển công nghiệp chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu từ nay đến năm 2030. Sau năm 2030 tập trung chuyển mạnh sang chiều sâu theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng ít tài nguyên, năng lượng, thân thiện môi trường.

- Dịch vụ: Dựa trên lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng thế mạnh của đô thị công nghiệp để phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Tập trung vào các sản phẩm dịch vụ du lịch với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa- lịch sử - tâm linh và các dịch vụ đi kèm như khách sạn, nhà hàng, vui chơi, giải trí, thể thao; dịch vụ logistics, dịch vụ tài chính - ngân hàng và dịch vụ bưu chính viễn thông.

\* Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư

Các dự án đầu tư được xem xét chấp thuận khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn ; phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của huyện.

- Về quy mô vốn đầu tư: ưu tiên các dự án có suất đầu tư vốn lớn, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Về năng lực của nhà đầu tư: có năng lực tài chính, ưu tiên các nhà đầu tư có kinh nghiệm triển khai hiệu quả các dự án tương tự.

- Về lao động sử dụng: Ưu tiên thu hút đầu tư sử dụng lao động hiệu quả, sử dụng lao động là người địa phương và lao động qua đào tạo.

- Về hiệu quả kinh tế - xã hội: Các dự án được xem xét chấp thuận phải được đánh giá là có hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Về công nghệ, môi trường: Các dự án phải sử dụng công nghệ tiên tiến, ít tác động xấu tới môi trường.

**Danh mục các dự án xây dựng giai đoạn 2021-2024**

TT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
<b>I</b>	<b>HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>		
1.1	Xây mới tuyến đường trục chính đô thị Bắc Nam (đoạn nối từ thị trấn Thắng đến đường VĐ4)	2021-2024	Đang thi công, khối lượng đã thi công đạt khoảng 80%
1.2	Xây dựng đường nối ĐT295 với đê sông cầu, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa	2021-2023	Đang thi công, khối lượng đã thi công đạt khoảng 60%
1.3	Hoàn thiện tuyến đường Vành đai 1 thị trấn Thắng	2022-2024	Đang thực hiện đoạn nối từ kho K23 đến ĐT295 (xã Ngọc Sơn)
1.4	Xây dựng đường nối ĐT 296 với đường VĐ 4	2023-2025	Đang lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở
1.5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường và hệ thống thoát nước nội thị, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	2021-2023	Đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư
1.7	Đường vào khu di tích Đình Xuân Biều, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa	2024-2025	Khởi công tháng 5/2023
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực hạ tầng đô thị, chiếu sáng</b>		
2.1	Lát vỉa hè đường ĐT 295 (đoạn từ ngã 6 đến công ty may Vietpan), huyện Hiệp Hòa	2023-2025	Đang thực hiện đạt khoảng 60% khối lượng
<b>3</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi</b>		



3.1	Cứng hóa 20 km kênh mương ở các xã	2021-2025	Đang thực hiện khoảng 6 km thuộc các xã Hoàng Thanh, Hoàng Lương, Hoàng Vân, Đồng Tân, Danh Thắng, Thường Thắng, Mai Trung, Xuân Cẩm do Ban QLDA ĐTXD huyện làm chủ đầu tư
<b>II</b>	<b>HẠ TẦNG XÃ HỘI</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục</b>		
1.1	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường MN, TH, THCS thuộc các xã: Thanh Vân, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thanh, Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa	2022-2023	Đang thực hiện (12 Phòng THCS Thanh Vân, 04 Phòng TH Thanh Vân, 12 Phòng Quang Minh, trường THCS Mai Đình, MN Mai Trung, MN Hoàng Vân, TH Hoàng Thanh đã thi công xong, các hạng mục Trường MN Thanh Vân đang thi công hoàn thiện)
1.2	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: THCS Xuân Cẩm, TH Thái Sơn, MN Thanh Vân, MN Hoàng An (khu An Cập), MN Mai Trung; THCS Mai Đình, THCS Hương Lâm, MN Hoàng Lương	2022-2023	Dự án đã thi công Xây dựng phòng học thuộc các xã TKII: Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa đạt khoảng 80% khối lượng
1.3	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: TH Mai Trung số 2 (khu Nghè), TH Xuân Cẩm (khu Cẩm Trang), TH Hợp Thịnh số 1, TH & THCS Mai Đình, THCS Hoàng An, TH&THCS Đại Thành, TH Thanh Vân, TH Hùng Sơn, TH Hương Lâm (khu Nga Trại), TH Hoàng Lương, TH&THCS Đồng Tân	2022-2023	Dự án đã thi công Xây dựng phòng học thuộc các xã TKII: Thái Sơn, Hoàng Vân, Hương Lâm, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa đạt khoảng 80%
1.4	Trường tiểu học Thường Thắng: Hạng mục: 16 phòng học	2024-2025	Đang triển khai 3 tầng 12 phòng. Đạt 60% khối lượng
1.5	Trường mầm non Thường Thắng: Hạng mục: 8 phòng học	2023-2024	Đã thực hiện cơ bản hoàn thành
1.6	Xây mới trường THCS Lương Phong	2022-2023	Đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư
1.7	Trường tiểu học Đoàn Bái : Hạng mục: 8 phòng học (khu An Hòa)	2024-2025	Đang thực hiện 8 phòng đạt 70% khối lượng
1.8	Mở rộng trường mầm non xã Mai Đình	2021-2023	Đang GPMB
1.9	THCS Mai Đình	2022-2024	Đã hoàn thành xây dựng hạng mục 8 phòng học và 12 phòng chức năng
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực văn hóa - Thể thao</b>		
2.1	Trung tâm Hội nghị Huyện	2021-2023	Đang lập thiết kế bản vẽ thi

			công
2.2	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Vân, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	2021-2023	Hạng mục Đình xuân biều, nhà trưng bày, và THCS Hùng Sơn đã xong; đang thi công Đền Y Sơn ước đạt 60%
<b>3</b>	<b>Trụ sở làm việc cơ quan</b>		
3.1	Xây dựng trụ sở công an các xã, thị trấn	2021-2025	Đã hoàn thành trụ sở công an xã Mai Trung, Đông Lỗ, Hợp Thịnh, đang thi công trụ sở công an xã Ngọc Sơn đạt khoảng 20%, trụ sở công an xã Châu Minh. Đạt khoảng 40%
3.2	Xây dựng Khu vực phòng thủ huyện	2022-2025	Đã xây dựng hoàn thành tường rào, nhà công vụ, cổng bột gác
<b>III</b>	<b>KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ MỚI</b>		
1.1	Khu dân cư Đồng Muộn, xã Châu Minh	2021-2022	Đang GPMB
1.2	Khu dân cư và hồ điều hòa giáp khu dân cư Đức Thắng	2021-2023	Đang thi công đạt khoảng 70%
1.3	Khu cơ quan và dân cư hồ Thống Nhất, thị trấn Thắng	2021-2025	Đang GPMB
1.4	Khu dân cư Nội Con, xã Hương Lâm	2021-2023	Đang GPMB
1.5	Khu dân cư Đông Lâm, xã Hương Lâm	2021-2023	Đang GPMB
1.6	Khu dân cư Đông Trước xã Mai Đình (GD1)	2021-2023	Đang GPMB
1.7	Khu dân cư Bắc Lý - Hương Lâm (GD1)	2022-2024	Đang lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở
1.8	Khu dân cư Đức Thịnh, thị trấn Thắng	2022-2024	Đang trình thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở
1.9	Khu dân cư mới xã Bắc Lý	2021-2023	Đang GPMB
1.10	Khu đô thị thôn Chớp, xã Lương Phong	2021-2023	Đã lựa chọn xong nhà đầu tư; đang chuẩn bị GPMB
1.11	Khu dân cư Thường Thắng	2021-2023	Đã lựa chọn xong nhà đầu tư; đang chuẩn bị GPMB
1.12	Khu đô thị số 4 thị trấn Thắng	2022-2024	Đang trình thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở

**Bảng danh mục các quy hoạch, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2025-2030**

TT	Tên công trình/ dự án	Giai đoạn 2025 - 2030	Nguồn vốn
<b>I</b>	<b>QUY HOẠCH XÂY DỰNG</b>		
	<i>Quy hoạch phân khu đô thị Khu vực nội thị</i>		

1	Lập QHPK Phân khu 1	2025	NS
2	Lập QHPK Tiểu phân khu: II-1 (phường Hùng Thái), II-2 (Thường Thắng), II-3 (phường Danh Thắng), II-4 (phường Lương Phong), II-5 (phường Đoàn Bái), II-6 (phường Mai Trung), II-7 (Phường Bắc Lý)	2025	NS
3	Lập QHPK Tiểu phân khu III-1 (phường Xuân Cẩm), III-2 (phường Hương Lâm), III-3 (phường Châu Minh), III-4 (phường Mai Đình), III-5 (phường Đông Lỗ)	2025	NS
	<b>Quy hoạch chung xây dựng các xã Khu vực ngoại thị</b>		
4	Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Đồng Tiến	2025 - 2026	NS
5	Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Toàn Thắng	2025 - 2026	NS
6	Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Ngọc Sơn	2025 - 2026	NS
4	Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Vân	2025 - 2026	NS
5	Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Thịnh	2025 - 2026	NS
6	Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Thịnh	2025 - 2026	NS
7	Xây dựng trung tâm hành chính mới các xã: Hoàng Vân, Ngọc Sơn, Hùng Thái, Thường thắng, Xuân Cẩm, Hương Lâm, Đoàn Bái, Toàn Thắng, Mai Đình.	2026 - 2027	NS
<b>II</b>	<b>SÁP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH</b>		
8	Lập đề án nâng cấp xã thành phường: Xã Hùng Sơn, Thái Sơn (sáp nhập lấy tên là Phường Hùng Thái), Thường Thắng, Danh Thắng, Lương Phong, Đoàn Bái, Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình;	2025 - 2026	NS
9	Lập đề án sáp nhập xã ngoại thị là: Đồng Tân, Thanh Vân (dự kiến sáp nhập lấy tên là Đồng Tiến), Hoàng An, Hoàng Vân (dự kiến sáp nhập lấy tên là Hoàng Vân), Hoàng Thanh, Hoàng Lương (dự kiến sáp nhập lấy tên là Toàn Thắng), Hoà Sơn, Quang Minh, Đại Thành (dự kiến sáp nhập lấy tên là Sơn Thịnh)	2025 - 2026	NS
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP</b>		
10	- KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm (224,02ha). - KCN Châu Minh - Bắc Lý- Hương Lâm (210,96ha). - KCN Hòa Yên (256,68 ha). - KCN Hòa Phú ( Giai đoạn 1 và 2) (514,45ha) - Các CCN: Đoàn Bái, Việt Nhật, Jutech, Đoàn Bái- Lương Phong 1, Đoàn Bái – Lương Phong 2; Thanh Vân, Hợp Thịnh, Hà Thịnh, Danh Thắng – Đoàn Bái, Hòa Sơn- Quang Minh; Đông Lỗ, Đông Lỗ 2, Thanh Vân – Hoàng An, Mai Trung (Tổng diện tích khoảng 899,31ha)	2021-2030	Doanh nghiệp

<b>IV</b>	<b>DỰ ÁN HẠ TẦNG XÃ HỘI</b>		
	<b><i>Công trình văn hóa thể thao</i></b>		
11	Xây dựng hoàn chỉnh khu trung tâm văn hóa - TDTT cấp đô thị tại khu vực phía Đông Nam phường Thắng (khoảng 6.5 ha).	2025-2026	NS
12	Nâng cấp các trung tâm văn hóa sân thể thao tại các phường xã.	2025-2026	NS
	<b><i>Công trình Dịch vụ - thương mại, hỗn hợp, văn phòng</i></b>		
13	Xây dựng một phần các cụm TMDV hỗn hợp tại khu trung tâm P. Thắng, P. Bắc Lý, P. Hùng Thái, cụm hỗn hợp TMDV dọc QL 37, cụm dọc ĐT 398 và cụm TMDV Mai Đình	2025-2030	Xã hội hóa ( XHH)
	<b><i>Công trình y tế</i></b>		
14	Xây dựng trung tâm y tế, tại phường Hùng Thái, phường Bắc Lý, xã Đồng Tiến; trung tâm dưỡng lão tại xã Sơn Thịnh	2025-2030	XHH
	<b><i>Trường THPT</i></b>		
15	Xây dựng 2 trường THPT Đoàn Bái, Hương Lâm (quy mô khoảng 2-3 ha/1 trường)		NS
	<b><i>Khu du lịch:</i></b>		XHH
16	Xây dựng khu du lịch văn hóa tâm linh núi Y sơn	2025-2030	NS + XHH
17	Xây dựng khu du lịch sinh thái văn hóa nơi Bác Hồ về thăm	2025-2030	NS + XHH
<b>IX</b>	<b>DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>		
	<b><i>Giao thông</i></b>		
18	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 295 (quy mô cấp III, chiều dài 70,5km)	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
19	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 297 (quy mô cấp III, chiều dài 8km)	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
20	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 296 (quy mô cấp III, chiều dài 9,5km).	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
21	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 288 (quy mô cấp III, chiều dài 8km)	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
22	Xây mới tuyến đường huyện QH35 (đường VĐ1) đoạn từ QL37 đi Tân Yên quy mô đường liên khu vực, chiều dài 6,5km)	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác

23	Xây mới tuyến đường huyện QH38 (đường VĐ2) quy mô đường liên khu vực, chiều dài 18km).	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
24	Xây mới tuyến đường huyện QH36 (quy mô đường chính khu vực, chiều dài 16,5km).	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
25	Xây mới tuyến đường huyện QH39 (quy mô đường chính khu vực, chiều dài 6,6km)	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
26	Xây dựng 02 bãi đỗ xe (5,4ha)	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
	<b><i>San nền- thoát nước mưa</i></b>		
27	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê cấp III tả sông Cầu.	2025-2030	NS
28	Nâng cấp trạm bơm Cẩm Bào, Ngõ Khổng 2	2025-2030	NS
29	Xây dựng trạm bơm Yên Ninh	2025-2030	NS
	<b><i>Cấp nước</i></b>		
30	Nâng công suất nhà máy nước Thái Sơn từ 9.500 m <sup>3</sup> /ngđ lên 23.500 m <sup>3</sup> /ngđ; Nguồn nước sông Cầu;	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
31	Nâng công suất nhà máy nước Đại Thành - Hợp Thịnh từ 2.000 m <sup>3</sup> /ngđ lên 4.000 m <sup>3</sup> /ngđ; Nguồn nước sông Cầu;	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
32	Nâng công suất nhà máy nước Quang Minh từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngđ lên 2.500 m <sup>3</sup> /ngđ; Nguồn nước bổ sung hoặc thay thế bằng nguồn nước sông Cầu.	2025-2030	NS + Các nguồn vốn khác
	<b><i>Cấp điện</i></b>		
33	Xây dựng mới Trạm biếp áp 220kV Hiệp Hòa 2: Công suất 1x250MVA	2025-2030	DN + Các nguồn vốn khác
34	Nâng công suất trạm 110kV Sông Cầu từ 40+63MVA lên 3x63MVA	2025-2030	DN + Các nguồn vốn khác
35	Nâng công suất trạm 110kV Hợp Thịnh từ 63MVA lên 2x63MVA	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
36	Xây dựng mới Trạm biến áp 110kV Hòa Phú, công suất 2x63MVA	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
37	Xây dựng mới Trạm 110kV Hiệp Hòa 2 (Nối cấp trong trạm 220kV Hiệp Hòa 2): Công suất 1x63MVA.	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
38	Xây dựng mới Trạm 110kV Châu Bắc Hương, công suất 2x63MVA.	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
39	Xây dựng mới Trạm 110kV Xuân Hương, công suất	2025-2030	DN+ Các nguồn

	2x63MVA.		vốn khác
40	Xây dựng mới Trạm 110kV Thanh Vân, công suất 2x63MVA	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
41	Xây dựng mới Trạm 110kV Hòa Phú 2, công suất 1x63MVA.	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
42	Xây dựng mới Trạm 110kV Đoàn Phong, công suất 1x63MVA	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
43	Xây dựng mới đường dây 220kV 04 mạch rẽ trạm 220kV Hiệp Hòa 2, đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Hiệp Hoà - Phú Bình 2.	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
44	Xây dựng mới các tuyến đường dây 110kV mạch kép đầu nối tới các trạm xây mới	2025-2030	DN+ Các nguồn vốn khác
	<b><i>Thoát nước thải, Xử lý chất thải rắn, Nghĩa trang</i></b>		
45	Xây dựng mạng lưới công thoát nước thải và các bể xử lý nước thải cho khu vực thị trấn Thắng các xã Hùng Sơn, Thường Thắng, Đức Thắng, Danh Thắng.		DN+ Các nguồn vốn khác
46	Xây dựng 3 trạm trung chuyển rác quy mô 0,5ha		DN+ Các nguồn vốn khác
47	Xây dựng nhà tang lễ quy mô 1,2 ha tại xã Ngọc Sơn.		DN+ Các nguồn vốn khác

### 13.2. Nguồn lực thực hiện:

\* Nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội trên địa bàn

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và có các biện pháp nuôi dưỡng nguồn thu, tăng thu ngân sách cho đầu tư phát triển.

Ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công có hiệu quả.

Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp

\* Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát

triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các dự án PPP phải được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng; công tác chuẩn bị hồ sơ và công việc sơ bộ cần được ưu tiên và tập trung thực hiện trước khi bắt đầu các cuộc thảo luận PPP với các nhà đầu tư tiềm năng. Đặc biệt, huy động nguồn vốn theo các phương thức BTO (Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh), BOT (Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao) đối với các công trình du lịch, công trình văn hóa, thể dục thể thao.

Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao khoa học công nghệ... Thành lập các quỹ như quỹ tín dụng nhân dân ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện, quỹ bảo hiểm sản xuất... Thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại để huy động vốn đầu tư tại chỗ để đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của huyện. Phát triển các hình thức huy động vốn đóng góp bằng các hình thức như cổ phần, cổ phiếu.

## **XIV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **14.1. Kết luận**

Đồ án quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, được thực hiện trong bối cảnh các Quy hoạch ngành của quốc gia, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt và đang từng bước triển khai thực hiện, đây là điều kiện khá thuận lợi, cho sự phát triển của đô thị Hiệp Hòa trong thời gian tới cũng như mục tiêu xây dựng Đô thị Hiệp Hòa trở thành một thành phố loại III vào năm 2045, là trung tâm kinh tế, văn hóa, động lực phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Tây tỉnh Bắc Giang, một trong những Trung tâm phát triển công nghiệp mới của Vùng Thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Giang, trung tâm logistic của tỉnh, vùng phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, công nghệ cao và dịch vụ thương mại, du lịch.

Đồ án đã nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển của huyện Hiệp Hòa, xác định các vấn đề cần giải quyết theo nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đưa các dự báo phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như các chủ trương chính sách, quy định tiêu chuẩn cho đô thị loại III, từ đó đưa ra các định hướng phát triển không gian đô thị phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng và định hướng phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, hướng đến là thành phố công nghiệp-dịch vụ-thương mại- du lịch hấp dẫn, năng động.

Khu vực nội thị Đô thị Hiệp Hòa được phân thành 3 phân khu để đưa ra định hướng phát triển và quản lý, cụ thể khu vực đô thị trung tâm hiện hữu tập trung cải tạo chỉnh trang và nâng cấp; các khu đô thị mới được định hướng phát triển đồng bộ theo mô hình xanh - thông minh gắn với các trung tâm mới, khu vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ du lịch...; các khu dân cư nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và du lịch văn hóa- lịch sử, du lịch sinh thái nông nghiệp gắn với du lịch công đồng. Các khu chức năng được liên kết chặt chẽ với nhau bằng hệ thống giao thông đường bộ thông qua các tuyến đường vành đai và các trục hướng tâm kết nối liên thông, hiện đại, tạo sự phát triển bền vững. Dự báo và tính toán đầy đủ quỹ đất cho nhu cầu phát triển của hệ thống trung tâm chuyên ngành; Quy hoạch trục không gian chính, điểm nhân,

công viên, hành lang cây xanh và không gian mở, quảng trường trung tâm cấp đô thị hướng đến một thành phố đô thị loại III trong tương lai.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như: Giao thông, thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, vv... được nghiên cứu, đề xuất phù hợp với tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật của một đô thị loại III, đủ đáp ứng nhu cầu phát triển cho tương lai. Hệ thống hạ tầng này phù hợp với mô hình, cấu trúc phát triển của đô thị, phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang và các Quy hoạch chuyên ngành, chiến lược có liên quan khác của tỉnh.

Với những định hướng mang tính chiến lược trong quy hoạch lần này, đô thị Hiệp Hòa sẽ trở thành động lực, có sức ảnh hưởng mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của vùng phía Tây của tỉnh Bắc Giang, thực hiện được mục tiêu tạo bước đột phá đưa nền kinh tế của huyện phát triển bền vững; Mang đặc trưng nổi bật về sự gắn kết hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, có hình ảnh đặc trưng hấp dẫn gắn với thương hiệu xanh - sinh thái - bản sắc - bảo tồn môi trường cảnh quan”;

## **14.2. Kiến nghị**

Theo quyết định Số: 979/QĐ-TTg , ngày 22 tháng 8 năm 2023 Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trong đó không có cảng ICD Đông Lỗ - Tiên Sơn, tuy nhiên khu vực rất có tiềm năng và lợi thế để xây dựng tại đây 01 cảng cạn nhằm phục vụ cho cả vùng, vì vậy kiến nghị giai đoạn sau năm 2030 Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng tại đây cảng ICD

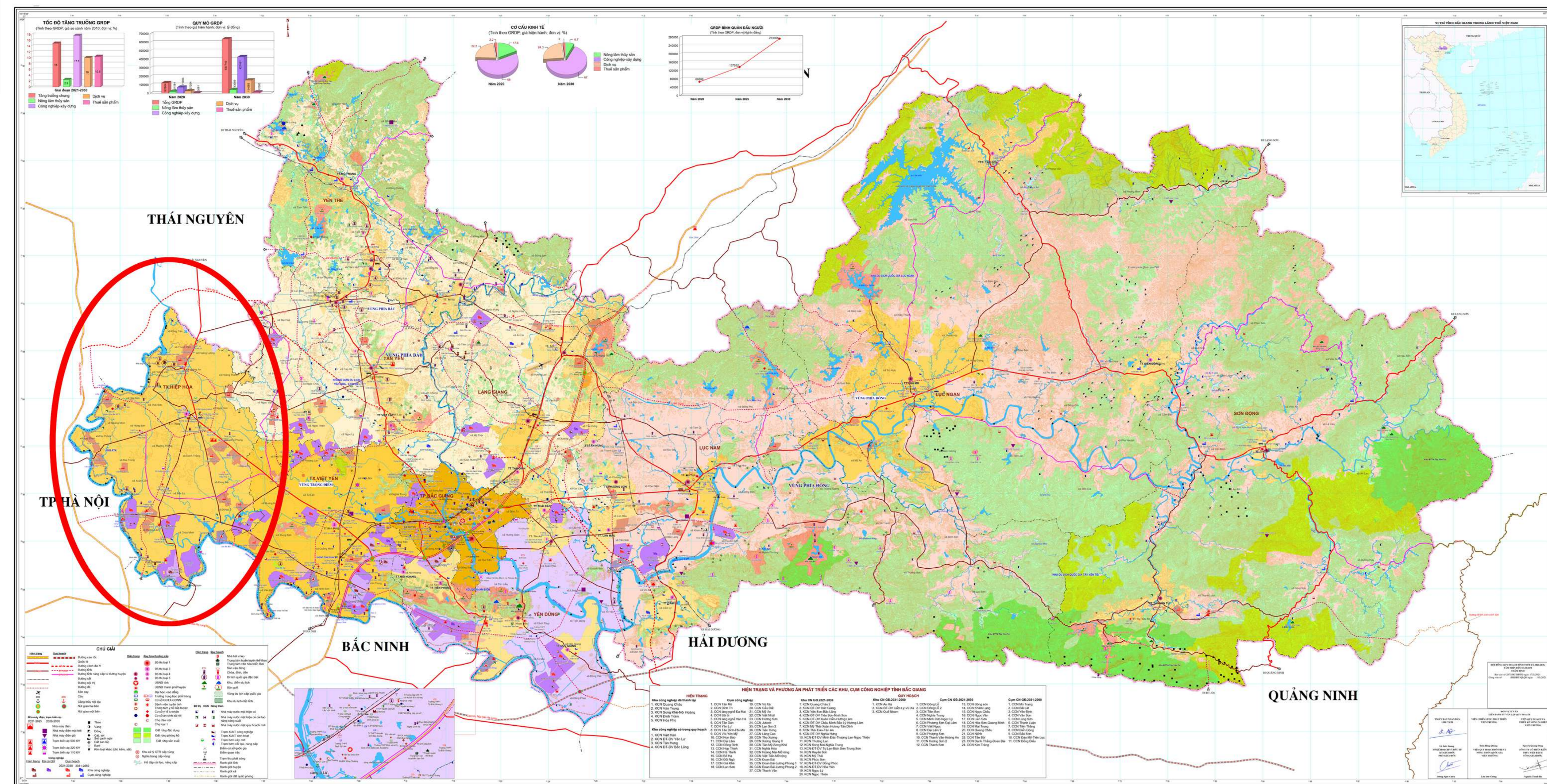
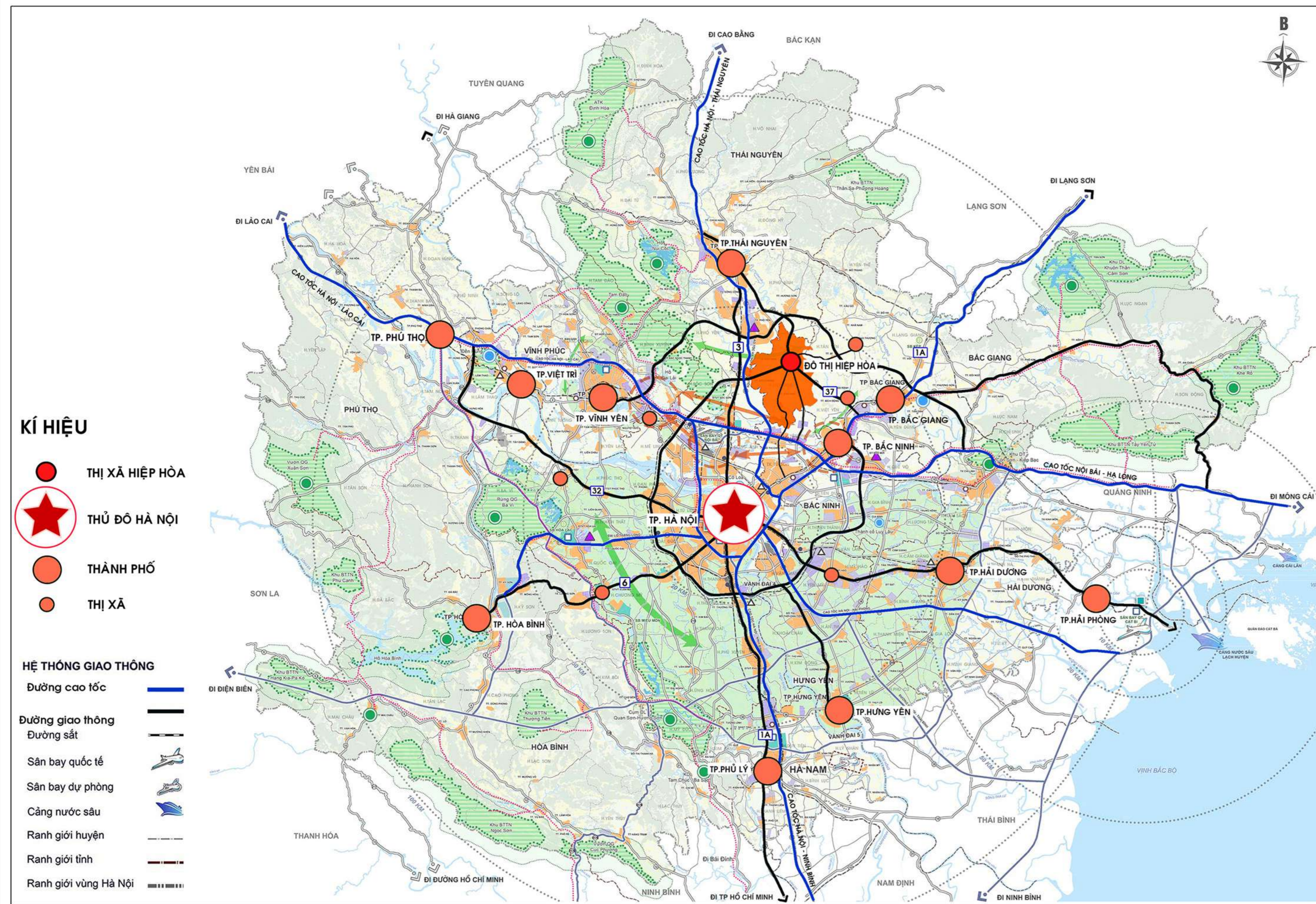
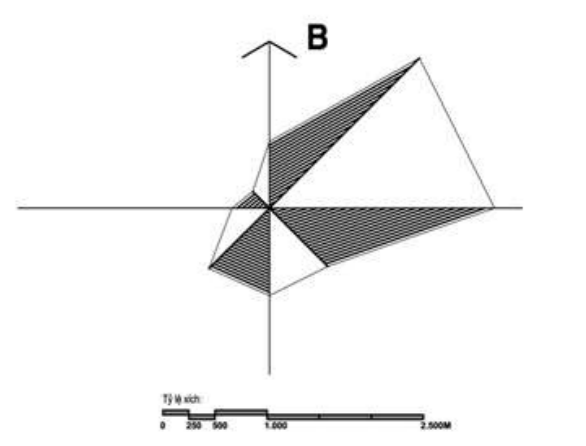
Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang đến năm 2045 để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.



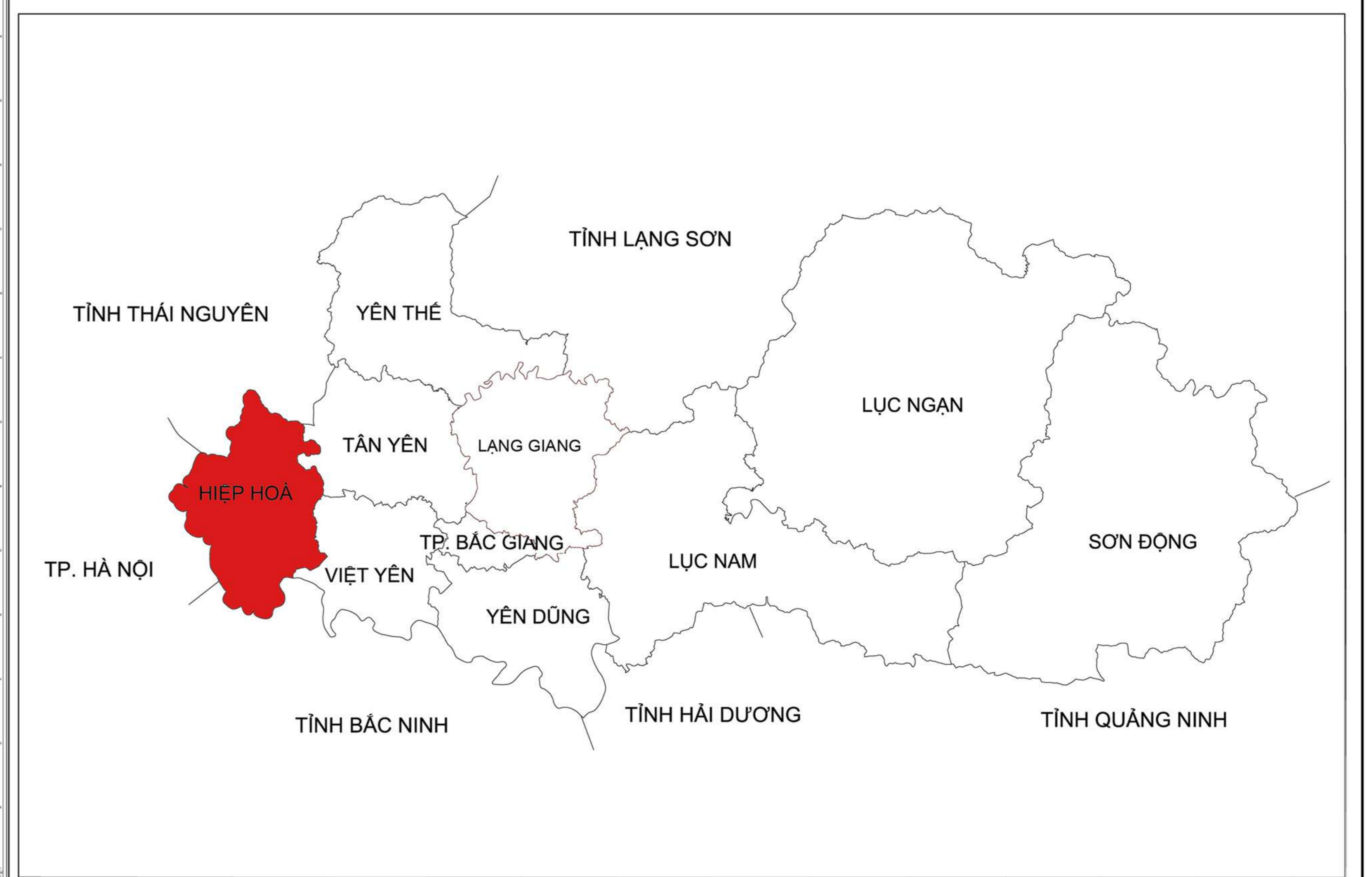
# HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG

## QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2045

### SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ LIÊN HỆ VÙNG



MỐI LIÊN HỆ TRONG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH BẮC GIANG

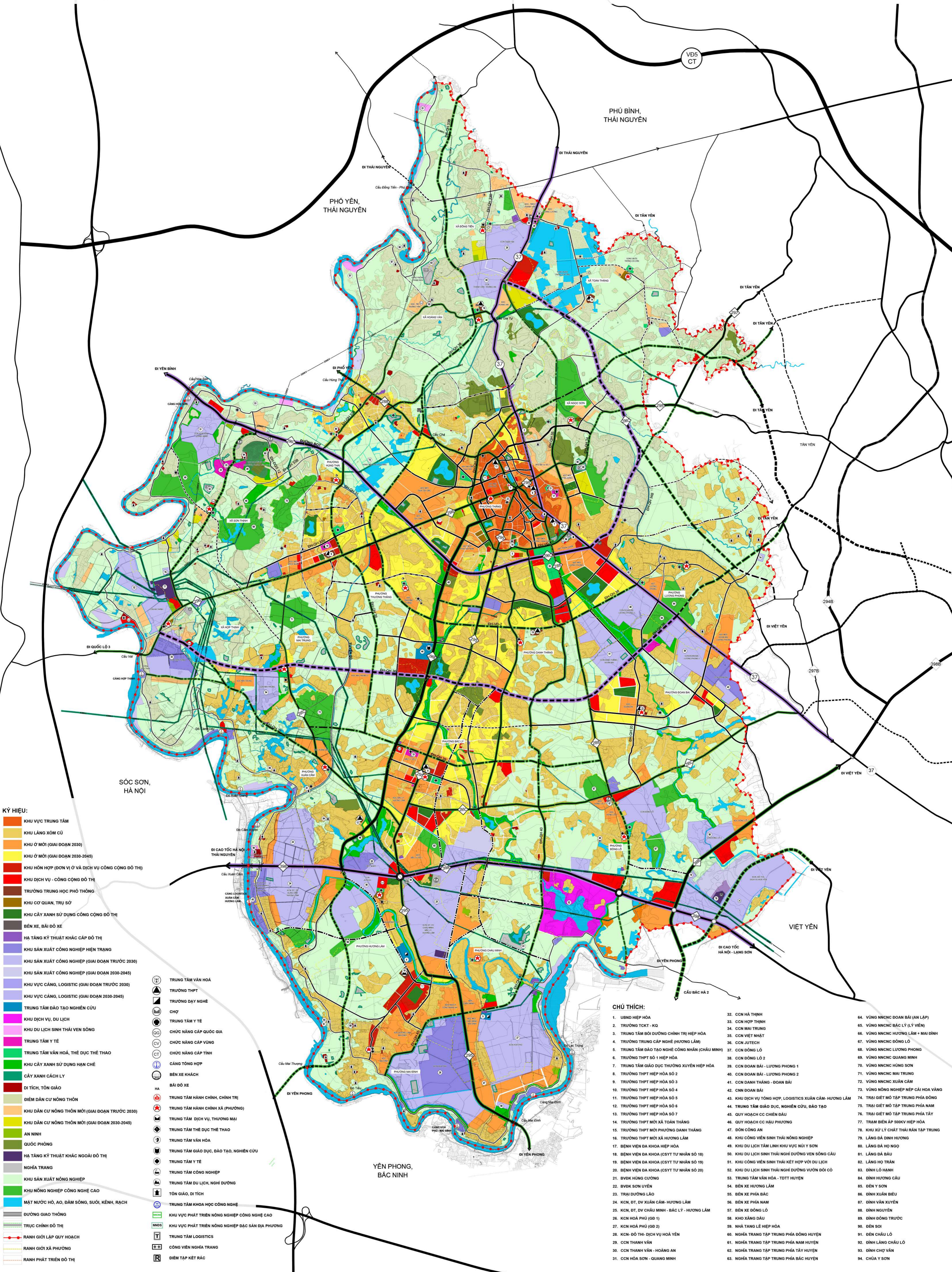
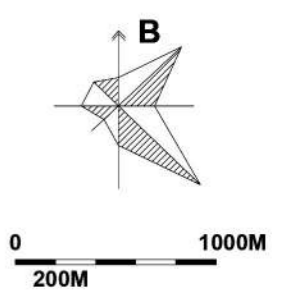


SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐÔ THỊ HIỆP HÒA TRONG TỈNH BẮC GIANG

# HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG

## QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2045

### SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐẾN NĂM 2045



- KÝ HIỆU:**
- KHU VỰC TRUNG TÂM
  - KHU LĂNG XÓM CŨ
  - KHU Ở MỚI (GIAI ĐOẠN 2030)
  - KHU Ở MỚI (GIAI ĐOẠN 2030-2045)
  - KHU HỖN HỢP (ĐƠN VỊ Ở VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG ĐÓ THỊ)
  - KHU DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐÓ THỊ
  - TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
  - KHU CƠ QUAN, TRỤ SỞ
  - KHU CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐÓ THỊ
  - BẾN XE, BÃI ĐÓ XE
  - HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC CẤP ĐÓ THỊ
  - KHU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP HIỆN TRẠNG
  - KHU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (GIAI ĐOẠN TRƯỚC 2030)
  - KHU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (GIAI ĐOẠN 2030-2045)
  - KHU VỰC CẢNG, LOGISTIC (GIAI ĐOẠN TRƯỚC 2030)
  - KHU VỰC CẢNG, LOGISTIC (GIAI ĐOẠN 2030-2045)
  - TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU
  - KHU DỊCH VỤ, DU LỊCH
  - KHU DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN SÔNG
  - TRUNG TÂM Y TẾ
  - TRUNG TÂM VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO
  - KHU CÂY XANH SỬ DỤNG MẠN CHẾ
  - CÂY XANH CÁCH LY
  - DI TÍCH, TÔN GIÁO
  - ĐIỂM DẪN CƯ NÔNG THÔN
  - KHU DẪN CƯ NÔNG THÔN MỚI (GIAI ĐOẠN TRƯỚC 2030)
  - KHU DẪN CƯ NÔNG THÔN MỚI (GIAI ĐOẠN 2030-2045)
  - AN NINH
  - QUỐC PHÒNG
  - HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC NGOÀI ĐÓ THỊ
  - NGHĨA TRANG
  - KHU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
  - KHU NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
  - MẶT NƯỚC HỒ, AO, ĐÀM SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH
  - DƯỜNG GIAO THÔNG
  - TRỤC CHÍNH ĐÓ THỊ
  - RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
  - RANH GIỚI XÃ PHƯỜNG
  - RANH PHÁT TRIỂN ĐÓ THỊ

- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TRƯỜNG THPT
- TRƯỜNG DẠY NGHỀ
- CHỢ
- TRUNG TÂM Y TẾ
- CHỨC NĂNG CẤP QUỐC GIA
- CHỨC NĂNG CẤP VÙNG
- CHỨC NĂNG CẤP TỈNH
- CẢNG TỔNG HỢP
- BẾN XE KHÁCH
- BÃI ĐÓ XE
- HA
- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH, CHÍNH TRỊ
- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH XÃ (PHƯỜNG)
- TRUNG TÂM DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI
- TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TRUNG TÂM GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
- TRUNG TÂM Y TẾ
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- TRUNG TÂM DU LỊCH, NGHỈ DƯỠNG
- TÔN GIÁO, DI TÍCH
- TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
- KHU VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
- KHU VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐẶC SẢN ĐỊA PHƯƠNG
- TRUNG TÂM LOGISTICS
- CÔNG VIÊN NGHĨA TRANG
- ĐIỂM TẬP KẾT RÁC

- CHỮ THÍCH:**
- UBND HIỆP HÒA
  - TRƯỜNG TCKT - KQ
  - TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HIỆP HÒA
  - TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ (HƯƠNG LÂM)
  - TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NHÂN (CHÂU MINH)
  - TRƯỜNG THPT SỐ 1 HIỆP HÒA
  - TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HIỆP HÒA
  - TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 2
  - TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 3
  - TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 4
  - TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 5
  - TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 6
  - TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 7
  - TRƯỜNG THPT MỚI XÃ TOÀN THẮNG
  - TRƯỜNG THPT MỚI PHƯỜNG DANH THẮNG
  - TRƯỜNG THPT MỚI XÃ HƯƠNG LÂM
  - BỆNH VIỆN ĐA KHOA HIỆP HÒA
  - BỆNH VIỆN ĐA KHOA (CSYT TỰ NHÂN SỐ 18)
  - BỆNH VIỆN ĐA KHOA (CSYT TỰ NHÂN SỐ 19)
  - BỆNH VIỆN ĐA KHOA (CSYT TỰ NHÂN SỐ 20)
  - BVTK HÙNG CƯỜNG
  - TRẠI DƯỠNG LÃO
  - KCN, DT, DV XUÂN CẨM - HƯƠNG LÂM
  - KCN, DT, DV CHÂU MINH - BẮC LÝ - HƯƠNG LÂM
  - KCN HOÀ PHÚ (GD 1)
  - KCN HOÀ PHÚ (GD 2)
  - KCN ĐÓ THỊ DỊCH VỤ HOÀ YÊN
  - CCN THANH VÂN
  - CCN THANH VĂN - HOÀNG AN
  - CCN HOÀ SƠN - QUANG MINH
  - CCN HÀ THINH
  - CCN HỢP THINH
  - CCN MẠI TRUNG
  - CCN VIỆT NHẬT
  - CCN JUTECH
  - CCN ĐÔNG LÒ
  - CCN ĐÔNG LÒ 2
  - CCN ĐOÀN BÀ - LƯƠNG PHONG 1
  - CCN ĐOÀN BÀ - LƯƠNG PHONG 2
  - CCN DANH THẮNG - ĐOÀN BÀ
  - CCN ĐOÀN BÀ
  - KHU DỊCH VỤ TỔNG HỢP, LOGISTICS XUÂN CẨM - HƯƠNG LÂM
  - TRUNG TÂM GIÁO DỤC, NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO
  - QUY HOẠCH CC CHIẾN ĐẤU
  - QUY HOẠCH CC HẬU PHƯƠNG
  - KHO CÔNG AN
  - KHU CÔNG VIÊN SINH THÁI NÔNG NGHIỆP
  - KHU DU LỊCH TÂM LINH KHU VỰC NÚI Y SƠN
  - KHU DU LỊCH SINH THÁI NGHỀ DƯỠNG VƯỜN SÔNG CẦU
  - KHU CÔNG VIÊN SINH THÁI KẾT HỢP VỚI DU LỊCH
  - KHU DU LỊCH SINH THÁI NGHỀ DƯỠNG VƯỜN ĐÓI CỎ
  - TRUNG TÂM VĂN HÓA - TDTT HUYỆN
  - BẾN XE HƯƠNG LÂM
  - BẾN XE PHÍA BẮC
  - BẾN XE PHÍA NAM
  - BẾN XE ĐÔNG LÒ
  - KHO XĂNG ĐẦU
  - NHÀ TẮM LỄ HIỆP HÒA
  - NGHĨA TRANG TẬP TRUNG PHÍA ĐÔNG HUYỆN
  - NGHĨA TRANG TẬP TRUNG PHÍA NAM HUYỆN
  - NGHĨA TRANG TẬP TRUNG PHÍA TÂY HUYỆN
  - VÙNG NN/CN ĐOÀN BÀ (AN LẬP)
  - VÙNG NN/CN BẮC LÝ (LÝ VIÊN)
  - VÙNG NN/CN HƯƠNG LÂM + MẠI DĨNH
  - VÙNG NN/CN ĐÔNG LÒ
  - VÙNG NN/CN LƯƠNG PHONG
  - VÙNG NN/CN QUANG MINH
  - VÙNG NN/CN HÙNG SƠN
  - VÙNG NN/CN XUÂN CẨM
  - VÙNG NÔNG NGHIỆP NẾP CẢI HOA VÀNG
  - TRẠI GIẾT MỒ TẬP TRUNG PHÍA ĐÔNG
  - TRẠI GIẾT MỒ TẬP TRUNG PHÍA TÂY
  - TRAM BIÊN ÁP 500KV HIỆP HÒA
  - KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RÁP TẬP TRUNG
  - LÀNG ĐÀ DINH HƯNG
  - LÀNG ĐÀ HO NGO
  - LÀNG ĐÀ BÀU
  - LÀNG HỒ TRẦN
  - DÌNH LÒ HẠNH
  - DÌNH HƯƠNG CẦU
  - DÌNH Y SƠN
  - DÌNH XUÂN BIỂU
  - DÌNH VĂN XUYÊN
  - DÌNH NGUYỄN
  - DÌNH ĐÔNG TRƯỚC
  - DÌNH SƠI
  - DÌNH CHÂU LÒ
  - DÌNH LĂNG CHÂU LÒ
  - DÌNH CHỢ VĂN
  - CHÙA Y SƠN

# PHỐI CẢNH TỔNG THỂ

